ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐÀ LẠT**

**GIÁO TRÌNH**

**MÔN HỌC/ MÔ ĐUN: KHAI BÁO HẢI QUAN**

**NGÀNH/ NGHỀ: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

**TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

**(LƯU HÀNH NỘI BỘ)**

**Lâm Đồng, năm……….**

***Lâm Đồng, năm 2018***

**TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN**

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

Giáo trình được lưu hành nội bộ Trường Cao đẳng Đà Lạt.

**LỜI GIỚI THIỆU**

**Vài nét về xuất xứ giáo trình:**

Giáo trình này được viết theo Kế hoạch số 06/KH-CĐNĐL ngày 5 tháng 1 năm 2019 của Trường Cao đẳng Đà Lạt về việc triển khai xây dựng chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp để làm tài liệu dạy nghề trình độ cao đẳng.

**Quá trình biên soạn:**

Trên cơ sở tham khảo các giáo trình, tài liệu về môn học Khai báo hải quan, kết hợp với thực tế nghề nghiệp của nghề Thương mại điện tử, giáo trình này được biên soạn có sự tham gia tích cực của các giáo viên có kinh nghiệm cùng với những ý kiến đóng góp quý báu của các chuyên gia về lĩnh vực Khai báo hải quan.

**Mối quan hệ của tài liệu với chương trình, mô đun/môn học:**

Căn cứ vào chương trình đào tạo nghề Thương mại điện tử cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Khai báo hải quan trong xu thế hội nhập toàn cầu, giúp người học có cái nhìn mới, hiểu Khai báo hải quan như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, xây dựng hệ thống Khai báo hải quan để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu.

Giáo trình được biên soạn trên cơ sở các văn bản quy định của Nhà nước và tham khảo nhiều tài liệu liên quan có giá trị. Song chắc hẳn quá trình biên soạn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Ban biên soạn mong muốn và thực sự cảm ơn những ý kiến nhận xét, đánh giá của các chuyên gia, các thầy cô đóng góp cho việc chỉnh sửa để giáo trình ngày một hoàn thiện hơn.

*Lâm Đồng, ngày……tháng……năm………*

**Chủ biên**

**MUC LỤC**

[LỜI GIỚI THIỆU 3](#_Toc35197939)

[Chương 1: Những vấn đề chung về hàng hóa xuất nhập khẩu, thuế và thủ tục hải quan 3](#_Toc35197940)

[1.1 Những văn bản pháp quy điều chỉnh hoạt động xuất nhập khẩu, thuế và hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu 3](#_Toc35197941)

[1.1.1 Điều kiện đối với chủ thể và hàng hóa xuất nhập khẩu 3](#_Toc35197942)

[1.1.2 Quy định về trình tự thực hiện xuất nhập khẩu 7](#_Toc35197943)

[1.2. Những khái niệm cơ bản và quy định chung trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu 14](#_Toc35197944)

[1.2.1. Thương nhân 14](#_Toc35197945)

[1.2.2. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại 15](#_Toc35197946)

[1.2.3. Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế 16](#_Toc35197947)

[1.2.4. Quyền kinh doanh xuất nhập khẩu 29](#_Toc35197948)

[1.2.5. Đối tượng phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan 29](#_Toc35197949)

[1.2.6. Người khai hải quan 31](#_Toc35197950)

[1.2.7. Chủ hàng chấp hành pháp luật về hải quan 32](#_Toc35197951)

[1.2.8. Đối tượng chịu thuế xuất nhập khẩu 34](#_Toc35197952)

[1.2.9. Đối tượng nộp thuế xuất nhập khẩu 35](#_Toc35197953)

[1.2.10. Căn cứ tính thuế xuất nhập khẩu 36](#_Toc35197954)

[1.2.11. Trị giá tính thuế xuất nhập khẩu 39](#_Toc35197955)

[1.2.12. Giá tính thuế VAT và tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu 39](#_Toc35197956)

[1.2.13. Tỷ giá tính thuế xuất nhập khẩu 40](#_Toc35197957)

[1.2.14. Thuế suất thuế xuất nhập khẩu 43](#_Toc35197958)

[1.2.15. Quy định về kê khai thuế, tính thuế và nộp thuế XNK, VAT và TTĐB 43](#_Toc35197959)

[1.2.16. Mã hàng hóa 46](#_Toc35197960)

[1.3. Những quy định chung về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan 47](#_Toc35197961)

[1.3.1. Quy định về khai báo hải quan hàng xuất nhập khẩu 47](#_Toc35197962)

[1.3.2. Nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan 48](#_Toc35197963)

[Chương 2: Thủ tục khai báo hải quan truyền thống 51](#_Toc35197964)

[2.1. Thủ tục khai báo hải quan đối với các loại hình xuất, nhập khẩu hàng hóa cơ bản. 51](#_Toc35197965)

[2.1.1. Tờ khai hàng hóa xuất nhập khẩu và hướng dẫn sử dụng 51](#_Toc35197966)

[2.1.2. Thủ tục khai báo hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại 69](#_Toc35197967)

[2.1.3 Thủ tục hải quan hàng xuất khẩu 74](#_Toc35197968)

[2.2 Thực hành 105](#_Toc35197969)

[Chương 3: Thủ tục khai báo hải quan điện tử 108](#_Toc35197970)

[3.1 Các quy định chung về khai báo hải quan điện tử 108](#_Toc35197971)

[3.2 Giới thiệu mẫu tờ khai hải quan điện tử và hướng dẫn sử dụng 109](#_Toc35197972)

[3.2.1 Thủ tục hải quan 109](#_Toc35197973)

[3.2.2 Tờ khai hải quan điện tử 109](#_Toc35197974)

[3.3. Thủ tục khai báo hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại 111](#_Toc35197975)

[3.3.1 Khái niệm và mục đích của thủ tục hải quan điện tử 111](#_Toc35197976)

[3.3.2. Hồ sơ hải quan điện tử 112](#_Toc35197977)

[3.3.3. Quy trình thủ tục hải quan điện tử 112](#_Toc35197978)

[3.3.4 Lợi ích của hải quan điện tử đối với doanh nghiệp (DN) 152](#_Toc35197979)

[3.3.5. Doanh nghiệp đăng ký tham gia Hải quan điện tử 153](#_Toc35197980)

[3.3.6. Thực trạng áp dụng thủ tục hải quan điện tử 154](#_Toc35197981)

[3.4. Giới thiệu tài liệu và hướng dẫn sử dụng phần mềm khai báo hải quan từ xa ECUS. 154](#_Toc35197982)

[3.4.1 Giới thiệu tổng quan 154](#_Toc35197983)

[3.4.2. Yêu cầu để tham gia hệ thống khai báo dữ liệu Hải quan điện tử 157](#_Toc35197984)

[3.4.3 Đăng ký và sử dụng chương trình. 157](#_Toc35197985)

[3.4.4. Thiết lập hệ thống trước khi khai báo. 158](#_Toc35197986)

[3.4.5. Danh sách khách hàng với đại lý. 159](#_Toc35197987)

[3.4.6 Thực hiện quy trình tờ khai thông quan hàng hóa. 161](#_Toc35197988)

[Tài liệu tham khảo: 213](#_Toc35197989)

**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC: KHAI BÁO HẢI QUAN ĐIỆN TỬ**

Tên môn học: Khai báo hải quan điện tử

Mã số môn học: MĐ24

Thời gian môn học: 60 giờ

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Môn học khai báo hải quan điện tử thuộc nhóm các môn học kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy sau khi đã học xong các môn tiếng Anh thương mại, thanh toán điện tử, kỹ thuật nghiệp vụ thương mại, được bố trí giảng dạy từ học kỳ 1 năm thứ ba.

- Tính chất: Khai báo hải quan điện tử là môn học nghiệp vụ, trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về các loại hình xuất nhập khẩu, thuế xuất nhập khẩu, thuế VAT và thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu; Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo các loại hình khác nhau và thủ tục khai báo hải quan điện tử .

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Kiến thức:

+ Trình bày được các văn bản pháp lý điều chỉnh hoạt động xuất nhập khẩu, thuế và hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu hiện hành;

+ Trình bày được những khái niệm cơ bản và quy định chung trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu; Những quy định chung về thủ tục hải quan, kiểm tra và giám sát hải quan hiện hành;

+ Mô tả được quy trình thủ tục khai báo hải quan truyền thống đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo các loại hình cơ bản;

+ Mô tả được quy trình thủ tục khai báo hải quan điện tử đối với một số loại hình xuất nhập khẩu hàng hóa cơ bản.

- Kỹ năng:

+ Vận dụng được các văn bản chế độ chính sách điều hành hoạt động xuất nhập khẩu, thuế và hải quan hiện hành vào thực tiễn khai báo hải quan.

+ Thực hiện được những bước cơ bản về thủ tục khai báo hải quan truyền thống và hải quan điện tử đối với các loại hình xuất nhập khẩu hàng hóa;

+ Trình bày được quy trình thủ tục hải quan truyền thống và hải quan điện tử.

- Thái độ:

+ Tuân thủ các qui chế, có ý thức tích cực, chủ động nghiên cứu tài liệu trong quá trình học tập;

+ Trung thực và tạo lập được ý thức chấp hành pháp luật Nhà nước tốt trong khai báo hải quan.

# Chương 1: Những vấn đề chung về hàng hóa xuất nhập khẩu, thuế và thủ tục hải quan

## 1.1 Những văn bản pháp quy điều chỉnh hoạt động xuất nhập khẩu, thuế và hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

### 1.1.1 Điều kiện đối với chủ thể và hàng hóa xuất nhập khẩu

Xuất nhập khẩu không phải là ngành nghề kinh doanh nên khi đăng ký kinh doanh doanh nghiệp không phải đăng ký ngành nghề cụ thể. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành mới được hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu. Theo quy định tại Nghị định 187/2013/NĐ-CP có quy định các đối tượng có quyền kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu đó là:

- Đối với thương nhân Việt Nam không có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (dưới đây gọi tắt là thương nhân):

+ Trừ hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác, thương nhân được xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không phụ thuộc vào ngành nghề đăng ký kinh doanh.

+ Chi nhánh thương nhân được xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo ủy quyền của thương nhân.

- Đối với thương nhân có vốn đầu tư nước ngoài, công ty và chi nhánh công ty nước ngoài tại Việt Nam:

Các thương nhân, công ty, chi nhánh khi tiến hành hoạt động thương mại, ngoài việc phải tuân theo các quy định của pháp luật quy định về xuất nhập khẩu hàng hóa còn thực hiện theo các quy định khác của pháp luật có liên quan, các cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và lộ trình do Bộ Công Thương công bố.

- Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện, khi xuất khẩu, nhập khẩu, ngoài việc thực hiện quy định của pháp luật về xuất nhập khẩu, thương nhân phải thực hiện quy định của pháp luật về điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đó.

Như vậy, xuất nhập khẩu không phải là ngành nghề kinh doanh nên khi đăng ký kinh doanh doanh nghiệp không phải đăng ký ngành nghề kinh doanh xuất nhập khẩu cụ thể. Khi doanh nghiệp muốn hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu thì Doanh nghiệp chỉ kê khai đăng ký thông tin đăng ký thuế là có hoạt động “Xuất nhập khẩu”. Thông tin về việc doanh nghiệp có đăng ký hoạt động xuất nhập khẩu hay không được thể hiện tại mạng đăng ký kinh doanh quốc gia.v.v… đồng thời được liên thông với nhiều cơ quan như cơ quan Thuế, Hải quan... Tuy hoạt động nhập khẩu là quyền của doanh nghiệp được ghi nhận theo pháp luật doanh nghiệp nhưng khi thực hiện hoạt động này thì doanh nghiệp cần phải đảm bảo các hoạt động pháp lý liên quan như thủ tục với cơ quan hải quan, cơ quan thuế…

Thứ nhất, điều kiện đối với chủ thể nhập khẩu hàng hóa. Xuất nhập khẩu không phải là ngành nghề kinh doanh nên khi đăng ký kinh doanh doanh nghiệp không phải đăng ký ngành nghề cụ thể. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành mới được hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu. Theo quy định tại Nghị định 187/2013/NĐ-CP có quy định các đối tượng có quyền kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu đó là:

- Đối với thương nhân Việt Nam không có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (dưới đây gọi tắt là thương nhân):

+ Trừ hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác, thương nhân được xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không phụ thuộc vào ngành nghề đăng ký kinh doanh.

+ Chi nhánh thương nhân được xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo ủy quyền của thương nhân.

- Đối với thương nhân có vốn đầu tư nước ngoài, công ty và chi nhánh công ty nước ngoài tại Việt Nam:

Các thương nhân, công ty, chi nhánh khi tiến hành hoạt động thương mại, ngoài việc phải tuân theo các quy định của pháp luật quy định về xuất nhập khẩu hàng hóa còn thực hiện theo các quy định khác của pháp luật có liên quan, các cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và lộ trình do Bộ Công Thương công bố.

- Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện, khi xuất khẩu, nhập khẩu, ngoài việc thực hiện quy định của pháp luật về xuất nhập khẩu, thương nhân phải thực hiện quy định của pháp luật về điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đó.

Thứ hai, điều kiện với hàng hóa nhập khẩu mà doanh nghiệp cần lưu ý đó là:

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, thương nhân muốn xuất khẩu, nhập khẩu phải có giấy phép của Bộ, ngành liên quan;

Hàng hóa muốn tiến hành thủ tục nhập khẩu hàng hóa tất nhiên cần đáp ứng những điều kiện cụ thể liên quan đến loại hàng hóa mà doanh nghiệp sẽ tiến hành nhập khẩu. Ví dụ đối với hàng hóa nhập khẩu là thực phẩm thì cần đáp ứng những yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm, cần có sự cấp phép của Cục vệ sinh an toàn thực phẩm; hàng hóa nhập khẩu là sản phẩm y tế thì cần sự kiểm định của Bộ Y tế;… Như vậy, với mỗi loại hàng hóa cụ thể nếu pháp luật quy định cần cung cấp giấy phép thì doanh nghiệp cần tiến hành những thủ tục theo quy định.

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải bảo đảm các quy định liên quan về kiểm dịch, an toàn thực phẩm và tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng, phải chịu sự kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền trước khi thông quan;

Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 quy định cụ thể điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa nhập khẩu đó là:

+ Hàng hóa nhập khẩu phải được công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của pháp luật (về bao bì hàng hóa; nhãn hàng hóa; tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa) và ghi nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa;

+ Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 phải được công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng liên quan đến quá trình sản xuất, sản phẩm cuối cùng bởi tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định: Việc thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp giữa tổ chức, cá nhân tại Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài, vùng lãnh thổ do các bên tự thoả thuận; Việc thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý nhà nước được thực hiện theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thoả thuận quốc tế mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết;

+ Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 không đáp ứng quy định nêu trên thì khi nhập khẩu phải được tổ chức giám định được chỉ định hoặc được thừa nhận theo quy định trên;

+ Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 phải được kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu theo nội dung quy định: Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, nhãn hàng hóa, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa cần kiểm tra; Thử nghiệm mẫu theo tiêu chuẩn đã công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khi cần thiết.

- Hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu và các hàng hóa không thuộc trường hợp nêu trên, chỉ phải làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu.

Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu được quy định tại Phụ lục đính kèm Nghị định 187/2013/NĐ-CP. Đương nhiên, đối với những hàng hóa thuộc danh mục không được nhập khẩu thì doanh nghiệp không tiến hành hoạt động nhập khẩu hàng hóa.

Sau khi xác định được hàng hóa mà bạn có nhu cầu nhập khẩu từ nước ngoài về Việt Nam đáp ứng các yêu cầu trên, tiến hành thực hiện thủ tục hải quan theo các nội dung sau:

## 1.1.2 Quy định về trình tự thực hiện xuất nhập khẩu

#### 1.1.2.1 Quy trình thực hiện hải quan thông thường

Chủ hàng hoặc người khai hải quan phải khai báo, nộp và xuất trình hồ sơ hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và xuất trình hàng hóa với hải quan cửa khẩu để làm thủ tục và được giải quyết thông quan với cơ quan Hải quan cửa khẩu theo các bước sau:

Bước 1: Chủ hàng hoặc người khai hải quan phải khai báo tờ khai hải quan nộp và xuất trình hồ sơ lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu với hải quan cửa khẩu đồng thời xuất trình hàng hóa để Hai quan cửa khẩu kiển tra, giám sát, đối chiếu với khai báo của chủ hàng trên tờ khai hải quan và hồ sơ kèm theo (nếu có) theo quy định về thủ tục hải quan cụ thể đối với từng loại hình hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập-tái xuất, tạm xuất-tái nhập, quá cảnh qua biên giới theo quy định.

Bước 2: Cơ quan Hải quan tiếp nhận hồ sơ do chủ hàng hoặc người khai hải quan nộp và xuất trình và thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để kiểm tra, giám sát đối chiếu xác định sự phù hợp giữa thực tế hàng hóa với khai báo của chủ hàng trên tờ khai hải quan và hồ sơ kèm theo để giải quyết các chế độ thuế, lệ phí (nếu có), xử lý vi phạm (nếu có) và quyết định thông quan qua biên giới theo trình tự thủ tục hải quan đã được quy định đối với từng loại hình hàng hóa xuất, nhập cụ thể theo quy định.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu.

Thành phần, số lượng hồ sơ (đối với hàng nhập khẩu) - gồm 01 bộ:

- Tờ khai hải quan: Sử dụng tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo Tờ khai Hải quan do Bộ Tài chính quy định.

- Các chứng từ khác về hồ sơ hải quan, quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo [hợp đồng mua bán](https://luatminhkhue.vn/mau-hop-dong-mua-ban-hang-hoa-cap-nhat-moi-nhat.aspx) do Bộ Tài chính quy định, trừ vận đơn và [hợp đồng thương mại](https://luatminhkhue.vn/mau-hop-dong-kinh-te-moi-nhat.aspx).

- Phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch y tế do cơ quan kiểm dịch y tế cấp (đối với hàng hoá thuộc đối tượng kiểm dịch y tế); và Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá đối với hàng hoá thuộc diện phải kiểm tra.

- Hàng hoá nhập khẩu qua biên giới được hưởng các ưu đãi về thuế nhập khẩu nếu có đủ điều kiện theo thoả thuận song phương giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước có chung biên giới; việc khai báo hải quan, nộp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu, thực hiện theo Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính Quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và Thông tư số 45/2007/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện [thuế suất](https://luatminhkhue.vn/khai-niem-%22thue-suat%22-.aspx) thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt. Đối với trường hợp áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt thì đối tượng nhập khẩu phải xuất trình Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá-C/O (trừ trường hợp tổng trị giá lô hàng (FOB) không vượt quá 200 USD).

- Kiểm tra thực tế hàng hoá thực hiện theo quy định của pháp luật Hải quan hiện hành.

- Lưu ý: (Theo quy định tại khoản 2 Điều 24 và khoản 1,2 Điều 29 Luật Hải Quan 2014)

+ Chứng từ thuộc hồ sơ hải quan là chứng từ giấy hoặc chứng từ điện tử. Chứng từ điện tử phải bảo đảm tính toàn vẹn và khuôn dạng theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

+ Người khai hải quan phải khai đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin tờ khai hải quan.

+ Khai hải quan được thực hiện theo phương thức điện tử, trừ trường hợp người khai hải quan được khai trên tờ khai hải quan giấy theo quy định của Chính phủ.

Thời hạn giải quyết: Trong 08 giờ hành chính/ngày; nếu hết giờ hành chính mà lô hàng chưa kiểm tra xong thì được tiếp tục làm ngoài giờ hành chính cho xong.

Đối với việc làm thủ tục hải quan điện tử để nhập khẩu hàng hóa theo Thông tư số 22/2014/TT-BTC, yêu cầu:

#### 1.1.2.2 Quy trình hải quan điện tử

Hồ sơ hải quan điện tử:​

1. Hồ sơ hải quan bao gồm:

a) Tờ khai hải quan (dạng điện tử).

Trong trường hợp phải xuất trình, nộp bản giấy theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, tờ khai hải quan điện tử được in ra giấy theo mẫu Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, Tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Các chứng từ đi kèm tờ khai (dạng điện tử hoặc văn bản giấy): theo quy định tại Điều 22 Luật Hải quan.

2. Hồ sơ phải nộp cho cơ quan Hải quan đối với trường hợp thuộc diện kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 12 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Thông tư 128/2013/TT-BTC), riêng tờ khai hải quan được sử dụng dưới dạng điện tử.

- Lưu ý:

+ Trước khi tiến hành khai hải quan, người khai hải quan phải đăng ký với cơ quan Hải quan các thông tin liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại điểm 2 Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

+ Thông tin đăng ký trước có giá trị sử dụng và được lưu giữ trên Hệ thống tối đa là 07 ngày kể từ thời điểm đăng ký trước hoặc thời điểm có sửa chữa cuối cùng.

+ Người khai hải quan được tự sửa chữa các thông tin đã đăng ký trước trên Hệ thống và không giới hạn số lần sửa chữa.

#### 1.1.2.3 Khai hải quan:

Sau khi đăng ký trước thông tin hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, người khai hải quan tiếp nhận thông tin phản hồi từ Hệ thống để thực hiện khai hải quan.

Người khai hải quan tự kiểm tra nội dung thông tin phản hồi từ Hệ thống và chịu trách nhiệm trước pháp luật khi sử dụng thông tin phản hồi từ Hệ thống để khai hải quan.

Chính sách quản lý xuất khẩu, nhập khẩu và chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có hiệu lực tại thời điểm cơ quan Hải quan chấp nhận đăng ký thông tin khai hải quan của người khai hải quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nguyên tắc khai hải quan:

Một tờ khai hải quan được khai tối đa 50 dòng hàng. Trường hợp một lô hàng có trên 50 dòng hàng, người khai hải quan phải khai báo trên nhiều tờ khai;

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo các loại hình khác nhau phải khai trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khác nhau theo từng loại hình tương ứng;

Một tờ khai hải quan chỉ khai báo cho một hóa đơn;

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, giảm thuế so với quy định thì khi khai hải quan phải khai số danh mục miễn thuế; mã miễn, giảm thuế, không chịu thuế và số tiền thuế được giảm;

Người khai hải quan khai tờ khai trị giá và nộp cho cơ quan Hải quan theo quy định tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 và Thông tư 182/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2012. Riêng trường hợp người khai hải quan xác định hàng hóa đủ điều kiện áp dụng phương pháp trị giá giao dịch, đồng thời đã khai thông tin trị giá trên Tờ khai hàng hóa nhập khẩu và Hệ thống tự động tính trị giá tính thuế thì người khai hải quan không phải khai và nộp tờ khai trị giá.

#### 1.1.2.4 Các loại thuế phải nộp

Đối với các loại hàng hóa khi nhập khẩu từ nước ngoài về Việt Nam thì sẽ phải chịu các loại thuế, phí như sau:

##### 1.1.2.4.1 Thuế nhập khẩu

Thuế nhập khẩu là một loại thuế mà một quốc gia hay vùng lãnh thổ đánh vào hàng hóa có nguồn gốc từ nước ngoài trong quá trình nhập khẩu. Khi phương tiện vận tải (tàu thủy, máy bay, phương tiện vận tải đường bộ hay đường sắt) đến cửa khẩu biên giới (cảng hàng không quốc tế, cảng sông quốc tế hay cảng biển quốc tế, cửa khẩu biên giới bộ) thì các công chức hải quan sẽ tiến hành kiểm tra hàng hóa so với khai báo trong tờ khai hải quan đồng thời tính số thuế nhập khẩu phải thu theo các công thức tính thuế nhập khẩu đã quy định trước.

Thuế nhập khẩu không áp dụng chung cho tất cả các mặt hàng. Mỗi mặt hàng có một mức thuế khác nhau theo quy định của chính phủ nước nhập.

Thuế suất đối với hàng hoá nhập khẩu được quy định cụ thể cho từng mặt hàng, gồm thuế suất ưu đãi, thuế suất ưu đãi đặc biệt và thuế suất thông thường.

Thuế suất ưu đãi áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam. Thuế suất ưu đãi được quy định cụ thể cho từng mặt hàng tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, đặc biệt: Thuế suất thông thường áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ không thực hiện đối xử tối huệ quốc và không thực hiện ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu với Việt Nam.

- Thuế suất ưu đãi đặc biệt áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam theo thể chế khu vực thương mại tự do, liên minh thuế quan hoặc để tạo thuận lợi cho giao lưu thương mại biên giới và trường hợp ưu đãi đặc biệt khác: Thuế suất thông thường áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ không thực hiện đối xử tối huệ quốc và không thực hiện ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu với Việt Nam.

- Thuế suất nhập khẩu thông thường. Theo điều 1 nghị định quy định chi tiết một số điều Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì đối tượng chịu thuế sẽ là:

Hàng hóa trong các trường hợp sau đây là đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, trừ hàng hóa quy định tại Điều 2 Nghị định này:

+ Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam bao gồm: hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu đường bộ, đường sông, cảng biển, cảng hàng không, đường sắt liên vận quốc tế, bưu điện quốc tế và địa điểm làm thủ tục hải quan khác được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Hàng hóa được đưa từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan và từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.

Khu phi thuế quan bao gồm: khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, kho bảo thuế, khu bảo thuế, kho ngoại quan, khu kinh tế thương mại đặc biệt, khu thương mại – công nghiệp và các khu vực kinh tế khác được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, có quan hệ mua bán trao đổi hàng hóa giữa khu này với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Hàng hóa mua bán, trao đổi khác được coi là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Những hàng hóa thuộc đối tượng này sẽ được áp thuế theo Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quy định của Chính phủ về thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu với mức thuế 20%;

##### 1.1.2.4.2 Thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ theo Điều 2, Luật Thuế giá trị gia tăng 13/2008/QH12 thì Thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Và Điều 3 về Đối tượng chịu thuế

Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này.

##### 1.1.2.4.3, Thuế tiêu thụ đặc biệt

Đây là một loại thuế gián thu, đánh vào một số hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế theo qui định của luật [thuế tiêu thụ đặc biệt](https://luatminhkhue.vn/thue-tieu-thu-dac-biet-la-gi--tai-sao-nha-nuoc-lai-danh-thue-cao-nhung-mat-hang-xa-xi-nhu-xe-hoi-.aspx). Thuế được cấu thành trong giá cả hàng hóa, dịch vụ và do người tiêu dùng chịu khi mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ.

Lưu ý: Đối với từng loại hàng hóa mà mức thuế suất áp dụng là khác nhau.

##### 1.1.2.4.4, Lệ phí làm thủ tục hải quan

Theo quy định tại Điều 1, khoản 1 Điều 3 và Biểu mức thu lệ phí trong lĩnh vực hải quan ban hành kèm theo Thông tư số 172/2010/TT-BTC ngày 02/11/2010 của Bộ Tài chính

## 1.2. Những khái niệm cơ bản và quy định chung trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu

### 1.2.1. Thương nhân

Theo quy định tại khoản 1, Điều 6, Luật Thương mại 2005: "Pháp nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành hoạt động thương mại một cách độc lập - đăng ký kinh doanh”. Quy định này không được diễn đạt theo hình thức của một định nghĩa khái niệm, tuy nhiên nó chứa đầy đủ các yếu tố nội dung của một định nghĩa, vì vậy cần được xem là một định nghĩa khái niệm thương nhân.

Thương nhân có quyền hoạt động thương mại trong các ngành nghề, tại các địa bàn, dưới các hình thức và theo các phương thức mà pháp luật không cấm.

Quyền hoạt động thương mại hợp pháp của thương nhân được Nhà nước bảo hộ.

Nhà nước thực hiện độc quyền Nhà nước có thời hạn về hoạt động thương mại đối với một số hàng hóa, dịch vụ hoặc tại một số địa bàn để bảo đảm lợi ích quốc gia. Chính phủ quy định cụ thể danh mục hàng hóa, dịch vụ, địa bàn độc quyền Nhà nước.

Đặc điểm thương nhân

**Thứ nhất**, các chủ thể pháp luật có thể trở thành hoặc được xem là thương nhân bao gồm cá nhân và tổ chức kinh tế.

**Thứ hai**, để trở thành hay được xem là thương nhân thì cá nhân hay tổ chức kinh tế phải tiến hành hoạt động thương mại.

**Thứ ba**, cá nhân hay tổ chức kinh tế được xem là thương nhân chỉ khi tiến hành hoạt động thương mại một cách. Tính độc lập ở đây là độc lập về mặt pháp lý. Điều đó có nghĩa là cá nhân hay tổ chức đó phải tham gia vào hoạt động thương mại, tham gia vào các giao dịch thương mại, với tư cách là chủ thể pháp luật độc lập. Đặc điểm này cho phép loại trừ văn phòng đại diện và chi nhánh khỏi khái niệm thương nhân, bởi vì chúng chỉ là các đơn vị phụ thuộc của thương nhân mà thôi (khoản 6, 7 Điều 3 Luật thương mại 2005).

**Thứ tư**, các hoạt động thương mại mà cá nhân hay tổ chức đó tiến hành phải có tính thường xuyên. Tính thường xuyên nói chung đòi hỏi hoạt động có tính liên tục trong khoảng thời gian dài có xác định hoặc không xác định. Đối với cá nhân điều đó còn có nghĩa là cá nhân lấy hoạt động thương mại làm nghề nghiệp chính của mình và tạo ra thu nhập chính cho mình. Đối  với tổ chức kinh tế khi tính thường xuyên đã bao hàm trong mục đích thành lập. Yêu cầu về tính thường xuyên dẫn đến hệ qua pháp lý, theo đó nếu thương nhân có ý định tạm ngừng hoạt động trong một khoảng thời gian vượt quá một giới hạn nào đó thì ohải thông báo với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc tạm ngừng hoạt động đó.

**​**Thứ năm, đặc điểm cuối cùng là để trở thành thương nhân thì cá nhân phải đăng ký kinh doanh; còn tổ chức kinh tế thì xuất hiện với tư cách là một chủ thể pháp luật và đồng thời là thương nhân kể từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc các giấy chứng nhận có giá trị tương đương, như Giấy chứng nhận đầu tư khi thành lập tổ chức kinh tế). Như vậy, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay theo pháp luật doanh nghiệp là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) là văn bản khai sinh ra chủ thể pháp luật mới là thương nhân.

### 1.2.2. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại

- Xuất khẩu hàng hóa là việc hàng hoá được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật.

- Nhập khẩu hàng hóa là việc hàng hoá được đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài hoặc từ khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật

Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán hàng hoá; Hàng hoá kinh doanh tạm nhập tái xuất; Hàng hoá kinh doanh chuyển khẩu; Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo loại hình nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu;  Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài; Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư; Hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới; Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu nhằm mục đích thương mại của tổ chức, cá nhân không phải là thương nhân; Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất; Hàng hoá đưa vào, đưa ra kho bảo thuế; Hàng hóa tạm nhập-tái xuất, tạm xuất-tái nhập dự hội chợ, triển lãm; Thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, khuôn, mẫu tạm nhập-tái xuất, tạm xuất-tái nhập để sản xuất, thi công công trình, thực hiện dự án, thử nghiệm, nghiên cứu.

*Hàng hóa xuất nhập khẩu phi thương mại* bao gồm những loại sau: ( Theo Điều 69  [TT 128/2013/TT –BTC](https://luatduonggia.vn/thong-tu-128-2013-tt-btc-quy-dinh-ve-thu-tuc-hai-quan-kiem-tra-giam-sat-hai-quan/))

Quà biếu, tặng của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài gửi cho tổ chức, cá nhân Việt Nam; của tổ chức, cá nhân ở Việt Nam gửi cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài; Hàng hoá của cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế tại Việt Nam và những người làm việc tại các cơ quan, tổ chức này; Hàng hoá viện trợ nhân đạo; Hàng hoá tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu của những cá nhân được Nhà nước Việt Nam cho miễn thuế; Hàng mẫu không thanh toán; Dụng cụ nghề nghiệp, phương tiện làm việc tạm xuất, tạm nhập có thời hạn của cơ quan, tổ chức, của người xuất cảnh, nhập cảnh; Tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân; Hành lý cá nhân của người nhập cảnh gửi theo vận đơn, hàng hoá mang theo người của người nhập cảnh vượt tiêu chuẩn miễn thuế; Hàng hoá phi mậu dịch khác.

### 1.2.3. Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế

#### 1.2.3.1 Xuất khẩu hàng hóa

Xuất khẩu hàng hoá là hoạt động kinh doanh ngoại thương mà hàng hoá dịch vụ của quốc gia này bán cho quốc gia khác. Xuất khẩu hàng hoá thường diễn ra dưới các hình thức sau:

+ Hàng hoá nước ta bán ra nước ngoài theo hợp đồng thương mại được ký kết của các thành phần kinh tế của nước ta với các thành phần kinh tế ở nước ngoài không thường trú trên lãnh thổ Việt Nam.

+ Hàng hoá mà các đơn vị, dân cư nước ta bán cho nước ngoài qua các đường biên giới, trên bộ, trên biển, ở hải đảo và trên tuyến hàng không. + Hàng gia công chuyển tiếp + Hàng gia công để xuất khẩu thông qua một cơ sở ký hợp đồng gia công trực tiếp với nước ngoài.

+ Hàng hoá do các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bán cho người mua nước ngoài nhưng giao hàng tại Việt Nam

+ Hàng hoá do các chuyên gia, người lao động, học sinh, người du lịch mang ra khỏi nước ta. Khái niệm xuất khẩu hàng hoá, hiệu quả xuất khẩu và đặc điểm hoạt động kinh doanh xuất khẩu 1/5

+ Những hàng hoá là quà biếu, đồ dùng khác của dân cư thường trú nước ta gửi cho thân nhân, các tổ chức, huặc người nước ngoài khác.

+ Những hàng hoá là viện trợ, giúp đỡ của chính phủ, các tổ chức và dân cư thường trú nước ta gửi cho chính phủ, các tổ chức, dân cư nước ngoài.

**Theo wikipedia thì Xuất khẩu (hay còn gọi là xuất cảng)** là việc bán hàng hóa hoặc dịch vụ của một quốc gia sang các quốc gia khác.

Đây không phải là hoạt động bán hàng đơn lẻ mà là một hệ thống bán hàng có tổ chức, có sự giám sát quản lý của cấp nhà nước cả bên trong lẫn bên ngoài với mục đích thu lợi nhuận, tăng thu ngoại tệ, phát triển nền kinh tế quốc gia,…

**Theo Luật thương mại 2005, điều 28 khoản 1** thì khái niệm xuất khẩu hơi mang tính vĩ mô hơn. Cụ thể: “Xuất khẩu hàng hóa là việc hàng hoá được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật.”

Theo đó, các hoạt động xuất khẩu được diễn ra trên cơ sở thanh toán bằng tiền tệ của một trong 2 quốc gia, hoặc lấy đồng tiền của một bên thứ 3 làm căn cứ. Ví dụ, Việt Nam xuất hàng sang Đài Loan thì có thể giao dịch bằng tiền Việt Nam (đồng nội tệ), tiền Đài Loan hoặc sử dụng đồng USD (đồng ngoại tệ). Thông thường đồng USD sẽ phổ biến hơn cả trong hầu hết các hoạt động xuất khẩu trên thế giới. Xuất khẩu tiếng anh được gọi chung là Export.

#### 1.2.3.2 Nhập khẩu hàng hóa

Hiểu một cách đơn giản, thì nhập khẩu là việc nhập hàng hóa, nguyên vật liệu từ các quốc gia khác trên thế giới về Việt Nam để tiêu thụ hoặc đáp ứng cho nhu cầu sản xuất. Đây là cách định nghĩa nhập khẩu thông thường của hầu hết mọi người. Tuy nhiên trong từ điển mở Wikipedia và Luật thương mại thì hàng nhập khẩu là gì được định nghĩa chi tiết và cụ thể hơn.

Theo Wikipedia, thì “Nhập khẩu” được hiểu là các giao dịch liên quan về hàng hóa, dịch vụ từ một nguồn bên ngoài thông qua đường biên giới quốc gia. Đây là hoạt động kinh doanh trên phạm vi quốc tế, không phải dạng bán buôn riêng lẻ mà được điều hành dưới một hệ thống, bao gồm cả các tổ chức bên trong lẫn bên ngoài quốc gia nhập khẩu. Sự trao đổi hàng hóa, nguyên vật liệu, dịch vụ này sẽ dựa trên nguyên tắc trao đổi ngang giá mà tiền tệ được dùng làm môi giới.

Còn tại điều 28, khoản 1 của Luật Thương mại 2015, định nghĩa nhập khẩu là gì như sau: “Nhập khẩu hàng hóa là việc hàng hoá được đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài hoặc từ khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật.”

Bên cạnh đó còn có một số khái niệm hàng nhập khẩu liên quan khác như:

**Nhập khẩu song song là gì (arallel import):**  Là một dạng nhập khẩu mà không thông qua đại lý có liên quan về công việc thương mại. Vì không thông qua đại lý uy tín nào nên lai lịch hàng thường không rõ ràng, nguy cơ cao là hàng giả, hàng nhái.

**Nhập khẩu phi mậu dịch là gì (Non-commercial):** Là một dạng nhập khẩu không nhằm mục đích kinh doanh. Thông thường là các hàng do các quốc gia bên ngoài tài trợ không hoàn lại, hàng do Việt Kiều, học sinh sinh viên, người công tác nước ngoài mang về, hoặc đồ do khách du lịch nước ngoài mang đến,…(trái ngược lại, hàng hóa nhập khẩu nhằm mục đích sản xuất, kinh doanh mua bán gọi là hàng mậu dịch)

Nhập khẩu tiểu ngạch là gì: Hình thức nhập khẩu này rất được ưa chuộng bởi thủ tục đơn giản, chi phí thấp. Đó là hoạt động trao đổi mua bán của những người dân sinh sống gần đường biên giới giữa hai nước có biên giới liền kề. Ví dụ người dân nước ta ở các vùng cửa khẩu như Mộc Bài, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Lào Cai… thường xuyên nhập khẩu tiểu ngạch từ Trung Quốc nông sản, quần áo, vải vóc,…Phù hợp giao dịch nhỏ, hạn chế là tính ổn định không cao, nhiều rủi ro.

**Nhập khẩu chính ngạch là gì (Pay Full Tax):** Cũng là hình thức nhập khẩu hàng từ các nước liền kề. Nhưng nhập khẩu chính ngạch sẽ có quy mô lớn hơn, hàng được nhập qua các cửa khẩu với chế độ kiểm duyệt kỹ lưỡng về chất lượng, an toàn vệ sinh,…mức thuế phí cao hơn nhiều so với tiểu ngạch và phải đóng đầy đủ trước khi thông quan.

#### 1.2.3.3 Tạm nhập, tái xuất hàng hóa

Tạm nhập tái xuất là hình thức mà thương nhân Việt Nam nhập khẩu tạm thời hàng hóa vào Việt Nam, nhưng sau đó lại xuất khẩu chính hàng hóa đó ra khỏi Việt Nam sang một nước khác.

Hình thức này là tiến hành nhập khẩu hàng hóa nhưng không để tiêu thụ trong nước mà để xuất khẩu sang một nước thứ ba nhằm thu lợi nhuận. Giao dịch này bao gồm cả nhập khẩu và xuất khẩu với mục đích thu lại lượng ngoại tệ lớn hơn số vốn ban đầu đã bỏ ra.

Khi tiến hành tạm nhập tái xuất, doanh nghiệp cần tiến hành đồng thời hai hợp đồng riêng biệt, gồm: hợp đồng mua hàng ký với thương nhân nước xuất khẩu và hợp đồng bán hàng ký với thương nhân nước nhập khẩu.

Lưu ý, có trường hợp gần giống như tạm nhập tái xuất, nhưng hàng hóa được chuyển thẳng từ nước bán hàng sang nước mua hàng, mà không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam. Đó gọi là hình thức chuyển khẩu.

#### 1.2.3.4 Tạm xuất, tái nhập hàng hóa

Tạm xuất tái nhập - danh từ, trong tiếng Anh được dùng bởi cụm từ Temporary export and re-import.

Tạm xuất tái nhập hàng hóa là việc hàng hoá được đưa ra nước ngoài hoặc đưa vào các khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo qui định của pháp luật, có làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam và làm thủ tục nhập khẩu lại chính hàng hoá đó vào Việt Nam. (Theo Luật Thương mại năm 2005)

**Qui định về tạm xuất tái nhập**

Thương nhân được tạm xuất tái nhập hàng hóa để sản xuất, thi công, cho thuê, cho mượn hoặc để sử dụng vì mục đích khác theo các qui định sau:

Đối với hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa thuộc diện quản lí bằng biện pháp hạn ngạch xuất khẩu, hạn ngạch nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, trừ Giấy phép xuất khẩu tự động, Giấy phép nhập khẩu tự động, thương nhân phải được Bộ Công Thương cấp Giấy phép tạm xuất tái nhập.

Trường hợp hàng hóa không thuộc qui định, thương nhân thực hiện thủ tục tạm xuất tái nhập tại cơ quan hải quan, không phải có Giấy phép tạm xuất tái nhập.

Thương nhân được tạm xuất tái nhập hàng hóa còn trong thời hạn bảo hành theo hợp đồng nhập khẩu hoặc theo hợp đồng, thỏa thuận bảo hành kí với nước ngoài để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa. Thủ tục tạm xuất tái nhập thực hiện tại cơ quan hải quan, không phải có Giấy phép tạm xuất tái nhập.

Trường hợp hàng hóa không còn trong thời hạn bảo hành theo hợp đồng nhập khẩu hoặc theo hợp đồng, thỏa thuận bảo hành, việc tạm xuất tái nhập ra nước ngoài để bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa thực hiện theo qui định sau:

Đối với hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa thuộc diện quản lí bằng biện pháp hạn ngạch xuất khẩu, hạn ngạch nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, trừ Giấy phép xuất khẩu tự động, Giấy phép nhập khẩu tự động, thương nhân phải được Bộ Công Thương cấp Giấy phép tạm xuất tái nhập.

Hàng tiêu dùng đã qua sử dụng; linh kiện, phụ tùng đã qua sử dụng thuộc Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu không được phép tạm xuất ra nước ngoài để bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa.

Trường hợp hàng hóa không thuộc qui định, thương nhân thực hiện thủ tục tạm xuất tái nhập tại cơ quan hải quan, không phải có Giấy phép tạm xuất tái nhập.

Thương nhân được tạm xuất tái nhập hàng hóa ra nước ngoài để tham dự hội chợ, triển lãm thương mại. Thủ tục tạm xuất tái nhập thực hiện tại cơ quan hải quan, không phải có Giấy phép tạm xuất tái nhập.

Riêng hàng hóa cấm xuất khẩu chỉ được tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài khi được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

Việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản thực hiện theo qui định.

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xem xét, cho phép tạm xuất tái nhập vũ khí, khí tài, trang thiết bị quân sự, an ninh để sửa chữa phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh

#### 1.2.3.5 Chuyển khẩu hàng hóa

 Chuyển khẩu hàng hóa là việc mua hàng từ một nước, vùng lãnh thổ để bán sang một nước, vùng lãnh thổ ngoài lãnh thổ Việt Nam mà không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam.

- Chuyển khẩu hàng hóa được thực hiện theo các hình thức sau đây:

+ Hàng hóa được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu không qua cửa khẩu Việt Nam;

+ Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam nhưng không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam;

+ Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam và đưa vào kho ngoại quan, khu vực trung chuyển hàng hoá tại các cảng Việt Nam, không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam.

- Các loại hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thương mại

#### 1.2.3.6 Xuất khẩu trực tiếp

Khái niệm trực tiếp là việc xuất khẩu các loại hàng hoá và dịch vụ do chính doanh nghiệp sản xuất ra hoặc thu mua từ các đơn vị sản xuất trong nước tới khách hàng nước ngoài thông qua các tổ chức cuả mình.

Trong trường hợp doanh nghiệp tham gia xuất khẩu là doanh nghiệp thương mại không tự sản xuất ra sản phẩm thì việc xuất khẩu bao gồm hai công đoạn:

+ Thu mua tạo nguồn hàng xuất khẩu với các đơn vị, địa phương trong nước.

+ Đàm phán ký kết với doanh nghiệp nước ngoài, giao hàng và thanh toán tiền hàng với đơn vị bạn.

Phương thức này có một số ưu điểm là: thông qua đàm phán thảo luận trực tiếp dễ dàng đi đến thống nhất và ít xảy ra những hiểu lầm đáng tiếc do đó:

+ Giảm được chi phí trung gian do đó làm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

+ Có nhiều điều kiện phát huy tính độc lập của doanh nghiệp.

+ Chủ động trong việc tiêu thụ hàng hoá sản phẩm của mình.

Tuy nhiên bên cạnh những mặt tích cực thì phương thức này còn bộc lộ một số những nhược điểm như:

+ Dễ xảy ra rủi ro

+ Nếu như không có cán bộ XNK có đủ trình độ và kinh nghiệm khi tham gia ký kết hợp đồng ở một thị trường mới hay mắc phải sai lầm gây bất lợi cho mình.

+ Khối lượng hàng hoá khi tham giao giao dịch thường phải lớn thì mới có thể bù đắp được chi phí trong việc giao dịch.

Như khi tham gia xuất khẩu trực tiếp phải chuẩn bị tốt một số công việc. Nghiên cứu hiểu kỹ về bạn hàng, loại hàng hoá định mua bán, các điều kiện giao dịch đưa ra trao đổi, cần phải xác định rõ mục tiêu và yêu cầu của công việc. Lựa chọn người có đủ năng lực tham gia giao dịch, cần nhắc khối lượng hàng hoá, dịch vụ cần thiết để công việc giao dịch có hiệu quả.

#### 1.2.3.7 Xuất khẩu uỷ thác

Đây là hình thức kinh doanh trong đó đơn vị Xuất nhập khẩu đóng vai trò là người trung gian thay cho đơn vị sản xuất tiến hành ký kết hợp đồng xuất khẩu, tiến hành làm các thủ tục cần thiết để xuất khẩu do đó nhà sản xuất và qua đó được hưởng một số tiền nhất định gọi là phí uỷ thác.

Hình thức này bao gồm các bước sau:

+ Ký kết hợp đồng xuất khẩu uỷ thác với đơn vị trong nước.

+ Ký hợp đồng xuất khẩu, giao hàng và thanh toán tiền hàng bên nước ngoài.

+ Nhận phí uy thác xuất khẩu từ đơn vị trong nước.

Ưu điểm của phương thức này:

Những người nhận uỷ thác hiểu rõ tình hình thị trường pháp luật và tập quán địa phương, do đó họ có khả năng đẩy mạnh việc buôn bán và thanh tránh bớt uỷ thác cho người uỷ thác.

Đối với người nhận uỷ thác là không cần bỏ vốn vào kinh doanh tạo ra công ăn việc làm cho nhân viên đồng thời cũng thu được một khoản tiền đáng kể.

Tuy nhiên, việc sử dụng trung gian bên cạnh mặt tích cực như đã nói ở trên còn có những han chế đáng kể như :

- Công ty kinh doanh XNK mất đi sự liên kết trực tiếp với thị trường thường phải đáp ứng những yêu sách của người trung gian.

- Lợi nhuận bị chia sẻ

#### 1.2.3.8 Buôn bán đối lưu (Counter – trade)

a. Khái niệm*:* Buôn bán đối lưu là một trong những phương thức giao dịch xuất khẩu trong xuất khẩu kết hợp chặc chẽ với nhập khẩu, người bán hàng đồng thời là ngời mua, lượng trao đổi với nhau có giá trị tương đương. Trong phương thức xuất khẩu này mục tiêu là thu về một lượng hàng hoá có giá trị tương đương. Vì đặc điểm này mà phương thức này còn có tên gọi khác như xuất nhập khẩu liên kết, hay hàng đổi hàng.

##### b. Yêu cầu:

Các bên tham gia buôn bán đối lưu luôn luôn phải quan tâm đến sự cân bằng trong trao đổi hàng hoá. Sự cần bằng này được thể hiện ở những khía cạnh sau:

- Cân bằng về mặt hàng: mặt hàng quý đổi lấy mặt hàng quý, mặt hàng tồn kho đổi lấy mặt hàng tồn kho khó bán.

- Cân bằng về giá cả so với giá thực tế nếu giá hàng nhập cao thì khi xuất đối phương giá hàng xuất khẩu cũng phải được tính cao tương ứng và ngược lại.

- Cân bằng về tổng giá trị hàng giao cho nhau:

- Cân bằng về điều kiện giao hàng: nếu xuất khẩu CIF phải nhập khẩu CIF.

##### c. Các loại hình buôn bán đối lưu

Buôn bán đối lưu ra đời từ lâu trong lịch sử quan hệ hàng hoá tiền tệ, trong đó sớm nhất là hàng đổi dàng và trao đổi bù trừ.

Nghiệp vụ hàng đổi hàng (barter): ở hai bên trao đổi trực tiếp với nhau nhưng hàng hoá có giá trị tương đương, việc giao hàng diễn ra hầu như đồng thời. Tuy nhiên trong hoạt động đổi hàng hiện đại người ta có thể sử dụng tiền để thành toán một phần tiêng hàng hơn nữa có thể thu hút 3-4 bên tham gia.

Nghiệp vụ bù trừ (Compensation) hai bên trao đổi hàng hoá với nhau trên cơ sở ghi trị giá hàng giao, đến cuối kỳ hạn hạn, hai bên mới đối chiếu sổ sách, đối chiếu với giá trị giao và giá trị nhận. Số dư thì số tiền đó được giữ lại để chi trả theo yêu cầu của bên chủ nợ.

Nghiệp vụ mua đối lưu (Counper – Purchase) một bên tiến hành của công nghiệp chế biến, bán thành phẩm nguyên vật liệu.

Nghiệp vụ này thường được kéo dài từ 1 đến 5 năm còn trị giá hàng giao để thanh toán thường không đạt 100% trị giá hàng mua về.

Nghiệp vụ chuyển giao nghĩa vụ (Swich) bên nhận hàng chuyển khoản nợ về tiền hàng cho một bên thứ ba.

Giao dịch bồi hoàn (offset) người ta đổi hàng hoá hoặc dịch vụ lấy những dịch vụ và ưu huệ (như ưu huệ đầu tư hoặc giúp đỡ bán sản phẩm) giao dịch này thường xảy ra trong lĩnh vực buôn bán những kỹ thuật quân sự đắt tiền trong việc giao những chi tiết và những cụm chi tiết trong khuôn khổ hợp tác công nghiệp.

Trong việc chuyển giao công nghệ người ta thường tiến hành nghiệp vụ mya lại (buy back) trong đó một bên cung cấp thiết bị toàn bộ hoặc sáng chế bí quyết kỹ thuật (know-how) cho bên khác, đồng thời cam kết mua lại những sản phẩm cho thiết bị hoặc sáng chế bí quyết kỹ thuật đó tạo ra.

##### d.Biện pháp thực hiện

Dùng thư tín dụng thương mại đối ứng (Reciprocal L/C): đây là loại L/C mà trong nội dung của nó có điều khoản quy định (L/C này chỉ có hiệu lực khi người hưởng mở một L/C khác có kim ngạch tương đương). Như vậy hai bên vừa phải mở L/C vừa phải giao hàng.

Dùng người thứ 3 khống chế chứng từ sở hữu hàng hoá, người thứ 3 chỉ giao chứng từ đó cho người nhận hàng khi người này đổi lại một chứng từ sở hữu hàng hoá có giá trị tương đương.

Dùng một tài khoản đặc biệt ở ngân hàng để theo dõi việc giao hàng của hai bên, đến cuối một thời kỳ nhất định (như sau sáu tháng, sau một năm…) nếu còn có số dư thì bên nợ hoặc phải giao nốt hàng hoặc chuyển số dư sang kỳ giao hàng tiếp, hoặc thanh toán bằng ngoại tệ.

Phạt về việc nếu một bên không giao hàng hoặc chậm giao hàng phải nộp phạt bằng ngoại tệ mạnh, mức phạt do hai bên thoả thuận quy định trong hợp đồng.

#### 1.2.3.9 Xuất khẩu hàng hoá theo nghị định thư

Đây là hình thức xuất khẩu hàng hoá (thường là để gán nợ) được ký kết theo nghị định thư giữa hai chính Phủ.

Đây là một trong những hình thức xuất khẩu mà doanh nghiệp tiết kiệm được các khoản chi phí trong việc nghiên cứu thị trường: tìm kiến bạn hàng, mặt khách không có sự rủi ro trong thanh toán.

Trên thực tế hình thức xuất khẩu này chiếm tỷ trong rất nhỏ. Thông thường trong các nước XHCN trước đây và trong một số các quốc gia có quan hệ mật thiết và chỉ trong một số doanh nghiệp nhà nước.

#### 1.2.3.10 Xuất khẩu tại chỗ

Đây là hình thức kinh doanh mới nhưng đang phát triển rộng rãi, do những ưu việt của nó đem lại.

Đặc điểm của loại hình xuất khẩu này là hàng hoá không cần vượt qua biên giới quốc gia mà khách hàng vẫn mua được. Do vậy nhà xuất khẩu không cần phải thâm nhập thị trường nước ngoài mà khách hàng tự tìm đến nhà xuất khẩu.

Mặt khác doanh nghiệp cũng không cần phải tiến hành các thủ tục như thủ tục hải quan, mua bảo hiểm hàng hoá …do đó giảm được chi phí khá lớn.

Trong điều kiện nền kinh tế như hiện nay xu hướng di cư tạm thời ngày càng trở nên phổ biến mà tiêu biểu là số dân đi du lịch nước ngoài tăng nên nhanh chóng. Các doanh nghiệp có nhận thức đây là một cơ hội tốt để bắt tay với các tổ chức du lịch để tiến hành các hoạt động cung cấp dịch vụ hàng hoá để thu ngoại tệ. Ngoài ra doanh nghiệp còn có thể tận dụng cơ hội này để khuếch trương sản phẩm của mình thông qua những du khách.

Mặt khác với sự ra đời của hàng loạt khu chế xuất ở các nước thì đây cũng là một hình thức xuất khẩu có hiệu quả được các nước chú trọng hơn nữa. Việc thanh toán này cũng nhanh chóng và thuận tiện.

#### 1.2.3.11 Gia công quốc tế

Đây là một phương thức kinh doanh trong đó một bên gọi là bên nhận gia công nguyên vật liệu hoặc bán thành phẩm của một bên khác (gọi là bên đặt gia công) để chế biến ra thành phẩm giao cho bên đặt gia công và nhận thù lao (gọi là phí gia công).

Đây là một trong những hình thức xuất khẩu đang có bước phát triển mạnh mẽ và được nhiều quốc gia chú trọng. Bởi những lợi ích của nó

Đối với bên đặt gia công: Phương thức này giúp họ lợi dụng về giá rẻ, nguyên phụ và nhân công của nước nhận gia công.

Đối với bên nhận gia công: Phương thức này giúp họ giải quyết công ăn việc làm cho nhân công lao động trong nước hoặc nhập được thiết bị hay công nghệ mới về nước mình, nhằm xây dựng một nền công nghiệp dân tộc như Nam Triều Tiên, Thái Lan, Sinhgapo….

**Các hình thức gia công quốc tế**:

Xét về quyền sở hữu nguyên liệu, gia công quốc tế có thể tiến hành dưới hình thức sau đây:

Bên đặt gia công giao nguyên liệu hoặc bán thành phẩm cho bên nhận gia công và sau thời gian sản xuất, chế tạo, sẽ thu hồi sản phẩm và trả phí gia công.

Bên đặt gia công bán đứt nguyên liệu cho bên nhận gia công và sau thời gian sản xuất, chế tạo sẽ mua thành phẩm. Trong trường hợp này quyền sở hữu nguyên liệu chuyển từ bên đặt gia công sang bên nhận gia công.

Ngoài ra người ta còn có thể áp dụng hình thức kết hợp trong đó bên đặt gia công chỉ giao những nguyên vật liệu chính còn bên nhận gia công cung cấp những nguyên vật liệu phụ.

Xét về giá cả gia công người ta có thể chia việc gia công thành hai hình thức:

+ Hợp đồng thực chi, thực thanh (cost phis contract) trong đó bên nhận gia công thanh toán với bên đạt gia công toàn bộ những chi phí thực tế của mình cộng với tiền thù lao gia công.

+ Hợp đồng khoán trong đó ta xác định một giá trị định mức (target price) cho mỗi sản phẩm, bao gồm chi phí định mức và thù lao định mức. Dù chi phí của bên nhận gia công là bao nhiêu đi chăng nữa, hai bên vẫn thanh toán theo định mức đó.

Mối quan hệ giữa bên nhận gia công và bên đặt gia công được xác định bằng hợp đồng gia công. Hợp đồng gia công thường được quy định một số điều khoản như thành phẩm, nguyên liệu, giá cả, thanh toán, giao nhận…

### 1.2.4. Quyền kinh doanh xuất nhập khẩu

Quyền tự do kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu được quy định tại [Điều 3 Nghị định 69/2018/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-69-2018-nd-cp-huong-dan-thi-hanh-luat-quan-ly-ngoai-thuong-5d561.html#dieu_3)hướng dẫn Luật Quản lý ngoại thương do Thủ tướng Chính phủ ban hành với nội dung như sau:

- Thương nhân Việt Nam không là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu và thực hiện các hoạt động khác có liên quan không phụ thuộc vào ngành, nghề đăng ký kinh doanh, trừ hàng hóa thuộc Danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu theo quy định tại Nghị định này; hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu khác theo quy định của pháp luật; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu.

Chi nhánh của thương nhân Việt Nam được thực hiện hoạt động ngoại thương theo ủy quyền của thương nhân.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam khi tiến hành hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này phải thực hiện các cam kết của Việt Nam trong các Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Danh mục hàng hóa và lộ trình do Bộ Công Thương công bố, đồng thời thực hiện các quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân khác có liên quan thuộc các nước, vùng lãnh thổ là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới và các nước có thỏa thuận song phương với Việt Nam thực hiện theo quy định của Chính phủ

### 1.2.5. Đối tượng phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan

Nghị định 08 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan và kiểm soát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, thông tin có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan.

Đối tượng phải làm thủ tục hải quan bao gồm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt, công cụ chuyển nhượng, vàng, kim loại quý, đá quý, văn hóa phẩm, di vật, cổ vật, bảo vật, bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh; các vật phẩm khác xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trong địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan; Phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển, đường thủy nội địa, đường sông xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Việc phân loại hàng hóa căn cứ vào hồ sơ hải quan, tài liệu kỹ thuật và các thông tin về thành phần, tính chất lý, hóa, tính năng, công dụng của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Phân loại hàng hóa để xác định mã số hàng hóa làm cơ sở tính thuế và thực hiện chính sách quản lý hàng hóa.

Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gồm mã số, tên gọi, mô tả hàng hóa, đơn vị tính và các nội dung giải thích kèm theo và được xây dựng trên cơ sở áp dụng đầy đủ Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Hải quan. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được sử dụng nhằm xây dựng các Biểu thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Xây dựng các Danh mục hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ; Thống kê Nhà nước về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Phục vụ công tác quản lý nhà nước về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và các lĩnh vực khác.

Đối với hàng hóa xuất khẩu, trị giá hải quan hàng xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế và phí vận tải quốc tế. Giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất là giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc các hình thức có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng, hóa đơn thương mại và các chứng từ có liên quan của lô hàng phù hợp với hàng hóa thực xuất khẩu.

Đối với hàng hóa nhập khẩu, trị giá hải quan hàng nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên trên cơ sở áp dụng Hiệp định chung về thuế quan và thương mại hoặc theo các cam kết quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết. Cửa khẩu nhập đầu tiên được xác định như sau: Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu nhập đầu tiên là cảng dỡ hàng ghi trên vận đơn; Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu nhập đầu tiên là ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới; Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường sông, cửa khẩu nhập đầu tiên là cửa khẩu biên giới nơi hàng hóa nhập khẩu đi vào lãnh thổ Việt Nam.

### 1.2.6. Người khai hải quan

Tại Khoản 14 [Điều 4 Luật hải quan 2014](https://thukyluat.vn/vb/luat-hai-quan-2014-3a42d.html?hash=dieu_4) quy định: Người khai hải quan bao gồm: chủ hàng hóa; chủ phương tiện vận tải; người điều khiển phương tiện vận tải; đại lý làm thủ tục hải quan, người khác được chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.

Tại [Điều 5 Nghị định 08/2015/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-08-2015-nd-cp-thu-tuc-kiem-tra-giam-sat-kiem-soat-hai-quan-40687.html?hash=dieu_5), quy định người khai hải quan gồm:

- Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Trường hợp chủ hàng hóa là thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam thì phải thực hiện thủ tục hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan.

- Chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh hoặc người được chủ phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh ủy quyền.

- Người được chủ hàng hóa ủy quyền trong trường hợp hàng hóa là quà biếu, quà tặng của cá nhân; hành lý gửi trước, gửi sau chuyến đi của người xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư miễn thuế.

- Người thực hiện dịch vụ quá cảnh hàng hóa, trung chuyển hàng hóa.

- Đại lý làm thủ tục hải quan.

- Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính quốc tế, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế trừ trường hợp chủ hàng có yêu cầu khác.

### 1.2.7. Chủ hàng chấp hành pháp luật về hải quan

Hải quan phân loại doanh nghiệp thành 3 hạng 7 loại rủi ro

**Loại 1**. Doanh nghiệp tuân thủ tốt pháp luật hải quan, pháp luật thuế (sau đây gọi là Doanh nghiệp tuân thủ tốt):

- Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa thường xuyên trong thời gian hai (02) năm tính đến ngày đánh giá.

- Trong thời gian hai (02) năm liên tục trở về trước tính đến ngày đánh giá:

Không có vụ việc vi phạm bị khởi tố vụ án, người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp không bị khởi tố bị can về các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới, trốn thuế;

Không bị các cơ quan nhà nước xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới, trốn thuế, gian lận thuế;

Không bị xử lý vi phạm pháp luật về hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu;

Không bị xử lý vi phạm pháp luật về các hành vi vi phạm khác về hải quan (bao gồm cả hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn) với mức phạt tiền vượt thẩm quyền của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan hoặc các chức danh tương đương theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Không bị các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm trong lĩnh vực kế toán, với mức phạt tiền tương ứng với mức phạt tại điểm iv khoản này;

Không bị cơ quan hải quan xử lý hành chính về hành vi không chấp hành yêu cầu của cơ quan hải quan trong kiểm tra, giám sát hải quan;

Không bị cơ quan hải quan đánh giá không tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế theo kết quả kiểm tra sau thông quan quy định tại điểm a khoản 4 Điều 28 Thông tư này.

- Không còn nợ thuế quá hạn, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đánh giá;

- Tham gia thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

**Loại 2.** Doanh nghiệp tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế ở mức độ trung bình (doanh nghiệp tuân thủ trung bình).

**Loại 3.** Doanh nghiệp không tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế (sau đây gọi là doanh nghiệp không tuân thủ):

- Trong thời gian hai (02) năm liên tục trở về trước tính đến ngày đánh giá:

Bị khởi tố vụ án đối với sai phạm trong hoạt động của doanh nghiệp hoặc người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bị khởi tố bị can về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới, trốn thuế;

Bị các cơ quan nhà nước xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, trốn thuế, gian lận thuế; hoặc về các hành vi vi phạm trong lĩnh vực kế toán dẫn đến trốn thuế, gian lận thuế;

Bị xử lý về hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu;

Hai (02) lần trở lên bị xử lý về các hành vi vi phạm khác về hải quan (bao gồm cả hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn) với mức phạt tiền vượt thẩm quyền của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan hoặc các chức danh tương đương theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Bị cơ quan hải quan xử lý hành chính về hành vi không chấp hành yêu cầu của cơ quan hải quan trong kiểm tra, giám sát hải quan;

Bị cơ quan hải quan đánh giá không tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế theo kết quả kiểm tra sau thông quan quy định tại điểm a khoản 4 Điều 28 Thông tư này.

- Nợ thuế quá hạn quá chín mươi (90) ngày đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế tại thời điểm đánh giá.

Doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa được đánh giá xếp hạng mức độ rủi ro, bao gồm: Hạng 1: Danh nghiệp ưu tiên; Hạng 2: Doanh nghiệp rủi ro rất thấp; Hạng 3: Doanh nghiệp rủi ro thấp; Hạng 4: Doanh nghiệp rủi ro trung bình; Hạng 5: Doanh nghiệp rủi ro cao; Hạng 6: Doanh nghiệp rủi ro rất cao; Hạng 7: Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh dưới 365 ngày.

Kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ rủi ro của doanh nghiệp được cung cấp, làm cơ sở cho việc áp dụng chính sách ưu tiên, áp dụng chế độ, chính sách quản lý hải quan, quản lý thuế hoặc áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và các biện pháp nghiệp vụ khác trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.

### 1.2.8. Đối tượng chịu thuế xuất nhập khẩu

Tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Theo đó, Nghị định đã quy đinh cụ thể 4 nhóm đối tượng chịu thuế xuất nhập khẩu.

Nghị định này đã quy định 4 đối tượng chịu thuế xuất nhập khẩu, bao gồm:

*Một là,*hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam.

*Hai là,* hàng hóa xuất khẩu từ thị trường trong nước vào doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho bảo thuế, kho ngoại quan và các khu phi thuế quan khác phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 4, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; hàng hóa nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho bảo thuế, kho ngoại quan và các khu phi thuế quan khác phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu vào thị trường trong nước.

*Ba là,*hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 8/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

*Bốn là,* hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu là hàng hóa do doanh nghiệp chế xuất xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật thương mại, pháp luật đầu tư.

Nghị định quy định rõ thuế suất đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Trường hợp mức thuế suất ưu đãi của một mặt hàng quy định tại Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi thấp hơn so với mức thuế suất ưu đãi đặc biệt quy định tại Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thì được áp dụng mức thuế suất ưu đãi

### 1.2.9. Đối tượng nộp thuế xuất nhập khẩu

Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Tổ chức nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu.

Người xuất cảnh, nhập cảnh có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, gửi hoặc nhận hàng hóa qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam.

Người được ủy quyền, bảo lãnh và nộp thuế thay cho người nộp thuế, bao gồm:

+ Đại lý làm thủ tục hải quan trong trường hợp được người nộp thuế ủy quyền nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

+ Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế trong trường hợp nộp thuế thay cho người nộp thuế;

+ Tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng trong trường hợp bảo lãnh, nộp thuế thay cho người nộp thuế;

 + Người được chủ hàng hóa ủy quyền trong trường hợp hàng hóa là quà biếu, quà tặng của cá nhân; hành lý gửi trước, gửi sau chuyến đi của người xuất cảnh, nhập cảnh;

 + Chi nhánh của doanh nghiệp được ủy quyền nộp thuế thay cho doanh nghiệp;

  +  Người khác được ủy quyền nộp thuế thay cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Người thu mua, vận chuyển hàng hóa trong định mức miễn thuế của cư dân biên giới nhưng không sử dụng cho sản xuất, tiêu dùng mà đem bán tại thị trường trong nước và thương nhân nước ngoài được phép kinh doanh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở chợ biên giới theo quy định của pháp luật.

Người có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế nhưng sau đó có sự thay đổi và chuyển sang đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật.

Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

### 1.2.10. Căn cứ tính thuế xuất nhập khẩu

Căn cứ tính thuế là: số lượng đơn vị từng mặt hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu ghi trong tờ khai hải quan, giá tính thuế, thuế suất theo tỷ lệ phần trăm (%);

Đối với mặt hàng áp dụng thuế tuyệt đối thì căn cứ tính thuế là số lượng đơn vị từng mặt hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu ghi trong tờ khai hải quan và mức thuế tuyệt đối quy định trên một đơn vị hàng hóa.

Số lượng hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu được xác định theo tờ khai hàng xuất khẩu nhập khẩu

Giá tính thuế được quy định như sau :

Đối với hàng xuất khẩu giá tính thuế là giá bán cho khách hàng tại cửa khẩu xuất không bao gồm chi phí vận tải(quốc tế) và phí bảo hiểm theo hợp đồng bán hàng phù hợp với các chứng từ khác có liên quan đến việc bán hàng (Giá FOB)

Đối với hàng nhập khẩu giá tính thuế là giá mua của khách hàng tại cửa khẩu nhập bao gồm cả chi phí vận tải và phí bảo hiểm theo hợp đồng (giá CIF)

Trường hợp không xác định giá theo hợp đồng,hoặc giá trong hợp đồng quá thấp so với giá mua, bán thực tế tối thiểu tại cửa khẩu, hoặc hàng hóa xuất, nhập khẩu không theo phương thức mua bán thì giá tính thuế là giá mua, bán tối thiểu tai cửa khẩu

Thuế suất

Theo Luật thuế xuất khẩu,thuế nhập khẩu 2005, thuế suất được thiết kế riêng cho hàng xuất khẩu và hàng nhập khẩu. Thuế suất đối với hàng xuất khẩu chỉ có một biểu thuế suất thông thường. Đối với hàng nhập khẩu,thuế suất bao gồm 3 loại thuế : Thuế suất thông thường,thuế suất ưu đãi và thuế ưu đãi đặc biệt.

Thuế suất ưu đãi: Áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước hoặc khối nước có thỏa thuận về đối xử Tối Huệ Quốc (MFN) trong quan hệ thương mại với Việt Nam.

Thuế suất ưu đãi đặc biệt: Áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu với Việt Nam theo thể chế khu vực thương mại tự do, liên minh thuế quan hoặc để tạo thuận lợi cho giao lưu thương mại biên giới và trường hợp ưu đãi đặc biệt khác.

Thuế suất thông thường: Áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước hoặc khối nước không có thỏa thuận về đối xử Tối Huệ Quốc (MFN) trong quan hệ thương mại với Việt Nam. Thuế suất thông thường luôn luôn cao hơn không quá 70% so với thuế suất ưu đãi từng mặt hàng tương ứng.

Qui chế tối huệ quốc (MFN-Most favoured nation) tức là quy chế đối xử bình đẳng với các nước khác, đây là nguyên tắc pháp lý quan trọng nhất của WTO: mỗi thành viên phải đối xử với các thành viên khác trong tổ chức một cách công bằng, như những đối tác thương mại "ưu tiên nhất". Nếu một nước dành cho một đối tác thương mại của mình một số ưu đãi thì nước đó phải đối xử tương tự như vậy với tất cả các thành viên còn lại )

Theo Điều 11(Biện pháp về thuế để tự vệ, chống bán phá giá, chống trợ cấp, chống phân biệt đối xử trong nhập khẩu hàng hóa) Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2005 quy định :

“ Ngoài việc chịu thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này, hàng hóa nhập khẩu còn phải áp dụng một trong các biện pháp về thuế sau đây:

+ Tăng mức thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu quá mức vào Việt Nam theo quy định của pháp luật về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam;

+ Thuế chống bán phá giá đối với hàng hóa bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định của pháp luật về chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam;

+ Thuế chống trợ cấp đối với hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định của pháp luật về chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam;

+ Thuế chống phân biệt đối xử đối với hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ mà ở đó có sự phân biệt đối xử về thuế nhập khẩu hoặc có biện pháp phân biệt đối xử khác theo quy định của pháp luật về đối xử tối huệ quốc và đối xử quốc gia trong thương mại quốc tế.”

### 1.2.11. Trị giá tính thuế xuất nhập khẩu

Trị giá Hải quan nhằm mục đích tính thuế gọi là trị giá tính thuế.

Đối với hàng hoá xuất khẩu: trị giá tính thuế  là giá bán tại cửa khẩu xuất (giá FOB, giá DAP) không bao gồm phí bảo hiểm I và phí vận tải F.

Đối với hàng hoá nhập khẩu: trị giá tính thuế  là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên.

Việc xác định trị giá tính thuế  dựa trên cơ sở các thông tin chứng từ được ghi chép và phản ánh theo các nguyên tắc kế toán quy định của Luật kế toán Việt nam; các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận của nước có liên quan.

### 1.2.12. Giá tính thuế VAT và tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu

Theo các quy định tại Điều 7, Thông tư 219/2013/TT-BTC về thuế GTGT, giá tính thuế GTGT đối với hàng hoá nhập khẩu được xác định cụ thể như sau:

Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng với thuế bảo vệ môi trường (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế GTGT là giá nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu xác định theo mức thuế phải nộp sau khi đã được miễn, giảm.

Như vậy, thuế GTGT hàng nhập khẩu được xác định như sau:  
Thuế GTGT = [Giá nhập khẩu tại cửa khẩu + Thuế NK (nếu có) + Thuế TTĐB (nếu có) + Thuế BVMT (nếu có)] \* Thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu.

Trường hợp hàng hoá NK được miễn, giảm thuế NK thì thuế NK trong công thức trên được xác định là số thuế sau khi đã được miễn, giảm.

Ví dụ:

Doanh nghiệp A nhập khẩu một lô hàng thuốc lá điếu từ nước ngoài. Giá nhập khẩu tại cửa khẩu là 100,000 USD. Tỷ giá tính thuế XNK là USD1 = VND22,750. Thuế nhập khẩu thuốc lá điều là 100%. Thuế TTĐB áp dụng cho mặt hàng này là 70%. Thuốc lá điếu không chịu thuế BVMT. Thuế GTGT ở khâu nhập khẩu của lô hàng này được xác định như sau:

Giá nhập khẩu tại cửa khẩu quy đổi = 100,000 \* 22,750 = 2,275,000,000 VND

Thuế NK = 2,275,000,000 \* 100% = 2,275,000,000 VND

Thuế TTĐB = (Giá NK + Thuế NK) \* Thuế suất thuế TTĐB = (2,275,000,000 + 2,275,000,000) \* 70% =  3,185,000,000 VND

Giá tính thuế GTGT = Giá NK + thuế NK + thuế TTĐB = 2,275,000,000 + 2,275,000,000 + 3,185,000,000 = 7,735,000,000 VND

Thuế GTGT ở khâu NK = Giá tính thuế GTGT \* Thuế suất = 7,735,000,000 \* 10% =  773,500,000 VND.

### 1.2.13. Tỷ giá tính thuế xuất nhập khẩu

 Trị giá tính thuế được tính bằng đồng Việt Nam.

Tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng tiền nước ngoài dùng để xác định trị giá tính thuế là tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm tính thuế, được đăng trên Báo Nhân dân, đưa tin trên trang điện tử hàng ngày của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; trường hợp vào các ngày không phát hành Báo Nhân dân, không đưa tin lên trang điện tử hoặc có phát hành, có đưa tin lên trang điện tử nhưng không thông báo tỷ giá hoặc thông tin chưa cập nhật đến cửa khẩu trong ngày thì tỷ giá tính thuế của ngày hôm đó được áp dụng theo tỷ giá tính thuế của ngày liền kề trước đó.

Trường hợp đối tượng nộp thuế kê khai trước ngày đăng ký Tờ khai hải quan thì tỷ giá tính thuế được áp dụng theo tỷ giá tại ngày đối tượng nộp thuế đã kê khai, nhưng không quá 3 ngày liền kề trước ngày đăng ký Tờ khai hải quan.

Đối với các đồng ngoại tệ chưa được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng thì xác định theo nguyên tắc tỷ giá tính chéo giữa tỷ giá đồng đô la Mỹ (USD) với đồng Việt Nam và tỷ giá giữa đồng đô la Mỹ với các ngoại tệ đó do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm tính thuế.

Có nhiều nguồn tra cứu, trong đó phổ biến nhất là:

File excel, sách in giấy, tra cứu online trên website, biểu thuế trên website của Tổng cục hải quan

Cách tra cứu thuế suất cũng khá đơn giản, chỉ cần biết trước Mã HS của hàng hóa. Trong website tổng cục hải quan chọn phần “Tra cứu Biểu thuế - Phân loại - HS”.

Nhập mã HS vào ô “Mã số” - có thể nhập từ 4 đến 8 chữ số của Mã HS

Chọn loại thuế suất bạn cần tra cứu trong phần “Chọn các thông tin dưới đây để hiển thị trên danh sách kết quả”. Tùy theo hàng của bạn thế nào mà chọn. Thường thì sẽ tick ô “Thuế nhập khẩu ưu đãi”, và ô Thuế ưu đãi đặc biệt - tương ứng với Mẫu C/O mà hàng của bạn có. Ví dụ: hàng có Form D thì chọn “ASEAN (ATIGA)”, Form E thì tick vào ô EAN - Trung Quốc (ACFTA)”

Tra Biểu thuế xuất nhập khẩu trong thông tư

Theo cách này, bạn phải tìm văn bản quy định pháp luật về Biểu thuế, có thể là file scan có cả dấu. Sau đó tìm đúng loại hàng mình cần tra cứu, để tìm mức thuế suất. Ví dụ, bạn tìm số văn bản và vào Google để tìm file văn bản gốc có dấu, hoặc văn bản word để tra cứu:

Nghị định 125/2017/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 122/2016/NĐ-CP về Biểu thuế xuất nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch.

Nghị định số 125/2016/NĐ-CP Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt Việt Nam - Nhật Bản giai đoạn 2016-2019 (VJEPA).

Nghị định số 126/2016/NĐ-CP Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN - Ấn Độ giai đoạn 2016-2018 (AIFTA)

Nghị định số 127/2016/NĐ-CP Biểu thuế ưu đãi đặc biệt giữa ASEAN - Ôt-xtrây-lia - Niu Di-lân giai đoạn 2016-2018.(AANZFTA)

Nghị định số 128/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2016-2018 (ACFTA)

Nghị định số 129/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 của Chính phủ V/v Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2016-2018.(ATIGA)

Nghị định số 130/2016/NĐ-CP Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2016-2018. (AKFTA)

Nghị định số 131/2016/NĐ-CP Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệtViệt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2016-2018.(VKFTA)

Nghị định số 132/2016/NĐ-CP Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt Việt Nam và Chi Lê giai đoạn 2016-2018. (VCFTA)

Nghị định số 133/2016/NĐ-CP Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN - Nhật Bản giai đoạn 2016-2019.

Nghị định 137/2016/NĐ-CP Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á -  Âu giai đoạn 2016-2018

### Tra cứu thuế suất xnk trên web TCHQHình 1.1 Tra cứu biểu thuế nhập khẩu tổng hợp

### 1.2.14. Thuế suất thuế xuất nhập khẩu

Sử dụng biểu thuế xuất nhập khẩu để tra cứu là việc làm cần thiết trong công việc của người làm xuất nhập khẩu, dịch vụ hải quan, cũng như của cơ quan hải quan.

Do hàng hóa có mức thuế suất khác nhau. Mức thuế của từng loại hàng cũng có thể biến động theo thời gian, thường là theo năm, phụ thuộc vào quy định của Nhà nước.

### 1.2.15. Quy định về kê khai thuế, tính thuế và nộp thuế XNK, VAT và TTĐB

Nguyên tắc tính thuế, khai thuế được hướng dẫn tại *khoản 1, Điều 10. Quy định chung về khai thuế, tính thuế* của Văn bản hợp nhất [18/VBHN-BTC](http://vnaahp.vn/van-ban-hop-nhat-mot-so-dieu-cua-luat-quan-ly-thue/) của Bộ Tài chính về Luật quản lý thuế như sau:

**+** Người nộp thuế phải tính, xác định số tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước, trừ trường hợp cơ quan thuế ấn định thuế hoặc tính thuế theo quy định tại Điều 37, Điều 38 của Luật Quản lý thuế.

**+** Người nộp thuế phải khai chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung trong tờ khai thuế với cơ quan thuế theo mẫu do Bộ Tài chính quy định và nộp đủ các chứng từ, tài liệu quy định trong hồ sơ khai thuế.

**+** Đối với loại thuế khai theo tháng, quý, tạm tính theo quý hoặc năm, nếu trong kỳ tính thuế không phát sinh nghĩa vụ thuế hoặc người nộp thuế đang thuộc diện được hưởng ưu đãi, miễn giảm thuế thì người nộp thuế vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế theo đúng thời hạn quy định, trừ trường hợp đã chấm dứt hoạt động kinh doanh và trường hợp tạm ngừng kinh doanh theo hướng dẫn tại điểm đ khoản 1 Điều này và các trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế theo hướng dẫn tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 Thông tư này.

**+** Đối với loại thuế khai theo tháng hoặc khai theo quý, kỳ tính thuế đầu tiên được tính từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh đến ngày cuối cùng của tháng hoặc quý, kỳ tính thuế cuối cùng được tính từ ngày đầu tiên của tháng hoặc quý đến ngày kết thúc hoạt động kinh doanh. Kỳ tính thuế năm của thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế tài nguyên được tính theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế. Kỳ tính thuế năm của các loại thuế khác là năm dương lịch.

**+** Người nộp thuế trong thời gian tạm ngừng kinh doanh không phát sinh nghĩa vụ thuế thì không phải nộp hồ sơ khai thuế của thời gian tạm ngừng hoạt động kinh doanh. Trường hợp người nộp thuế tạm ngừng kinh doanh không trọn năm dương lịch hoặc năm tài chính thì vẫn phải nộp hồ sơ quyết toán thuế năm.

Đối với người nộp thuế thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản về việc tạm ngừng kinh doanh hoặc hoạt động kinh doanh trở lại với cơ quan đăng ký kinh doanh nơi người nộp thuế đã đăng ký theo quy định.

Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế biết về thông tin người nộp thuế tạm ngừng kinh doanh hoặc hoạt động kinh doanh trở lại chậm nhất không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của người nộp thuế. Trường hợp người nộp thuế đăng ký tạm ngừng kinh doanh, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về nghĩa vụ thuế còn nợ với ngân sách nhà nước của người nộp thuế chậm nhất không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin từ cơ quan đăng ký kinh doanh.

Đối với người nộp thuế thuộc đối tượng đăng ký cấp mã số thuế trực tiếp tại cơ quan thuế thì trước khi tạm ngừng kinh doanh, người nộp thuế phải có thông báo bằng văn bản gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh. Nội dung thông báo gồm:

– Tên, địa chỉ trụ sở, mã số thuế;

– Thời hạn tạm ngừng kinh doanh, ngày bắt đầu và ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng;

– Lý do tạm ngừng kinh doanh;

– Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, đại diện của nhóm cá nhân kinh doanh, của chủ hộ kinh doanh.

Hết thời hạn tạm ngừng kinh doanh, người nộp thuế phải thực hiện kê khai thuế theo quy định. Trường hợp người nộp thuế ra kinh doanh trước thời hạn theo thông báo tạm ngừng kinh doanh thì phải có thông báo bằng văn bản gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp đồng thời thực hiện nộp hồ sơ khai thuế theo quy định

**+** Đồng tiền khai thuế là Đồng Việt Nam. Trường hợp khai các loại thuế liên quan đến hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên thì đồng tiền khai thuế là Đô la Mỹ

### 1.2.16. Mã hàng hóa

Khi bạn nhập khẩu hoặc xuất khẩu hàng hóa, bắt buộc phải trả một số thuế nhất định. Những điều này sẽ phụ thuộc vào các loại sản phẩm. Mã hàng hóa được sử dụng để phân loại các hàng hóa khác nhau để bạn có thể trả đúng số tiền thuế. Mỗi loại sản phẩm sẽ được gán một số hàng hóa theo Hệ thống hài hòa quốc tế (HS).

Bất kỳ doanh nghiệp nào tham gia vào thương mại quốc tế đều sử dụng Hệ thống hài hòa để phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu. các sản phẩm tương tự có tên khác nhau ở các quốc gia khác nhau. Ngoài ra, có hàng triệu hàng hóa có sẵn trên thị trường. Nếu không có một hệ thống phân loại phổ quát, thương mại quốc tế sẽ bị ném vào hỗn loạn.

Hệ thống hài hòa được phát triển vào năm 1988 và được áp dụng trên toàn thế giới. Tất cả các quốc gia trên toàn cầu sử dụng cùng một mã HS để phân loại một sản phẩm cụ thể đi qua biên giới của họ.Một số hàng hóa có sáu chữ số; hai cái đầu tiên đại diện cho danh mục sản phẩm, hai cái tiếp theo chỉ định danh mục con và hai cái cuối cùng thậm chí còn cụ thể hơn.

 Ví dụ: mã hàng hóa 010599. Hai chữ số đầu tiên, 01, chỉ định danh mục, Sản phẩm Động vật & Động vật. Nếu bạn thêm 05, bạn sẽ nhận được 0105, chỉ định phân loại Gia cầm sống. Hai chữ số cuối cùng, 99, đại diện cho một tiểu thể loại đặc biệt cao, cụ thể là gia cầm sống nặng hơn 185 gram.

Mã hàng hóa xác định sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trong thương mại quốc tế. Cơ quan hải quan sử dụng những con số này để xác định thuế và thuế đối với hàng hóa cụ thể. Mặc dù mã HS thông thường có sáu chữ số, một số quốc gia thêm chữ số bổ sung để phân loại sản phẩm hơn nữa.

## 1.3. Những quy định chung về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan

### 1.3.1. Quy định về khai báo hải quan hàng xuất nhập khẩu 1.3.1.1. Người khai hải quan

Người khai hải quan theo quy định tại [Điều 5 Nghị định 08/2015/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-08-2015-nd-cp-thu-tuc-kiem-tra-giam-sat-kiem-soat-hai-quan-40687.html#dieu_5) Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan bao gồm các đối tượng sau đây:

+ Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Trường hợp chủ hàng hóa là thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam thì phải thực hiện thủ tục hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan.

+ Chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh hoặc người được chủ phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh ủy quyền.

+ Người được chủ hàng hóa ủy quyền trong trường hợp hàng hóa là quà biếu, quà tặng của cá nhân; hành lý gửi trước, gửi sau chuyến đi của người xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư miễn thuế. (Khoản này được sửa đổi bởi Khoản 3 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP)

+ Người thực hiện dịch vụ quá cảnh hàng hóa, trung chuyển hàng hóa. (Khoản này được sửa đổi bởi Khoản 3 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP)

+ Đại lý làm thủ tục hải quan.

+ Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính quốc tế, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế trừ trường hợp chủ hàng có yêu cầu khác.

#### 1.3.1.2. Công chức hải quan

Theo quy định của Luật cán bộ, công chức năm 2008, công chức được hiểu là Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp và trong bộ máy lãnh đạo, quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội (sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp công lập), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước; đối với công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập thì lương được bảo đảm từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

Từ định nghĩa trên về công chức, chúng ta hiểu rằng công chức hải quan là công dân Việt Nam, được bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh trong hệ thống cơ quan hải quan các cấp. Như vậy, công chức hải quan là những người làm việc trong hệ thống hải quan các cấp hoặc các đơn vị sự nghiệp của hải quan. Họ được hưởng lương từ ngân sách nhà nước và quỹ lương của cơ quan. Căn cứ vào tình hình và nhu cầu công việc, tổng cục trưởng tổng cục hải quan là chủ thể có thẩm quyền quyết định hình thức, tiêu chí, điều kiện bổ nhiệm đối với công chức hải quan.

### 1.3.2. Nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan

Theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Theo đó, một trong những điểm quan trọng của Thông tư này được bổ sung, sửa đổi so với Thông tư 38 là quy định về hồ sơ hải quan được chuẩn hóa và thống nhất. Cụ thể, phương thức nộp hồ sơ hải quan điện tử sẽ trở thành phương thức nộp hồ sơ hải quan chủ yếu. Hồ sơ hải quan sẽ được người khai hải quan nộp dưới dạng điện tử (bản scan có gắn chữ ký số) ngay khi thực hiện đăng ký tờ khai hải quan. Như vậy, người khai hải quan không cần phải chuẩn bị bộ hồ sơ hải quan dưới dạng giấy và mang đến cơ quan hải quan để nộp như hiện tại.  
 Ngoài ra, phân biệt cụ thể hồ sơ hải quan người khai hải quan cần nộp cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục hải quan với hồ sơ hải quan người khai hải quan cần phải lưu giữ tại trụ sở của người khai hải quan để xuất trình khi cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra, thanh tra.

Theo đó, hồ sơ hải quan nộp khi làm thủ tục hải quan sẽ chỉ bao gồm tối thiểu các chứng từ cung cấp thông tin cần thiết cho quản lý hải quan chứ không phải tất cả các chứng từ có liên quan đến lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu. Quy định mới này vừa đảm bảo tính minh bạch vừa giảm thiểu chi phí và nhân lực cho cả doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong khâu chuẩn bị hồ sơ hải quan và kiểm tra hồ sơ hải quan.

Để đảm bảo tính thống nhất trong khai báo và điện tử hóa hơn nữa việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử ngoài các nguyên tắc khai hải quan đã quy định tại Điều 19 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 39/2018/TT-BTC bổ sung một số nguyên tắc như một vận đơn phải được khai trên một tờ khai hải quan nhập khẩu.

Trường hợp một vận đơn khai báo cho nhiều tờ khai hải quan, người khai hải quan thông báo tách vận đơn với cơ quan hải quan trước khi đăng ký tờ khai hải quan. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu không có vận đơn người khai hải quan thực hiện lấy số quản lý hàng hóa thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi khai hải quan.

Đồng thời, hàng hóa thuộc nhiều tờ khai hải quan xuất khẩu của cùng một chủ hàng đóng chung container hoặc chung phương tiện chứa hàng thì người khai hải quan phải thông báo thông tin hàng hóa đóng chung container, chung phương tiện chứa hàng thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi thực hiện các thủ tục đưa hàng qua khu vực giám sát hải quan.

Một điểm mới nữa là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải có giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thì phải có giấy phép tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan và phải khai đầy đủ thông tin giấy phép trên tờ khai hải quan.  
Bên cạnh đó, trường hợp hàng hóa gửi nhầm, gửi thừa so với hợp đồng mua bán hàng hóa, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung hoặc từ chối nhận hàng theo quy định.

Trường hợp hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, nếu người khai hải quan muốn tiếp tục thực hiện thủ tục hải quan, người khai hải quan có văn bản thông báo cho Chi cục Hải quan nơi dự kiến làm thủ tục hải quan và phương thức khai hải quan trong thời gian khắc phục sự cố.

Theo quy định hiện hành tại Luật Hải quan 2014 thì nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan được quy định như sau:

+ Hàng hóa, phương tiện vận tải phải được làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan; vận chuyển đúng tuyến đường, đúng thời gian qua cửa khẩu hoặc các địa điểm khác theo quy định của pháp luật.

+ Kiểm tra, giám sát hải quan được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro nhằm bảo đảm hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về hải quan và tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

+ Hàng hóa được thông quan, phương tiện vận tải được xuất cảnh, nhập cảnh sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan.

+ Thủ tục hải quan phải được thực hiện công khai, nhanh chóng, thuận tiện và theo đúng quy định của pháp luật.

+ Việc bố trí nhân lực, thời gian làm việc phải đáp ứng yêu cầu hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

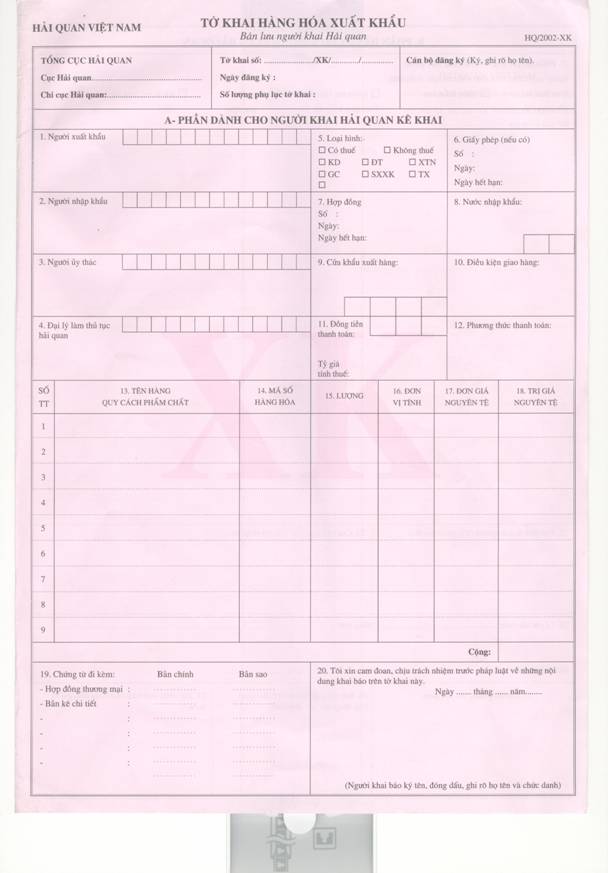
Nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan được quy định tại[Điều 16 Luật Hải quan 2014](http://thukyluat.vn/vb/luat-hai-quan-2014-3a42d.html).

# Chương 2: Thủ tục khai báo hải quan truyền thống

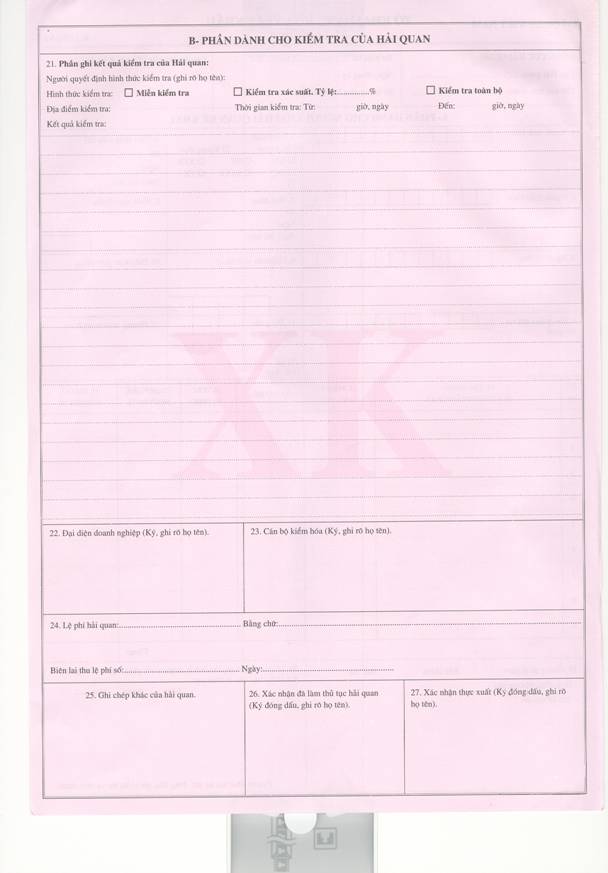
## 2.1. Thủ tục khai báo hải quan đối với các loại hình xuất, nhập khẩu hàng hóa cơ bản.

### 2.1.1. Tờ khai hàng hóa xuất nhập khẩu và hướng dẫn sử dụng

- Tờ khai hàng hóa xuất khẩu mẫu HQ/2002-XK và phụ lục tờ khai xuất khẩu PLTK/2002-XK



Hình 2.1:Tờ khai hàng hóa xuất khẩu mẫu HQ/2002-XK



Hình 2.2: Tờ khai hàng hóa xuất khẩu mẫu HQ/2002-XK

  HƯỚNG DẪN KHAI BÁO

Hướng dẫn khai báo tờ khai trị giá hải quan hàng hóa nhập khẩu.

- Tờ khai trị giá hải quan được sử dụng để khai báo cho nhiều mặt hàng. Trường hợp số lượng mặt hàng nhiều thì người khai hải quan có thể thêm dòng để kéo dài sang các trang tiếp theo.

- Số cột các khoản điều chỉnh cộng (9), các khoản điều chỉnh trừ (10): Người khai hải quan tự điều chỉnh số cột tương ứng với các khoản điều chỉnh cần kê khai.

- Phần khai báo trên tờ khai:

**PHẦN KHAI BÁO CỦA NGƯỜI KHAI HẢI QUAN**

|  |  |
| --- | --- |
| Trang số … /…tổng số trang | Ghi số thứ tự từng trang tờ khai trị giá Hải quan / tổng số trang tờ khai trị giá hải quan.  *Ví dụ: Lô hàng nhập khẩu có 30 mặt hàng và khai báo trên 02 tờ khai trị giá hải quan: Trên mặt tờ khai thể hiện: Trang số 1/2 trang; trang số 2/2 trang.* |
| Tiêu thức 1 | Ghi ngày vận đơn. |
| ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG TRỊ GIÁ GIAO DỊCH | |
| Tiêu thức 2 | Khai báo CÓ nếu người mua có đầy đủ quyền định đoạt, quyền sử dụng hàng hóa sau khi nhập khẩu.  Khai báo KHÔNG nếu người mua không có đầy đủ quyền định đoạt, quyền sử dụng hàng hóa sau khi nhập khẩu. |
| Tiêu thức 3 | Khai báo CÓ nếu việc bán hàng hay giá cả hàng hóa có phụ thuộc vào một số điều kiện dẫn đến việc không xác định được trị giá của hàng hóa cần xác định trị giá hải quan.  Ví dụ: Vở và bút được đóng gói chung để bán lẻ. Người mua và người bán thỏa thuận đơn giá cho từng gói hàng để bán lẻ, vì vậy không thể xác định được đơn giá của từng mặt hàng bút, vở.  Khai báo KHÔNG nếu việc bán hàng hay giá cả của hàng hóa không phụ thuộc vào bất kỳ điều kiện nào. |
| Tiêu thức 4 | Khai báo CÓ nếu sau khi bán lại, chuyển nhượng hoặc sử dụng hàng hóa người mua phải trả thêm khoản tiền từ số tiền thu được do việc định đoạt hàng hóa nhập khẩu mang lại.  Nếu trên đây đã khai báo CÓ thì khai báo tiếp khoản tiền đó có phải là khoản tiền nêu tại tiêu thức 9 (P) không:  Khai báo KHÔNG, người khai hải quan sử dụng phương pháp khác để xác định trị giá hải quan.  Khai báo CÓ, người khai hải quan tiếp tục khai báo trên tờ khai này. |
| Tiêu thức 5 | Khai báo CÓ nếu mối quan hệ đặc biệt giữa người mua và người bán thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 7 Thông tư này.  Khai báo mối quan hệ đó có ảnh hưởng đến trị giá giao dịch hay không.  Khai báo KHÔNG nếu mối quan hệ giữa người mua và người bán không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 7 Thông tư này.  Trường hợp mối quan hệ đặc biệt ảnh hưởng đến giá cả, người khai hải quan sử dụng phương pháp tiếp theo để xác định trị giá hải quan. |
| TRỊ GIÁ HÓA ĐƠN VÀ CÁC KHOẢN ĐIỀU CHỈNH | |
| Tiêu thức 6 | Ghi số thứ tự (số liên tục) của các mặt hàng kê khai trên tờ khai trị giá hải quan. |
| Tiêu thức 7 | Ghi số thứ tự mặt hàng theo số thứ tự của các mặt hàng tương ứng đã khai tại tờ khai hàng hóa nhập khẩu.  Số mặt hàng tại tờ khai trị giá hải quan phải bằng số mặt hàng tại tờ khai hàng hóa nhập khẩu. |
| I. TRỊ GIÁ GIAO DỊCH | |
| Tiêu thức 8a | Khai báo trị giá nguyên tệ trên hóa đơn (theo từng mặt hàng).  Ví dụ 1: Hóa đơn thương mại thể hiện giá hóa đơn: 1.000 USD/ bộ FOB Osaka, số lượng 5 bộ, khai báo tại tiêu thức 8: 5.000 USD. |
| Tiêu thức 8b | - Khai báo các khoản thanh toán gián tiếp quy định tại Điều 13 Thông tư này nếu chưa bao gồm trong giá mua ghi trên hóa đơn thương mại.  - Trường hợp việc mua bán hàng hóa hay giá cả của hàng hóa phụ thuộc vào một hay một số điều kiện đã khai báo tại tiêu thức 2 đến tiêu thức 5, nhưng người mua có tài liệu khách quan, hợp lệ để xác định mức ảnh hưởng bằng tiền của sự phụ thuộc đó, thì người khai hải quan khai báo khoản tiền được giảm do sự ảnh hưởng đó tại tiêu thức này. |
| Tiêu thức 8c | Khai báo các khoản trả trước, ứng trước, đặt cọc liên quan đến việc mua hàng hóa nhập khẩu, nếu các khoản này chưa bao gồm trong giá mua ghi trên hóa đơn thương mại. |
| II. CÁC KHOẢN PHẢI CỘNG | |
| Tiêu thức 9 | Người khai hải quan đối chiếu với quy định tại Điều 13 Thông tư này để kê khai.  Chỉ khai báo các khoản điều chỉnh cộng do người mua phải trả, liên quan đến hàng hóa nhập khẩu và chúng chưa bao gồm trong giá mua ghi trên hóa đơn.  Người khai hải quan khai mã khoản điều chỉnh tại các ô (…). Ví dụ nếu có khoản phí bản quyền thì khai E vào ô (....), đồng thời khai trị giá của các khoản chi phí với từng mặt hàng tương ứng.  Trường hợp có khoán phí bản quyền trả sau do phụ thuộc vào doanh thu bán hàng sau nhập khẩu, tại thời điểm kê khai hải quan, người khai hải quan ghi vào ô ghi chú nội dung “có phí bản quyền hoặc khoản tiền trả sau cho các mặt hàng số...”. Lý do “…” |
| III. CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ | |
| Tiêu thức 10 | Người khai hải quan đối với quy định tại Điều 15 Thông tư này để kê khai.  Chỉ khai báo các khoản điều chỉnh trừ nếu chúng đã bao gồm trong trị giá giao dịch Người khai hải quan khai mã khoản điều chỉnh tại các ô (…).  Trường hợp giảm giá theo số lượng, tại ô “ghi chú” người khai hải quan khai tỷ lệ hoặc số tiền được giảm, đồng thời ghi rõ “giảm giá theo số lượng”. Không thực hiện điều chỉnh trừ khoản giảm giá trên tờ khai trị giá hải quan. |
| Tiêu thức 11a | - Trường hợp trị giá hóa đơn và trị giá các khoản điều chỉnh cùng nguyên tệ, tiêu thức 11(a) = tiêu thức 8 + tiêu thức 9 - tiêu thức 10. Sau đó nhân với tỷ giá tính thuế để khai vào tiêu thức 11(b).  - Trường hợp trị giá hóa đơn, và trị giá các khoản điều chỉnh không cùng nguyên tệ, người khai không cần tính tiêu thức 11(a) mà khai vào tiêu thức 11(b). |
| Tiêu thức 11b | Tiêu thức 11(b) = tiêu thức 8 + tiêu thức 9 - tiêu thức 10 sau khi đã nhân tiêu thức số 8, 9, 10 với tỷ giá tính thuế tương ứng. |
| Tiêu thức 12 | Trị giá hải quan của một mặt hàng được xác định bằng phép nhân giữa tiêu thức 11(b) trên tờ khai trị giá hải quan và tỷ giá tính thuế. |
| Tiêu thức 13 | Tổng trị giá trên hóa đơn của từng cột tiêu thức cho toàn bộ hàng hóa kê khai. |
| Tiêu thức 14 | Tổng trị giá giao dịch, tổng trị giá các khoản điều chỉnh cộng, các khoản điều chỉnh trừ cho toàn bộ hàng hóa kê khai.  Ví dụ: Doanh nghiệp X Việt Nam ký hợp đồng nhập khẩu mặt hàng A, B, C với công ty Y ở nước ngoài.  - Tại hóa đơn thương mại, có ghi như sau:  Mặt hàng A: trị giá giao dịch là 56.000usd  Mặt hàng B: trị giá giao dịch là 50.000usd, chi phí đóng gói là 2.000usd  Mặt hàng C: trị giá giao dịch là 25.000usd.  - Hợp đồng mua bán hàng hóa có ghi điều kiện giao hàng là giá FOB (Hải Phòng), chi phí vận tải quốc tế là 5.000usd.  Theo đó, tại tiêu thức số 14 ghi:  - Tổng trị giá giao dịch là 56.000 + 50.000 + 25.000 = 131.000usd  - Tổng trị giá các khoản điều chỉnh cộng là: 5.000 + 2.000 = 7.000usd  - Tổng trị giá các khoản điều chỉnh trừ là: 0 |
| Tiêu thức 15 | Người khai hải quan ghi rõ ngày, tháng, năm khai báo; ký và ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu đơn vị. |

PHẦN DÀNH CHO CÔNG CHỨC HẢI QUAN

|  |  |
| --- | --- |
| Tiêu đề của tờ khai trị giá hải quan | Công chức hải quan tiếp nhận, đăng ký tờ khai trị giá hải quan ghi số, ngày đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu của lô hàng đang được khai báo trị giá. |
| Tiêu thức 16 | Công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá hải quan ghi chép các thông tin liên quan đến việc xác định trị giá vào bản lưu tại cơ quan hải quan để chuyển đến các khâu nghiệp vụ sau và ký, ghi rõ họ tên.  Bản tờ khai trả cho người khai hải quan, công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá hải quan chỉ ký và ghi rõ họ tên.  \* Trường hợp người khai hải quan khai báo trên phụ lục tờ khai trị giá hải quan, công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá hải quan vẫn ghi chép đầy đủ vào tiêu thức này. |
| Tiêu thức 17 | Công chức hải quan kiểm tra trị giá hải quan ghi chép ý kiến đối với nội dung kiểm tra trị giá hải quan của người khai hải quan và ký, ghi rõ họ tên vào bản lưu tại cơ quan Hải quan, không ghi vào bản tờ khai trả cho người khai hải quan.  \* Trường hợp người khai hải quan khai báo trên phụ lục tờ khai trị giá hải quan, công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá hải quan ghi chép đầy đủ vào tiêu thức này. |

Bảng 2.1: Hướng dẫn khai báo tờ khai trị giá hải quan hàng hóa nhập khẩu

|  |  |
| --- | --- |
| **MẪU TỜ KHAI TRỊ GIÁ HẢI QUAN** (Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015) |  |
| **HQ/2015-TG2** |

BỘTÀICHÍNH  
**TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**TỜ KHAI TRỊ GIÁ HẢI QUAN**

Kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu số ……………. ngày …../…../20

Trangsố …… /……… (tổngsố trang)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. Lý do không áp dụng phương pháp xác định trị giá hải quan trước đó:** | | |
| **II. Tên hàng hóa cần xác định trị giá hải quan:**  Số thứ tự trên tờ khai nhập khẩu: Ngày xuất khẩu: | | |
| **PHƯƠNG PHÁP 2,3**  **III. Thông tin về hàng hóa nhập khẩu giống hệt, tương tự:**  + Tên hàng hóa nhập khẩu giống hệt, tương tự:  + Số thứ tự trên tờ khai nhập khẩu:  + Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số ……….. ngày ….. tháng ….. năm 200... đăng ký tại Chi cục hải quan  Cục Hải quan  + Ngày xuất khẩu:  **IV. Xác định trị giá hải quan và giải trình:**   |  |  | | --- | --- | |  | **Nguyên tệ** | | **1. Trị giá hải quan của hàng hóa nhập khẩu giống hệt, tương tự** |  | | **2. Các khoản điều chỉnh** (+/-) |  | | (a) Điều chỉnh về cấp độ thương mại |  | | (b) Điều chỉnh về số lượng |  | | (c) Điều chỉnh các khoản giảm giá khác |  | | (d) Điều chỉnh về chi phí vận tải |  | | (đ) Điều chỉnh về phí bảo hiểm |  | | **3. Trị giá hải quan nguyên tệ của hàng hóa cần xác định trị giá hải quan = (1) ± (2)** |  | | **4. Trị giá hải quan bằng Đồng Việt Nam = (3) x tỷ giá** |  |   **Giải trình các khoản điều chỉnh và chứng từ kèm theo:** | | |
| **PHƯƠNG PHÁP 4**  **III. Thông tin về hàng hóa nhập khẩu đã bán lại trong nước được lựa chọn để khấu trừ:**  + Tên hàng hóa nhập khẩu đã bán lại:  + Các thông tin liên quan khác:  **IV. Xác định trị giá hải quan và giải trình**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Đồng Việt Nam** | **Tỷ lệ (%) so với giá bán** | | **1. Đơn giá bán trên thị trường Việt Nam** |  |  | | **2. Các khoản được khấu trừ (tính trên một đơn vị hàng hóa)** |  |  | | - Tiền hoa hồng |  |  | | - Khoản lợi nhuận và chi phí quản lý chung |  |  | | - Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng nội địa |  |  | | - Chi phí bảo hiểm nội địa |  |  | | - Phí/lệ phí/thuế |  |  | | **3. Đơn giá bằng đồng Việt Nam = (1) - (2)** |  |  | | **4. Trị giá hải quan bằng đồng Việt Nam của hàng hóa nhập khẩu cần xác định trị giá hải quan = (3)\*số lượng** |  |  |   **Giải trình các khoản điều chỉnh và chứng từ kèm theo:** | | |
| **PHƯƠNG PHÁP 5**  **III. Thông tin về tên, địa chỉ đơn vị cung cấp số liệu về chi phí sản xuất:**  **IV. Xác định trị giá hải quan và giải trình:**   |  |  | | --- | --- | |  | **Trị giá nguyên tệ** | | **1. Giá thành sản phẩm** (tính theo lô hàng) |  | | **2. Các chi phí phải điều chỉnh** |  | | - Hoa hồng bán hàng và phí môi giới |  | | - Chi phí bao bì gắn liền với hàng hóa |  | | - Chi phí đóng gói hàng hóa |  | | - Các khoản trợ giúp |  | | - Tiền bản quyền, phí giấy phép |  | | - Khoản phải trả trừ số tiền thu được sau khi định đoạt hay sử dụng hàng hóa nhập khẩu |  | | - Chi phí vận tải, bốc xếp, chuyển hàng đến cửa khẩu nhập đầu tiên |  | | - Chi phí bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu đến cửa khẩu nhập đầu tiên |  | | **3. Lợi nhuận và chi phí chung** |  | | **4. Phí, lệ phí và thuế phải nộp (mà không được hoàn trả)** |  | | **5. Trị giá hải quan nguyên tệ của hàng hóa đang cần xác định trị giá = (1) + (2) + (3) + (4)** |  | | **6. Trị giá hải quan bằng Đồng Việt Nam = (5) x tỷ giá** |  |   **Phương pháp kế toán đã áp dụng và các chứng từ đã sử dụng:** | | |
| **PHƯƠNG PHÁP 6**  **III. Các thông tin được sử dụng để xác định trị giá hải quan:**  **IV. Xác định trị giá hải quan và giải trình**  **1. Lựa chọn cách xác định trị giá hải quan**  **2. Giải trình:**  **3. Trị giá hải quan nguyên tệ của hàng hóa nhập khẩu cần xác định trị giá hải quan:**  **4. Trị giá hải quan bằng đồng Việt Nam = (3) x tỷ giá**  **Các chứng từ đã sử dụng đính kèm:** | | |
| **V. Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên tờ khai này.**  Ngày ….. tháng …. năm …..  (Người khai hải quan ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu) | **PHẦN DÀNH RIÊNG CHO CÔNG CHỨC HẢI QUAN** | |
| **VI. Ghi chép của công chức hải quan tiếp nhận tờ khai**  (Ký, ghi rõ họ tên) | **VII. Ghi chép của công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá hải quan**  (Ký, ghi rõ họ tên) |

Bảng 2.2 Mẫu tờ khai

**HƯỚNG DẪN KHAI BÁO**

**Hướng dẫn khai báo tờ khai trị giá hải quan hàng hóa nhập khẩu.**

- Tờ khai trị giá hải quan được sử dụng để khai báo cho nhiều mặt hàng. Trường hợp số lượng mặt hàng nhiều thì người khai hải quan có thể thêm dòng để kéo dài sang các trang tiếp theo.

- Trên cơ sở mẫu khai báo, người khai hải quan có thể tự thiết kế thêm các tiêu chí cho phù hợp với hồ sơ nhập khẩu nhưng phải đảm bảo đầy đủ các nội dung được quy định trong mẫu khai báo trị giá hải quan đó.

- Phần khai báo trên tờ khai:

**PHẦN KHAI BÁO CỦA NGƯỜI KHAI HẢI QUAN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trang số ... /...tổng số trang** | | Ghi số thứ tự từng trang tờ khai trị giá hải quan/ tổng số trang tờ khai trị giá hải quan.  Ví dụ: Lô hàng nhập khẩu có 30 mặt hàng và khai báo trên 02 tờ khai trị giá hải quan: Trên mặt tờ khai thể hiện: Trang số 1/ 2 trang; trang số 2/ 2 trang. |
| **Tiêu thức số I** | | Người khai hải quan ghi rõ lý do tại sao không sử dụng phương pháp xác định trị giá trước đó. |
| **Tiêu thức số II** | | - Tên hàng: Ghi rõ tên hàng, quy cách, phẩm chất của hàng hóa theo hợp đồng thương mại.  - Số thứ tự trên tờ khai nhập khẩu: Ghi rõ số thứ tự của mặt hàng cần xác định trị giá hải quan tương ứng trên tờ khai nhập khẩu.  - Ngày xuất khẩu: Ghi ngày vận đơn của lô hàng đó. |
| **Tiêu thức số III** | | **1. Trường hợp người khai hải quan xác định trị giá theo phương pháp trị giá giao dịch của hàng giống hệt/tương tự**  - Tên hàng hóa nhập khẩu giống hệt/Tên hàng hóa nhập khẩu tương tự: người khai hải quan khai báo theo kết quả kiểm hóa của hàng hóa nhập khẩu giống hệt/hàng hóa nhập khẩu tương tự.  - Số thứ tự trên tờ khai nhập khẩu: Ghi rõ số thứ tự của hàng hóa nhập khẩu giống hệt, tương tự tương ứng trên tờ khai nhập khẩu  - Ngày xuất khẩu: Ghi ngày phát hành vận đơn của lô hàng giống hệt/ tương tự đó.  **2. Trường hợp người khai hải quan xác định trị giá theo phương pháp trị giá khấu trừ**  - Tên hàng hóa nhập khẩu đã bán lại trong nước được lựa chọn để khấu trừ: người khai hải quan khai báo theo kết quả kiểm hóa.  **3. Trường hợp người khai hải quan xác định trị giá theo phương pháp trị giá tính toán**  - Tên, địa chỉ đơn vị cung cấp số liệu về chi phí sản xuất: Người khai hải quan khai báo rõ tên, địa chỉ của người sản xuất hay đại diện của người sản xuất, đã cung cấp thông tin để xác định trị giá tính toán  **4. Trường hợp người khai hải quan xác định trị giá theo phương pháp suy luận**  - Các thông tin được sử dụng để xác định trị giá hải quan: Khai báo chi tiết nguồn thông tin được khai thác để xác định trị giá hải quan (số ngày đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu giống hệt/tương tự; số, ngày hóa đơn bán lại hàng hóa nhập khẩu trên thị trường Việt Nam; thông tin thu được từ người sản xuất;...). |
| **Tiêu thức số IV** | | **1. Trường hợp người khai hải quan xác định trị giá theo phương pháp trị giá giao dịch của hàng giống hệt/tương tự**  - Xác định trị giá hải quan và giải trình: Người khai hải quan căn cứ Điều 8, Điều 9 Thông tư này để khai báo và xác định trị giá hải quan nguyên tệ của mặt hàng đang cần xác định trị giá.  - Các khoản điều chỉnh:  Trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu giống hệt/hàng hóa nhập khẩu tương tự không có cùng điều kiện mua bán với lô hàng đang xác định trị giá hải quan thì người khai hải quan phải xác định từng khoản điều chỉnh tương ứng, nếu là điều chỉnh tăng thì đánh dấu cộng (+), nếu là điều chỉnh giảm thì đánh dấu trừ (-) trước khoản điều chỉnh đó và ghi vào cột “nguyên tệ”.  - Giải trình các khoản điều chỉnh: Người khai hải quan giải trình cụ thể cách xác định từng khoản điều chỉnh.  Chứng từ kèm theo:  + Liệt kê các chứng từ quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này.  + Ghi các số liệu, chứng từ đã sử dụng để xác định các khoản điều chỉnh.  **2. Trường hợp người khai hải quan xác định trị giá theo phương pháp trị giá khấu trừ**  - Xác định trị giá hải quan và giải trình:  + Đơn giá bán trên thị trường Việt Nam: Trường hợp đơn giá bán được lựa chọn để khấu trừ được tính trên đơn vị hàng hóa khác với đơn vị hàng hóacủa lô hàng nhập khẩu đang xác định trị giá hải quan thì phải điều chỉnh đơn giá phù hợp với đơn vị hàng hóa của lô hàng đang xác định trị giá hải quan trước khi tiến hành khấu trừ.  + Các khoản được khấu trừ tính trên một đơn vị hàng hóa: Người khai hải quan đối chiếu với quy định tại Điều 10 Thông tư này để khai báo.  Riêng đối với “Khoản lợi nhuận và chi phí quản lý chung” người khai hải quan phải tính toán tỷ lệ phần trăm so với đơn giá bán và khai báo vào cột “tỷ lệ phần trăm so với giá bán”.  - Giải trình các khoản được khấu trừ: Người khai hải quan ghi rõ:  + Căn cứ tính toán (nguồn số liệu,…).  + Phương pháp tính toán số học.  - Chứng từ kèm theo:  Người khai hải quan khai tên các loại chứng từ đã sử dụng để xác định trị giá hải quan và được nộp cùng tờ khai trị giá hải quan hải quan.  **3. Trường hợp người khai hải quan xác định trị giá theo phương pháp trị giá tính toán**  - Xác định trị giá hải quan và giải trình:  Người khai hải quan căn cứ các quy định tại Điều 11 Thông tư này để khai báo.  - Phương pháp kế toán đã áp dụng và chứng từ đã sử dụng: Người khai hải quan khai báo rõ phương pháp kế toán, chứng từ, tài liệu đã sử dụng để xác định trị giá tính toán.  **4. Trường hợp người khai hải quan xác định trị giá theo phương pháp suy luận**  - Xác định trị giá hải quan: Người khai hải quan căn cứ quy định tại Điều 12 Thông tư này để khai báo.  - Giải trình: Người khai hải quan giải trình cụ thể về cách thức xác định định trị giá hải quan. |
| **Tiêu thức số V** | Người khai hải quan ghi ngày, tháng, năm khai báo và ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu đơn vị trên tờ khai trị giá hải quan. | |

**PHẦN DÀNH CHO CÔNG CHỨC HẢI QUAN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề của tờ khai trị giá hải quan** | Công chức hải quan tiếp nhận) đăng ký tờ khai trị giá hải quan ghi số, ngày đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu của lô hàng đang được khai báo trị giá. |
| **Tiêu thức VI** | Công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá hải quan ghi chép các thông tin liên quan đến việc xác định trị giá vào bản lưu tại quan hải quan để chuyển đến các khâu nghiệp vụ sau và ký, ghi rõ họ tên.  Bản tờ khai trả cho người khai hải quan, công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá hải quan chỉ ký và ghi rõ họ tên.  \* Trường hợp người khai hải quan khai báo trên phụ lục tờ khai trị giá hải quan, công chức hải quan tiếp nhận tờ khai trị giá hải quan vẫn ghi chép đầy đủ vào tiêu thức này. |
| **Tiêu thức VII** | Công chức hải quan kiểm tra trị giá hải quan ghi chép ý kiến đối với nội dung kiểm tra trị giá hải quan của người khai hải quan và ký, ghi rõ họ tên vào bản lưu tại cơ quan Hải quan, không ghi vào bản tờ khai trả cho người khai hải quan.  \* Trường hợp người khai hải quan khai báo trên phụ lục tờ khai trị giá hải quan, công chức hải quan kiểm tra, xác định trị giá hải quan vẫn ghi chép đầy đủ vào tiêu thức này. |

### Bảng 2.3: Phần khai báo trên tờ khai

### 2.1.2. Thủ tục khai báo hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại

#### 2.1.2.1 Đối với hàng xuất khẩu

##### a. Đối với hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài

Căn cứ tại điều 16 thông tư 38/2015/Tt-BTC về Hồ sơ hải quan như sau:

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu theo các chỉ tiêu thông tin tại Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này.

Trường hợp thực hiện trên tờ khai hải quan giấy theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, người khai hải quan khai và nộp 02 bản chính tờ khai hàng hóa xuất khẩu theo mẫu HQ/2015/XK Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư này;

Giấy phép xuất khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu: 01 bản chính nếu xuất khẩu một lần hoặc 01 bản chụp kèm theo Phiếu theo dõi trừ lùi nếu xuất khẩu nhiều lần;

Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy thông báo kết quả kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật: 01 bản chính.

Đối với chứng từ quy định tại điểm b, điểm c khoản này, nếu áp dụng cơ chế một cửa quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành gửi giấy phép xuất khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra, miễn kiểm tra chuyên ngành dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, người khai hải quan không phải nộp khi làm thủ tục hải quan.”

Hồ sơ cần có:

+ Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (Tờ khai hải quan)

+ Giấy phép xuất khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu

+ Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy thông báo kết quả kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành.

##### b. Đối với hàng hóa bán hàng cho khu chế xuất:

Căn cứ vào điều 75 thông tư 38/2015/Tt-BTC về thủ tục đối với DN chế xuất:

DNCX, doanh nghiệp nội địa làm thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ theo loại hình tương ứng

Căn cứ vào điều 86 thông tư 38/2015/Tt-BTC về thủ tục đối với DN chế xuất:

Hồ sơ hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.

Trường hợp hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thì người khai hải quan sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính thay cho hóa đơn thương mại.”

Hồ sơ cần có:

+ Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (Tờ khai hải quan)

+ Giấy phép xuất khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu

+ Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy thông báo kết quả kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành.

+ Hóa đơn bán hàng vào khu chế xuất, bên bán được phép sử dụng hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng

#### 2.1.2.2 Đối với hàng nhập khẩu

Thành phần hồ sơ:

a) Tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo các chỉ tiêu thông tin tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Trường hợp thực hiện trên tờ khai hải quan giấy theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, người khai hải quan khai và nộp 02 bản chính tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo mẫu HQ/2015/NK Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

b) Hóa đơn thương mại trong trường hợp người mua phải thanh toán cho người bán: 01 bản chụp.

Trường hợp chủ hàng mua hàng từ người bán tại Việt Nam nhưng được người bán chỉ định nhận hàng từ nước ngoài thì cơ quan hải quan chấp nhận hóa đơn do người bán tại Việt Nam phát hành cho chủ hàng.

Người khai hải quan không phải nộp hóa đơn thương mại trong các trường hợp sau:

b.1) Người khai hải quan là doanh nghiệp ưu tiên;

b.2) Hàng hóa nhập khẩu để thực hiện hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài, người khai hải quan khai giá tạm tính tại ô “Trị giá hải quan” trên tờ khai hải quan;

b.3) Hàng hóa nhập khẩu không có hóa đơn và người mua không phải thanh toán cho người bán, người khai hải quan khai trị giá hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về xác định trị giá hải quan.

c) Vận tải đơn hoặc các chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương đối với trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt, vận tải đa phương thức theo quy định của pháp luật (trừ hàng hoá nhập khẩu qua cửa khẩu biên giới đường bộ, hàng hoá mua bán giữa khu phi thuế quan và nội địa, hàng hóa nhập khẩu do người nhập cảnh mang theo đường hành lý): 01 bản chụp.

Đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ cho hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí được vận chuyển trên các tàu dịch vụ (không phải là tàu thương mại) thì nộp bản khai hàng hoá (cargo manifest) thay cho vận tải đơn;

d) Giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu; Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan: 01 bản chính nếu nhập khẩu một lần hoặc 01 bản chụp kèm theo Phiếu theo dõi trừ lùi nếu nhập khẩu nhiều lần;

đ) Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc Giấy thông báo kết quả kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật: 01 bản chính.

Đối với chứng từ quy định tại điểm d, điểm đ nêu trên nếu áp dụng cơ chế một cửa quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành gửi giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra, miễn kiểm tra chuyên ngành dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, người khai hải quan không phải nộp khi làm thủ tục hải quan;

e) Tờ khai trị giá: Người khai hải quan khai tờ khai trị giá theo mẫu, gửi đến Hệ thống dưới dạng dữ liệu điện tử hoặc nộp cho cơ quan hải quan 02 bản chính (đối với trường hợp khai trên tờ khai hải quan giấy). Các trường hợp phải khai tờ khai trị giá và mẫu tờ khai trị giá thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

g) Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa (Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ): 01 bản chính hoặc chứng từ dưới dạng dữ liệu điện tử trong các trường hợp sau:

g.1) Hàng hoá có xuất xứ từ nước hoặc nhóm nước có thoả thuận về áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt với Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia, nếu người nhập khẩu muốn được hưởng các chế độ ưu đãi đó;

g.2) Hàng hoá thuộc diện do Việt Nam hoặc các tổ chức quốc tế thông báo đang ở trong thời điểm có nguy cơ gây hại đến an toàn xã hội, sức khoẻ của cộng đồng hoặc vệ sinh môi trường cần được kiểm soát;

g.3) Hàng hoá nhập khẩu từ các nước thuộc diện Việt Nam thông báo đang ở trong thời điểm áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế chống phân biệt đối xử, thuế tự vệ, thuế suất áp dụng theo hạn ngạch thuế quan;

g.4) Hàng hoá nhập khẩu phải tuân thủ các chế độ quản lý nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Trường hợp theo thoả thuận về áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt với Việt Nam hoặc theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định về việc nộp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu là chứng từ điện tử hoặc Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa của người sản xuất/người xuất khẩu/người nhập khẩu thì cơ quan hải quan chấp nhận các chứng từ này.

### 2.1.3 Thủ tục hải quan hàng xuất khẩu

Để làm thủ tục hải quan hàng xuất khẩu các bạn sẽ thực hiện các bước như sau:

**Bước 1**: chuẩn bị chứng từ khai tờ khai hải quan gồm

Booking note

[Invoice](https://songanhlogs.com/invoice-trong-xuat-nhap-khau-la-gi.html)

[Packing list](https://songanhlogs.com/packing-list-la-gi-trong-xuat-nhap-khau.html)

Giấy phép xuất khẩu (nếu hàng xuất cần giấy phép)

**Bước 2**: Truyền tờ khai trên phần mềm Ecus5 và xem [phân luồng tờ khai](https://songanhlogs.com/phan-luong-hai-quan-la-gi-va-y-nghia-cua-luong-xanh-vang-do.html), sau khi truyền tờ khai xong bạn cần đính kèm INVOICE lên phần mềm Ecus5 ở phần “quản lý tờ khai”

*Lưu ý*: đối với hàng xuất cần giấy phép bạn cần có giấy phép trước, và phải khai đầy đủ thông tin giấy phép trên tờ khai.

**Bước 3** : Chuẩn bị chứng từ đi [mở tờ khai hải quan](https://songanhlogs.com/to-khai-hai-quan-dien-tu.html), tùy tờ khai được phân luồng gì mà bạn chuẩn bị hồ sơ mở tờ khai cho phù hợp.

Lưu ý khi in chứng từ:Đối với luồng xanh : in mã vạch và tờ khai không cần chữ ký và con dấu doanh nghiệp

Đối với luồng vàng và đỏ : tờ khai không cần dấu DN, invoice, packing list bạn chỉ cần in bản có ký chữ ký số.

**Bước 4** : ra cảng /ICD / sân bay hoàn thành thủ tục hải quan

Luồng xanh: chỉ cần trình mã vạch và tờ khai thông quan cho bộ phận kho hàng xuất (hàng kho), bộ phần vào sổ tàu (hàng container) hoặc hải quan giám sát (hàng sân bay) để đối chiếu tờ khai.

Luồng vàng: Trình tờ khai và invoice cho hải quan đăng ký tại quầy đăng ký tờ khai

Hải quan quyết định thông quan tờ khai (nếu hàng xuất khẩu có [thuế xuất khẩu](https://songanhlogs.com/bieu-thue-xuat-nhap-khau-moi-nhat-download-file-excel-pdf.html), bạn phải nộp thuế xong thì mới được thông quan) khi đó bạn sẽ in được tờ mã vạch.

2.1.3.1 Hàng air : giao hàng cho đại lý > đại lý dán talong hàng hóa > cân hàng > bạn cần mã vạch + tờ khai thông quan + phiếu cân để trình hải quan giám sát > hải quan xác nhận qua khu vực giám sát



Hình 2.3 Phiếu cân

#### 2.1.3.2 Hàng lẻ:

Đầu tiên bạn phải vào phòng thương vụ đưa booking note để đăng ký số xe vào cảng, sau đó thương vụ sẽ in phiếu hướng dẫn vào kho nào, cửa bao nhiêu.

Giao hàng cho kho theo hướng dẫn của phòng thương vụ để nhập kho, nhập kho xong, người tiếp nhận hàng sẽ đo số khối, đếm số kiện và ghi thẳng vào booking note.

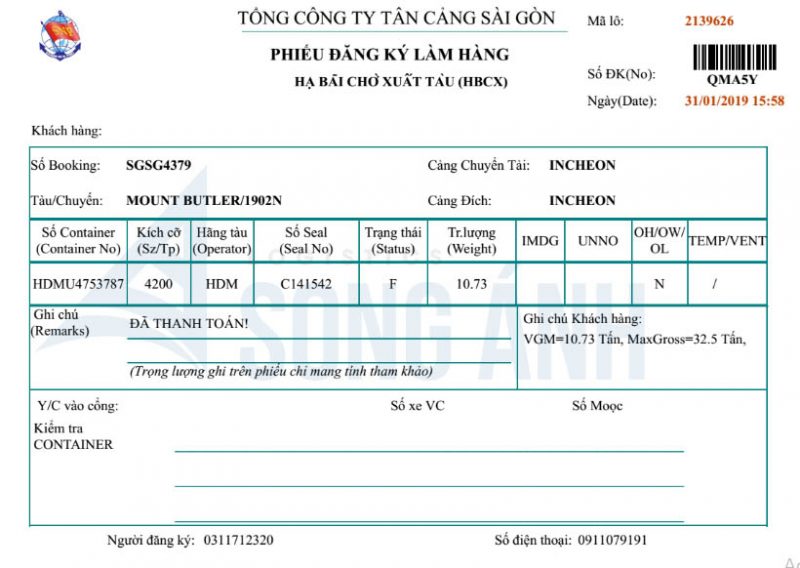
Trình booking note (có thông tin số kiện, số khối) + mã vạch và tờ khai thông quan để kho đối chiếu và xuất PHIẾU NHẬP KHO

Có phiếu (biên bản nhập [kho CFS](https://songanhlogs.com/cfs-la-phi-gi.html) xuất) là xong thủ tục

#### 2.1.3.3 Hàng nguyên container:

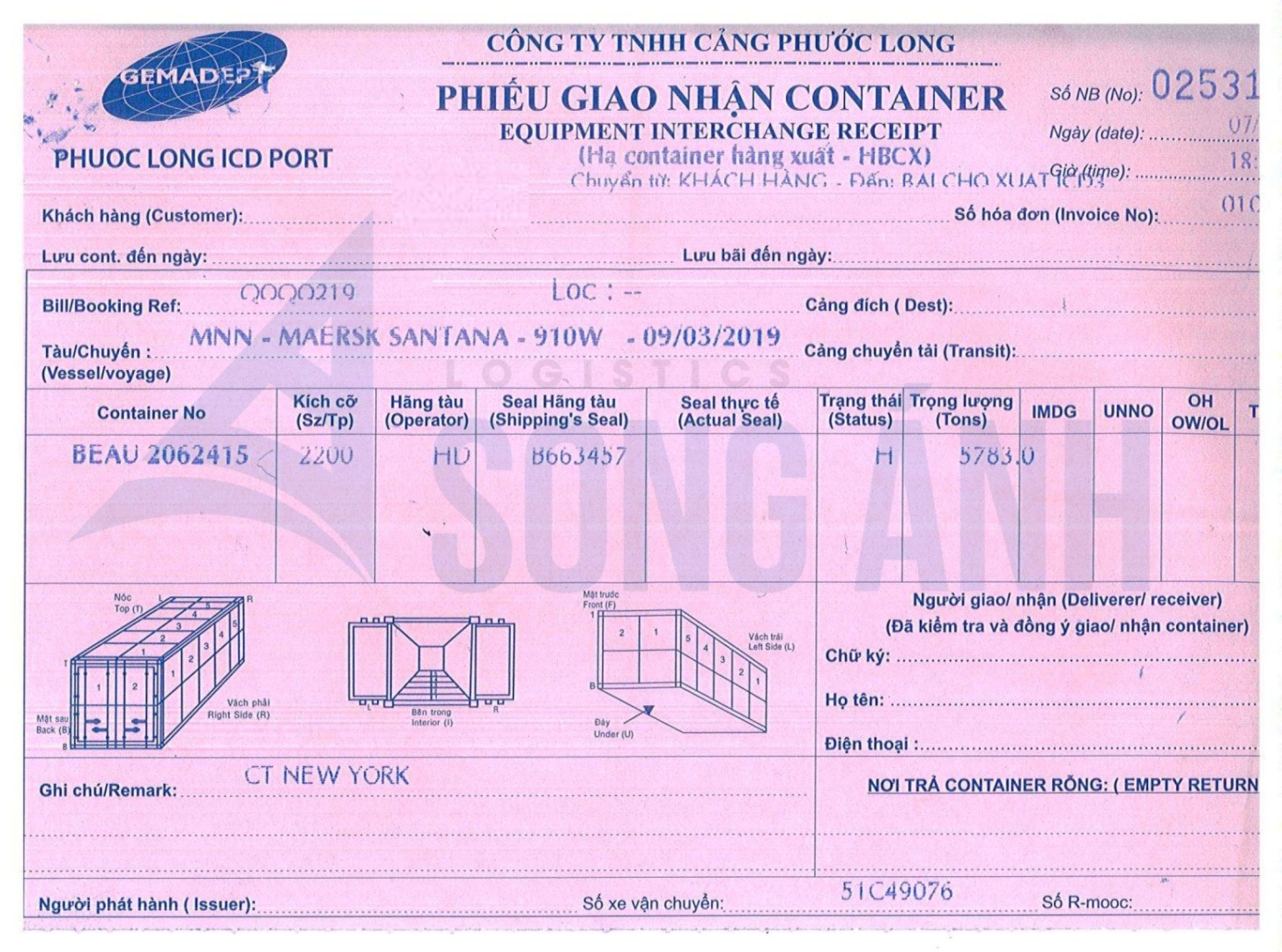
Sau khi đóng hàng xong, container được di chuyển đến Cảng theo hướng dẫn trên booking note, sau khi container được hạ bãi và đóng tiền hạ cont đầy, bạn cần mã vạch và tờ khai thông quan để đến quầy vô sổ tàu để vô sổ tàu > hoàn thành thủ tục xuất khẩu.

Tiếp theo làm phiếu đăng ký làm hàng hạ bãi:



Hình 2.4 Phiếu đăng ký làm hàng hạ bãi chờ tàu xuất

Nếu hạ cont ở các cảng khác thì tài xế sẽ đóng tiền tại cảng và lấy phiếu hạ cont như sau:

Hình 2.5 Phiếu giao nhận container

**Luồng đỏ**: Đối với tờ khai luồng đỏ, trình hồ sơ cho hải quan đăng ký giống như đối với luồng vàng, tuy nhiên thay vì kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thuế và ra quyết định thông quan, hải quan đăng ký sẽ chuyển hồ sơ đến bộ phận kiểm hóa.

**Quy trình**: hải quan đăng ký kiểm tra hồ sơ > chuyển sang lãnh đạo duyệt tỷ lệ kiểm hóa (kiểm bao nhiêu %) > lãnh đạo hải quan phân công cán bộ kiểm hóa > bạn gặp kiểm hóa và thực hiện mở hàng kiểm hóa theo quy định > sau khi kiểm xong, hải quan kiểm hóa sẽ là người quyết định thông quan.

Các bước tiếp theo thực hiện tương tự luồng vàng.

Dưới đây là **quy trình nhập khẩu hàng thông thường**, nếu nhập 1 mặt hàng cần kiểm tra chuyên ngành cần thực hiện các quy định về kiểm tra chuyên ngành trước.

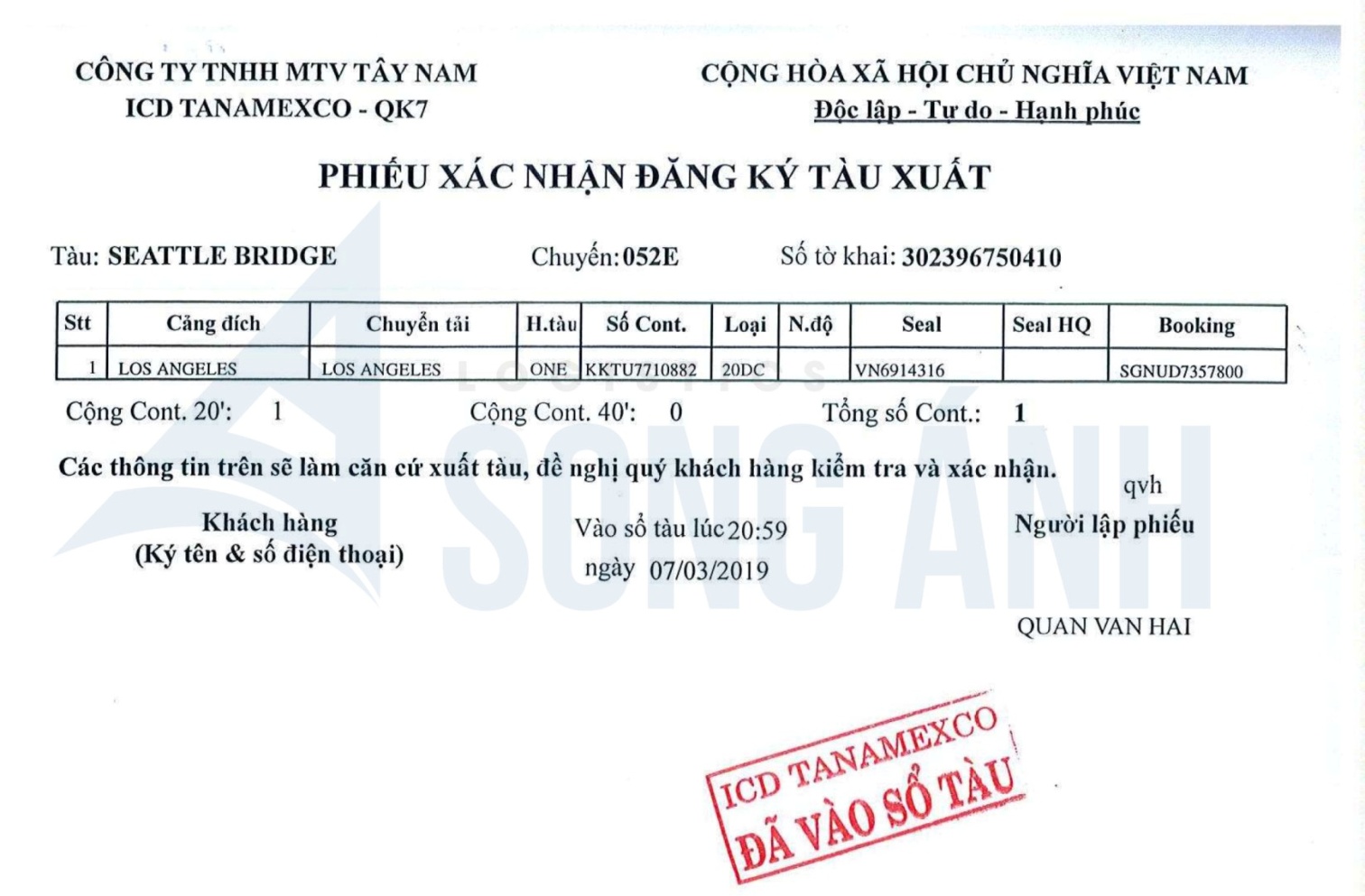
Bước 1: chuẩn bị chứng từ khai tờ khai hải quan gồm: Giấy phép nhập khẩu (nếu hàng cần giấy phép khi nhập khẩu), Hóa đơn, Packing list, Bill of lading, C/O, Phyto, C/A, C/Q

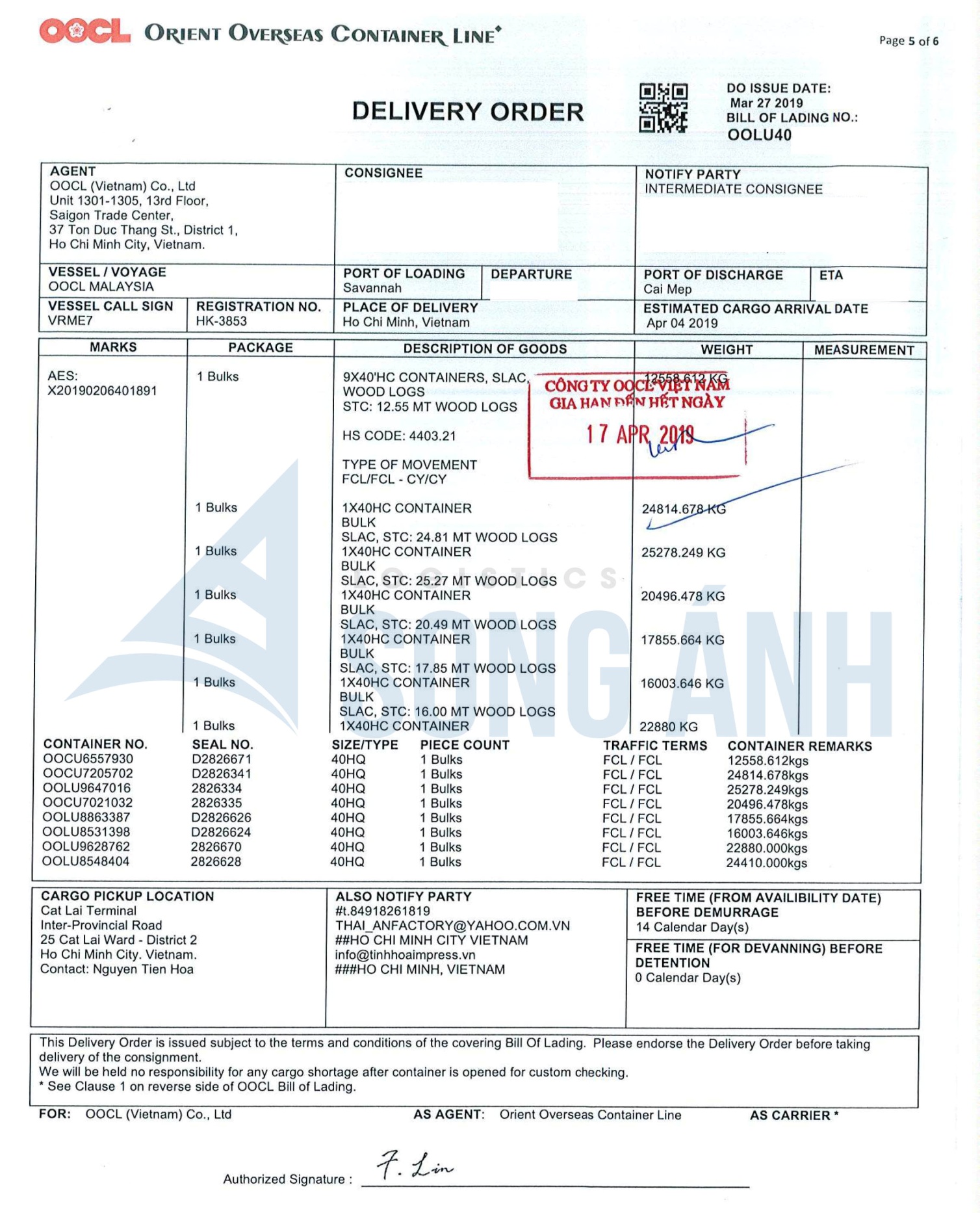
**Bước 2**: Truyền tờ khai trên phần mềm Ecus5 và xem phân luồng tờ khai.  
– Dựa vào bộ chứng từ nhập khẩu, bạn nhập dữ liệu vào phần mềm ECUS5, và xem kết quả phân luồng tờ khai : xanh/vàng/đỏ.

– Truyền tờ khai xong : bạn khai danh sách [container](https://songanhlogs.com/kich-thuoc-container-20-feet-40-45-cao-lanh-flat-rack-open-top.html) (nếu nhập cont) > sau đó đính kèm các loại chứng từ gồm: Invoice, B/L và C/O (nếu có)

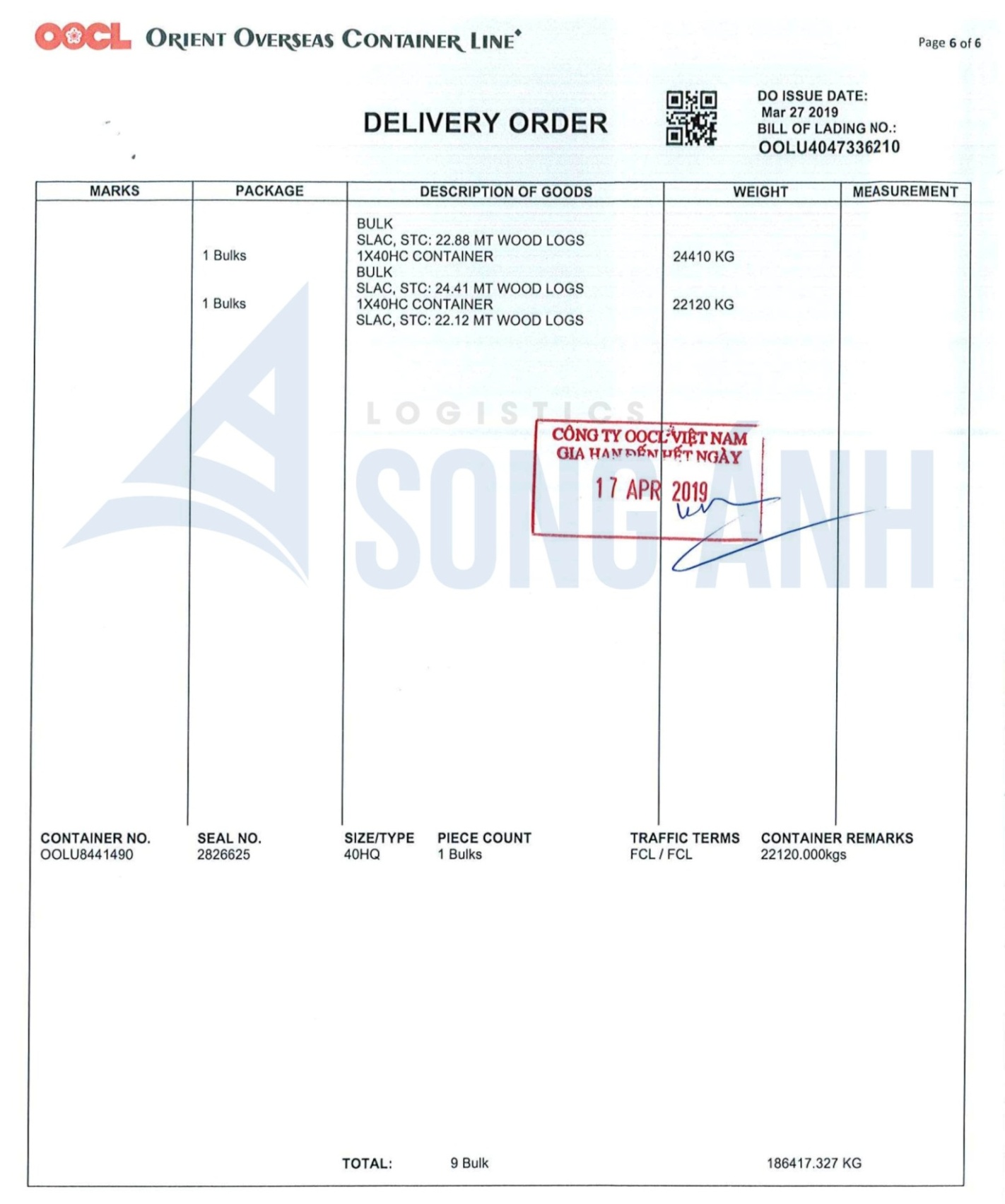
*Lưu ý*: nếu có C/O ngoài truyền bản scan, bạn cần xuất trình bản gốc tại thời điểm xuất trình tờ khai để được hưởng ưu đãi về thuế.

Bước 3: Chuẩn bị chứng từ đi mở tờ khai và lấy hàng

Hình 2.6 Phiếu xác nhận đăng ký tàu xuất



Hình 2.7 Lệnh giao hàng 1 (Delivery order)

Hinh 2.8 Lệnh giao hàng 2

**Luồng xanh**: *Luồng xanh không điều kiện*: đối với hàng miễn thuế (ví dụ như hàng gia công), sau khi tờ khai được phân luồng xanh thì sẽ kèm luôn quyết định thông quan.

*Luồng xanh có điều kiện* sau khi bạn nộp thuế hệ◊: hàng bạn cần nộp thuế (ví dụ thuế NK, Thuế GTGT, BVMT, TTĐB,…) thống sẽ tự động thông quan, hải quan sẽ không can thiệp vào. Chứng từ gồm:

Mã vạch

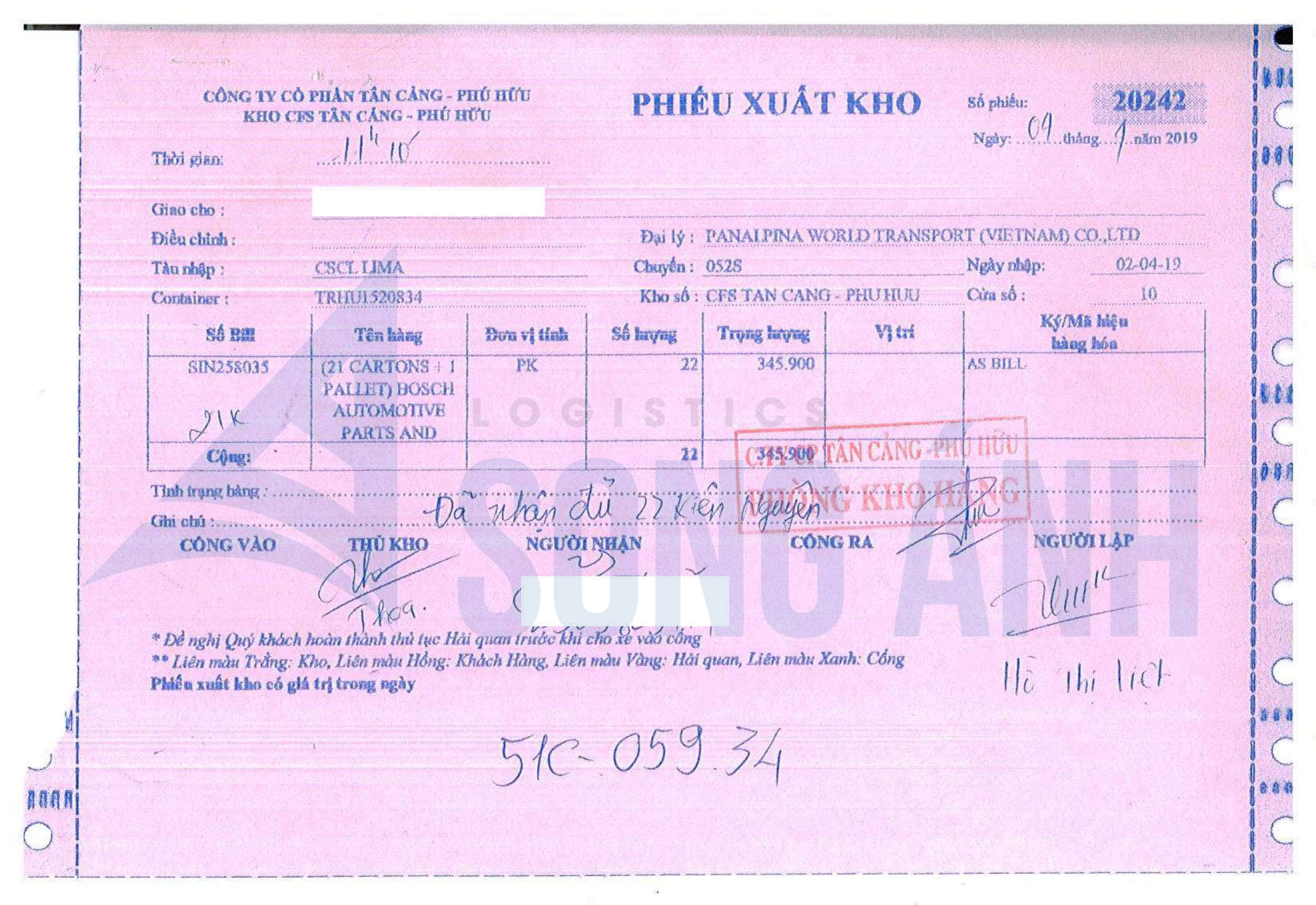
Tờ khai hải quan thông quan

Lệnh giao hàng

Sau khi hạ container xong đến quầy vô sổ tàu để vô sổ tàu lấy được phiếu xác nhận đăng ký tàu là xong thủ tục (hình 2.6)

2.1.3.4 Đối với hàng lẻ đường biển: người nhận đem chứng từ ra kho của cảng đến phòng thương vụ nhập để lấy thông tin số kho và số cửa lấy hàng (1 phiếu nhỏ trong đó có mã vạch và số kho ví dụ: kho 5 cửa 3)

Bạn đến đúng cửa, đúng kho quét mã vạch và đợi nhân viên kho mang hàng ra (thông thường là xe nâng sẽ chở hàng ra)

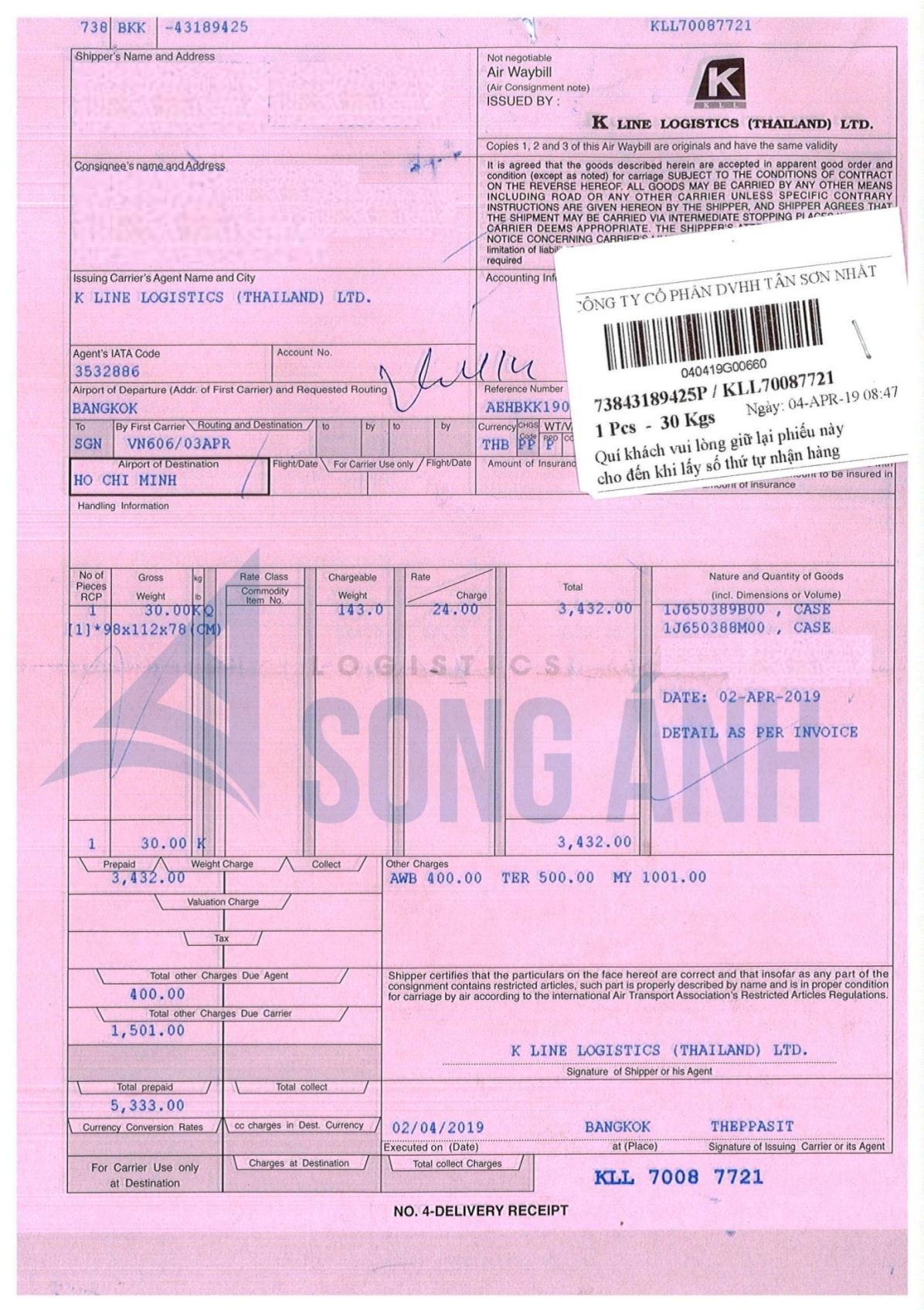
Kho đưa bạn phiếu xuất kho để ký nhận hàng, sau khi lấy được phiếu dưới đây và lấy hàng là xong thủ tụcHình 2.9 Phiếu xuất kho

#### 2.1.3.5 Đối với hàng air lẻ:

**Bước 1**: tới đại lý để lấy lệnh giao hàng

**Bước 2**: tới kho bốc số, đóng tiền lao vụ

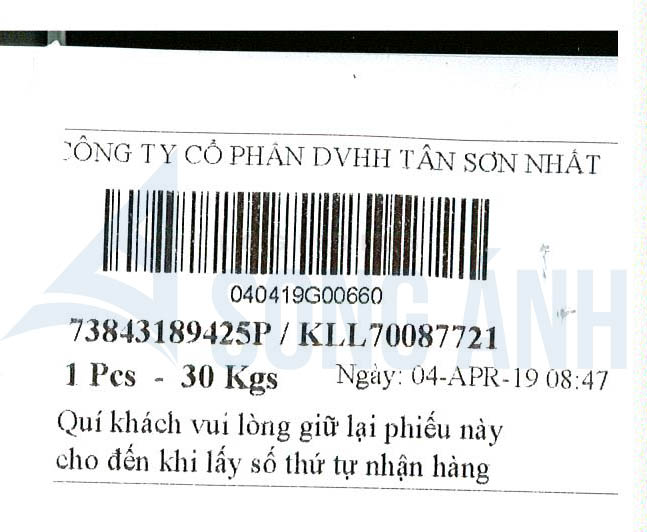
**Bước 3**: đóng tiền xong, nhân viên phòng lao vụ sẽ đưa bộ hồ sơ gồm vận đơn hàng không (AWB) của kho cùng 1 mã vạch nhỏ nhỏ kẹp vào AWB như sau:



Hinh 2.10 Vận đơn và lệnh giao hàng

**Bước 4** hải quan giám sát đóng dấu lên mã vạch và trả lại cho bạn◊: Bạn kẹp hồ sơ + chứng từ bước 2 nộp hải quan giám sát

**Bước 5**: Bạn đến máy tự động tại kho cà mã vạch (mã vạch nhỏ) để lấy số thứ tự lấy hàng



Hình 2.11: Mã vạch nhỏ

**Bước 6**: chờ hàng ra để nhận hàng



Hình 2.12: Phiếu đăng ký làm hàng

Giao phiếu đăng ký làm hàng cho tài xế xe container, tài xế sẽ vào bãi để kéo container về nhà máy > hoàn thành thủ tục nhận hàng.

**Luồng vàng và luồng đỏ**:Chứng từ gồm: các chứng từ chỉ cần in bản có chữ ký số là được, không cần có chữ ký sống và dấu DN: Invoice (1 bản), Packing list (1 bản), Billò lading 1 bản, C/O (nếu có) trường hợp có C/O phải xuất trình C/O bản gốc.

**Luồng vàng** thì bạn trình hồ sơ cho hải quan đăng ký tại quầy đăng ký tờ khai > nếu hồ sơ đúng và bạn đã đóng thuế > hải quan đăng ký sẽ thông quan tờ khai.

**Luồng đỏ**: Hải quan đăng ký kiểm tra hồ sơ, Trình lãnh đạo phân tỷ lệ kiểm, Lãnh đạo phân tỷ lệ kiểm và phân công cán bộ kiểm hóa. Hải quan kiểm hóa sẽ thông quan tờ khai

#### 2.1.3.6 Thủ tục khai báo hải quan đối với một số trường hợp cơ bản khác.

##### A. Hàng hóa theo loại hình xuất nhập khẩu tại chỗ

+ Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ gồm:

Sản phẩm gia công; máy móc, thiết bị thuê hoặc mượn; nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm thuộc hợp đồng gia công theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 187/2013/NĐ-CP;

Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp nội địa với doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan;

Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam.

+ Địa điểm làm thủ tục hải quan:

 Thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ thực hiện tại Chi cục Hải quan thuận tiện do người khai hải quan lựa chọn và theo quy định của từng loại hình.

+ Hồ sơ hải quan

Hồ sơ hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư 38/2015/TT-BTC.

Trường hợp hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thì người khai hải quan sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính thay cho hóa đơn thương mại.

+ Thời hạn làm thủ tục hải quan

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa xuất khẩu và sau khi hoàn thành việc giao nhận hàng hóa, người nhập khẩu tại chỗ phải làm thủ tục hải quan.

+ Thủ tục hải quan

Trách nhiệm của người xuất khẩu:

Khai thông tin tờ khai hàng hóa xuất khẩu và khai vận chuyển kết hợp, trong đó ghi rõ vào ô “Điểm đích cho vận chuyển bảo thuế” là mã địa điểm của Chi cục Hải quan làm thủ tục hải quan nhập khẩu và ô tiêu chí “Số quản lý nội bộ của doanh nghiệp” theo hướng dẫn tại Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này;

Thực hiện thủ tục xuất khẩu hàng hóa theo quy định;

Giao hàng hóa cho người nhập khẩu sau khi hàng hóa xuất khẩu đã được thông quan.

Trách nhiệm của người nhập khẩu:

Khai thông tin tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo đúng thời hạn quy định trong đó ghi rõ số tờ khai hàng hóa xuất khẩu tại chỗ tương ứng tại ô “Số quản lý nội bộ của doanh nghiệp” trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo hướng dẫn tại Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này hoặc ô “Ghi chép khác” trên tờ khai hải quan giấy;

Thực hiện thủ tục nhập khẩu hàng hóa theo quy định;

Chỉ được đưa hàng hóa vào sản xuất, tiêu thụ sau khi hàng hóa nhập khẩu đã được thông quan.

Trách nhiệm của cơ quan hải quan làm thủ tục xuất khẩu: Thực hiện thủ tục xuất khẩu theo quy định tại Chương II Thông tư này;

Trách nhiệm của cơ quan hải quan làm thủ tục nhập khẩu:

Theo dõi những tờ khai hàng hóa xuất khẩu tại chỗ đã hoàn thành thủ tục hải quan để thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu;

Tiếp nhận, kiểm tra theo kết quả phân luồng của Hệ thống. Trường hợp phải kiểm tra thực tế hàng hoá, nếu hàng hóa đã được kiểm tra thực tế tại Chi cục Hải quan xuất khẩu thì Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu không phải kiểm tra thực tế hàng hoá;

Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ theo chỉ định của thương nhân nước ngoài thì hàng tháng tổng hợp và lập danh sách các tờ khai hàng hóa nhập khẩu tại chỗ đã được thông quan theo mẫu số 20/TKXNTC/GSQL Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức, cá nhân nhập khẩu tại chỗ.

Trường hợp người khai hải quan là doanh nghiệp ưu tiên và các đối tác mua bán hàng hóa với doanh nghiệp ưu tiên; doanh nghiệp tuân thủ pháp luật hải quan và đối tác mua bán hàng hóa cũng là doanh nghiệp tuân thủ pháp luật hải quan có hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ được giao nhận nhiều lần trong một thời hạn nhất định theo một hợp đồng/đơn hàng với cùng người mua hoặc người bán thì được giao nhận hàng hóa trước, khai hải quan sau. Việc khai hải quan được thực hiện trong thời hạn tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày thực hiện việc giao nhận hàng hóa. Người khai hải quan được đăng ký tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ tại 01 Chi cục Hải quan thuận tiện; chính sách thuế, chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan. Cơ quan hải quan chỉ kiểm tra các chứng từ liên quan đến việc giao nhận hàng hóa (không kiểm tra thực tế hàng hóa). Đối với mỗi lần giao nhận, người xuất khẩu và người nhập khẩu phải có chứng từ chứng minh việc giao nhận hàng hóa (như hóa đơn thương mại hoặc hóa đơn GTGT hoặc hoá đơn bán hàng, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ,…), chịu trách nhiệm lưu giữ tại doanh nghiệp và xuất trình khi cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra.

Cơ sở pháp lý:

- Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

##### B. Hàng hóa theo loại hình xuất nhập khẩu chuyển cảng

Trình tự thực hiện:

*\* Đối với cá nhân, tổ chức:*

- Thuyền trưởng có thông báo bằng văn bản với Chi cục trưởng Hải quan cảng về mục đích, thời gian chuyển cảng.

+ Nếu có hàng hoá xuất khẩu đã làm thủ tục hải quan sẽ được dỡ xuống cảng đến thì phải ghi rõ vào văn bản thông báo các nội dung sau: Tên và địa chỉ doanh nghiệp xuất khẩu, tên hàng, số lượng cont/kiện, lượng hàng, số, ngày tháng năm tờ khai xuất khẩu, số niêm phong hãng tàu, niêm phong hải quan, tên cảng dỡ hàng.

+ Trường hợp hàng hóa nhập khẩu chuyển cảng, nếu người vận tải vận chuyển lô hàng nhập khẩu về cảng nhập nhưng không tiếp tục vận chuyển đến cảng đích mà uỷ quyền bằng diện uỷ quyền cho một doanh nghiệp có chức năng kinh doanh vận tải hàng hóa vận chuyển đến cảng đích ghi trên vận tải đơn thì Chi cục trưởng chấp thuận việc uỷ quyền đó.

- Thuyền trưởng nộp hồ sơ chuyển cảng theo quy định

*\* Đối với cơ quan Hải quan*

*Bước 1: Tiếp nhận thông tin.*

- Tiếp nhận thông tin từ người khai hải quan.

- Tiếp nhận thông tin liên quan từ bộ phận Hải quan giám sát hàng hóa xếp lên tàu hàng hóa cung ứng cho tàu; tình hình tàu và thuyền viên trong thời gian tàu neo đậu tại cảng.

-  Chuyển thông tin đến các đơn vị chức năng khi có yêu cầu và theo chỉ đạo của lãnh đạo Chi cục.

*Bước 2: Thủ tục hải quan tại cảng nơi tàu đi.*

- Yêu cầu thuyền trưởng có thông báo bằng văn bản với Chi cục trưởng Hải quan cảng về mục đích, thời gian chuyển cảng.

- Tiếp nhận, đóng dấu (Mẫu số 1 dẫn trên) lên hồ sơ chuyển cảng do thuyền trưởng nộp

- Lập Phiếu chuyển hổ sơ tàu (theo mẫu ban hành kèm theo Quy trình này); niêm phong hồ sơ chuyển cảng, hồ sơ gồm phiếu chuyển hồ sơ tàu, biên bản bàn giao hàng chuyển cảng, bản khai hàng hóa chuyển cảng và giao hồ sơ cho thuyền trưởng để chuyển cho Hải quan cảng đến.

- Chuyển hồ sơ chuyển cảng đã niêm phong hải quan cho Hải quan cảng đến.

- Nhập các dữ liệu vào máy tính hoặc vào sổ theo dõi.

- Lưu hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Thủ tục hải quan tại cảng nơi tàu đến.

- Tiếp nhận bản khai chung, hồ sơ chuyển cảng có niêm phong hải quan.

- Đóng dấu (Mẫu số 1 dẫn trên) lên bản khai hàng hóa và gửi cho Chi cục Hải quan nơi tàu dỡ hàng, Bộ phận phân tích rủi ro.

- Bằng hình thức phù hợp, thông báo ngay cho Hải quan cảng đi về việc tiếp nhận hàng hóa, hồ sơ chuyển cảng và tình hình hàng hóa chuyển cảng; đặc biệt trong trường hợp tàu có vi phạm pháp luật hoặc có hiện tượng không bình thường.

- Nhập các dữ liệu vào máy tính hoặc vào sổ theo dõi.

- Lưu hồ sơ theo quy định.

##### C. Hàng hóa theo loại hình xuất nhập khẩu chuyển cửa khẩu

Trình tự thực hiện:

Hàng hoá kinh doanh chuyển khẩu được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu không qua cửa khẩu Việt Nam thì không phải làm thủ tục hải quan.

Hàng hoá kinh doanh chuyển khẩu được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu, có qua cửa khẩu Việt Nam nhưng không đưa vào kho ngoại quan, không đưa vào khu vực trung chuyển hàng hoá tại các cảng Việt Nam: cơ quan hải quan thực hiện việc giám sát hàng hoá cho đến khi hàng hoá thực xuất khẩu ra khỏi Việt Nam. Đối với hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu theo quy định phải xin phép của Bộ Công Thương thì người khai hải quan phải nộp bản chụp, xuất trình bản chính Giấy phép kinh doanh hàng hóa chuyển khẩu cho hải quan giám sát tại cửa khẩu.

Hàng hoá được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam và đưa vào kho ngoại quan, khu vực trung chuyển hàng hoá tại các cảng Việt Nam thì làm thủ tục hải quan theo quy định đối với hàng hoá đưa vào, đưa ra kho ngoại quan, khu vực trung chuyển hàng hóa tại các cảng Việt Nam.

Cách thức thực hiện:  Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

##### D. Hàng hóa theo loại hình xuất nhập khẩu quá cảnh

Trình tự thực hiện:

- Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh phải được thực hiện tại trụ sở hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên và cửa khẩu xuất cuối cùng.

- Hàng hoá quá cảnh không qua lãnh thổ đất liền được lưu kho trong khu vực cửa khẩu.

- Hàng hoá quá cảnh có lưu kho ngoài khu vực cửa khẩu hoặc đi qua lãnh thổ đất liền thì phải xin phép Bộ Thương mại.

- Chứng từ phải nộp khi làm thủ tục hải quan cho hàng hoá quá cảnh:

+ Bản kê khai hàng hoá quá cảnh do người khai hải quan hoặc người đại diện nộp cho cơ quan hải quan cửa khẩu đối với hàng hóa quá cảnh giữ nguyên trạng đi thẳng; quá cảnh chuyển tải sang cùng loại phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển, đường hàng không (trừ hàng hoá quá cảnh đi thẳng bằng đường hàng không);

+ Tờ khai hải quan hàng hoá quá cảnh và bản kê khai hàng hoá quá cảnh do người khai hải quan hoặc người đại diện nộp cho cơ quan hải quan cửa khẩu đối với hàng hóa quá cảnh phải lưu kho hoặc thay đổi loại phương tiện vận tải.

- Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

+ Cơ quan hải quan cửa khẩu nơi hàng hoá nhập cảnh tiếp nhận bản kê khai hàng hoá quá cảnh hoặc tờ khai hải quan về lô hàng quá cảnh, niêm phong nơi chứa hàng hoá và xác nhận nguyên trạng hàng hóa trên bản kê khai hàng hóa và tờ khai hải quan (đối với trường hợp phải khai hải quan) và giao cho người điều khiển phương tiện vận tải chuyển đến cơ quan hải quan cửa khẩu nơi hàng hoá xuất cảnh;

+ Trường hợp hàng hoá quá cảnh thuộc diện không niêm phong được thì người vận tải, người khai hải quan, công chức hải quan đi cùng (nếu có) chịu trách nhiệm bảo đảm nguyên trạng hàng hóa từ cửa khẩu nơi hàng hoá nhập cảnh đến cửa khẩu nơi hàng hoá xuất cảnh;

+  Cơ quan hải quan cửa khẩu nơi hàng hoá xuất cảnh tiếp nhận bản kê khai hoặc tờ khai hải quan do cơ quan hải quan cửa khẩu nơi hàng hoá nhập cảnh chuyển đến, kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan hoặc nguyên trạng hàng hoá để đối chiếu với các nội dung xác nhận của cơ quan hải quan cửa khẩu nơi hàng hoá nhập cảnh trên bản kê khai hàng hóa hoặc tờ khai hải quan quá cảnh để làm thủ tục xuất cảnh.

+ Trường hợp xảy ra tai nạn, sự cố bất khả kháng làm suy chuyển niêm phong hải quan hoặc thay đổi nguyên trạng hàng hoá thì người vận tải, người khai hải quan, công chức hải quan đi cùng (nếu có) phải áp dụng các biện pháp để hạn chế tổn thất và báo ngay cho ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi gần nhất để lập biên bản xác nhận hiện trạng của hàng hoá

Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hải quan.

##### E. Hàng hóa theo loại hình nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp làm thủ tục hải quan nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hóa xuất khẩu

+ Bước 2: Thông tin trên tờ khai hải quan được Hệ thống tự động kiểm tra để đánh giá các điều kiện được chấp nhận đăng ký tờ khai hải quan. Trường hợp khai hải quan trên tờ khai hải quan giấy, công chức hải quan thực hiện kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan.

+ Bước 3: Căn cứ quyết định kiểm tra hải quan được Hệ thống tự động thông báo, việc xử lý được thực hiện: Chấp nhận thông tin khai Tờ khai hải quan và quyết định thông quan hàng hóa.

Kiểm tra các chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp, xuất trình hoặc các chứng từ có liên quan trên cổng thông tin một cửa quốc gia để quyết định việc thông quan hàng hóa hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa để quyết định thông quan.

+ Bước 4: Thông quan hàng hóa.

**-** Cách thức thực hiện: điện tử, thủ công

##### F. Hàng hóa theo loại hình tạm nhập tái xuất

​ Trình tự thực hiện:

*\* Thực hiện theo phương thức thủ công*

- Bước 1: Người khai hải quan thực hiện khai hải quan đối với hàng hóa tạm nhập trên tờ khai hải quan theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BTC ngày 08/02/2012 của Bộ Tài chính, các chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan nộp cho cơ quan hải quan để đăng ký tờ khai hải quan tạm nhập.

- Bước 2: Cơ quan Hải quan tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra điều kiện và đăng ký tờ khai hải quan, kiểm tra hồ sơ, hàng hóa và thông quan; thu thuế, phí và lệ phí hải quan; đóng dấu đã làm thủ tục hải quan; trả tờ khai cho người khai hải quan.

Trường hợp hàng hóa được giao cho người khai hải quan mang về kho bãi để lưu giữ thì tiến hành lập biên bản bàn giao, niêm phong hàng hóa giao cho người khai hải quan tự vận chuyển và bảo quản.

- Bước 3: Người khai hải quan thực hiện khai hải quan đối với hàng hóa tái xuất trên tờ khai hải quan theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BTC ngày 08/02/2012 của Bộ Tài chính, các chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan nộp cho cơ quan hải quan để đăng ký tờ khai hải quan tái xuất.

- Bước 4: Cơ quan Hải quan tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra điều kiện và đăng ký tờ khai hải quan, kiểm tra hồ sơ, hàng hóa và thông quan. Thu thuế, phí và lệ phí hải quan; đóng dấu đã làm thủ tục hải quan; giám sát việc tái xuất hàng hóa và xác nhận vào tờ khai hải quan; trả tờ khai cho người khai hải quan.

Trường hợp hàng hóa được tái xuất tại cửa khẩu khác cửa khẩu đăng ký tờ khai, Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai thực hiện lập biên bản bàn giao, niêm phong hồ sơ hải quan và hàng hóa giao cho người khai hải quan tự bảo quản và vận chuyển đến Hải quan cửa khẩu tái xuất.

Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất tiếp nhận hồ sơ, hàng hóa, kiểm tra và xác nhận vào biên bản bàn giao; giám sát việc tái xuất hàng hóa và xác nhận vào tờ khai hải quan; trả tờ khai cho người khai hải quan.

*\* Thực hiện theo phương thức điện tử:*

*+ Đối với người khai hải quan:*

1. Tạo thông tin khai tờ khai hải quan điện tử (bao gồm cả tờ khai trị giá trong trường hợp hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá theo quy định hiện hành) trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo đúng các tiêu chí, định dạng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

a) Trường hợp người khai hải quan là đại lý làm thủ tục hải quan phải khai rõ nội dung uỷ quyền;

b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo các loại hình khác nhau hoặc theo một loại hình nhưng có thời hạn nộp thuế khác nhau thì phải khai trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khác nhau theo từng loại hình tương ứng hoặc từng thời hạn nộp thuế tương ứng, ngoại trừ các trường hợp sau đây:

b1) Một mặt hàng nhập khẩu nhưng có thời hạn nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường khác nhau thì thực hiện khai trên cùng một tờ khai hải quan;

b2) Lô hàng nhập khẩu gồm nhiều mặt hàng có thời hạn nộp thuế khác nhau thuộc cùng một hợp đồng/đơn hàng, cùng một loại hình, nếu người khai hải quan nộp thuế ngay hoặc có bảo lãnh về số thuế phải nộp cho toàn bộ lô hàng thì khai trên cùng một tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

c) Khai hải quan đối với hàng hóa có nhiều hợp đồng/đơn hàng:

c1) Một mặt hàng nhập khẩu có nhiều hợp đồng/đơn hàng, có một hoặc nhiều hóa đơn của một người bán hàng, cùng điều kiện giao hàng, giao hàng một lần, có một vận đơn thì người khai hải quan được khai trên một tờ khai hoặc nhiều tờ khai hải quan;

c2) Một mặt hàng xuất khẩu có nhiều hợp đồng/đơn hàng, cùng điều kiện giao hàng, cùng bán cho một khách hàng và giao hàng một lần thì người khai hải quan được khai trên một tờ khai hoặc nhiều tờ khai hải quan;

c3) Khi khai hải quan, người khai hải quan phải khai đầy đủ số, ngày, tháng, năm của hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hải quan; trường hợp không thể khai hết trên tờ khai hải quan thì lập bản kê chi tiết kèm theo tờ khai hải quan theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 196/2012/TT-BTC; về lượng hàng thì chỉ cần khai tổng lượng hàng của các hợp đồng/đơn hàng trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu;

d) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện được giảm mức thuế suất so với quy định hoặc hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt thì khi khai thuế suất người khai hải quan phải khai cả mức thuế suất trước khi giảm và tỷ lệ phần trăm giảm hoặc thuế suất ưu đãi đặc biệt theo quy định nào;

đ) Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, hoặc thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt hoặc được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp thì khi khai hải quan người khai hải quan phải khai đầy đủ các thông tin liên quan đến các nội dung nêu trên theo đúng các tiêu chí và định dạng quy định tại mẫu Tờ khai hải quan điện tử thuộc Phụ lục I Thông tư 196/2012/TT-BTC.

2. Gửi tờ khai hải quan điện tử đến cơ quan Hải quan qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

3. Tiếp nhận thông tin phản hồi của cơ quan Hải quan và thực hiện theo một trong các trường hợp dưới đây:

a) Khi nhận “Thông báo từ chối tờ khai hải quan điện tử”: người khai hải quan thực hiện việc sửa đổi, bổ sung thông tin tờ khai hải quan điện tử hoặc giải trình theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan;

b) Khi nhận “Số tờ khai hải quan điện tử” và “Quyết định hình thức mức độ kiểm tra”:

b1) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận “Thông quan” hoặc “Giải phóng hàng” hoặc “Đưa hàng hóa về bảo quản”, người khai hải quan thực hiện:

b1.1) In Tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận “Thông quan” hoặc “Giải phóng hàng” hoặc “Đưa hàng hóa về bảo quản” trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b1.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b1.1 khoản 3 Điều  9 Thông tư 196/2012/TT-BTC cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan có kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để xác nhận “Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan” và làm tiếp thủ tục (nếu có).

Trong thời hạn quy định của pháp luật về lưu giữ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, nếu người khai hải quan có nhu cầu xác nhận “Thông quan” hoặc “Giải phóng hàng” hoặc “Đưa hàng hóa về bảo quản” trên tờ khai hải quan điện tử in, người khai hải quan xuất trình tờ khai đã có xác nhận “Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan” để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử xác nhận.

Nếu có nhu cầu xác nhận “Thông quan” hoặc “Giải phóng hàng” hoặc “Đưa hàng hóa về bảo quản” trước khi xác nhận “Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan”, người khai hải quan xuất trình 01 tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b1.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận sau đó xuất trình tờ khai hải quan điện tử in đã được xác nhận cùng hàng hóa tại khu vực giám sát để xác nhận “Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan” và làm tiếp các thủ tục (nếu có).

b2) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan chấp nhận “Thông quan” hoặc “Giải phóng hàng” hoặc “Đưa hàng hóa về bảo quản” với điều kiện phải xuất trình, nộp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xác nhận “Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan”, người khai hải quan thực hiện:

b2.1) In tờ khai hải quan điện tử đã được cơ quan Hải quan chấp nhận “Thông quan” hoặc “Giải phóng hàng” hoặc “Đưa hàng hóa về bảo quản” trên Hệ thống khai hải quan điện tử theo mẫu Tờ khai hải quan điện tử in (01 bản); ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan điện tử in;

b2.2) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu tại điểm b2.1 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC và xuất trình/nộp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa đã đáp ứng yêu cầu về quản lý chuyên ngành, chứng từ chứng minh hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, được miễn, giảm thuế hoặc bảo lãnh số thuế phải nộp, chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xác nhận “Thông quan” hoặc “Giải phóng hàng” hoặc “Đưa hàng hóa về bảo quản”;

b2.3) Xuất trình tờ khai hải quan điện tử in nêu điểm b2.2 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC cùng hàng hóa tại khu vực giám sát hải quan để xác nhận “Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan” và làm tiếp thủ tục (nếu có).

b3) Trường hợp tờ khai hải quan điện tử được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử để kiểm tra trước khi cho phép thông quan hàng hóa: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in; 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra theo yêu cầu và thực hiện:

b3.1) Khi được “Thông quan” hoặc “Giải phóng hàng” hoặc “Đưa hàng hóa về bảo quản”: người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã xác nhận “Thông quan” hoặc “Giải phóng hàng” hoặc “Đưa hàng hóa về bảo quản”, 01 tờ khai trị giá (nếu có) và 01 Phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy. Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 196/2012/TT-BTC;

b3.2) Khi được yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để cơ quan Hải quan kiểm tra: người khai hải quan thực hiện các công việc quy định tại điểm b4 khoản 3 Điều 9 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

b4) Trường hợp tờ khai hải quan được cơ quan Hải quan yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan điện tử và hàng hóa để kiểm tra: người khai hải quan nộp, xuất trình 02 tờ khai hải quan điện tử in, 02 tờ khai trị giá (nếu hàng hóa thuộc diện phải khai tờ khai trị giá) cùng toàn bộ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo yêu cầu và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan điện tử kiểm tra. Khi được quyết định “Thông quan” hoặc “Giải phóng hàng” hoặc “Đưa hàng hóa về bảo quản”, hoặc “Cho phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu”, người khai hải quan nhận 01 tờ khai hải quan điện tử in đã quyết định “Thông quan” hoặc “Giải phóng hàng” hoặc “Đưa hàng hóa về bảo quản” hoặc “Cho phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu”, 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra chứng từ giấy, 01 phiếu ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa (trừ trường hợp hàng nhập khẩu xin chuyển cửa khẩu), 01 tờ khai trị giá (nếu có). Khi mang hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư 196/2012/TT-BTC.

4. Người khai hải quan được phép chậm nộp bản chính một số chứng từ trong hồ sơ hải quan trừ giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật và phải khai về việc chậm nộp trên tờ khai hải quan điện tử. Người khai hải quan phải nộp các chứng từ được phép chậm nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Trong trường hợp pháp luật không quy định cụ thể thì thời hạn được phép chậm nộp là không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan điện tử.

##### G. Hàng hóa theo loại hình gia công hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Trình tự thực hiện:

Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hoá nhận gia công cho thương nhân nước ngoài thực hiện tương tự như quy trình cơ bản thủ tục hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Ngoài ra, đối với loại hình này còn phải thực hiện các thủ tục sau:

a) Về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đặt gia công tại nước ngoài:

a.1) Trước khi tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đặt gia công tại nước ngoài phải thông báo hợp đồng gia công với Chi cục Hải quan nơi dự kiến làm thủ tục xuất khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và nhập khẩu sản phẩm (không phải thông báo cơ sở sản xuất). Nội dung hợp đồng đặt gia công phải có đầy đủ các thông tin theo quy định Điều 29 Nghị định số 187/2013/NĐ-CP;

a.2) Thực hiện việc báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị ngay sau khi kết thúc hợp đồng gia công. Trường hợp thời gian thực hiện họp đồng giữa các năm tài chính thì chậm nhất là 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, tổ chức, cá nhân nộp báo cáo quyết toán tình hình phát sinh trong năm tài chính với các tiêu chí sau:

- Lượng nguyên liệu, vật tư xuất khẩu (thống kê theo loại nguyên liệu, vật tư và kèm theo số tờ khai xuất khẩu);

- Lượng nguyên liệu, vật tư đã xuất khẩu nhưng phải thanh lý ở nước ngoài (bao gồm: tiêu huỷ, bán);

- Lượng nguyên liệu, vật tư còn tồn tại bên nhận gia công;

- Lượng sản phẩm gia công hoàn chỉnh nhập khẩu (kèm theo số tờ khai nhập khẩu);

          - Lượng sản phẩm gia công hoàn chỉnh bán tại nước ngoài (kèm theo số tờ khai xuất khẩu);

b) Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

b.l) Tiếp nhận thông báo hợp đồng đặt gia công, báo cáo quyết toán và thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Mục 4 Chương III Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

b.2) Thực hiện việc theo dõi, quản lý và kiểm tra tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, kiểm tra báo cáo quyết toán đối với hoạt động đặt gia công tại nước ngoài như đối với hoạt động nhận gia công cho thương nhân nước ngoài.

 Cách thức thực hiện:

Việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hàng hóa được phân vào luồng vàng hoặc luồng đỏ: thực hiện theo phương thức thủ công.

##### H. Hàng hóa theo loại hình xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư

 Thực hiện theo phương thức thủ công:

+ Bước 1: Đăng ký danh mục.

Doanh nghiệp đăng ký danh mục hàng hoá nhập khẩu được miễn thuế với Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi thực hiện dự án đầu tư đối với dự án xác định được Cục Hải quan nơi thực hiện dự án đầu tư hoặc Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính đối với dự án không xác định được Cục Hải quan nơi thực hiện dự án đầu tư, hoặc Cục Hải quan tỉnh, thành phố gần nhất đối với tỉnh, thành phố không có cơ quan hải quan. Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố lựa chọn và giao cho một đơn vị có đủ khả năng thực hiện đăng ký Danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế.

Trường hợp Cục Hải quan tỉnh, thành phố quản lý hải quan đối với một số tỉnh thì ngoài đơn vị đăng ký Danh mục nêu trên, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố xem xét quyết định giao Chi cục hải quan quản lý hải quan trên địa bàn tỉnh nơi có dự án đầu tư thực hiện đăng ký Danh mục hàng hoá nhập khẩu miễn thuế đối với các dự án thuộc địa bàn tỉnh đó.

+ Bước 2: Làm thủ tục nhập khẩu.

Doanh nghiệp làm thủ tục hải quan để nhập khẩu hàng hoá tại Chi cục Hải quan nơi có hàng nhập khẩu hoặc Chi cục Hải quan nơi xây dựng dự án đầu tư được thực hiện như đối với hàng xuất nhập khẩu thương mại,

+ Bước 3: Làm thủ tục báo cáo.

Doanh nghiệp báo cáo, kiểm tra, quyết toán việc xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng hàng hóa miễn thuế theo Điều 103 Thông tư 128/2013/TT-BTC

+ Bước 4: Thanh lý hàng hoá nhập khẩu.

Doanh nghiệp hoặc Ban thanh lý có văn bản nêu rõ lý do thanh lý, tên gọi, ký mã hiệu, lượng hàng cần thanh lý, thuộc tờ khai nhập khẩu số, ngày, tháng, năm gửi cơ quan hải quan nơi đăng ký danh mục hàng nhập khẩu được miễn thuế.

Các hình thức thanh lý, hàng hoá thuộc diện thanh lý, điều kiện thanh lý, hồ sơ thanh lý hàng hoá nhập khẩu miễn thuế thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2007/TT-BTM ngày 04 tháng 4 năm 2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công, thanh lý hàng nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Đối với hàng hóa nhập khẩu miễn thuế của doanh nghiệp đầu tư trong nước khi thanh lý được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2007/TT-BTM.

Thủ tục thanh lý thực hiện tại cơ quan hải quan nơi đăng ký danh mục hàng nhập khẩu được miễn thuế.

Trường hợp thanh lý theo hình thức xuất khẩu thì doanh nghiệp mở tờ khai xuất khẩu; trường hợp thanh lý theo hình thức nhượng bán tại thị trường Việt Nam cho doanh nghiệp không thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu, cho, biếu, tặng, tiêu huỷ thì không phải mở tờ khai mới, nhưng phải thực hiện việc kê khai, tính thuế theo hướng dẫn tại khoản 8 Điều 11 Thông tư 128/2013/TT-BTC. Trường hợp thanh lý theo hình thức nhượng bán tại thị trường Việt Nam cho doanh nghiệp thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu thì làm thủ tục hải quan theo các bước và sử dụng tờ khai xuất nhập khẩu tại chỗ. Khi tiêu huỷ, doanh nghiệp chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý môi trường.

Thực hiện theo phương thức điện tử:

- Thủ tục nhập khẩu:

+ Đăng ký danh mục hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế với cơ quan Hải quan đối với trường hợp nhập khẩu hàng hóa tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm phục vụ sản xuất của dự án đầu tư, dự án ưu đãi đầu tư thuộc đối tượng được miễn thuế nhập khẩu: thủ tục đăng ký thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 101 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/09/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa nhập khẩu.

+ Doanh nghiệp làm thủ tục hải quan để nhập khẩu hàng hóa tại Chi cục Hải quan nơi có hàng nhập khẩu hoặc Chi cục Hải quan nơi xây dựng dự án đầu tư;

+ Thủ tục hải quan thực hiện như hướng dẫn đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán hàng hóa tại Chương III Thông tư 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012. Hồ sơ, thủ tục miễn thuế và chế độ báo cáo, kiểm tra, quyết toán việc nhập khẩu, sử dụng hàng hóa miễn thuế theo hướng dẫn tại Điều 102, Điều 103 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/09/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa nhập khẩu.

- Thủ tục thanh lý:

a) Doanh nghiệp có văn bản nêu rõ lý do thanh lý, hình thức thanh lý; danh mục hàng hóa đề nghị thanh lý (gồm tên gọi, ký mã hiệu, lượng hàng cần thanh lý, thuộc tờ khai nhập khẩu số, ngày, tháng, năm) và quyết định thành lập Hội đồng thanh lý gửi cơ quan Hải quan nơi đăng ký danh mục hàng nhập khẩu được miễn thuế;

b) Trường hợp thanh lý theo hình thức  thì doanh nghiệp mở tờ khai ; trường hợp thanh lý theo hình thức nhượng bán tại thị trường Việt Nam, cho, biếu, tặng thì việc kê khai, tính thuế thực hiện theo quy định và không phải mở tờ khai mới;

c) Trường hợp tiêu hủy, doanh nghiệp chủ động tổ chức việc tiêu huỷ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tác động của toàn bộ quá trình tiêu huỷ đối với môi trường. Cơ quan Hải quan giám sát quá trình tiêu huỷ, sau khi kết thúc tiêu huỷ các bên tiến hành lập biên bản xác nhận việc tiêu huỷ. Biên bản phải có chữ ký của giám đốc doanh nghiệp có hàng hóa tiêu huỷ (hoặc người được uỷ quyền), đóng dấu của doanh nghiệp; chữ ký, ghi rõ họ tên công chức hải quan và các bên liên quan giám sát tiêu huỷ.

##### I. Hàng hóa theo loại hình xuất nhập khẩu biên giới

Trình tự thực hiện:

Chủ hàng hoặc người khai hải quan phải khai báo, nộp và xuất trình hồ sơ hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và xuất trình hàng hóa với hải quan cửa khẩu để làm thủ tục và được giải quyết thông quan với cơ quan Hải quan cửa khẩu theo các bước sau:

Bước 1: Chủ hàng hoặc người khai hải quan phải khai báo tờ khai hải quan nộp và xuất trình hồ sơ lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu với hải quan cửa khẩu đồng thời xuất trình hàng hóa để Hai quan cửa khẩu kiển tra, giám sát, đối chiếu với khai báo của chủ hàng trên tờ khai hải quan và hồ sơ kèm theo (nếu có) theo quy định về thủ tục hải quan cụ thể đối với từng loại hình hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập-tái xuất, tạm xuất-tái nhập, quá cảnh qua biên giới theo quy định.

Bước 2: Cơ quan Hải quan tiếp nhận hồ sơ do chủ hàng hoặc người khai hải quan nộp và xuất trình và thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để kiểm tra, giám sát đối chiếu xác định sự phù hợp giữa thực tế hàng hóa với khai báo của chủ hàng trên tờ khai hải quan và hồ sơ kèm theo để giải quyết các chế độ thuế, lệ phí (nếu có), xử lý vi phạm (nếu có) và quyết định thông quan qua biên giới theo trình tự thủ tục hải quan đã được quy định đối với từng loại hình hàng hóa xuất, nhập cụ thể theo quy định.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

\* Thành phần hồ sơ:

a. Đối với hàng nhập khẩu

- Tờ khai hải quan: Sử dụng tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo Tờ khai Hải quan do Bộ Tài chính quy định.

- Các chứng từ khác về hồ sơ hải quan, quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán do Bộ Tài chính quy định, trừ vận đơn và hợp đồng thương mại.

- Phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch y tế do cơ quan kiểm dịch y tế cấp (đối với hàng hoá thuộc đối tượng kiểm dịch y tế); và Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá đối với hàng hoá thuộc diện phải kiểm tra.

- Hàng hoá nhập khẩu qua biên giới được hưởng các ưu đãi về thuế nhập khẩu nếu có đủ điều kiện theo thoả thuận song phương giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước có chung biên giới; việc khai báo hải quan, nộp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu, thực hiện theo Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính Quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và Thông tư số 45/2007/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt. Đối với trường hợp áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt thì đối tượng nhập khẩu phải xuất trình Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá-C/O (trừ trường hợp tổng trị giá lô hàng (FOB) không vượt quá 200 USD).

- Kiểm tra thực tế hàng hoá thực hiện theo quy định của pháp luật Hải quan hiện hành.

b. Đối với hàng xuất khẩu:

- Tờ khai hải quan:

+ Trường hợp hàng hoá xuất khẩu theo hợp đồng mua bán: Sử dụng theo Tờ khai Hải quan do Bộ Tài chính quy định.

+ Trường hợp hàng hoá xuất khẩu không có hợp đồng mua bán: Sử dụng tờ khai hàng hoá xuất khẩu biên giới do Bộ Tài chính quy định.

- Các chứng từ khác về hồ sơ hải quan, quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán thực hiện theo quy định của pháp luật Hải quan hiện hành.

- Phải có giấy chứng nhận kiểm dịch y tế do cơ quan kiểm dịch y tế cấp đối với hàng hoá xuất khẩu phải kiểm dịch y tế theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc theo yêu cầu của chủ hàng.

- Hàng hoá xuất khẩu qua biên giới được hưởng các ưu đãi về thuế xuất khẩu theo thoả thuận song phương giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước có chung biên giới.

- Hàng hóa theo loại hình tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập dự hội chợ triển lãm

- Hàng hóa nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại

## 2.2 Thực hành

BÀI TẬP TÌNH HUỐNG THỦ TỤC HẢI QUAN

1/ Công ty A ở VN thực hiện nhập khẩu sx chế biến bột thuộc đối tượng phải kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định tại TT28/2013/BCT.

Ngày 14/9/2015 hàng hoá về đến cảng Hải Phòng, ngày 14/8/2015 công ty đăng ký kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm với một cơ sở kiểm nghiệm đã được bộ công thương chỉ định, đồng thời đăng ký chính thức tờ khai hải quan. Căn cứ vào đề nghị của công ty, ngày 24/8/2015 cơ quan hải quan cho phép công ty đưa hàng hoá về bảo quản.

Ngày 18/8/2015 công ty được cấp thông báo thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu ký ngày 17/8/2015.

Ngày 12/9 công ty nộp thông báo thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu đối với mặt hàng trên cho cơ quan hải quan để làm thủ tục thông quan.

a/ Công ty có bắt buộc phải khai báo tiêu chí mã văn bản pháp quy khác khi đăng ký tờ khai chính thức không? Vì sao?

(Có, vì theo quy định tại điểm 1.37 phụ lục 2 TT38 về chỉ tiêu thông tin khai hải quan, phải nhập mã văn bản pháp luật quy định về quản lý mặt hàng nhập khẩu khai trên tờ khai hải quan như giấy phép NK, kết quả kiểm dịch, kiểm tra an toàn thực phẩm, kiểm tra chất lượng….)

b/ Cty có bị vi phạm về thời hạn nộp kết quả kiểm tra chuyên ngành hay không? Vì sao? (Không, vì theo quy định tại khoảng 6, điều 2 TT38 trường hợp cơ quan kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện kết nối với cổng thông tin một cửa quốc gia người khai hải quan có trách nhiệm nộp kết quả kiểm tra chuyên ngành cho chi cục hải quan nơi đăng ký tờ khai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đưa hàng về bảo quản trừ trường hợp việc kiểm tra kéo dài theo xác nhận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành )

2/ Công ty X có trụ sở tại Hà Nội do chi cục hải quan Gia Thuỵ quản lý tiến hành nhập khẩu 1 lô hàng gồm 5 container từ Anh về VN bằng đường biển.

Ngày 1/9/2014 cty X đã nhận được đầy đủ chứng từ từ người bán để thực hiện thủ tục hải quan, công ty dự kiến đăng ký tờ khai hải quan tại chi cục hải quan Bắc Hà Nội (chi cục hải quan ngoài cửa khẩu), hàng hoá NK về nhằm mục đích kinh doanh và không thuộc diện được phép chuyển cửa khẩu, sau khi làm xong thủ tục hải quan sẽ chuyên chở hàng hoá bằng xe tải về trụ sở công ty để sử dụng.

Ngày 2/9/2014 công ty thực hiện đăng ký trước thông tin hàng hoá nhập khẩu trên hệ thống Vnaccs và đã nhận được số tờ khai. Ngày 10/9/2014, lô hàng NK từ Anh về VN dỡ tại cảng Đình Vũ thuộc phạm vi của công ty CP đầu tư và phát triển cảng Đình Vũ khai thác. Ngày 12/9/2014 công ty thực hiện khai báo chính thức và nhận thông báo phân luồng 3

a/ Cách tiêu chí khai báo hợp lệ trên tờ khai nhập khẩu như thế nào? Mã cơ quan hải quan: Chi cục hải quan cảng Đình Vũ (vì là hàng không được phép chuyển cửa khẩu)

b/ Mã hiệu của phương thức vận chuyển 2 (đường biển cont)

c/ Mã địa điểm lưu kho chờ thông quan dự kiến Mã thuộc công ty CP đầu tư và phát triển cảng Đình Vũ

d/ Chính sách quản lý NK và chính sách thuế áp dụng đối với lô hàng được áp dụng từ ngày nào? từ ngày đăng ký tờ khai chính thức (12/9/2014)

e/ Kết quả phân luồng 3 là luồng gì? Công ty phải làm gì khi nhận kết quả phân luồng luồng đỏ, công ty phải nộp các chứng từ kèm tờ khai hải quan đến cơ quan hải quan để kiểm tra chi tiết hồ sơ hải quan và đem hàng hoá đến địa điểm cơ quan hải quan yêu cầu để cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra hàng hoá thực tế.

# Chương 3: Thủ tục khai báo hải quan điện tử

## 3.1 Các quy định chung về khai báo hải quan điện tử

Thủ tục hải quan điện tử là bước phát triển tất yếu trong quá trình thực hiện cải cách, hiện đại hoá Hải quan, nhằm tạo thuận lợi hơn nữa cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa trong bối cảnh thương mại hoá toàn cầu và hội nhập kinh tế quốc tế.

Tham gia thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan sẽ sử dụng máy tính của mình để  tạo thông tin khai hải quan điện tử theo đúng các tiêu chí và khuôn dạng chuẩn quy định cho từng chứng từ thuộc hồ sơ hải quan điện tử và thông qua phương tiện điện tử truyền số liệu khai hải quan đến cơ quan hải quan. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan tiếp nhận thông tin khai hải quan điện tử, kiểm tra, phản hồi thông tin hướng dẫn người khai hải quan thực hiện theo quy trình thủ tục hải quan hải quan điện tử.

So với thủ tục hải quan thủ công, việc triển khai thủ tục hải quan điện tử sẽ mang lại nhiều lợi ích cho cả cơ quan hải quan và cộng đồng doanh nghiệp như: giảm thiểu số lượng giấy tờ phải nộp hoặc xuất trình; thời gian thông quan hàng hóa trung bình được rút ngắn, giảm chi phí không cần thiết cho việc đi lại; giảm tiếp xúc trực tiếp giữa công chức hải quan và người khai hải quan từ đó hạn chế sự gây phiền hà, sách nhiễu; giảm tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa theo chủ quan của công chức hải quan; lệ phí hải quan được thu, nộp định kỳ hàng tháng và những quy định về thủ tục hải quan được minh bạch hóa.

Tuy nhiên, để nhận được những lợi ích mà thủ tục hải quan điện tử đem lại đòi hỏi các doanh nghiệp phải nâng cao tính tuân thủ pháp luật hải quan hơn, đề cao tính tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về nộp thuế và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất nhập khẩu... vì hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan sẽ tự động từ chối tiếp nhận khai hải quan điện tử, nếu doanh nghiệp không chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Hệ thống văn bản pháp luật là cơ sở pháp lý cho việc triển khai thủ tục hải quan điện tử bao gồm: Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/2/2007 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính; Quyết định số 149/2005/QĐ-TTg ngày 20/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử; Quyết định số 52/2007/QĐ-BTC ngày 22/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về việc triển khai thí điểm thủ tục hải quan điện tử.

## 3.2 Giới thiệu mẫu tờ khai hải quan điện tử và hướng dẫn sử dụng

3.2.1 Thủ tục hải quan (Customs procedure)

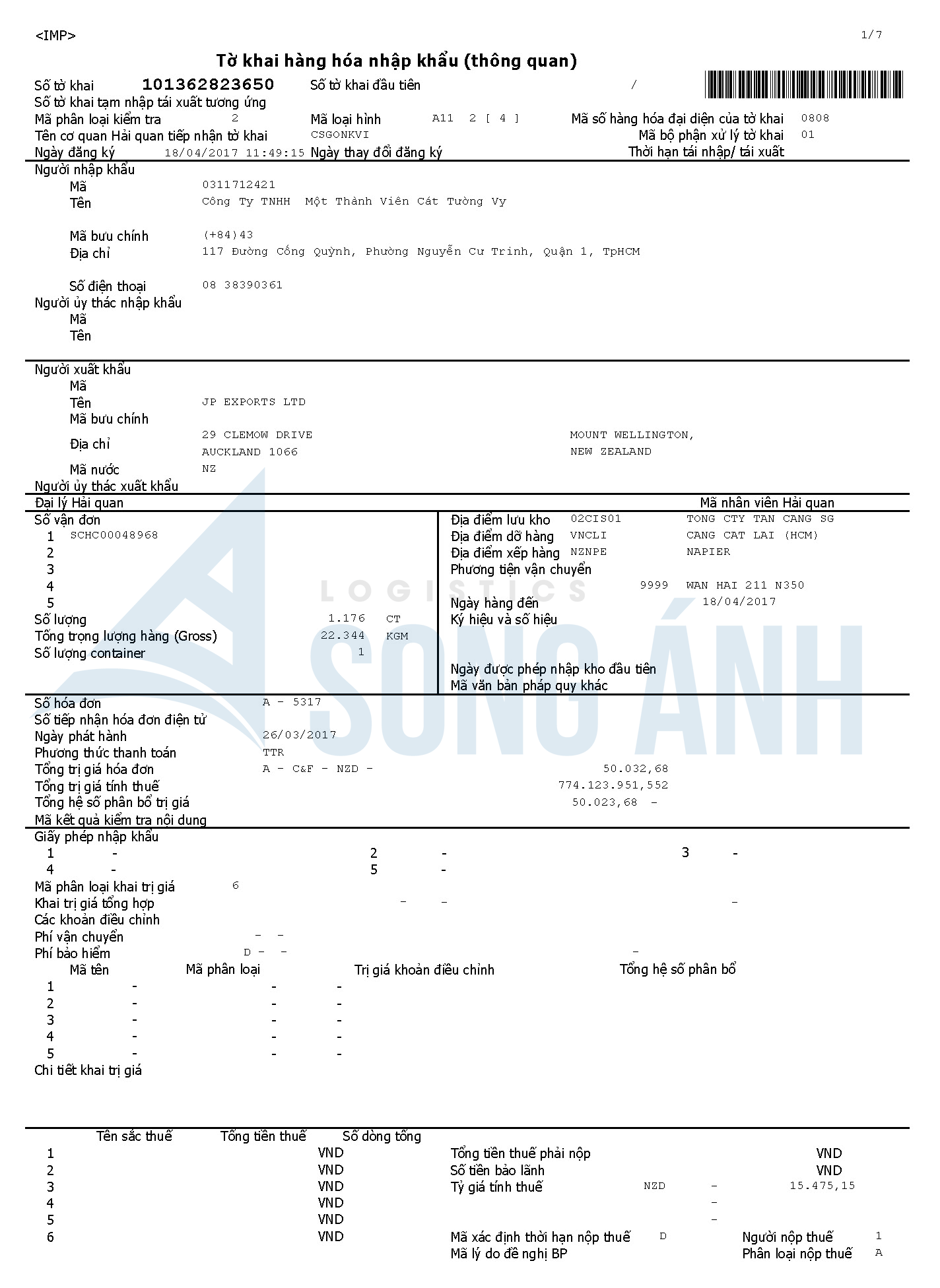
Các số liệu và chứng từ được nhập vào phần mềm khai báo hải quan điện tử ECUS, sau đó được truyền đến cơ quan hải quan thông qua môi trường internet, hải quan tiếp nhận và xử lý số liệu như kiểm tra, cấp số, [phân luồng](https://songanhlogs.com/phan-luong-hai-quan-la-gi-va-y-nghia-cua-luong-xanh-vang-do.html) thông qua hệ thống tự động điện tử, sau đó bạn sẽ xuất tờ khai từ phần mềm ra để là thủ tục thông quan tại chi cục.

3.2.2 Tờ khai hải quan điện tử (Customs declaration form)

Tờ khai hải quan là 1 form được thiết kế sẵn theo quy định của pháp luật hải quan, trong đó người khai hải quan phải khai báo đầy đủ các thông tin theo hướng dẫn tại Phụ lục I Ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 Thay thế Phụ lục II Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

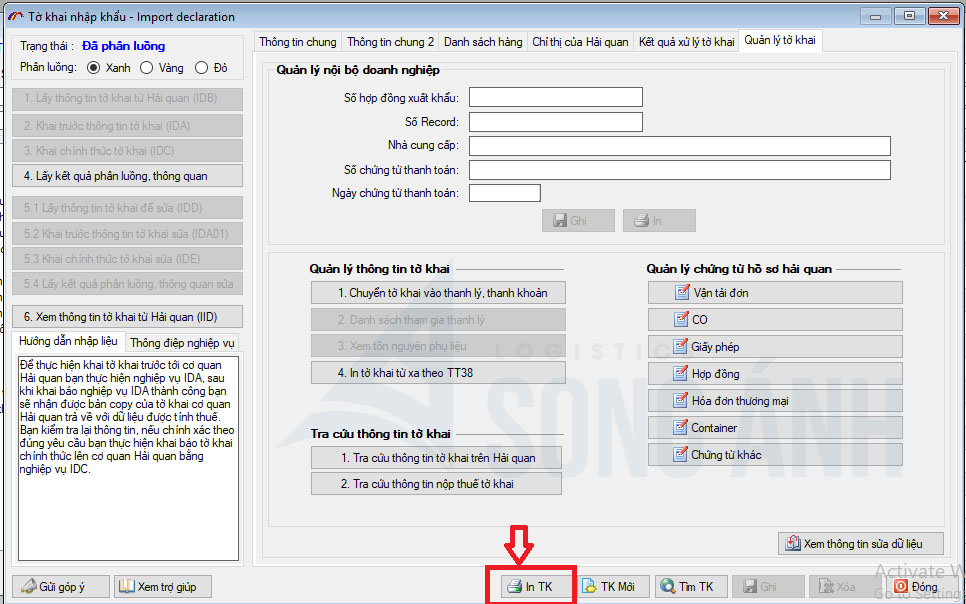
Tên tiếng Anh của tờ khai hải quan: Tờ khai hải quan xuất khẩu (Export Customs Declaration ), tờ khai hải quan nhập khẩu (Import Customs Declaration)

Hình ảnh của một tớ khai hải quan điện tử:

**Hinh 3.1: Tờ khai hải quan điện tử**

Cách in tờ khai hải quan từ phần mềm

Trên phần mềm ECUS, bạn chọn tab “Quản lý tờ khai” sau đó nhấn “In tờ khai” theo hướng dẫn



**Hình 3.2: In tờ khai**

## 3.3. Thủ tục khai báo hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại

### 3.3.1 Khái niệm và mục đích của thủ tục hải quan điện tử

Thủ tục hải quan điện tử là các công việc mà người khai hải quan và công chức hải quan phải thực hiện đối với hàng hóa, phương tiện vận tải, trong đó việc khai báo và gửi hồ sơ của người khai hải quan và việc tiếp nhận, đăng ký hồ sơ hải quan của công chức hải quan được thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của hải quan.

Mục đích của hải quan điện tử nhằm đạt được quy trình thông quan đơn giản, thuận lợi, đúng pháp luật để trở thành đối tác tin cậy của cộng đồng DN.

### 3.3.2. Hồ sơ hải quan điện tử

Hồ sơ hải quan điện tử bao gồm:

Tờ khai hải quan điện tử.

Các chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan điện tử là những chứng từ được quy định tại Khoản 1 Điều 22 Luật hải quan mà người khai hải quan phải nộp hoặc xuất trình cho cơ quan Hải quan. Những chứng từ này có thể ở dạng chứng từ giấy, chứng từ điện tử, chứng từ chuyển đổi từ chứng từ giấy sang dạng điện tử hoặc ngược lại. Chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan ở dạng điện tử hoặc chuyển đổi có giá trị để làm thủ tục hải quan điện tử như chính chứng từ đó ở dạng giấy trừ khi pháp luật có quy định khác.

Bộ Tài chính quy định cụ thể nội dung, định dạng các chỉ tiêu thông tin của tờ khai hải quan điện tử; định dạng các chứng từ điện tử khác thuộc hồ sơ hải quan điện tử và việc sử dụng hồ sơ hải quan điện tử.

Hồ sơ hải quan điện tử lưu giữ tại Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan có giá trị pháp lý để làm thủ tục hải quan và xử lý các tranh chấp.

### 3.3.3. Quy trình thủ tục hải quan điện tử

## 

**Hình 3.3: Trình tự thủ tục hải quan điện tử**

Quy trình thủ tục áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC.Quy trình thủ tục hải quan điện tử bắt đầu từ Điều 5 trong Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Cụ thể như sau:

Điều 5: Tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, phân luồng tờ khai (Bước 1)

1. Hệ thống tự động tiếp nhận, kiểm tra, hướng dẫn (nếu có) cho người khai hải quan và cấp số tờ khai hải quan sau khi nhận thông tin khai trước của người khai hải quan. Trường hợp người khai hải quan thông báo không thực hiện đăng ký được tờ khai hải quan, Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai căn cứ vướng mắc của doanh nghiệp để hướng dẫn xử lý.

Riêng các vướng mắc do doanh nghiệp phản ánh dưới đây, Tổng cục Hải quan hướng dẫn xử lý như sau:

a) Không đăng ký được tờ khai do Hệ thống xác định chưa đúng trạng thái hoạt động của doanh nghiệp:

Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai thực hiện tra cứu thông tin hồ sơ doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin Quản lý rủi ro (Mục 5.1.1) và thực hiện như sau:

a.1) Trường hợp Hệ thống xác định trạng thái của doanh nghiệp là “Đang hoạt động” thì thông báo cho Bộ phận hỗ trợ - Tổng cục Hải quan (Help Desk) thông qua số điện thoại (04) 37 824 754, (04) 37 824 755, (04) 37 824 756, (04) 37 824 757 hoặc email: bophanhotrotchq@customs.gov.vn để thực hiện thao tác xử lý dữ liệu trên Hệ thống VNACCS;

a.2) Trường hợp Hệ thống không xác định trạng thái doanh nghiệp là “Đang hoạt động” (tình trạng khác hoặc không xác định tình trạng) mà doanh nghiệp có chứng từ chứng minh doanh nghiệp đang hoạt động bình thường thì thực hiện như sau:

a.2.1) Tiếp nhận, kiểm tra chứng từ do doanh nghiệp nộp/xuất trình. Nếu chứng từ hợp lệ, lập Bảng kê với 03 nội dung thông tin gồm:

a.2.1.1) Mã số thuế của doanh nghiệp;

a.2.1.2) Tên doanh nghiệp;

a.2.1.3) Nội dung xử lý: nêu rõ nội dung cần xử lý (Ví dụ: Tên doanh nghiệp trên Hệ thống không thống nhất với tên doanh nghiệp ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

a.2.2) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ký tên, đóng dấu Chi cục Hải quan trên Bảng kê, fax Bảng kê và các chứng từ doanh nghiệp nộp về Tổng cục Hải quan

Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai có trách nhiệm thực hiện trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ thời điểm người khai hải quan cung cấp đủ các chứng từ quy định;

a.2.3) Trong thời gian Tổng cục Hải quan cập nhật trạng thái hoạt động của doanh nghiệp, căn cứ đề nghị của người khai hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định cho phép doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan giấy.

a.3) Trách nhiệm của Tổng cục Hải quan

Ngay sau khi nhận được thông tin từ Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai (thông qua fax, bảng kê), các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan có trách nhiệm:

a.3.1) Ban Quản lý rủi ro: kiểm tra, đối chiếu và thông báo đến Tổng cục Thuế, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan về việc điều chỉnh thông tin của doanh nghiệp (nếu có) chậm nhất thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm nhận đủ các thông tin từ Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai;

a.3.2) Cục CNTT&TKHQ: cập nhật thông tin điều chỉnh của doanh nghiệp vào các Hệ thống liên quan (VNACCS/VCIS, e-Customs, KTT...) chậm nhất 02 giờ kể từ thời điểm nhận đủ các thông tin từ Ban Quản lý rủi ro và trước thời điểm cập nhật hàng ngày vào Hệ thống VNACCS theo hướng dẫn tại Quyết định số 833/QĐ-TCHQ ngày 26/3/2015 của Tổng cục Hải quan.

b) Không đăng ký được tờ khai do số tiền thuế bảo lãnh trên Bảo lãnh riêng nhỏ hơn số tiền thuế phải nộp trên tờ khai và người khai hải quan vẫn có nhu cầu đăng ký tờ khai

b.1) Trường hợp doanh nghiệp chỉ có nhu cầu thông quan cho số lượng hàng hóa tương ứng với số tiền thuế bảo lãnh: hướng dẫn doanh nghiệp sửa đổi số lượng hàng hóa trên tờ khai đảm bảo số tiền thuế phải nộp nhỏ hơn hoặc bằng số tiền thuế bảo lãnh;

b.2) Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu thông quan cho toàn bộ lượng hàng trên tờ khai và chấp nhận nộp số tiền thuế chênh lệch trước khi nhận hàng: hướng dẫn người khai hải quan thực hiện chuyển tiêu chí mã xác định thời hạn nộp thuế là mã “A” chuyển thành mã “D”.

2. Hệ thống tự động tiếp nhận, kiểm tra, hướng dẫn (nếu có) và phân luồng tờ khai hải quan sau khi nhận thông tin khai chính thức của người khai hải quan theo một trong các hình thức được quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và khoản 3 Điều 19 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Trường hợp mã phân loại kiểm tra là 1 - luồng xanh, chuyển sang Bước 4 (Điều 9 Quy trình này); đối với các mã phân loại kiểm tra 2 - luồng vàng và 3 - luồng đỏ, chuyển sang Bước 2 (Điều 7 Quy trình này) để thực hiện tiếp.

3. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật và lô hàng chưa qua khu vực giám sát hải quan thì áp dụng nghiệp vụ “Dừng đưa hàng qua khu vực giám sát” quy định tại Điều 14 Quy trình này.

Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng phải kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định của cơ quan có thẩm quyền nhưng Hệ thống không cảnh báo kiểm tra thực tế hàng hóa và phân loại kiểm tra là 1 - luồng xanh, Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai chuyển ngay thông tin về đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về quản lý rủi ro, điều tra chống buôn lậu, kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Hải quan tỉnh, thành phố trong ngày đăng ký tờ khai hoặc chậm nhất là ngày làm việc kế tiếp.

Ngay sau khi nhận được thông tin của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai, các đơn vị liên quan thực hiện:

a) Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về quản lý rủi ro: điều chỉnh và cập nhật tiêu chí theo thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo cấp có thẩm quyền để cập nhật tiêu chí;

b) Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện kiểm tra sau thông quan: thực hiện ngay việc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan;

c) Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về điều tra chống buôn lậu: thực hiện rà soát, điều tra theo chức năng, nhiệm vụ.

Điều 7. Kiểm tra hồ sơ hải quan (Bước 2)

Kiểm tra hồ sơ hải quan là việc thực hiện kiểm tra chi tiết, toàn bộ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

1. Trách nhiệm của Chi cục trưởng

a) Khi có thông tin tờ khai trên Hệ thống, phân công cho công chức thực hiện kiểm tra hồ sơ thông qua Màn hình quản lý quá trình xử lý tờ khai (Màn hình NA02A). Đối với những tờ khai thuộc lô hàng có trên 50 dòng hàng khai cùng loại hình thì phân công cho 01 công chức xử lý các tờ khai thuộc lô hàng;

b) Chỉ đạo các nội dung công chức cần kiểm tra, phê duyệt đề xuất của công chức kiểm tra hồ sơ, quyết định việc tạm dừng hoàn thành việc kiểm tra và hủy tạm dừng hoàn thành kiểm tra thông qua chức năng Tạm dừng và Hủy tạm dừng CEA/CEE (nếu có) tại Màn hình kiểm tra thông tin tờ khai - Kiểm tra hồ sơ. Việc chỉ đạo và phê duyệt phải được cập nhật vào Hệ thống tại ô “Cập nhật ý kiến của Lãnh đạo”;

c) Đối với các lô hàng có thông tin dừng đưa hàng qua khu vực giám sát do Chi cục hải quan nơi đăng ký tờ khai thực hiện, căn cứ đề xuất của công chức xử lý ghi nhận tại chức năng “E. Nhập thông tin xử lý dừng đưa hàng qua khu vực giám sát”, Chi cục trưởng quyết định việc tiếp tục dừng hoặc bỏ dừng đưa hàng qua khu vực giám sát thông qua chức năng “D. Bỏ dừng qua khu vực giám sát” trên Hệ thống e-Customs.

2. Trách nhiệm của công chức hải quan thực hiện kiểm tra hồ sơ

a) Nội dung kiểm tra

Ngay sau khi nhận đủ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp trực tiếp hoặc thông qua Hệ thống; căn cứ ý kiến chỉ đạo của Chi cục trưởng, các chỉ dẫn nghiệp vụ của Hệ thống VCIS (nếu có) thông qua Màn hình kiểm tra thông tin tờ khai - Kiểm tra hồ sơ, các chỉ dẫn rủi ro và kết quả kiểm tra hàng hóa trong quá trình xếp, dỡ tại khu vực kho, bãi, cảng, cửa khẩu qua máy soi, thông tin dừng đưa hàng qua khu vực giám sát trên Hệ thống e-Customs (nếu có), công chức hải quan thực hiện việc kiểm tra theo quy định tại mục 3 Chương II Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Trong quá trình kiểm tra lưu ý những nội dung sau:

a.1) Kiểm tra thông tin khai báo Danh sách container đối với tờ khai nhập khẩu khai báo phương thức vận chuyển bằng container

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu vận chuyển bằng container, (nhận biết thông qua tiêu chí “Mã hiệu phương thức vận chuyển” và/hoặc “Số lượng container”), công chức hải quan thực hiện kiểm tra, đối chiếu Danh sách container khai báo trên Hệ thống VNACCS (thông qua nghiệp vụ HYS) và Hệ thống e-Customs (trên Tab “Danh sách container khai kèm tờ khai” của thông tin tờ khai). Sau khi kiểm tra, thực hiện xử lý kết quả như sau:

a.1.1) Trường hợp Danh sách container chưa được khai trên Hệ thống VNACCS hoặc Danh sách container đã khai trên Hệ thống VNACCS không phù hợp với các chứng từ trong hồ sơ hải quan: yêu cầu người khai hải quan thực hiện khai bổ sung theo hướng dẫn tại điểm b.1.1 khoản này;

a.1.2) Trường hợp Danh sách container đã được khai trên Hệ thống VNACCS và phù hợp với các chứng từ trong hồ sơ hải quan nhưng chưa thực hiện khai báo trên Hệ thống e-Customs hoặc thông tin khai báo trên Hệ thống e-Customs sai khác so với nội dung đã khai báo trên Hệ thống VNACCS: sau khi thực hiện nghiệp vụ hoàn thành kiểm tra trên Hệ thống (nghiệp vụ CEA), công chức hải quan kết xuất Danh sách container đã khai báo trên Hệ thống VNACCS (thông qua nghiệp vụ IHY/MSC) để cập nhật vào Hệ thống e-Customs thông qua chức năng “M. Nhập danh sách container của tờ khai (HQ nơi đăng ký)”.

a.2) Kiểm tra tiêu chí khai báo ảnh hưởng đến quản lý hải quan: “Số hiệu, ký hiệu”; “Chi tiết khai trị giá”; “Phần ghi chú”; “Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp”; “Mô tả hàng hóa”; “Điểm đích cho vận chuyển bảo thuế”; “Mã loại hình” ...

Việc ghi nhận tại tiêu chí này phải đảm bảo đúng hướng dẫn tại Phụ lục II Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Ví dụ: Đối với loại hình xuất nhập khẩu tại chỗ, tại tiêu chí “Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp” phải khai là “#&XKTC”; đối với hàng hóa không nhằm mục đích thương mại phải khai tương ứng là #&1, #&2…;

a.3) Kiểm tra điều kiện chuyển cửa khẩu nếu người khai hải quan có đề nghị chuyển cửa khẩu tại tiêu chí “Phần ghi chú” trên tờ khai;

a.4) Trường hợp mã phân loại kiểm tra là W2, S2 thì lưu ý kiểm tra các thông tin sau:

a.4.1) W2: kiểm tra giấy phép, văn bản thông báo miễn kiểm tra hoặc kết quả kiểm tra chuyên ngành đã khai báo;

a.4.2) S2: kiểm tra bảo lãnh đã khai báo.

a.5) Kiểm tra, xác định tên hàng, mã số hàng hóa, mức thuế khi kiểm tra hồ sơ hải quan: thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1 Phần IX của Quy trình này;

a.6) Kiểm tra, tham vấn, xác định trị giá hải quan: thực hiện theo hướng dẫn tại mục 2 Phần IX của Quy trình này;

a.7) Trường hợp kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khi thực hiện kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan;

a.8) Kiểm tra khai báo về thuế và thực hiện chính sách thuế: thực hiện theo hướng dẫn tại mục 3 Phần IX của Quy trình này;

a.9) Kiểm tra các căn cứ để xác định hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế: thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 74 Mục 2 Phần X của Quy trình này;

a.10) Kiểm tra giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, kết quả kiểm tra chuyên ngành:

a.10.1) Trường hợp do người khai hải quan nộp trực tiếp: thực hiện kiểm tra trên cơ sở bản giấy của giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

a.10.2) Trường hợp cơ quan chuyên ngành gửi đến thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia: thực hiện tra cứu thông tin giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, kết quả kiểm tra chuyên ngành trên Hệ thống e-Customs thông qua chức năng “7. Một cửa quốc gia” để thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu, không yêu cầu người khai hải quan nộp bản giấy.

a.11) Kiểm tra kết quả Hệ thống xác định hàng hóa thuộc đối tượng niêm phong hải quan căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Thông tư 38/2015/TT-BTC. Trường hợp Hệ thống xác định chưa chính xác thì điều chỉnh trạng thái tờ khai thông qua chức năng “Đề xuất/Bỏ đề xuất niêm phong hàng hóa”.

b) Xử lý kết quả kiểm tra:

Công chức hải quan ghi nhận kết quả kiểm tra trên Hệ thống VCIS, không ghi nhận trên Mục I Phiếu ghi kết quả kiểm tra theo mẫu số 06/PGKQKT/GSQL Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC (sau đây gọi là Phiếu ghi kết quả kiểm tra), cụ thể như sau:

b.1) Nếu kiểm tra hồ sơ phát hiện khai không đầy đủ hoặc có sự sai lệch, chưa phù hợp giữa chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan và thông tin khai trên Hệ thống, công chức kiểm tra hồ sơ thực hiện:

b.1.1) Thông báo cho người khai hải quan khai bổ sung bằng “Chỉ thị của Hải quan” thông qua nghiệp vụ IDA01/EDA01 (mã A), trường hợp công chức có đầy đủ thông tin xác định có hành vi vi phạm thì lập Biên bản vi phạm và chuyển hồ sơ vi phạm cho cấp có thẩm quyền xử lý.

Trường hợp người khai hải quan sử dụng bảo lãnh riêng để khai báo nhưng số tiền thuế phải nộp do cơ quan hải quan xác định lớn hơn số tiền thuế do người khai hải quan khai báo thì thông báo cho người khai hải quan số tiền thuế phải nộp và hướng dẫn người khai hải quan lựa chọn 1 trong 3 phương thức thanh toán sau:

(1) Sử dụng bảo lãnh riêng mới tương ứng với số tiền thuế do cơ quan hải quan xác định; hoặc

(2) Khai báo việc nộp thuế bằng phương thức nộp thuế ngay thông qua nghiệp vụ IDA01/EDA01 (mã A); hoặc

(3) Trường hợp người khai hải quan lựa chọn sử dụng bảo lãnh riêng đã khai báo với cơ quan hải quan và nộp ngay số tiền thuế chênh lệch giữa số tiền khai báo với số tiền do cơ quan hải quan xác định thì người khai khai báo lại phương thức nộp thuế ngay (chuyển từ mã xác định thời hạn nộp thuế là mã “A” chuyển thành mã “D”) thông qua nghiệp vụ IDA01/EDA01. Quyết định ấn định thuế do cơ quan hải quan ban hành và gửi đến người khai hải quan phải ghi rõ thông tin liên quan đến bảo lãnh riêng và số tiền nộp thuế phải nộp ngay.

Trường hợp người khai hải quan sử dụng bảo lãnh riêng để khai báo nhưng số tiền thuế phải nộp do cơ quan hải quan xác định nhỏ hơn với số tiền thuế do người khai hải quan khai báo thì thông báo cho người khai hải quan số tiền thuế phải nộp thông qua nghiệp vụ IDA01/EDA01 (mã A).

Nếu quá thời hạn 05 ngày kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu người khai hải quan khai bổ sung mà người khai hải quan không thực hiện việc bổ sung hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày gửi thông báo và còn trong thời hạn hiệu lực của tờ khai mà người khai hải quan có văn bản khẳng định những nội dung khai là đúng và không thực hiện khai bổ sung tờ khai thì xử lý theo quy định tại điểm b.7 khoản 3 Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Trường hợp phải ấn định thuế, công chức hải quan thực hiện theo hướng dẫn tại mục 3 Phần IX Quy trình này;

b.1.2) Trường hợp cơ quan hải quan chưa đủ căn cứ để xác định tính chính xác của nội dung khai hải quan thì đề nghị người khai hải quan bổ sung thêm thông tin, chứng từ thông qua nghiệp vụ IDA01/EDA01 (mã A) hoặc đề xuất Chi cục trưởng quyết định chuyển luồng kiểm tra thực tế hàng hóa, lấy mẫu (nếu có) tại ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý”. Việc thông báo chuyển luồng bằng nghiệp vụ CKO, Chi cục trưởng căn cứ tình hình thực tế phân công cho công chức Bước 2 hoặc Bước 3 thực hiện sau khi Chi cục trưởng quyết định hình thức, mức độ kiểm tra.

b.2) Nếu kết quả kiểm tra hàng hóa nhập khẩu trong quá trình xếp, dỡ tại khu vực kho, bãi, cảng, cửa khẩu qua máy soi phát hiện có dấu hiệu vi phạm hoặc có thông tin dừng đưa hàng qua khu vực giám sát trên Hệ thống e-Customs yêu cầu kiểm tra thực tế hàng hóa, công chức hải quan đề xuất Chi cục trưởng quyết định chuyển luồng kiểm tra thực tế hàng hóa bằng hình thức thủ công (công chức trực tiếp kiểm tra hàng hóa), lấy mẫu (nếu có) tại ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý”. Việc thông báo chuyển luồng bằng nghiệp vụ CKO, Chi cục trưởng căn cứ tình hình thực tế phân công cho công chức Bước 2 hoặc Bước 3 thực hiện sau khi Chi cục trưởng quyết định hình thức, mức độ kiểm tra nếu địa điểm lưu giữ hàng hóa thuộc quản lý của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai. Tờ khai chuyển sang Bước 3 (Điều 8 Quy trình này).

Trường hợp Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai không quản lý địa điểm lưu giữ hàng hóa, việc thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa do Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 4 và Điều 11 Quy trình này.

b.3) Nếu kết quả kiểm tra hồ sơ phù hợp và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b.1.2, điểm b.2 khoản 2 Điều này thì thực hiện như sau:

b.3.1) Trường hợp thông quan:

b.3.1.1) Đối với các trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đăng ký danh mục miễn thuế bản giấy theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Thông tư số 38/2015/TT-BTC: Thực hiện trừ lùi trên bản chính các Danh mục trừ lùi đã đăng ký;

b.3.1.2) Ghi nhận kết quả kiểm tra vào Hệ thống tại ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý”;

b.3.1.3) Hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ thông qua chức năng CEA/CEE;

b.3.1.4) Đề xuất cho phép hàng hóa tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo thông qua chức năng “E. Nhập thông tin xử lý dừng đưa hàng qua khu vực giám sát” nếu có thông tin cảnh báo dừng đưa hàng qua khu vực giám sát liên quan đến kiểm tra hồ sơ trên Hệ thống e-Customs.

Hệ thống chuyển tờ khai sang Bước 4 (Điều 9 Quy trình này).

b.3.2) Trường hợp giải phóng hàng:

Căn cứ đề nghị giải phóng hàng của người khai hải quan ghi nhận tại tờ khai hải quan (nếu sử dụng bảo lãnh khai báo tại tiêu chí “Mã lý do đề nghị BP”, nếu nộp thuế thì ghi nhận đề nghị giải phóng hàng tại ô “Chi tiết khai trị giá”) hoặc văn bản đề nghị giải phóng hàng của người khai hải quan và các quy định về các trường hợp được giải phóng hàng, công chức đề xuất cho phép giải phóng hàng trên Màn hình kiểm tra thông tin tờ khai - Kiểm tra hồ sơ. Sau khi được Chi cục trưởng phê duyệt thực hiện như sau:

b.3.2.1) Trường hợp người khai hải quan đề nghị giải phóng hàng nhập khẩu trên cơ sở thực hiện bảo lãnh trên Hệ thống thì thực hiện tuần tự như sau:

- Hoàn thành việc kiểm tra cho phép giải phóng hàng thông qua nghiệp vụ CEA (lần 1);

- Sau khi giải phóng hàng, căn cứ các quy định tại Điều 33 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, nếu thuộc trường hợp thông quan thì công chức thực hiện nghiệp vụ CEA (lần 2) để hoàn thành kiểm tra điều kiện thông quan; nếu thuộc trường hợp ấn định thuế, công chức hải quan thực hiện theo hướng dẫn tại mục 3 Phần IX Quy trình này.

b.3.2.2) Trường hợp người khai hải quan đề nghị giải phóng hàng xuất khẩu, nhập khẩu trên cơ sở nộp thuế hoặc có số thuế bằng 0 hoặc thực hiện bảo lãnh nhưng không khai thông tin bảo lãnh trên Hệ thống (tại tiêu chí “Mã lý do đề nghị BP”) thì thực hiện tuần tự như sau:

- Khi người khai hải quan đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, công chức cập nhật quyết định giải phóng hàng trên Hệ thống e-Customs (thông qua chức năng B. Giải phóng hàng/đưa hàng về bảo quản/đưa hàng về địa điểm kiểm tra - Giải phóng hàng);

- Sau khi giải phóng hàng, căn cứ các quy định tại Điều 33 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, công chức cập nhật kết quả kiểm tra tại ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý”. Nếu thuộc trường hợp thông quan thì công chức thực hiện nghiệp vụ CEA/CEE trên Hệ thống để hoàn thành kiểm tra điều kiện thông quan; nếu thuộc trường hợp ấn định thuế, công chức hải quan thực hiện theo hướng dẫn tại mục 3 Phần IX Quy trình này.

b.3.3) Trường hợp có yêu cầu đưa hàng về bảo quản

Căn cứ văn bản đề nghị đưa hàng về bảo quản của người khai hải quan theo mẫu số 09/BQHH/GSQL Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC) hoặc văn bản của cơ quan kiểm tra chuyên ngành đề nghị đưa hàng về địa điểm khác để kiểm tra theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 32 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, công chức hải quan kiểm tra thông tin khai báo với các điều kiện cho phép đưa hàng về bảo quản quy định tại Điều 33 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Điều 32 Thông tư số 38/2015/TT-BTC và quy định của pháp luật có liên quan.

Căn cứ kết quả kiểm tra, công chức hải quan đề xuất Chi cục trưởng phê duyệt trên Hệ thống và thông báo cho người khai hải quan như sau:

b.3.3.1) Trường hợp hàng hóa không đủ điều kiện đưa về bảo quản, thông báo cho người khai hải quan bằng “Chỉ thị của Hải quan” thông qua nghiệp vụ IDA01 (mã A); đồng thời cập nhật lý do không chấp nhận đưa hàng về bảo quản tại ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý” tại Màn hình kiểm tra thông tin tờ khai - Kiểm tra hồ sơ.

Riêng trường hợp người khai hải quan thuộc danh sách doanh nghiệp vi phạm không được đưa hàng về bảo quản nhưng hàng hóa không thể thực hiện việc kiểm tra tại cửa khẩu, công chức hải quan đề xuất Chi cục trưởng Chi cục Hải quan xem xét, quyết định cho phép đưa hàng về bảo quản theo đề nghị của cơ quan kiểm tra chuyên ngành như hướng dẫn tại điểm b.3.3.2 khoản 2 Điều này.

b.3.3.2) Trường hợp hàng hóa đáp ứng điều kiện đưa hàng về bảo quản, công chức kiểm tra hồ sơ thực hiện như sau:

- Đề xuất Chi cục trưởng phê duyệt đưa hàng về bảo quản tại ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý” tại Màn hình kiểm tra thông tin tờ khai - Kiểm tra hồ sơ, trong đó ghi nhận cụ thể căn cứ chấp nhận đưa hàng về bảo quản;

- Sau khi được Chi cục trưởng phê duyệt tại ô “Ý kiến của Lãnh đạo”, thông báo cho người khai hải quan cho phép đưa hàng về bảo quản tại ô “Chỉ thị của Hải quan” trên Tờ khai hải quan thông qua nghiệp vụ IDA01 (mã B). Nội dung thông báo phải ghi cụ thể tên, địa chỉ của địa điểm cho phép đưa hàng về bảo quản;

- Cập nhật quyết định cho phép đưa hàng về bảo quản tại Hệ thống e-Customs (thông qua chức năng B. Giải phóng hàng/đưa hàng về bảo quản /đưa hàng về địa điểm kiểm tra - Đưa hàng về bảo quản).

Trường hợp khi thực hiện cập nhật quyết định cho phép đưa hàng về bảo quản tại Hệ thống e-Customs mà Hệ thống cảnh báo doanh nghiệp thuộc danh sách không được phép đưa hàng về bảo quản thì công chức thực hiện kiểm tra lại các thông tin để tiếp tục hoặc không tiếp tục thực hiện chuyển trạng thái tờ khai thành “Đưa hàng về bảo quản”. Nếu lựa chọn không tiếp tục thực hiện việc chuyển trạng thái tờ khai thành “Đưa hàng về bảo quản” thì báo cáo Chi cục trưởng, sau khi được Chi cục trưởng phê duyệt tại ô “Ý kiến của Lãnh đạo”, thông báo cho người khai hải quan về việc không cho phép Đưa hàng về bảo quản tại ô “Chỉ thị của Hải quan” trên Tờ khai hải quan thông qua nghiệp vụ IDA01 (mã B). Nội dung thông báo phải ghi cụ thể lý do không cho phép đưa hàng về bảo quản.

- Sau khi có kết quả kiểm tra do cơ quan kiểm tra chuyên ngành gửi đến hoặc do người khai hải quan nộp trực tiếp cho cơ quan hải quan (sử dụng thông tin đến trước), công chức kiểm tra, đối chiếu với thông tin khai trên tờ khai hải quan, nếu lô hàng đủ điều kiện được phép nhập khẩu, công chức hải quan bổ sung thông tin kết quả kiểm tra chuyên ngành vào Hệ thống thông qua nghiệp vụ IDA01 (mã B) (tiêu chí “Số của giấy phép”) và hoàn thành kiểm tra điều kiện thông quan bằng nghiệp vụ CEA; nếu lô hàng không được phép nhập khẩu tiến hành xử lý theo quy định hiện hành.

Trường hợp người khai hải quan nộp kết quả kiểm tra của các cơ quan chuyên ngành không đúng thời hạn quy định thì công chức hải quan tiến hành lập Biên bản vi phạm, sau khi người khai hải quan chấp hành quyết định xử lý của cơ quan hải quan, tiếp tục thực hiện thủ tục hải quan.

Trường hợp quá thời hạn quy định mà người khai hải quan không thực hiện nộp kết quả, Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai chủ trì việc kiểm tra hoặc phối hợp với cơ quan hải quan nơi có địa điểm bảo quản để kiểm tra. Trình tự kiểm tra và xử lý kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 32 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Trường hợp khi kiểm tra xác định doanh nghiệp bỏ trốn, doanh nghiệp bỏ địa chỉ, doanh nghiệp giải thể, phá sản...) thì chuyển thông tin cho cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan thuế nội địa, cơ quan công an để xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời ghi nhận thông tin về kết quả kiểm tra và văn bản thông báo cho các đơn vị liên quan trên Hệ thống tại ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý” và thực hiện chuyển xử lý thủ công trên Hệ thống bằng nghiệp vụ PAI/PEA (Mã lý do hủy: MID).

Trường hợp hàng hóa không đủ điều kiện nhập khẩu theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 32 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, cơ quan hải quan thực hiện như sau:

- Đối với trường hợp hàng hóa phải tái chế: cơ quan hải quan theo dõi thời hạn doanh nghiệp đăng ký tái chế với cơ quan kiểm tra chuyên ngành. Trường hợp hàng hóa sau khi tái chế đáp ứng điều kiện nhập khẩu, công chức hải quan tiếp tục thực hiện các thủ tục hải quan theo quy định;

- Đối với trường hợp hàng hóa phải tái xuất/tiêu hủy: giám sát người khai hải quan thực hiện việc tái xuất/tiêu hủy hàng hóa theo kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành. Sau khi người khai hải quan thực hiện việc tái xuất, tiêu hủy, công chức hải quan ghi nhận thông tin về việc đã tái xuất, tiêu hủy hàng hóa trên Hệ thống tại ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý” và thực hiện chuyển xử lý thủ công trên Hệ thống bằng nghiệp vụ PAI/PEA (Mã lý do hủy: MID).

- Trường hợp trong một tờ khai bao gồm hàng hóa đạt và không đạt yêu cầu về kiểm tra chuyên ngành, buộc phải tái xuất/tiêu hủy phần không đạt yêu cầu thì thông báo cho người khai hải quan về lượng hàng hóa đạt và không đạt yêu cầu thông qua nghiệp vụ IDA01 (mã B) và ghi nhận vào ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý”. Trường hợp người khai hải quan có yêu cầu thông quan cho lượng hàng đạt yêu cầu thì hướng dẫn người khai hải quan khai bổ sung tờ khai chỉ bao gồm lượng hàng hóa đã đạt yêu cầu kiểm tra chuyên ngành. Căn cứ vào thông tin bổ sung tờ khai, công chức hải quan kiểm tra, đề xuất Chi cục trưởng phê duyệt trên Hệ thống. Sau khi Chi cục trưởng phê duyệt, công chức hải quan thực hiện CEA để hoàn thành kiểm tra, tiếp tục theo dõi lượng hàng phải tiêu hủy/tái xuất ngoài Hệ thống.

Trường hợp phải tái xuất thì hướng dẫn người khai hải quan mở tờ khai hải quan xuất khẩu đối với lượng hàng không đạt yêu cầu kiểm tra chuyên ngành (theo loại hình “xuất khẩu hàng đã nhập khẩu”). Sau khi người khai hải quan thực hiện việc tái xuất/tiêu hủy, công chức hải quan ghi nhận thông tin về việc đã tái xuất/tiêu hủy hàng hóa tại tờ khai nhập khẩu ban đầu trên Hệ thống thông qua nghiệp vụ CNO/CNO11 (ghi rõ số văn bản tiêu hủy/buộc tái xuất của cơ quan quản lý chuyên ngành và số tờ khai hải quan xuất khẩu đối với trường hợp tái xuất).

b.3.4) Đối với những lô hàng phải kiểm tra thực tế hàng hóa, công chức sau khi hoàn tất việc kiểm tra hồ sơ hải quan, chỉ ghi nhận kết quả kiểm tra hồ sơ tại ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý”, không thực hiện CEA/CEE và chuyển hồ sơ sang Bước 3 (Điều 8 Quy trình này).

Đối với những hồ sơ do Bước 3 (Điều 8 Quy trình này) chuyển về do kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa không đúng so với khai báo của người khai hải quan và hàng hóa thuộc đối tượng phải tính lại thuế thì công chức kiểm tra hồ sơ thông báo cho người khai hải quan khai bổ sung bằng “Chỉ thị của Hải quan” thông qua nghiệp vụ IDA01/EDA01 (mã A). Nếu quá thời hạn 05 ngày kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu người khai hải quan khai bổ sung mà người khai hải quan không thực hiện việc bổ sung hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày gửi thông báo và còn trong thời hạn hiệu lực của tờ khai mà người khai hải quan có văn bản khẳng định những nội dung khai là đúng và không thực hiện khai bổ sung tờ khai thì công chức hải quan thực hiện việc bổ sung và ấn định thuế như đã hướng dẫn tại điểm b.1.1 khoản 2 Điều này và thực hiện tiếp các thủ tục theo quy định;

b.3.5) Trường hợp đưa hàng hóa về địa điểm kiểm tra tại Chi cục nơi đăng ký tờ khai:

Đối với tờ khai phải kiểm tra thực tế hàng hóa mà địa điểm kiểm tra của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai nằm ngoài khu vực lưu giữ hàng hóa, công chức Bước 2 thực hiện như sau:

b.3.5.1) Sau khi hoàn tất việc kiểm tra hồ sơ, công chức Bước 2 cập nhật kết quả kiểm tra hồ sơ và ghi nhận địa điểm yêu cầu người khai hải quan vận chuyển hàng về để thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa tại ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý”, đồng thời thông báo cho người khai hải quan quyết định cho phép vận chuyển hàng về địa điểm kiểm tra tại ô “Chỉ thị của Hải quan” trên Tờ khai hải quan thông qua nghiệp vụ IDA01 (mã B). Nội dung chỉ thị phải nêu rõ tên, mã và địa chỉ địa điểm kiểm tra;

b.3.5.2) Cập nhật quyết định cho phép vận chuyển hàng về địa điểm kiểm tra thực tế hàng hóa tại Hệ thống e-Customs (thông qua chức năng B. Giải phóng hàng/đưa hàng về bảo quản/đưa hàng về địa điểm kiểm tra - Đưa hàng về địa điểm kiểm tra) để công chức Bước 3 thực hiện kiểm tra;

b.3.5.3) Lập thông tin về Biên bản bàn giao để xác định địa điểm hàng hóa sẽ được vận chuyển đến để kiểm tra trên Hệ thống e-Customs thông qua chức năng “Biên bản bàn giao”. Trường hợp Hệ thống chưa hỗ trợ lập Biên bản bàn giao điện tử thì không thực hiện nội dung này, công chức Bước 3 thực hiện lập Biên bản bàn giao giấy theo quy định tại Điều 8 Quy trình này.

Điều 8. Kiểm tra thực tế hàng hóa (Bước 3)

1. Trách nhiệm của Chi cục trưởng

a) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan xem xét đề xuất của công chức kiểm tra hồ sơ để quyết định việc kiểm tra thực tế hàng hóa và phân công công chức kiểm tra thực tế hàng hóa thông qua Màn hình NA02A.

a.1) Trường hợp phân công cho nhiều hơn 01 công chức thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa, thực hiện phân công 01 công chức tại ô “Tên người phụ trách kiểm hóa”, các công chức còn lại ghi nhận tại ô “Cập nhật ý kiến của Lãnh đạo” trên Màn hình kiểm tra thông tin tờ khai - Kiểm tra thực tế hàng hóa;

a.2) Đối với những tờ khai liên kết với số tờ khai khác theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 18 Thông tư số 38/2015/TT-BTC trong đó có hơn 01 tờ khai phân luồng đỏ thì phân công cho nhóm công chức kiểm tra thực tế hàng hóa các tờ khai luồng đỏ thuộc lô hàng;

a.3) Đối với tờ khai chuyển luồng từ luồng vàng sang luồng đỏ, sau khi phê duyệt đề xuất chuyển luồng của công chức kiểm tra hồ sơ, căn cứ vào tình hình thực tế, Chi cục trưởng hoặc lãnh đạo Đội được phân công tiến hành phân công công chức kiểm tra thực tế hàng hóa (trừ trường hợp kiểm tra thực tế hàng hóa bằng máy soi container dùng chung).

b) Căn cứ chỉ dẫn rủi ro, quá trình chấp hành pháp luật hải quan của người khai hải quan, kết quả soi chiếu trước trong quá trình xếp dỡ tại cảng và các thông tin có liên quan (nếu có) để quyết định hình thức, mức độ kiểm tra.

b.1) Hình thức, mức độ kiểm tra bao gồm:

b.1.1) Hình thức kiểm tra: kiểm tra qua máy soi/cân/thiết bị khác hoặc kiểm tra thủ công;

b.1.2) Mức độ kiểm tra: kiểm tra tỷ lệ hàng hóa (P1) hoặc kiểm tra toàn bộ hàng hóa (P2).

b.2) Cách thức quyết định hình thức kiểm tra

b.2.1) Đối với các Chi cục Hải quan được trang bị máy soi container, việc kiểm tra thực tế hàng hóa được thực hiện qua máy soi container trừ trường hợp máy soi container gặp sự cố hoặc hàng hóa không phù hợp với việc soi chiếu hoặc hàng hóa bắt buộc phải kiểm tra trực tiếp bởi công chức hải quan theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan hoặc lượng hàng hóa phải kiểm tra thực tế vượt quá công suất của máy soi container hoặc năng lực xếp dỡ của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi nơi lắp đặt máy soi. Trong trường hợp Tổng cục Hải quan chưa ban hành Danh mục hàng hóa không phù hợp với việc soi chiếu thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai căn cứ vào kết quả phân luồng, chỉ dẫn rủi ro trên Hệ thống và các nguồn thông tin khác để quyết định hình thức kiểm tra phù hợp (kiểm tra thủ công hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa qua máy soi);

b.2.2) Trường hợp lô hàng đã được soi chiếu trước theo quy định tại Phần I Quy trình này mà không phát hiện dấu hiệu vi phạm thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan lựa chọn sử dụng kết quả soi chiếu trước để thông quan hoặc chuyển công chức hải quan kiểm tra trực tiếp (không thực hiện soi chiếu lần 2 nếu Chi cục Hải quan đã được trang bị máy soi);

b.2.3) Trường hợp trong quá trình kiểm tra hàng hóa, công chức đề xuất thay đổi hình thức, mức độ kiểm tra hoặc hình thức, mức độ xử lý (thông qua Hệ thống và trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra), Chi cục trưởng xem xét, quyết định, ký tên, đóng dấu tại ô số 5 mục IIA hoặc IIB (tương ứng với hình thức kiểm tra) trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra đồng thời cập nhật vào Hệ thống tại ô “Cập nhật ý kiến của Lãnh đạo” trên Hệ thống.

c) Chỉ đạo các nội dung công chức cần kiểm tra, phê duyệt đề xuất của công chức kiểm tra thực tế hàng hóa, quyết định việc tạm dừng hoàn thành việc kiểm tra và hủy tạm dừng hoàn thành kiểm tra thông qua chức năng Tạm dừng và Hủy tạm dừng CEA/CEE (nếu có) tại Màn hình kiểm tra thông tin tờ khai - Kiểm tra thực tế hàng hóa; việc chỉ đạo và phê duyệt phải được cập nhật vào Hệ thống tại ô “Cập nhật ý kiến của Lãnh đạo”.

d) Quyết định thay đổi phân luồng của Hệ thống (chỉ từ luồng đỏ sang luồng vàng), cụ thể:

d.1) Các trường hợp được thay đổi phân luồng nếu tờ khai được Hệ thống phân luồng đỏ:

d.1.1) Hàng hóa là phương tiện vận tải đã xuất cảnh quy định tại khoản 9 Điều 29 Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

d.1.2) Tờ khai xuất nhập khẩu tại chỗ theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

d.1.3) Hàng hóa tạm xuất thay đổi mục đích sử dụng để bán, tặng hàng hóa này ở nước ngoài (không tái nhập về Việt Nam);

d.1.4) Tờ khai đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Thông tư số 38/2015/TT-BTC;

d.1.5) Hàng hóa không thể thực hiện kiểm tra thực tế bởi công chức hải quan hoặc phương tiện kỹ thuật của cơ quan hải quan.

d.2) Chi cục trưởng căn cứ đề xuất của công chức Bước 2 hoặc qua rà soát thông tin tờ khai để quyết định chuyển luồng. Chi cục trưởng có thể trực tiếp chuyển ngược luồng hoặc giao cho công chức chuyển ngược luồng thông qua việc phê duyệt đề xuất. Việc chuyển ngược luồng và thông báo cho người khai hải quan được thực hiện thông qua nghiệp vụ CKO trên Hệ thống.

đ) Đối với các lô hàng có thông tin dừng đưa hàng qua khu vực giám sát, căn cứ đề xuất của công chức xử lý ghi nhận tại chức năng “E. Nhập thông tin xử lý dừng đưa hàng qua khu vực giám sát”, Chi cục trưởng quyết định việc tiếp tục dừng hoặc bỏ dừng đưa hàng qua khu vực giám sát thông qua chức năng “D. Bỏ dừng qua khu vực giám sát” trên Hệ thống e-Customs.

2. Trách nhiệm của công chức hải quan thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa:

a) Công chức được phân công tại ô “Tên người phụ trách kiểm hóa” trên Màn hình kiểm tra thông tin tờ khai - Kiểm tra thực tế hàng hóa sử dụng nghiệp vụ CKO để thông báo cho người khai hải quan về hình thức, địa điểm và thời gian kiểm tra thực tế hàng hóa và việc chuyển luồng (nếu có) theo đúng nội dung chỉ đạo của Chi cục trưởng. Riêng mức độ kiểm tra (tỷ lệ kiểm tra) không thông báo cho người khai hải quan;

b) Thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 38/2015/TT-BTC và các chỉ dẫn của Chi cục trưởng. Kết quả kiểm tra hàng hóa phải xác định rõ những nội dung phù hợp/chưa phù hợp của hàng hóa thực tế xuất khẩu, nhập khẩu so với khai báo của người khai hải quan, đồng thời phải xác định đầy đủ các thông tin về hàng hóa làm căn cứ tính thuế và phải được cập nhật tại ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý” và ghi nhận tại Phiếu ghi kết quả kiểm tra. Riêng việc ghi nhận trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra được thực hiện như sau:

b.1) Trường hợp hàng hóa kiểm tra đúng khai báo, công chức hải quan ghi nhận kết quả kiểm tra hàng hóa tại các ô số 1, số 2, số 4 mục IIA hoặc IIB tương ứng với hình thức kiểm tra trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra (Lưu ý: công chức hải quan không phải ghi nhận vào ô số 3 mục IIA hoặc IIB, Chi cục trưởng không phải ghi nhận vào ô số 5 mục IIA hoặc IIB);

b.2) Trường hợp trong quá trình kiểm tra theo hình thức, mức độ kiểm tra được chỉ dẫn chưa đủ căn cứ để xác định tính chính xác của nội dung khai hải quan với thực tế hàng hóa, công chức kiểm tra hàng hóa ghi nhận kết quả kiểm tra tại ô số các ô số 1, số 2, số 4 mục IIA hoặc IIB tương ứng; ghi nhận nội dung nghi vấn và đề xuất tăng hình thức (nếu có), mức độ kiểm tra tại ô số 3 Mục II.A hoặc Mục II.B Phiếu ghi kết quả kiểm tra, đồng thời cập nhật kết quả kiểm tra, nội dung nghi vấn và đề xuất xử lý trên Phiếu vào ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý” trên Hệ thống.

Sau khi có ý kiến phê duyệt của Chi cục trưởng, tiếp tục thực hiện việc kiểm tra hàng hóa và ghi nhận kết quả kiểm tra trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra trên Hệ thống và xử lý kết quả kiểm tra theo hướng dẫn tại điểm d khoản này.

b.3) Trường hợp trong quá trình kiểm tra phát hiện hàng hóa không đúng khai báo, công chức kiểm tra hàng hóa thực hiện như sau:

b.3.1) Trường hợp kiểm tra thủ công toàn bộ (100%):

Công chức hải quan ghi nhận kết quả kiểm tra hàng hóa tại các ô số 1, số 2, số 4 mục IIB trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra. Trong đó lưu ý tại ô số 2 phải ghi cụ thể nội dung sai (như: sai về tên hàng, mã số, lượng hàng, xuất xứ, chất lượng...) và ghi “các mặt hàng ...xuất khẩu hoặc nhập khẩu sai so với khai của người khai hải quan về...”; nếu có mặt hàng đúng như khai của người khai hải quan thì ghi thêm “các mặt hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu còn lại đúng như khai của người khai hải quan”. Cập nhật nội dung ghi nhận trên Phiếu vào ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý” trên Hệ thống và xử lý vi phạm trong thẩm quyền quy định.

Trường hợp vượt thẩm quyền xử lý, công chức kiểm tra đề xuất xử lý tại ô số 3 Mục II.B trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra, trình Chi cục trưởng Chi cục Hải quan xem xét, quyết định, ký tên, đóng dấu tại số 5 Mục II.B trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra, đồng thời cập nhật ý kiến đề xuất tại ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý” trên Hệ thống. Sau khi Chi cục trưởng phê duyệt ý kiến đề xuất thì thực hiện các thủ tục tiếp theo.

b.3.2) Đối với kiểm tra thủ công tỷ lệ hoặc kiểm tra qua máy soi:

Công chức hải quan ghi nhận kết quả kiểm tra hàng hóa tại các ô số 1, số 2, số 4 mục IIA hoặc IIB tương ứng với hình thức kiểm tra trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra; đề xuất tăng tỷ lệ kiểm tra hoặc hình thức, mức độ xử lý tại ô số 3 mục II.A hoặc II.B trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra. Đồng thời cập nhật kết quả kiểm tra, nội dung nghi vấn và đề xuất xử lý trên Phiếu vào ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý” trên Hệ thống.

Chi cục trưởng xem xét, quyết định, ký tên, đóng dấu tại ô số 5 mục II.A hoặc II.B trên Phiếu ghi kết quả kiểm tra. Công chức căn cứ theo chỉ đạo của Chi cục trưởng để tiếp tục thực hiện việc kiểm tra hải quan (nếu có) và tiếp tục ghi nhận kết quả kiểm tra vào Phiếu ghi kết quả kiểm tra, đồng thời cập nhật nội dung ghi nhận trên Phiếu vào ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý” trên Hệ thống hoặc chuyển hồ sơ cho bộ phận xử lý vi phạm để thực hiện tiếp các thủ tục theo quy định.

c) Thực hiện việc lấy mẫu (nếu có) theo quy định tại Điều 31 Thông tư 38/2015/TT-BTC;

d) Xử lý kết quả kiểm tra:

d.1) Trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp và thuộc trường hợp thông quan thì công chức kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện:

d.1.1) Ghi nhận kết quả kiểm tra đã ghi nhận tại Phiếu ghi kết quả kiểm tra vào Hệ thống tại ô “Cập nhật ý kiến của công chức xử lý”;

d.1.2) Hoàn thành việc kiểm tra thực tế hàng hóa thông qua chức năng CEA/CEE;

d.1.3) Riêng đối với trường hợp thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa căn cứ vào thông tin dừng đưa hàng qua khu vực giám sát thì nhập kết quả kiểm tra và đề xuất cho phép hàng hóa tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo thông qua chức năng “E. Nhập thông tin xử lý dừng đưa hàng qua khu vực giám sát” trên Hệ thống e-Customs.

d.2) Trường hợp tờ khai có đề nghị giải phóng hàng, công chức kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện các công việc như quy định tại điểm b.3.2 khoản 2 Điều 7 Quy trình này;

d.3) Trường hợp tờ khai có yêu cầu đưa hàng hóa về bảo quản, công chức kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện các công việc như quy định điểm b.3.3 khoản 2 Điều 7 Quy trình này;

d.4) Trường hợp kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa không đúng so với khai báo của người khai hải quan thì công chức kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Thông tư số 38/2015/TT-BTC và chuyển hồ sơ đến các bước nghiệp vụ tiếp theo để xem xét, quyết định (trường hợp hàng thuộc đối tượng phải tính lại thuế thì công chức kiểm tra thực tế hàng hóa ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa chuyển toàn bộ hồ sơ về công chức kiểm tra hồ sơ để xử lý về thuế theo quy định).

đ) Trường hợp kiểm tra thực tế hàng hóa qua máy soi container tại địa điểm kiểm tra tập trung, công chức thực hiện kiểm tra qua máy soi xử lý kết quả kiểm tra như hướng dẫn đối với công chức Bước 3 tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai;

e) Trường hợp hàng hóa xuất khẩu chuyển cửa khẩu luồng đỏ, sau khi kiểm tra thực tế hàng hóa, công chức hải quan thực hiện:

e.1) Niêm phong hải quan (nếu hàng hóa niêm phong được);

e.2) Lập biên bản bàn giao trên Hệ thống thông qua chức năng “Biên bản bàn giao”. Trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì công chức hải quan phải ghi rõ trên Biên bản bàn giao tên hàng, số lượng, chủng loại, ký mã hiệu và chụp ảnh nguyên trạng hàng hóa kèm theo Biên bản bàn giao (nếu cần). In 02 bản Biên bản bàn giao từ Hệ thống; ký tên, đóng dấu công chức. Yêu cầu đại diện doanh nghiệp ký và ghi rõ họ tên. Cơ quan hải quan lưu 01 bản; giao 01 bản cùng hàng hóa cho đại diện doanh nghiệp vận chuyển đến cửa khẩu xuất.

e.3) Xác nhận đã niêm phong sau khi đã lập Biên bản bàn giao (bao gồm cả trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng niêm phong nhưng không thể niêm phong được) trên Hệ thống thông qua chức năng “Xác nhận niêm phong hàng hóa”;

Trường hợp không thực hiện được việc cập nhật, trao đổi thông tin qua Hệ thống theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì thực hiện lập Biên bản bàn giao theo mẫu số 10/BBBG/GSQL Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC để bàn giao hàng hóa cho người khai hải quan vận chuyển đến Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để làm tiếp thủ tục theo quy định.

Theo dõi thông tin hàng hóa vận chuyển trên Hệ thống e-Customs đối với trường hợp lập Biên bản bàn giao trên thống, hoặc thông tin hồi báo thông qua bản fax Biên bản bàn giao từ Chi cục Hải quan nơi vận chuyển đến, chủ trì truy tìm trong trường hợp quá thời hạn vận chuyển nhưng hàng hóa chưa đến đích.

Điều 9. Kiểm tra hoàn thành nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí (Bước 4)

1. Thu thuế

a) Hệ thống VNACCS tự động kiểm tra việc nộp thuế của tờ khai hải quan trên cơ sở thanh toán của người khai hải quan được cập nhật trên Hệ thống.

b) Trường hợp Hệ thống VNACCS không tự động xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ thuế của tờ khai hải quan:

b.1) Trường hợp người khai hải quan nộp tiền mặt, cơ quan hải quan viết biên lai thu tiền thì cập nhật ngay biên lai vào Hệ thống Kế toán tập trung để Hệ thống tự động chuyển thông tin sang Hệ thống VNACCS để thông quan lô hàng;

b.2) Trường hợp người khai hải quan đã nộp thuế tại ngân hàng đã ký Thỏa thuận phối hợp thu hoặc KBNN nhưng trên Hệ thống Kế toán tập trung chưa có thông tin xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của tờ khai chờ thông quan mà người khai hải quan xuất trình được chứng từ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai tổ chức thực hiện như sau:

b.2.1) Công chức xử lý về thủ tục hải quan:

b.2.1.1) Kiểm tra các thông tin trên Giấy nộp tiền vào NSNN có xác nhận của Ngân hàng/KBNN do người khai hải quan cung cấp, đối chiếu với Hệ thống thông tin chuyển tiền từ ngân hàng/KBNN. Trường hợp có nghi ngờ về chứng từ nộp tiền thì liên hệ với KBNN/Ngân hàng chuyển tiền xác minh thông tin về chứng từ nộp tiền do doanh nghiệp xuất trình. Trường hợp Hệ thống có vướng mắc, sau khi kiểm tra chứng từ nộp tiền nếu chấp nhận thì thực hiện các bước tiếp theo;

b.2.1.2) Cập nhật thông tin Giấy nộp tiền vào Hệ thống Kế toán tập trung thông qua chức năng “2. Nhập liệu/J. Chứng từ xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế/1. Nhập chứng từ” để nhập các thông tin liên quan;

b.2.1.3) Đối với các chứng từ do Ngân hàng cấp phát, đóng dấu xác nhận chứng từ đã được cơ quan hải quan sử dụng, đề nghị Ngân hàng cấp phát không hủy ngang vào bản chính và trả người khai hải quan (sử dụng mẫu số 01 tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này);

b.2.1.4) Lưu chứng từ nộp tiền (bản chụp có xác nhận của người khai hải quan) đã cập nhật vào Hệ thống Kế toán tập trung.

b.2.2) Công chức xử lý về thuế: hàng ngày kiểm tra thông tin các chứng từ nộp tiền do công chức xử lý về thủ tục hải quan cập nhật vào Hệ thống Kế toán tập trung.

b.3) Trường hợp người khai hải quan đã nộp thuế tại ngân hàng chưa phối hợp thu nhưng trên Hệ thống Kế toán tập trung chưa có thông tin xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của tờ khai chờ thông quan, người khai xuất trình giấy nộp tiền có xác nhận của ngân hàng chuyển tiền và văn bản cam kết không hủy ngang Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước. Căn cứ tình hình thực tế, Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai tổ chức thực hiện như sau:

b.3.1) Kiểm tra bản chính Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước của ngân hàng thương mại chưa phối hợp thu (liên cấp cho người nộp thuế có xác nhận của ngân hàng thương mại chưa phối hợp thu có ký tên, đóng dấu trên Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước); Lưu bản chụp của Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước.

Trường hợp người nộp thuế đề nghị ngân hàng thương mại chuyển tiền nộp thuế nhưng không cùng địa bàn làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, người nộp thuế có thể xuất trình bản chính giấy nộp tiền cho cơ quan hải quan nơi ngân hàng chuyển tiền, cơ quan hải quan này có trách nhiệm kiểm tra thông tin giấy nộp tiền và thông báo (bằng Email, fax) cho đơn vị hải quan nơi doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa để kịp thời thông quan hàng hóa;

b.3.2) Đóng dấu xác nhận chứng từ đã được cơ quan hải quan sử dụng, đề nghị Ngân hàng cấp phát không hủy ngang vào bản chính và trả người khai hải quan (sử dụng mẫu số 1 tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này).

b.4) Trường hợp Hệ thống Kế toán tập trung không kết nối với Hệ thống VNACCS

Để xác định Hệ thống Kế toán tập trung không kết nối với Hệ thống VNACCS, đề nghị các Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai liên hệ với bộ phận Help Desk của Tổng cục Hải quan trước khi thực hiện các thao tác trên Hệ thống. Bộ phận Help Desk kiểm tra và thông báo sự cố trên Hệ thống e-Customs.

Trường hợp đủ căn cứ để xác định Hệ thống Kế toán tập trung không kết nối với Hệ thống VNACCS, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai giao cho một hoặc một nhóm công chức thực hiện nghiệp vụ RCC trên Hệ thống VNACCS để xác nhận tờ khai đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và mở sổ theo dõi số lượng tờ khai đã thực hiện.

Công chức được giao nhiệm vụ thực hiện nghiệp vụ RCC có trách nhiệm:

b.4.1) Kiểm tra các thông tin trên Giấy nộp tiền vào NSNN có xác nhận của Ngân hàng/KBNN do người khai hải quan cung cấp. Trường hợp có nghi ngờ về chứng từ nộp tiền thì liên hệ với KBNN/Ngân hàng chuyển tiền xác minh thông tin về chứng từ nộp tiền do doanh nghiệp xuất trình. Sau khi kiểm tra nếu chấp nhận thì thực hiện các bước tiếp theo;

b.4.2) Vào sổ, lập Bảng kê các chứng từ nộp tiền do người khai xuất trình;

b.4.3) Thực hiện nghiệp vụ RCC trên Hệ thống VNACCS để xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế của lô hàng;

b.4.4) Đối với các chứng từ do Ngân hàng cấp phát, đóng dấu xác nhận chứng từ đã được cơ quan hải quan sử dụng, đề nghị Ngân hàng cấp phát không hủy ngang vào bản chính và trả người khai hải quan (sử dụng mẫu số 1 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này);

b.4.5) Kết thúc ngày làm việc chuyển bảng kê các chứng từ nộp tiền sang bộ phận quản lý thuế để kiểm tra thông tin các chứng từ nộp tiền đã cập nhật vào Hệ thống.

Sau khi KBNN có bảng kê giấy nộp tiền vào NSNN chuyển sang, công chức được giao nhiệm vụ thuộc bộ phận quản lý thuế thực hiện cập nhật, hạch toán theo quy định.

2. Thu lệ phí hải quan

Các Chi cục Hải quan tổ chức theo dõi và thu lệ phí hải quan theo đúng các đối tượng phải thu lệ phí hải quan, số lần thu và mức thu quy định tại Thông tư số 172/2010/TT-BTC ngày 02/11/2010 của Bộ Tài chính và Điều 45 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Các Chi cục Hải quan thực hiện điều chỉnh âm lệ phí phải thu thủ công đối với những tờ khai không thuộc đối tượng phải nộp lệ phí hải quan trên Hệ thống Kế toán tập trung. Cách nhập liệu bằng chức năng “2. Nhập liệu\N. Quản lý lệ phí nộp sau\4. Nhập chứng từ điều chỉnh lệ phí”.

3. Thu phí thu hộ

Chi cục trưởng Chi cục Hải quan phân công công chức thực hiện việc rà soát và xuất thông báo lệ phí thu hộ các Hiệp hội thủ công trên Hệ thống Kế toán tập trung thông qua chức năng “2. Nhập liệu\N. Quản lý lệ phí nộp sau\1. Nhập thông báo lệ phí” cho các tờ khai có phát sinh lệ phí thu hộ hàng tháng.

Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai và người khai hải quan rà soát số phải thu và số đã thu trước ngày 10 tháng sau.

Điều 10. Quản lý, hoàn chỉnh hồ sơ (Bước 5)

Công chức được giao nhiệm vụ quản lý, hoàn chỉnh hồ sơ theo dõi, quản lý và hoàn chỉnh hồ sơ đã được “Thông qua”, “Giải phóng hàng”, “Đưa hàng về bảo quản” mà còn nợ các chứng từ bản gốc được phép chậm nộp (bao gồm cả kết quả kiểm tra chuyên ngành) thuộc bộ hồ sơ hải quan hoặc còn vướng mắc chưa hoàn tất thủ tục hải quan.

Chi cục trưởng phân công công chức tiếp nhận các chứng từ bản gốc chậm nộp, xử lý các vướng mắc của lô hàng. Sau khi hoàn thành thì chuyển cho công chức được giao nhiệm vụ quản lý, hoàn chỉnh hồ sơ, đưa vào lưu trữ nếu đã đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 11. Kiểm tra thực tế hàng hóa theo yêu cầu của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai (kiểm hóa hộ)

1. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai

Trường hợp Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai không thể tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa, công chức Bước 2 đề xuất Chi cục trưởng đề nghị Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa trên Hệ thống VCIS. Sau khi Chi cục trưởng phê duyệt, địa điểm, hình thức, mức độ kiểm tra thực tế hàng hóa, thực hiện như sau:

a) Cập nhật thông tin đề nghị kiểm tra thực tế hàng hóa tại Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa tại Hệ thống e-Customs thông qua chức năng “Đề nghị kiểm hóa hộ”. Trường hợp người khai hải quan không nộp hồ sơ hải quan dưới dạng điện tử, thực hiện scan các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan để chuyển vào Hệ thống;

b) Sau khi có kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa do Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa cập nhật trên Hệ thống e-Customs, ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa vào Hệ thống VCIS và thực hiện tiếp các thủ tục theo quy định; xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định hiện hành.

2. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa

a) Trách nhiệm của Chi cục trưởng

Phân công công chức kiểm tra thực tế hàng hóa đối với yêu cầu kiểm tra thực tế hàng hóa từ những Chi cục Hải quan khác và chỉ đạo hình thức, mức độ kiểm tra theo đúng yêu cầu của Chi cục Hải quan đó trên Hệ thống e-Customs.

b) Trách nhiệm của công chức kiểm tra thực tế hàng hóa

b.1) Thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 38/2015/TT-BTC và các chỉ đạo của Chi cục trưởng trên Hệ thống e-Customs. Kết quả kiểm tra hàng hóa phải xác định rõ những nội dung phù hợp/chưa phù hợp của hàng hóa thực tế xuất khẩu, nhập khẩu so với khai báo của người khai hải quan, đồng thời phải xác định đầy đủ các thông tin về hàng hóa làm căn cứ tính thuế;

b.2) Ghi nhận kết quả kiểm tra, ký tên, đóng dấu công chức vào Phiếu ghi kết quả kiểm tra theo quy định đồng thời cập nhật kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa tương ứng trên Hệ thống e-Customs thông qua chức năng “Nhập kết quả kiểm hóa”; lập Biên bản vi phạm và chuyển toàn bộ thông tin, hồ sơ vi phạm cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để xử lý (nếu có). Lưu bản gốc Phiếu ghi kết quả kiểm tra; đồng thời scan Phiếu ghi kết quả kiểm tra để cập nhật vào Hệ thống e-Customs để hoàn thiện bộ hồ sơ hải quan điện tử;

b.3) Hủy yêu cầu phải niêm phong hải quan đối với tờ khai nhập khẩu trên Hệ thống (nếu Hệ thống chỉ dẫn phải niêm phong);

b.4) Riêng hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế, không chịu thuế, có số tiền thuế phải nộp bằng không hoặc được ân hạn thuế 275 ngày và kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa phù hợp: cập nhật quyết định cho phép hàng qua khu vực giám sát trước khi thông quan hàng hóa thông qua chức năng “Chờ thông quan sau khi kiểm hóa hộ” trên Hệ thống e-Customs.

3. Trường hợp Hệ thống e-Customs gặp sự cố, không thể trao đổi thông tin đề nghị kiểm hóa hộ thì các Chi cục Hải quan thực hiện như sau:

a) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai

Trường hợp Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai không thể tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa, công chức Bước 2 đề xuất Chi cục trưởng đề nghị Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa trên Hệ thống VCIS. Sau khi Chi cục trưởng phê duyệt, địa điểm, hình thức, mức độ kiểm tra thực tế hàng hóa, thực hiện như sau:

a.1) Lập 02 Phiếu đề nghị kiểm tra thực tế hàng hóa theo Mẫu số 07/PĐNKT/GSQL ban hành kèm Phụ lục V Thông tư số 38/2015/TT-BTC và fax ngay cho Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa;

a.2) Lập 02 Phiếu ghi kết quả kiểm tra theo mẫu 06/PGKQKT/GSQL ban hành kèm Phụ lục V Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu Chi cục tại tiêu chí “Ý kiến Lãnh đạo Chi cục”. Mẫu dấu Chi cục sử dụng là mẫu dấu vuông nghiệp vụ - mẫu số 2 “Tên Chi cục Hải quan” ban hành kèm theo Quyết định số 1200/2001/QĐ-TCHQ ngày 23/11/2001 của Tổng cục Hải quan;

a.3) Niêm phong hồ sơ giao cho người khai hải quan chuyển đến Chi cục Hải quan cửa khẩu bao gồm: 01 bản in Tờ khai hàng hóa xuất khẩu/Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng) có xác nhận bằng dấu giáp lai của Chi cục; 01 bộ photo có xác nhận của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai các chứng từ đi kèm tờ khai; 01 Phiếu đề nghị kiểm tra thực tế hàng hóa; 02 Phiếu ghi kết quả kiểm tra;

a.4) Thực hiện các công việc sau khi có kết quả kiểm tra hàng hóa do Chi cục Hải quan cửa khẩu chuyển đến gồm:

a.4.1) Cập nhật kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa vào Hệ thống và thực hiện tiếp các thủ tục theo quy định;

a.4.2) Xử lý vi phạm (nếu có).

b) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu

b.1) Tiếp nhận hồ sơ từ Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai gửi tới, thực hiện kiểm tra hàng hóa theo hình thức, mức độ kiểm tra và các ghi chú (nếu có) ghi nhận trên Phiếu đề nghị kiểm tra thực tế hàng hóa. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu thực hiện phân công công chức kiểm tra thực tế hàng hóa và ghi nhận tại Phiếu đề nghị kiểm tra thực tế hàng hóa. Công chức được phân công kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện kiểm hóa, ghi nhận kết quả kiểm tra, ký tên, đóng dấu công chức vào Phiếu ghi kết quả kiểm tra theo quy định; lập Biên bản vi phạm (nếu có);

b.2) Luân chuyển hồ sơ sau khi hoàn thành kiểm tra thực tế hàng hóa

b.2.1) Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được thông quan và thuộc diện miễn thuế hoặc không chịu thuế hay có số tiền thuế phải nộp bằng không hoặc được ân thuế 275 ngày đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu:

b.2.1.1) Lập Danh sách hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan theo mẫu số 07/DSHHG/GSQL Phụ lục 2 Quy trình này; ghi rõ thông tin, ký tên, ghi ngày, tháng, năm và đóng dấu công chức trên Danh sách hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan giao người khai hải quan hoặc người vận chuyển xuất trình cho doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng khi đưa hàng qua khu vực giám sát hải quan;

b.2.1.2) Niêm phong hồ sơ giao cho người khai hải quan chuyển trả Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai, bao gồm: 01 Phiếu ghi kết quả kiểm tra; 01 Biên bản vi phạm (nếu có) đồng thời fax ngay Phiếu ghi kết quả kiểm tra, Biên bản vi phạm (nếu có) đến Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai;

b.2.1.3) Lưu hồ sơ bao gồm: 01 bản in Tờ khai hàng hóa xuất khẩu/Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng) có xác nhận bằng dấu giáp lai của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai; 01 bộ các chứng từ đi kèm tờ khai photo có xác nhận của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai; 01 Phiếu đề nghị kiểm tra thực tế hàng hóa; 01 Phiếu ghi kết quả kiểm tra; 01 Biên bản vi phạm (nếu có).

b.3.2) Các trường hợp còn lại, không bao gồm trường hợp thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa theo yêu cầu dừng đưa hàng qua khu vực giám sát hải quan của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai:

b.3.2.1) Thông báo kết quả kiểm tra bằng fax cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để cập nhật kết quả vào Hệ thống ngay sau khi hoàn thành kiểm tra hoặc chậm nhất vào đầu giờ làm việc của ngày làm việc kế tiếp nếu thời gian kiểm tra kéo dài quá giờ hành chính. Bản chính của Phiếu kiểm tra thực tế hàng hóa được niêm phong giao người khai hải quan chuyển trả Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai;

b.3.2.2) Thực hiện xác nhận hàng qua khu vực giám sát theo đúng quy định hiện hành.

Điều 12. Khai bổ sung hồ sơ hải quan

1. Trường hợp bổ sung các thông tin tờ khai trước khi cơ quan hải quan hoàn thành kiểm tra hải quan (trước CEA/CEE):

a) Trường hợp người khai gửi thông tin bổ sung thông qua Hệ thống, tờ khai bổ sung sẽ được Hệ thống phân luồng lại. Công chức được phân công căn cứ nội dung bổ sung thực hiện như sau:

a.1) Nếu nội dung bổ sung hợp lệ, tiếp tục thực hiện thủ tục hải quan theo hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8 Quy trình này tương ứng; xử lý vi phạm hành chính (nếu có);

a.2) Nếu nội dung bổ sung không hợp lệ, đề xuất Chi cục trưởng không chấp thuận tờ khai bổ sung trên Hệ thống VCIS. Trên cơ sở quyết định của Chi cục trưởng, sử dụng Chỉ thị của Hải quan thông qua nghiệp vụ IDA01/EDA01 (mã A) để yêu cầu người khai hải quan sửa đổi lại như nội dung ban đầu và xử lý tiếp tờ khai theo quy định.

b) Trường hợp người khai gửi thông tin bổ sung bằng văn bản:

Công chức được phân công tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, đề xuất Chi cục trưởng chấp nhận/không chấp nhận việc khai bổ sung trên văn bản của người khai hải quan (mẫu số 03/KBS/GSQL Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC). Sau khi Chi cục trưởng phê duyệt hình thức xử lý đối với nội dung khai bổ sung, công chức thực hiện như sau:

b.1) Trường hợp chấp nhận nội dung bổ sung: cập nhật thông tin bổ sung thông qua chức năng CNO/CNO11, đồng thời cập nhật thông tin bổ sung của tờ khai trên Hệ thống e-Customs thông qua chức năng “N. Nhập bổ sung thông tin sửa tờ khai (Hệ thống không hỗ trợ)”; lưu 01 bản đề nghị khai bổ sung của người khai hải quan, trả người khai hải quan 01 bản để thực hiện tiếp các thủ tục;

b.2) Trường hợp không chấp nhận nội dung khai bổ sung: thông báo kết quả cho người khai hải quan trên văn bản đề nghị bổ sung.

2. Trường hợp bổ sung các thông tin tờ khai sau khi hoàn thành kiểm tra hải quan (sau khi CEA/CEE), bao gồm cả trường hợp bổ sung C/O để hưởng thuế suất ưu đãi:

a) Trường hợp người khai hải quan khai bổ sung bằng Tờ khai bổ sung sau thông quan (thông qua nghiệp vụ AMA/AMC)

Công chức được phân công tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, đối chiếu với thông tin khai báo trên Hệ thống thông qua nghiệp vụ IAD. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, đề xuất Chi cục trưởng chấp nhận/không chấp nhận việc khai bổ sung bằng văn bản. Sau khi Chi cục trưởng phê duyệt hình thức xử lý đối với nội dung khai bổ sung, công chức sử dụng nghiệp vụ CAM để thông báo kết quả xử lý đến người khai hải quan;

b) Trường hợp người khai hải quan khai bổ sung bằng văn bản thì thực hiện như hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều này.

Trường hợp tờ khai mới hoàn thành kiểm tra (CEA/CEE), chưa được cấp phép thông quan thì ghi nhận việc bổ sung trên Hệ thống e-Customs trước, sau khi tờ khai được cấp phép thông quan, sử dụng chức năng CNO/CNO11 để ghi nhận trên Hệ thống.

Riêng đối với việc sửa tiêu chí “Số vận đơn” trên tờ khai nhập khẩu, công chức thực hiện thêm việc cập nhật lại tất cả các số vận đơn theo đúng thứ tự đã khai báo trên tờ khai (bao gồm có sửa đổi và không sửa đổi) vào thông tin tờ khai tại chức năng “N. Nhập bổ sung thông tin sửa tờ khai (Hệ thống không hỗ trợ)” làm cơ sở để đối chiếu với Danh sách container.

Điều 13. Hủy tờ khai hải quan

1. Trường hợp hủy tờ khai trước thời điểm thông quan

Sau khi được Chi cục trưởng phê duyệt hủy tờ khai theo quy định công chức được giao nhiệm vụ thực hiện như sau:

a) Thủ tục hủy tờ khai trên Hệ thống:

a.1) Đối với tờ khai luồng xanh: Sử dụng nghiệp vụ IID/IEX để gọi tờ khai, sau đó nhấn chuột phải chọn “Link nghiệp vụ”, chọn PAI/PAE để hủy tờ khai.

Sau khi hủy tờ khai, thực hiện hủy tiền thuế (nếu có) trên Hệ thống KTT (thông qua chứng từ ghi sổ H3).

a.2) Đối với tờ khai luồng vàng, luồng đỏ: Trên màn hình kiểm tra thông tin tờ khai (Kiểm tra hồ sơ/Kiểm tra thực tế hàng hóa), nhấn chuột phải chọn “Link nghiệp vụ”, chọn PAI/PAE để hủy tờ khai; Sau đó tiếp tục nhấn chuột phải chọn “Thay đổi trạng thái kiểm tra (E)/Thu hồi (W)”. Sau khi hoàn tất các thao tác tiêu chí “Trạng thái tờ khai” trên màn hình NA02A sẽ là trạng thái “Hủy”.

b) Thủ tục hủy các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) trên Hệ thống:

b.1) Hủy tiền thuế (nếu có) trên Hệ thống KTT (thông qua chứng từ ghi sổ H3);

b.2) Chuyển thuế từ tờ khai hủy sang tờ khai khai lại (nếu có):

Căn cứ giấy đề nghị điều chỉnh thuế theo mẫu C.1-07 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013 của Bộ Tài chính do người khai hải quan nộp, công chức được giao nhiệm vụ thực hiện:

b.2.1) Kiểm tra thông tin trên giấy nộp tiền và giấy đề nghị điều chỉnh thuế, nếu hợp lệ sử dụng nghiệp vụ chức năng J trên Hệ thống KTT xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế cho tờ khai khai lại;

b.2.2) Chuyển Giấy nộp tiền và Giấy đề nghị điều chỉnh thuế theo mẫu C.1-07 cho bộ phận kế toán để điều chỉnh theo quy định.

b.3) Thông báo cho Cục Thuế nội địa hoặc Chi cục Hải quan theo quy định tại điểm b.1.5 khoản 2 Điều 22 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thông qua mẫu số 04 Phụ lục 1 Quy trình này.

2. Trường hợp hủy tờ khai sau thông quan

Đối với hồ sơ hủy hợp lệ thì thực hiện thêm những công việc sau đây:

a) Thủ tục hủy tờ khai trên Hệ thống: Sử dụng nghiệp vụ CNO/CNO11 trên Hệ thống VNACCS/VCIS và chức năng “Nhập thông tin tờ khai hủy sau thông quan” trên Hệ thống e-Customs để ghi nhận và chuyển tờ khai sang trạng thái hủy;

b) Thủ tục hủy các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) trên Hệ thống: thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Đối với việc hủy tờ khai tạm nhập tạm xuất, tạm xuất tái nhập, thực hiện điều chỉnh lượng hàng tương ứng theo hướng dẫn tại khoản 4, khoản 5 Điều 23 Quy trình này.

Điều 14. Dừng đưa hàng qua khu vực giám sát hải quan

1. Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hoặc Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý nơi lưu giữ hàng hóa quyết định việc dừng đưa hàng qua khu vực giám sát hải quan theo nguyên tắc như sau:

a) Việc dừng đưa hàng qua khu vực giám sát có thể thực hiện ngay khi có thông tin vi phạm của lô hàng. Người ra quyết định dừng đưa hàng qua khu vực giám sát hải quan sẽ có trách nhiệm thực hiện việc bỏ dừng đưa hàng qua khu vực giám sát hải quan trên Hệ thống;

b) Việc kiểm tra thực tế hàng hóa được thực hiện tại Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý nơi lưu giữ hàng hóa tổ chức việc kiểm tra đảm bảo thực hiện theo quy trình tại khoản 2 Điều này.

2. Quy trình dừng đưa hàng qua khu vực giám sát hải quan:

a) Bước 1: Quyết định dừng đưa hàng qua khu vực giám sát hải quan

Chi cục trưởng quyết định dừng đưa hàng qua khu vực giám sát dựa trên đề xuất của công chức và các nguồn thông tin khác quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (theo mẫu số 11/QĐTDGS/GSQL Phụ lục V ban hành kèm Thông tư số 38/2015/TT-BTC).

b) Bước 2: Thủ tục dừng đưa hàng qua khu vực giám sát

b.1) Trách nhiệm của Chi cục trưởng ra quyết định dừng:

b.1.1) Quyết định dừng đưa hàng qua khu vực giám sát và hình thức, mức độ kiểm tra bổ sung của tờ khai thông qua chức năng “C. Dừng đưa hàng qua khu vực giám sát” trên Hệ thống e-Customs để thông báo dừng vận chuyển hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan cho khu vực giám sát hải quan;

b.1.2) Căn cứ kết quả kiểm tra và đề xuất xử lý của công chức được phân công kiểm tra ghi nhận tại tab “Ghi nhận” của tờ khai, trường hợp hàng hóa đủ điều kiện đưa hàng qua khu vực giám sát hoặc không phát hiện vi phạm, quyết định cho phép tờ khai được tiếp tục thực hiện thủ tục thông qua chức năng “D. Bỏ dừng đưa hàng qua khu vực giám sát” trên Hệ thống e-Customs.

b.2) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai

Căn cứ thông tin dừng đưa hàng qua khu vực giám sát và hình thức, mức độ kiểm tra bổ sung được ghi nhận, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai tổ chức thực hiện xử lý thông tin dừng thông quan như sau:

b.2.1) Trường hợp tờ khai chưa hoàn thành kiểm tra (CEA/CEE): thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8 Quy trình này. Thông tin dừng đưa hàng qua khu vực giám sát chỉ để hỗ trợ Chi cục trưởng quyết định hình thức, mức độ kiểm tra phù hợp.

b.2.2) Trường hợp tờ khai đã hoàn thành kiểm tra (CEA/CEE): theo dõi, hỗ trợ Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa trong việc kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa (nếu có).

b.3) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý nơi lưu giữ hàng hóa:

Chi cục trưởng căn cứ vào thông tin dừng đưa hàng qua khu vực giám sát và hình thức, mức độ kiểm tra của lô hàng do Chi cục trưởng ra quyết định dừng chuyển đến trên Hệ thống, phân công và thông báo hình thức, mức độ kiểm tra tương ứng cho công chức kiểm tra bổ sung ngoài Hệ thống.

Công chức hải quan được phân công kiểm tra bổ sung thực hiện kiểm tra hồ sơ/kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định tại Mục 3 Chương II Thông tư số 38/2015/TT-BTC và ghi nhận kết quả kiểm tra tại Phiếu ghi kết quả kiểm tra.

b.3.1) Trường hợp mức độ kiểm tra bổ sung là kiểm tra hồ sơ (chuyển luồng vàng):

b.3.1.1) Trường hợp kết quả kiểm tra hồ sơ phù hợp với khai báo: ghi nhận kết quả kiểm tra và đề xuất cho phép tờ khai được tiếp tục thực hiện thủ tục đưa hàng qua khu vực giám sát thông qua chức năng “E. Nhập thông tin xử lý dừng đưa hàng qua khu vực giám sát”; chuyển hồ sơ kiểm tra bổ sung cho công chức quản lý, hoàn chỉnh hồ sơ để lưu trữ;

b.3.1.2) Trường hợp kết quả kiểm tra hồ sơ không phù hợp với khai báo: ghi nhận kết quả kiểm tra thông qua chức năng “E. Nhập thông tin xử lý dừng đưa hàng qua khu vực giám sát”, lập Biên bản vi phạm và chuyển cho cấp có thẩm quyền xử lý, đồng thời chuyển thông tin vi phạm cho bộ phận quản lý rủi ro để phân tích, xác định rủi ro.

b.3.2) Trường hợp mức độ kiểm tra bổ sung là kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa (chuyển luồng đỏ)

Công chức được giao nhiệm vụ thực hiện kiểm tra theo hướng dẫn tại Điều 11 Quy trình này và xử lý kết quả kiểm tra như sau:

b.3.2.1) Trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp với khai báo: ghi nhận kết quả kiểm tra và đề xuất cho phép tờ khai được tiếp tục thực hiện thủ tục đưa hàng qua khu vực giám sát thông qua chức năng “E. Nhập thông tin xử lý dừng đưa hàng qua khu vực giám sát”; chuyển hồ sơ kiểm tra bổ sung cho công chức quản lý, hoàn chỉnh hồ sơ để lưu trữ;

b.3.2.2) Trường hợp kết quả kiểm tra không phù hợp với khai báo: ghi nhận kết quả kiểm tra thông qua chức năng “E. Nhập thông tin xử lý dừng đưa hàng qua khu vực giám sát”, lập Biên bản vi phạm và chuyển cho cấp có thẩm quyền xử lý, đồng thời chuyển thông tin vi phạm cho bộ phận quản lý rủi ro để phân tích, xác định rủi ro.

c) Bước 3: Xử lý vi phạm (nếu có)

Kết quả vi phạm (nếu có) được ghi nhận bằng biên bản và xử lý như sau:

c.1) Nếu mức độ vi phạm thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan hải quan thì thực hiện theo quy định về xử lý vi phạm hành chính;

c.2) Nếu mức độ vi phạm vượt quá thẩm quyền của cơ quan hải quan thì hoàn thiện hồ sơ chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Kết quả xử lý dừng đưa hàng qua khu vực giám sát hải quan được thông báo cho các đơn vị liên quan. Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai có trách nhiệm cập nhật vào Hệ thống quản lý rủi ro.

Điều 15. Xử lý các tờ khai lỗi trên Hệ thống

Tờ khai lỗi là các tờ khai không thể thao tác các nghiệp vụ trên Hệ thống mà không xác định được lý do.

1. Đối với các tờ khai lỗi trên Hệ thống VNACCS/VCIS

a) Đối với các tờ khai đang trong quá trình thông quan (chưa thực hiện CEA/CEE)

Yêu cầu người khai hải quan thực hiện nghiệp vụ sửa tờ khai trong thông quan (nghiệp vụ IDA01). Lưu ý các thông tin khai báo như tờ khai ban đầu, chỉ bổ sung trong chỉ tiêu “Phần ghi chú” nội dung “Sửa theo yêu cầu của cơ quan hải quan”.

Cơ quan hải quan sau khi tiếp nhận tờ khai sửa thực hiện tiếp các thủ tục theo quy định.

b) Đối với các tờ khai đã hoàn thành xử lý (đã thực hiện CEA/CEE)

b.1) Tạm dừng việc xử lý tờ khai hải quan thông qua chức năng “Dừng thông quan” trên Hệ thống e-Customs;

b.2) Tiến hành thủ tục hủy tờ khai trên Hệ thống VNACCS/VCIS;

b.3) Yêu cầu người khai hải quan đăng ký tờ khai mới hoặc chuyển sang thực hiện thủ công.

c) Chuyển số thuế của tờ khai đã hủy sang tờ khai mới (nếu có) và thực hiện tiếp các thủ tục. Việc chuyển số thuế thực hiện theo quy định tại điểm 7 Mục I Phần B Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24/12/2008 của Bộ Tài chính, Điều 132 Thông tư số 38/2015/TT-BTC và theo các hướng dẫn của Tổng cục Hải quan.

2. Đối với các tờ khai lỗi trên Hệ thống e-Customs: Cục Giám sát quản lý về Hải quan chủ trì, phối hợp với Cục CNTT & TKHQ xử lý từng trường hợp cụ thể trên cơ sở báo cáo của Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

### 3.3.4 Lợi ích của hải quan điện tử đối với doanh nghiệp (DN)

Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, DN được hưởng thêm nhiều lợi ích so với thủ tục hải quan truyền thống đó là:

DN có thể khai hải quan tại bất cứ địa điểm nào có máy tính kết nối mạng internet và được thông quan ngay đối với lô hàng thuộc diện được miễn kiểm tra hồ sơ giấy và miễn kiểm tra thực tế hàng hóa.

DN được sử dụng tờ khai điện tử in từ hệ thống của DN, có chữ ký và đóng dấu của DN thay cho tờ khai giấy và các chứng từ kèm theo để đi nhận hàng và làm chứng từ vận chuyển hàng hóa trên đường (nếu lô hàng thuộc diện được miễn kiểm tra hồ sơ giấy và miễn kiểm tra thực tế hàng hóa).

DN có thể khai báo hải quan bất kì lúc nào thay cho việc chỉ có thể khai trong giờ hành chính và được cơ quan Hải quan tiếp nhận khai báo trong giờ hành chính.

DN thực hiện thủ tục hải quan điện tử sẽ được quyền ưu tiên thứ tự kiểm tra đối với các lô hàng phải kiểm tra chi tiết hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa.

DN thực hiện thủ tục hải quan điện tử sẽ được cơ quan Hải quan cung cấp thông tin về quá trình xử lý hồ sơ hải quan điện tử thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

DN thực hiện thủ tục hải quan điện tử sẽ được cơ quan Hải quan hỗ trợ đào tạo và tư vấn trực tiếp miễn phí.

DN được lựa chọn hình thức nộp lệ phí (theo tháng hoặc theo từng tờ khai) thay vì chỉ có thể nộp theo từng tờ khai như thủ tục hải quan truyền thống.

Thực hiện thủ tục hải quan điện tử giúp thông tin giữa hệ thống của Hải quan và DN đựơc quản lý đồng bộ trên máy tính, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu, tìm kiếm thông tin.

DN có thể đăng ký thực hiện thủ tục hải quan điện tử tại bất kì Chi cục Hải quan điện tử nào và được chấp nhận làm thủ tục hải quan điện tử ở các Chi cục khác thay vì việc phải làm đăng ký tại từng Chi cục hải quan điện tử như trước đây.

Giúp DN giảm thời gian, chi phí làm thủ tục hải quan do DN có thể chủ động trong quá trình khai báo hải quan và sắp xếp thời đi nhận hàng và xuất hàng

### 3.3.5. Doanh nghiệp đăng ký tham gia Hải quan điện tử

Thủ tục đăng ký:

DN thực hiện đăng ký tham gia thủ tục hải quan điện tử theo mẫu “Đăng ký tham gia thủ tục hải quan điện tử” (có sẵn trên website www.customs.gov.vn) và nộp bản đăng ký cho bất kỳ Chi cục Hải quan nơi thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

DN cũng có thể ủy quyền cho Đại lý làm thủ tục hải quan điện tử thực hiện việc đăng ký tham gia thủ tục hải quan điện tử.

Trong thời gian 08 giờ làm việc kể từ khi nhận bản đăng ký hợp lệ, Chi cục Hải quan nơi thực hiện thủ tục hải quan điện tử thông báo chấp nhận hoặc từ chối có nêu rõ lý do. Việc gửi thông tin về tài khỏan truy nhập Hệ thống xử lý dữ liệu điển tử hải quan cho DN đựơc thực hiện theo quy trình bảo mật.

DN có trách nhiệm bảo mật tài khỏan để sử dụng khi giao dịch với cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống khai hải quan điện tử hoặc hệ thống khai hải quan điện tử dự phòng.

Tài khoản truy nhập Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan có giá trị để giao dịch, làm thủ tục hải quan với tất cả các Chi cục Hải quan nơi thực hiện thủ tục hải quan điển tử.

Yếu tố cần thiết:

Trang bị máy tính kết nối mạng Internet, sử dụng phần mềm khai báo hải quan điện tử do cơ quan Hải quan cung cấp miễn phí hoặc phần mềm do DN mua, hoặc tự xây dựng để đáp ứng yêu cầu khai báo hải quan điện tử.

Chuẩn bị đội ngũ cán bộ có trình độ tin học cơ bản và am hiểu về thủ tục hải quan.

### 3.3.6. Thực trạng áp dụng thủ tục hải quan điện tử

Theo Tổng cục Hải quan, đến hết tháng 4/2013, cả nước có hơn 35.400 doanh nghiệp tham gia thủ tục hải quan điện tử, chiếm 93,5% tổng số doanh nghiệp làm thủ tục hải quan trong cả nước.

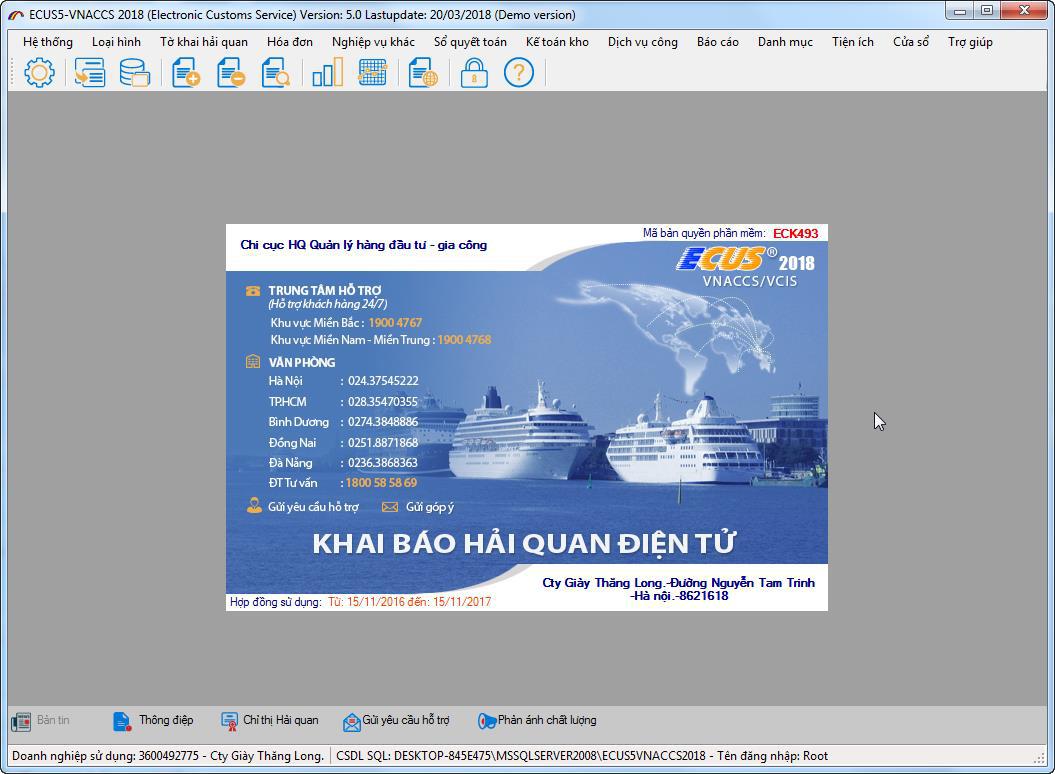
Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua thủ tục hải quan điện tử đạt 74,4 tỷ USD, chiếm 93% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước.

Đến nay, toàn ngành hải quan có 126 chi cục tại 34 cục hải quan địa phương thực hiện thủ tục hải quan điện tử, trong đó 17 cục đã thực hiện tại 100% chi cục.

Để nâng cao hiệu quả thực hiện thủ tục hải quan điện tử, trong năm 2013 ngành Hải quan sẽ tập trung thực hiện tốt các giải pháp trọng tâm như đẩy mạnh áp dụng chữ ký số; tổ chức đào tạo cho người khai hải quan và xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan điện tử; chuẩn hóa danh mục hàng hóa để phục vụ việc tự động hóa trong thủ tục hải quan điện tử…

## 3.4. Giới thiệu tài liệu và hướng dẫn sử dụng phần mềm khai báo hải quan từ xa ECUS.

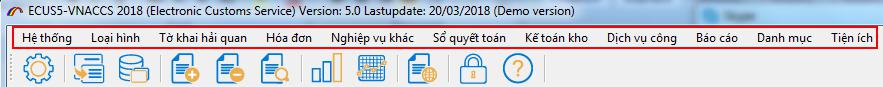
### 3.4.1 Giới thiệu tổng quan

Hệ thống phần mềm ECUS5VNACCS được thiết kế theo chuẩn mực của Hệ thống Hải quan điện tử hiện đại, đáp ứng đầy đủ các quy trình nghiệp vụ của hệ thống VNACCS/VCIS do Hải quan Nhật Bản tài trợ, đồng thời vẫn giữ được lối thiết kế truyền thống của phần mềm ECUS mà doanh nghiệp đã quen sử dụng. Mở rộng các thủ tục đăng ký, như thủ tục đăng ký danh mục miễn thuế, thủ tục áp dụng chung cả hàng mậu dịch và phi mậu dịch, thủ tục đơn giản đối với hàng hóa trị giá thấp, quản lý hàng hóa tạm nhập, tái xuất.

**Hình 3.4: Phần mềm khai báo hải quan ECUS**

Các tiện ích đăng ký Giấy phép, chứng từ một cửa quốc gia, khai vận tải cho các hãng tàu, đại lý hãng tàu.

Các mã nghiệp vụ được tích hợp sẵn vào chương trình, người dùng chỉ việc chọn các nghiệp vụ theo quy trình một cách dễ dàng. Hệ thống bao gồm đầy đủ các phân hệ nghiệp vụ thể hiện tại các menu cụ thể như sau:



**Hình 3.4: Menu nghiệp vụ phần mềm ECUS**

Menu **“Tờ khai hải quan”** có các nghiệp vụ thông quan hàng hóa tự động e-Declaration bao gồm tờ khai nhập khẩu, tờ khai xuất khẩu, tờ khai vận chuyển OLA.

Menu **“Hóa đơn”** là nghiệp vụ khai báo hóa đơn điện tử IVA.

Menu **“Nghiệp vụ khác”** là nơi có thể khai báo các nghiệp vụ: Đăng ký tới hệ thống một cửa (VNACCS), Khai báo thông tin e-manifest (VNACCS), Đăng ký đính kèm (HYS), Đăng ký danh mục miễn thuế (TEA), Đăng ký danh mục tạm nhập tái xuất (TIA) và tra cứu thông tin chứng từ bảo lãnh (IAS).

Menu **“Sổ quyết toán”** và **“Kế toán kho”** là nghiệp vụ quản lý kho phục vụ dữ liệu cho báo cáo quyết toán nguyên liệu vật tư với Hải quan theo mẫu 15/BCQT.

Menu **“Dịch vụ công”** là nghiệp vụ khai báo hơn 168 hồ sơ dịch vụ công.

Menu **“Tiện ích”** là nơi có các chức năng tiện ích đi kèm chương trình như: Dịch vụ lueu trữ dữ liệu ECUSDRIVER, trong trường hợp khách hàng có nhu cầu lưu trữ dữ liệu trực tuyến, Đăng ký tờ khai nhập xuất theo chuẩn thông điệp của hệ thống TNTT V5, Các chức năng gửi nhận dữ liệu.

Menu **“Loại hình”** các chức năng khai báo cho loại hình đặc thù về Gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất.

Các tính năng nghiệp vụ trên được thiết kế sẵn để đáp ứng các nghiệp vụ của hệ thống VNACCS/VCIS tuy nhiên để áp dụng thực tế theo thông tư mới nhất khi bắt đầu vận hành hệ thống VNACCS/VCIS thì doanh nghiệp chủ yếu thực hiện các chức năng nghiệp vụ sau:

**“Tờ khai hải quan”**: Bao gồmtờkhai nhậpkhẩuvà tờkhai xuấtkhẩucho các loạihình.

**“Sổ quyết toán” và “Kế toán kho”:** Sử dụng đối với doanh nghiệp loại hình Giacông, Sản xuất xuất khẩu, Chế xuất nhằm báo cáo quyết toán với Hải quan.

**“Loại hình”:** Sử dụng để khainghiệpvụcủacác loạihìnhđặcthù như: Gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất (Lưy ý: với các loại hình này thì chỉ có Tờ khai hải quan là khai theo chuẩn VNACCS còn lại các nghiệp vụ khác như khai hợp đồng gia công, danh mục nguyên phụ liệu, danh mục sản phẩm, đinh mức, thanh lý thanh khoản,… sẽ được thực hiện khai báo đến hệ thống Tiếp nhận tập trung (TNTT), các chức năng này được sắp xếp lại trong mục “Loại hình” theo từng loại hình tương ứng.

Tài liệu này tập trung hướng dẫn chi tiết cho doanh nghiệp 3 nội dung nêu trên để thực hiện khai Hải quan theo nghiệp vụ VNACCS, các nghiệp vụ khác chưa áp dụng hoặc rất ít sử dụng chúng tôi sẽ hướng dẫn sau. Đối với các nghiệp vụ riêng cho các loại hình Gia công, soản xuất xuất khẩu, chế xuất chúng tôi chỉ giới thiệu khai quát quy trình đăng ký, phần hướng hướng dẫn chi tiết quý doanh nghiệp có thể xem tại các form nhập dữ liệu cụ thể bằng cách nhấn phím F1.

### 3.4.2. Yêu cầu để tham gia hệ thống khai báo dữ liệu Hải quan điện tử

+ Các thủ tục đăng ký tham gia Hệ thống VNACCS với cơ quan Hải quan.

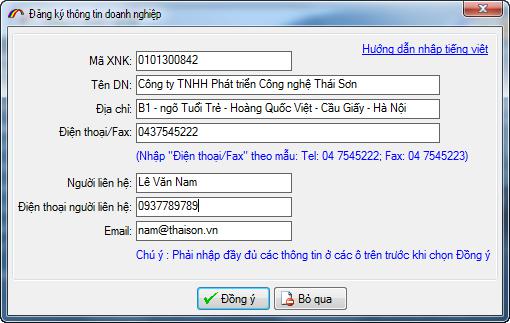
+ Máy tính có kết nối internet khi truyền dữ liệu tới Hải quan.

+ Có chữ ký số và tài khoản khai báo VNACCS.

+ Hệ điều hành Windows XP Server Pack 1 trở lên.

### 3.4.3 Đăng ký và sử dụng chương trình.

Lần đầu chạy chương trình sẽ yêu cầu bạn đăng ký thông tin doanh nghiệp, bạn hãy nhập đầy đủ, chính xác các thông tin, sau đó nhấn nút “**Đồng ý**” để hoàn tất.



**Hình 3.5 giao diện đăng ký thông tin**

### 3.4.4. Thiết lập hệ thống trước khi khai báo.

Trước khi tiến hành khai báo, bạn cần tiến hành thiết lập các thông số cần thiết để kết nối đến hệ thống Hải quan.

Bạn truy cập chức năng từ menu “**Hệ thống / Thiết lập thông số khai báo VNACCS**”

Nhập đầy đủ các thông số về tài khoản khai báo (thông số này do cơ quan Hải quan cấp hoặc doanh nghiệp đăng ký tham gia hệ thống VNACCS tại website tổng cục Hải quan)

Hình 3.6: Thiết lập thông số khai báo

Các thông số (*User code, Password, Terminal ID, Terminal access key*) sẽ được cấp trùng khớp thông tin với chữ ký số, do vậy làm tăng tính bảo mật trong quá trình tham gia Hải quan điện tử. (Để hiểu và đăng ký các thông số này doanh nghiệp xem thêm tài liệu về đăng ký tài khoản VNACCS)

Địa chỉ khai báo VNACCS là địa chỉ kết nối để truyền dữ liệu lên cơ quan Hải quan, trường hợp bạn đánh dấu chọn vào mục “ Tự động lấy địa chỉ IP”, phần mềm sẽ tự động lấy địa chỉ khai báo cho bạn dựa vào đơn vị Hải quan mà bạn đã chọn phía trên.

Nếu thực hiện khai báo thử, doanh nghiệp đánh dấu chọn vào mục “***Khai giả lập***” đây là chức năng của phần mềm giả lập hệ thống Hải quan để trả về khi doanh nghiệp khai báo thử dựa trên quy trình nghiệp vụ thực tế của hệ thống VNACCS, giúp người khai hình dung quy trình khai báo thực tế.

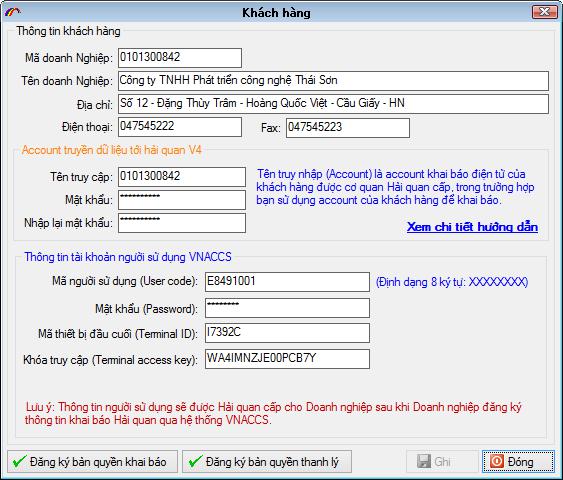
### 3.4.5. Danh sách khách hàng với đại lý.

Trên cùng một phần mềm được cài đặt bạn có thể khai báo cho nhiều doanh nghiệp khác nhau bằng cách thêm vào danh sách khách hàng như sau:

Từ menu “ Hệ thống / 5.Danh sách khách hàng (với đại lý)”

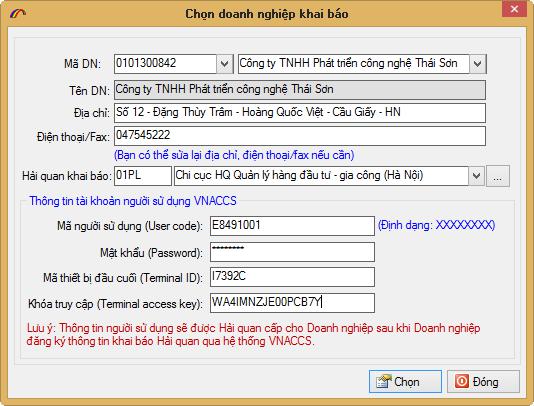
Tại đây ta thêm mới thông tin doanh nghiệp cần khai báo, có thể ghi kèm thông tin tài khoản của doanh nghiệp để khi bạn chọn chuyển đổi doanh nghiệp khai báo, các thông tin này sẽ được thiết lập đi kèm.

**Chú ý:** Bạn nên nhập thông tin tài khoản khai báo VNACCS của doanh nghiệp vào mục này để lưu lại đến khi chọn chuyển đổi khai báo giữa các doanh nghiệp khác nhau sẽ không bị nhầm lẫn hoặc phải nhập lại thông tin tài khoản khai báo.



**Hình 3.7 thông tin khách hàng**

Để chọn chuyển đổi khai báo cho doanh nghiệp khác, bạn vào menu “***Hệ thống / 2.Chọn doanh nghiệp***”

******Hình 3.8: Chuyển đổi khai báo doanh nghiệp**

### 3.4.6 Thực hiện quy trình tờ khai thông quan hàng hóa.

#### 3.4.6.1. Giới thiệu chung về tờ khai

**Hình 3.9: Giao diện tờ khai nhập khẩu**

Hình ảnh tờ khai VNACCS được thiết kế như sau:

Phần 1: Là danh sách các nút nghiệp vụ (Các nút này sẽ mờ đi hoặc sáng lên theo từng trạng thái của tờ khai) Đánh số 1 trong Hình 3.9

Phần 2: Hướng dẫn nhập liệu cho từng chỉtiêu trên tờ khai và thông điệp thông báo trả về từ hệ thống của Hải quan. Đánh số 2 trong Hình 3.9

Phần 3: Thông tin tờ khai bao gồm Thông tin chung, danh sách hàng, chỉ thị của Hải quan và kết quả xử lý tờ khai. Đánh số 3 trong Hình 3.9

Tờ khai VNACCS có đặc điểm là:

Việc khai tờ khai sẽ thực hiện theo các bước nghiệp vụ, mỗi nghiệp vụ sẽ có một mã tương ứng như:

1.Lấy thông tin tờ khai từ Hải quan (IDB)

2.Khai trước thông tin tờ khai (IDA)

3.Khai chính thức tờ khai (IDC)

4.Lấy kết quả phân luồng, thông quan. Các nút nghiệp vụ từ 5.1 đến 5.4 sử dụng để sửa tờ khai.

6.Xem thông tin tờ khai từ Hải quan (IID) sử dụng để xem tờ khai đã khai báo từ hệ thống của Hải quan

Danh sách hàng của tờ khai chỉ khai được tối đa 50 dòng hàng, khi có lớn hơn 50 dòng hàng thì sẽ phải tách ra thành nhiều tờ khai nhánh (việc tách này sẽ do chương trình thực hiện tự động, người khai chỉ cần nhập tất cả các dòng hàng trên tờ khai đầu tiên, khi khai chương trình sẽ tách thành các tờ khai nhánh phù hợp).

Các danh mục như: Loại hình xuất nhập khẩu, Đơn vị Hải quan, Danh mục cảng cửa khẩu, đợn vị tính,… được chuẩn hoá lại theo chuẩn mực VNACCS.

Các chỉ tiêu thông tin bắt buộc phải nhập trên tờ khai rất ít, các chỉ tiêu thông tin không nhập sẽ được hệ thống của Hải quan trả về, ví dụ như chúng ta chỉ cần nhập mã đơn vị xuất nhập khẩu thì hệ thống của Hải quan sẽ trả về các thông tin còn thiếu như Tên đơn vị, địa chỉ,….Hay trên dòng hàng thì không cần nhập trị giá tính thuế và thuế suất, tiền thuế mà khi khai hệ thống của Hải quan sẽ tự trả về Trị giá tính thuế, thuế suất và tiền thuế tương ứng với mỗi sắc thuế vì vậy chúng ta sẽ hiểu tại sao lại có bước “2.Khai trước thông tin tờ khai (IDA)” (Có thể hiểu là khai trước thông tin tờ khai để hệ thống của Hải quan trả về các thông tin còn thiếu và kết quả tính thuế của tờ khai, nếu người khai thấy phù hợp thì mới tiền hành khai chính thức bằng nghiệp vụ “3.Khai chính thức tờ khai (IDC)”, khi khai chính thức hệ thống của Hải quan mới đưa tờ khai vào xử lý thông quan).

#### 3.4.6.2 Quy trình khai báo trên tờ khai VNACCS:

Dựa trên đặc điểm của tờ khai VNACCS là thực hiện khai báo theo các bước nghiệp vụ, các bước nghiệp vụ này đã được tính hợp sẵn trên các nút nghiệp vụ theo thứ tự các bước thực hiện như sau:

**Hình 3.10: Các bước khai báo trên tờ khai**

Nút nghiệp vụ số 1 “1.Lấy thông tin tờ khai từ Hải quan (IDB)”: Khi tạo tờ khai mới bạn sẽ thấy chỉ có nút này sáng lên nên có thể hiểu rằng sẽ thực hiện nghiệp vụ này đầu tiên nhưng thực tế thì nghiệp vụ này chỉ dùng để gọi lại thông tin tờ khai đã khai trước đó lên hệ thống của Hải quan hoặc gọi một số tiêu chí của tờ khai thông qua các chứng từ đã khai trước đó như là “Hoá đơn ”, hay “eManifest”. Cách thông thường là người khai sẽ tự nhập thông tin trên tờ khai mới. Sau khi nhập thông tin tờ khai bạn ghi lại thì nút nghiệp vụ số 2 “2.Khai trước thông tin tờ khai (IDA) ” sẽ sáng lên như vậy có thể hiểu là người khai sẽ thực hiện bước nghiệp vụ này tiếp theo.

Nút nghiệp vụ số 2 “2.Khai trước thông tin tờ khai (IDA) ”: Khi hoàn thành nhập liệu cho tờ khai và ghi lại thì người khai sẽ thực hiện nghiệp vụ thứ 2 này và hệ thống của Hải quan sẽ trả về số tờ khai, các thông tin còn thiếu và quan trọng nhất là thông tin về thuế của tờ khai do hệ thông của Hải quan tính và trả về cho doanh nghiệp. Người khai sẽ kiểm tra thông tin tờ khai trả về đã phù hợp chưa và quyết định một trong hai tình huống sau:

Nếu đồng ý với thông tin tờ khai và tính thuế trả về từ Hệ thống của Hải quan thì tiến hành bước nghiệp vụ tiếp theo là “3.Khai chính thức tờ khai (IDC)” khi thực hiện bước này thì tờ khai sẽ được khai chính thức và được Hệ thống của Hải quan đưa vào xử lý thông quan và các nghiệp vụ tiếp theo.

Nếu thấy nội dụng tờ khai trả về và kết quả tính thuế chưa phù hợp thì người khai có thể tiếp tục sửa tờ khai và thực hiện lại bước khai trước thông tin tờ khai lên hệ thông của Hải quan để nhận kết quả mới trả về (Bước này có thể thực hiện lặp lại nhiều lần mà không giới hạn).Để sửa lại thông tin thì người khai sẽ quay lại bước 1 “1.Lấy thông tin tờ khai từ Hải quan (IDB)” khi đó hệ thống sẽ tài về nội dung tờ khai đã khai để người khai có thể sửa lại thông tin. Sau khi sửa và ghi lại thì lại tiếp tục thực hiện bước 2 “2.Khai trước thông tin tờ khai (IDA) ” và nhận kết quả thông tin tờ khai trả về từ Hải quan.

Nút nghiệp vụ 3 “3.Khai chính thức tờ khai (IDC)”: Sử dụng khi người khai chính thực đồng ý với nối dung tờ khai do hệ thống Hải quan trả về khi khai trước thông tin tờ khai trong bước 2.

Nút nghiệp vụ 4 “4.Lấy kết quả phân luồng, thông quan”: Chức năng này dùng để lấy các thông tin thông quan của tờ khai khi tờ khai đã được khai chính thức bằng nghiệp vụ IDC.

Sau khi nhận được các kết quả thông quan tờ khai bạn vào mục “Kết quả xử lý tờ khai” để in tờ khai và các thông báo của tờ khai để tiến hành các bước tiếp theo.

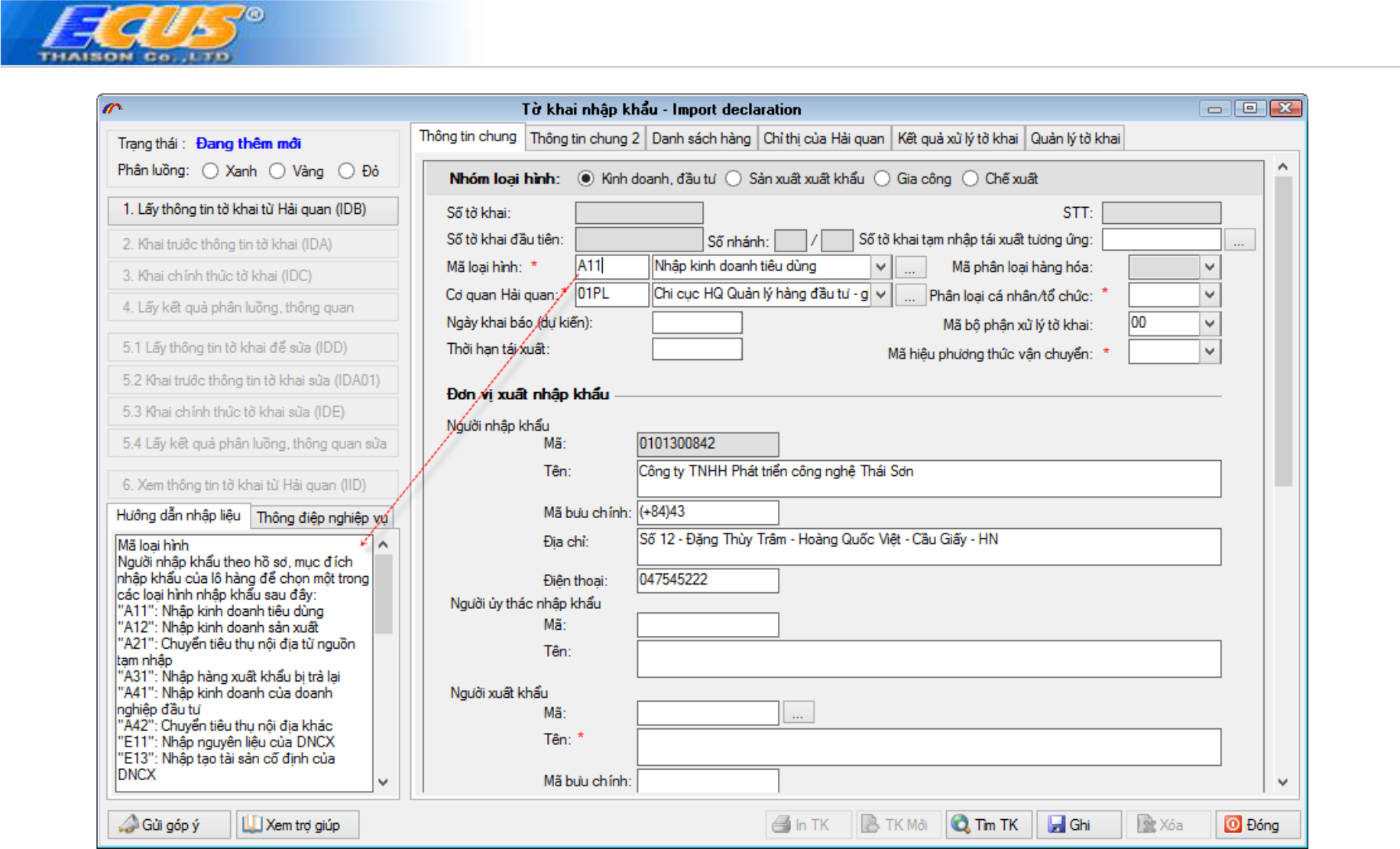
Các nút nghiệp vụ từ mục 5.1 đến 5.4 sử dụng để sửa tờ khai khi đã khai chính thức và các bước thực hiện và ý nghĩa giống như quy trình khai mới tờ khai nêu trên chỉ khác là thực hiện khi muốn sửa tờ khai đã khai chính thức.

Nút nghiệp vụ 6 “6. Xem thông tin tờ khai từ Hải quan”: Sử dụng để xem tờ khai lưu trên hệ thông của Hải quan mà người khai đã khai trước đó.

#### 3.4.6.3 Đăng ký tờ khai nhập khẩu mới (IDA)

Để thực hiện đăng ký một tờ khai nhập khẩu mới bạn thực hiện theo các bước sau đây:

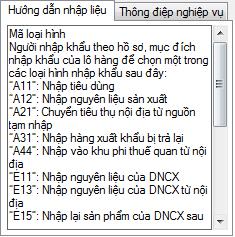
Bước1:Từ giao diện chính của chương trình, vào menu: “***Tờ khai hải quan/Đăng ký mới tờ khai nhập khẩu (IDA)”*** như hình ảnh sau đây.



**Hình 3.11: giao diện tờ khai nhập khẩu**

**Nhập thông tin chung của tờ khai tại tab “Thông tin chung”:**

Bạn tiến hành nhập vào dữ liệu về loại hình khai báo, mã hải quan khai báo…, lưu ý các tiêu chí có dấu (\*) màu đỏ là bắt buộc nhập, các ô màu xám là chỉ tiêu thông tin do hệ thống tự động trả về hoặc chương trình tự tính, doanh nghiệp không cần nhập vào những chỉ tiêu này.

Trong quá trình nhập liệu, khi bạn click chuột vào tiêu chí nào, phía dưới góc trái màn hình tờ khai sẽ hiện ra “Hướng dẫn nhập liệu” chi tiết, bạn làm theo các hướng dẫn để nhập thông tin cho các chỉ tiêu cần thiết. Ví dụ khi kích chuột vào ô Mã loại hình:

**Hình 3.12: Giao diện hướng dẫn nhập liệu mã loại hình**

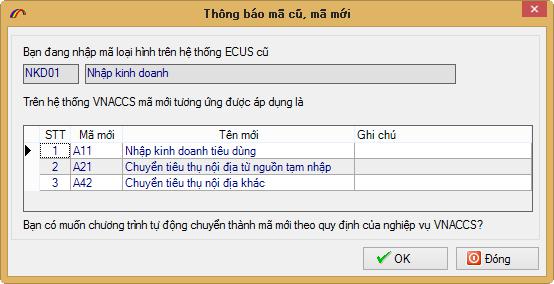
Nhập thông tin cơ bản của tờ khai:

Mã loại hình: trên hệ thống vnaccs đã được thay đổi và rút gọn còn 40 loại hình cơ bản,ví dụ nếu trước đây loại hình bạn chọn là NKD01-Nhập kinh doanh thì bây giờ mã tương ứng là A11, NSX01 – Nhập nguyên phụ liệu sản xuất xuất khẩu thì tương ứng là E31, NGC01

– Nhập gia công thì tương ứng là E21

Khi không xác định loại hình chính xác, bạn nhập vào mã của loại hình cũ vào sau đó nhấn phím tab, chương trình sẽ tự động chuyển mã hoặc hiện ra bảng gợi ý loại hình cho bạn chọn:

Cách chọn này sẽ áp dụng tượng tự đối với các danh mục khác từ hệ thống danh mục cũ như: Mã cảng địa điểm, cơ quan hải quan..

Cơ quan hải quan: chọn đơn vị hải quan khai báo, bộ mã đơn vị hải quan cũng được đổi mới ví dụ mã đơn vị hải quan Đầu tư gia công hải phòng trên hệ thống điện tử hiện tại là P03A thì trên hệ thống vnaccs là 03PA, các đơn vị hải quan khác bạn có thể chọn từ danh mục mà chương trình đã chuyển đổi sẵn.

**Hình 3.13: Thông báo mã cũ mã mới**

Mã phân loại hàng hóa: Tùy theo tính chất hàng hóa đang nhập mà người khai tiến hành chọn các mã tương ứng trong danh sách, lưu ý đối với mã phân loại là ‘J – Hàng khác theo quy định của chính phủ’ thì chỉ khi có văn bản của Chính phủ, các cơ quan nhà nước người khai mới được chọn, trong trường hợp hàng hóa không thuộc loại nào có trong danh sách thì người khai bỏ trống chỉ tiêu này.

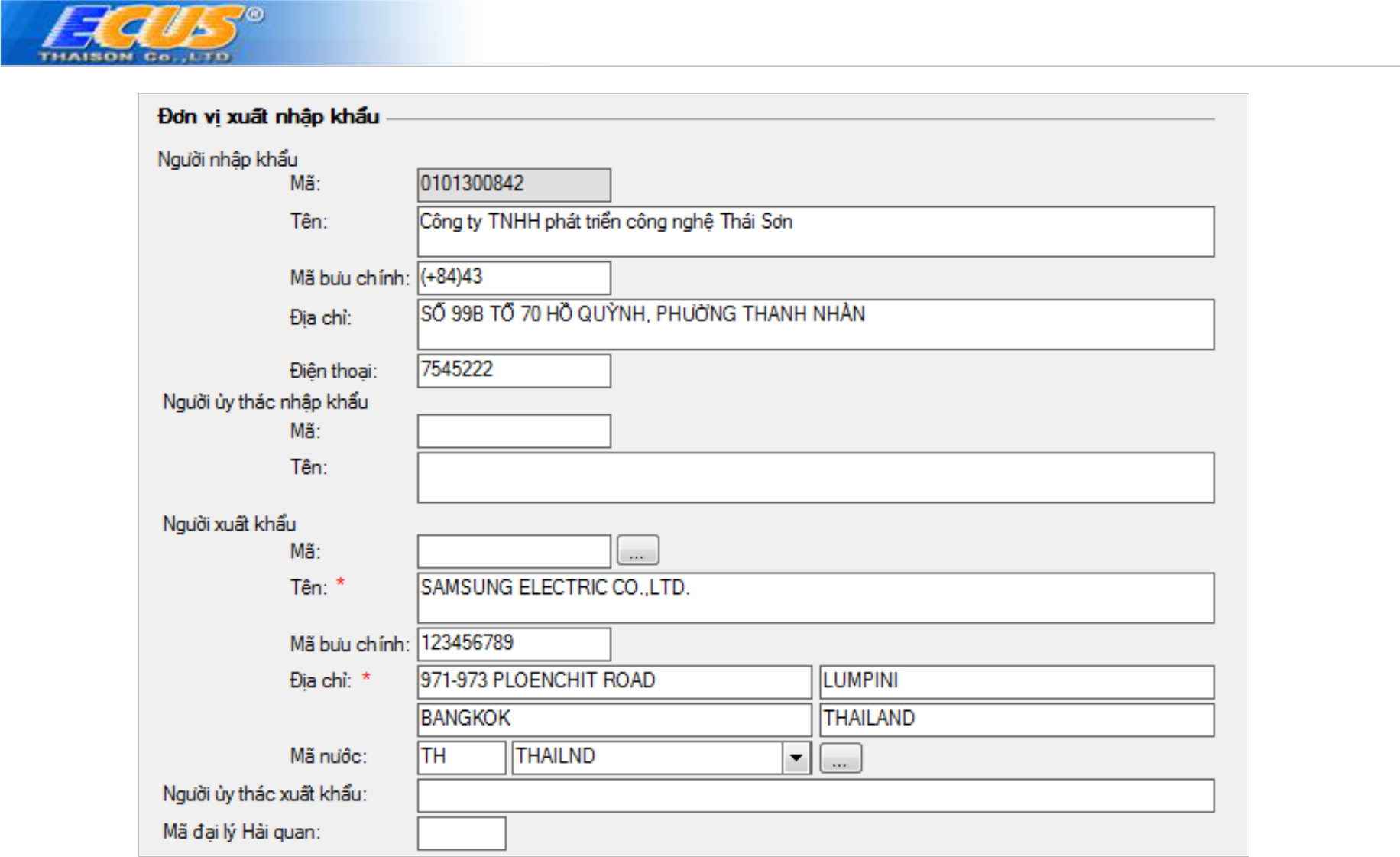
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng: Người khai chỉ nhập vào chỉ tiêu này khi tờ khai đang khai có mã loại hình được chọn là loại hình tái nhập, với các loại hình khác thì không được nhập. Bạn nhập vào số tờ khai tạm xuất ( đã được thông quan trước đó) của lô hàng bạn sẽ tái nhập trên tờ khai đang khai này. Đồng thời khi nhập chi tiết hàng tái xuất trên danh sách hàng tờ khai cần chỉ rõ số dòng hàng tương ứng trên tờ khai tạm xuất đã chọn. cụ thể cách nhập như sau:

**Thứ nhất**:tại ô mã loại hình bạn chọn loại hình tái nhập, ví dụ G11–Tái nhập hàng kinh doanh TNTX.

**Thứ hai**:tại ô số tờ khai tạm nhập tái xuất , bạn nhấn vào nút có dấu (…),

Đầu tiên bạn chọn số tờ khai tạm xuất ở bên cửa số phía trái, sau đó tại cửa sổ phía bên phải sẽ hiện ra danh sách hàng của tờ khai, bạn đánh dấu chọn các dòng hàng cần khai báo tái nhập, đánh dấu vào các tùy chọn copy, cuối cùng nhấn “Chọn”. chương trình sẽ tự động điền vào chỉ tiêu “Số tờ khai tạm nhập tái xuất” và “Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng”, trường hợp bạn không chọn từ dấu (…) thì phải nhập thủ công vào hai chỉ tiêu này khi khai báo tờ khai tái nhập.

Mã hiệu phương thức vận chuyển, chọn mã hiệu phù hợp với hình thức vận chuyển hàng hóa như đường biển, đường sắt, đường không…..

**Thông tin về đơn vị xuất nhập khẩu**

**Hình 3.15 Thông tin đơn vị xuất nhập khẩu**

Nhập vào thông tin người nhập khẩu, đối tác xuất khẩu, đại lý làm thủ tục hải quan hoặc người ủy thác.

Người nhập khẩu: là thông tin đơn vị đang khai tờ khai nhập khẩu, thông tin này sẽ được chương trình lấy tự động khi bạn đăng ký thông tin doanh nghiệp trong lần đầu chạy chương trình. Hoặc bạn chỉ cần nhập vào Mã số thuế, các thông tin về tên, địa chỉ sẽ do hệ thống tự động trả về.

Người xuất khẩu: bạn nhập vào thông tin đối tác, bạn có thể chọn đối tác thường xuyên từ danh mục có sẵn bằng cách nhấn dấu 3 chấm. Khi nhập thông tin đối tác cần lưu ý nhập vào dạng chữ in HOA không dấu. Ví dụ SAMSUNG ELECTRIC CO.,LTD VIETNAM, nếu bạn nhập là: Công ty TNHH Điện tử SamSung Việt Nam thì khai báo lên hệ thống sẽ không chấp nhận và trả về thông báo lỗi.

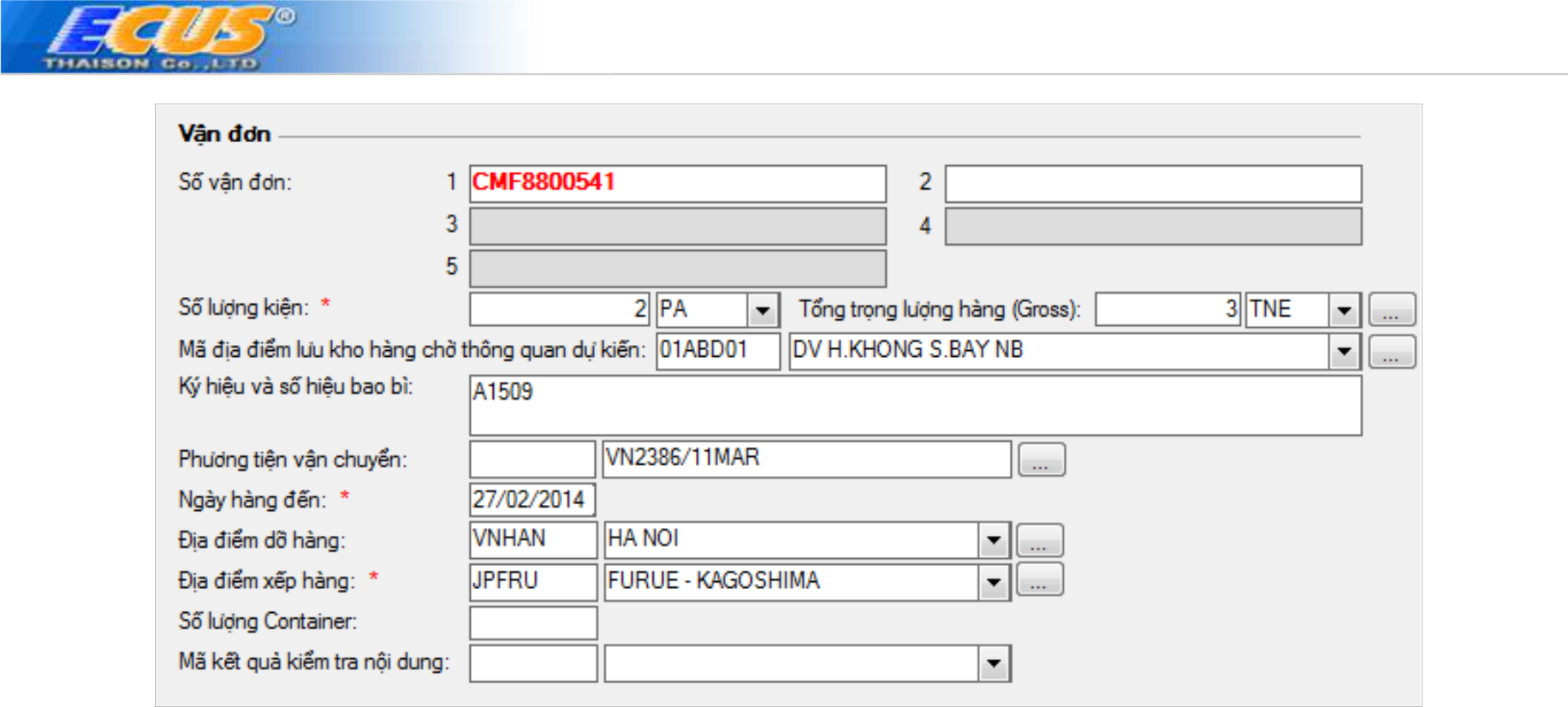
Mã đại lý hải quan: trường hợp người khai chỉ thực hiện nghiệp vụ IDA, các nghiệp vụ khai báo còn lại do đại lý hoặc đơn vị khác thực hiện thì bắt buộc phải nhập vào ô này, thông tin nhập vào là User code (5 ký tự đầu trong User ID tài khoản khai báo VNACCS) của đơn vị sẽ thực hiện tiếp việc thông quan cho tờ khai sau khi bạn IDA, ví dụ ‘F6861’

**Thông tin vận đơn**

Nhập vào các thông tin về vận chuyển hàng hóa như số vận đơn, phương tiện vận chuyển, cảng địa điểm dỡ / xếp hàng.

Thông tin vận đơn: Số vận đơn được nhập theo định dạng: Mã Scac code + số vận đơn, trong đó mã scac code là mã của nhà vận chuyển (bạn có thể tham khảo tại địa chỉ website [www.customs.gov.vn](http://www.customs.gov.vn/))

Ví dụ số vận đơn: CMF902014. Nếu là vận đơn gom hàng hàngkhông thì có thể nhập tối đa 5 số vận đơn, trên phần mềm mặc định ô số vận đơn đầu được hiển thị để bạn có thể nhập liệu, sau khi nhập vào ô đầu tiên các ô tiếp theo sẽ tự động hiện ra cho phép nhập tiếp theo tuần tự tránh được tình trạng bạn nhập sai thứ tự cần thiết, cách thức hiển thị này cũng sẽ được áp dụng cho tất cả các chỉ tiêu khác mà có nhiều hơn 1 ô nhập liệu. Để khai chi tiết danh sách container và số Seal, người khai phải thực hiện khai đính kèm bằng nghiệp vụ HYS (tại menu “Nghiệp vụ khác / Đăng ký file đính kèm HYS”) sau đó nhập vào tờ khai tại mục “Thông tin đính kèm” trên tab “Thông tin chung 2” của tờ khai nhập khẩu.

Tổng trọng lượng hàng hóa: Nhập vào tổng trọng lượng hàng và đơn vị tính trọng lượng theo đơn vị Kilogame – KGM, Tấn – TNE hoặc Pound – LBR, tổng trọng lượng có thể nhập vào tối đa 06 ký tự cho phần nguyên và 03 ký tự cho phần lẻ thập phân, ví dụ: 950000.525 , nếu là hàng vận chuyển theo đường hàng không phần lẻ thập phân chỉ được nhập tối đa 01 ký tự, ví dụ 950000.5. Nếu bạn nhập vào đợn vị trọng lượng là LBR thì sau khi khai báo IDA, hệ thống sẽ tự động quy đổi và trả về đơn vị là KGM.

**Hình 3.16 Thông tin vận đơn**

Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến: Nhập vào mã địa điểm lưu kho dự kiến cho hàng hóa chờ thông quan, mã địa điểm lưu kho có thể là địa điểm chịu sự giám sát của hải quan, các kho hàng, các công ty dịch vụ kho bãi hoặc kho công ty đã được đăng ký vào hệ thống, ví dụ hàng hóa được lưu kho chờ thông quan tại địa điểm ‘CTY DVHH NOI BAI (NHAP)’ chịu sự giám sát của Hải quan nội bài bạn chọn mã là ‘01B3A02’.

Phương tiện vận chuyển: Nhập vào phương tiện vận chuyển tùy theo phương thức vận chuyển bạn đã chọn ở trên, ví dụ với phương thức là đường không thì phương tiện vận chuyển bạn nhập vào theo định dạng như sau:

Ô mã để trống

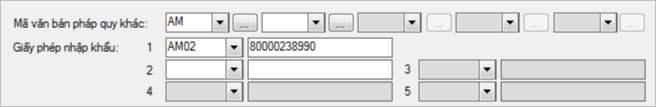
Ô tên gồm 12 ký tự, trong đó nhập mã hãng hàng không (02 kí tự), số chuyến bay (04 kí tự), 1 gạch chéo, ngày/tháng (ngày: 02 kí tự, tháng 03 kí tự viết tắt của các tháng bằng tiếng Anh) ví dụ: VN1326/20MAR

Địa điểm dỡ hàng: Nhập vào cảng địa điểm dỡ hàng , có thể chọn từ danh mục bằng cách nhấn vào nút có dấu 3 chấm. Mã địa điểm dỡ hàng bạn chọn phải phù hợp với loại Phương thức vận chuyển đã chọn ở mục trên (phương thức vận chuyển là đường biển, đường không, đường sắt.. thì phải chọn mã địa điểm thuộc cảng biển, đường không, đường sắt tương ứng), ví dụ chọn mã địa điểm dỡ hàng cho phương thức vận chuyển đường biển là Cảng Hải Phòng thì bạn chọn mã là ‘VNHPH - CANG HAI PHONG’. Trường hợp cảng địa điểm không xác định cụ thể thì người khai chọn mã địa điểm của mã nước kèm theo ‘ZZZ’ ví dụ VNZZZ – UNKNOW

Mã kết quả kiểm tra nội dung: Trường hợp người khai xem hàng trước khi đăng ký tờ khai thì nhập vào chỉ tiêu này với các lựa chọn trong danh mục, lưu ý: khi người khai hải quan có yêu cầu cơ quan Hải quan tiến hành kiểm tra thực tế lô hàng đối với một số trường hợp yêu cầu phải kiểm tra thực tế hàng hóa thì tờ khai mới được hoàn thuế, không thu thuế, thanh khoản… (VD: nhập hàng đã xuất khẩu bị trả lại) thì nhập vào lựa chọn là ‘C’.

Tại tab “Thông tin chung 2”:

Văn bản pháp quy và giấy phép

**Hình 3.17 Giao diện mã văn bản pháp quy**

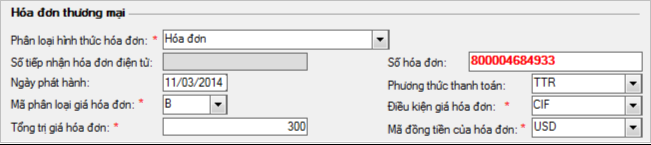
Văn bản pháp quy: Là nơi bạn nhập vào các mã văn bản pháp luật về quản lý hàng hóa, kiểm tra chuyên ngành liên quan đến hàng hóa nhập khẩu, bạn có thể nhập vào tối đa 05 văn bản pháp quy cho cùng một tờ khai. Ví dụ hàng hóa nhập khẩu của tờ khai là hàng liên quan đến chất nổ công nghiệp, bạn chọn mã văn bản pháp luật về quy định đối với chất nổ công nghiệp AM

Giấy phép nhập khẩu: Trường hợp hàng hóa yêu cầu phải có giấy phép xuất nhập khẩu, giấy kết quả kiểm tra chuyên ngành thì ô thứ nhất bạn nhập vào mã loại giấy phép, ô số 2 nhập vào số giấy phép hoặc kết quả kiểm tra chuyên ngành. Ví dụ hàng hóa bạn nhập là hàng liên quan đến chất nổ công nghiệp, bạn được cơ quan chuyên ngành kiểm tra và cấp phép nhập khẩu thì chọn:

Ô mã: chọn AM02 – Giấy phép hướng dẫn về vật liệu chất nổ tại việt nam

Ô số: Nhập vào số giấy phép do cơ quan chuyên ngành cấp.

1. **Hoá đơn thương mại**

Bạn nhập vào thông tin trên hóa đơn hàng hóa về Số hóa đơn, ngày phát hành, phương thức thanh toán, trị giá hóa đơn, điều kiện giao hàng.

**Hỉnh 2.18 hóa đơn thương mại**

Phân loại hình thức hóa đơn: Chọn phân loại hình thức hóa đơn, nếu chọn D - hóa đơn điện tử được khai báo qua nghiệp vụ khai hóa đơn IVA. Bạn nhấn vào “Chọn hóa đơn” ở bên cạnh để chọn các hóa đơn điện tử đã được khai báo.



**Hình 2.20 Phân loại hình thức hóa đơn**

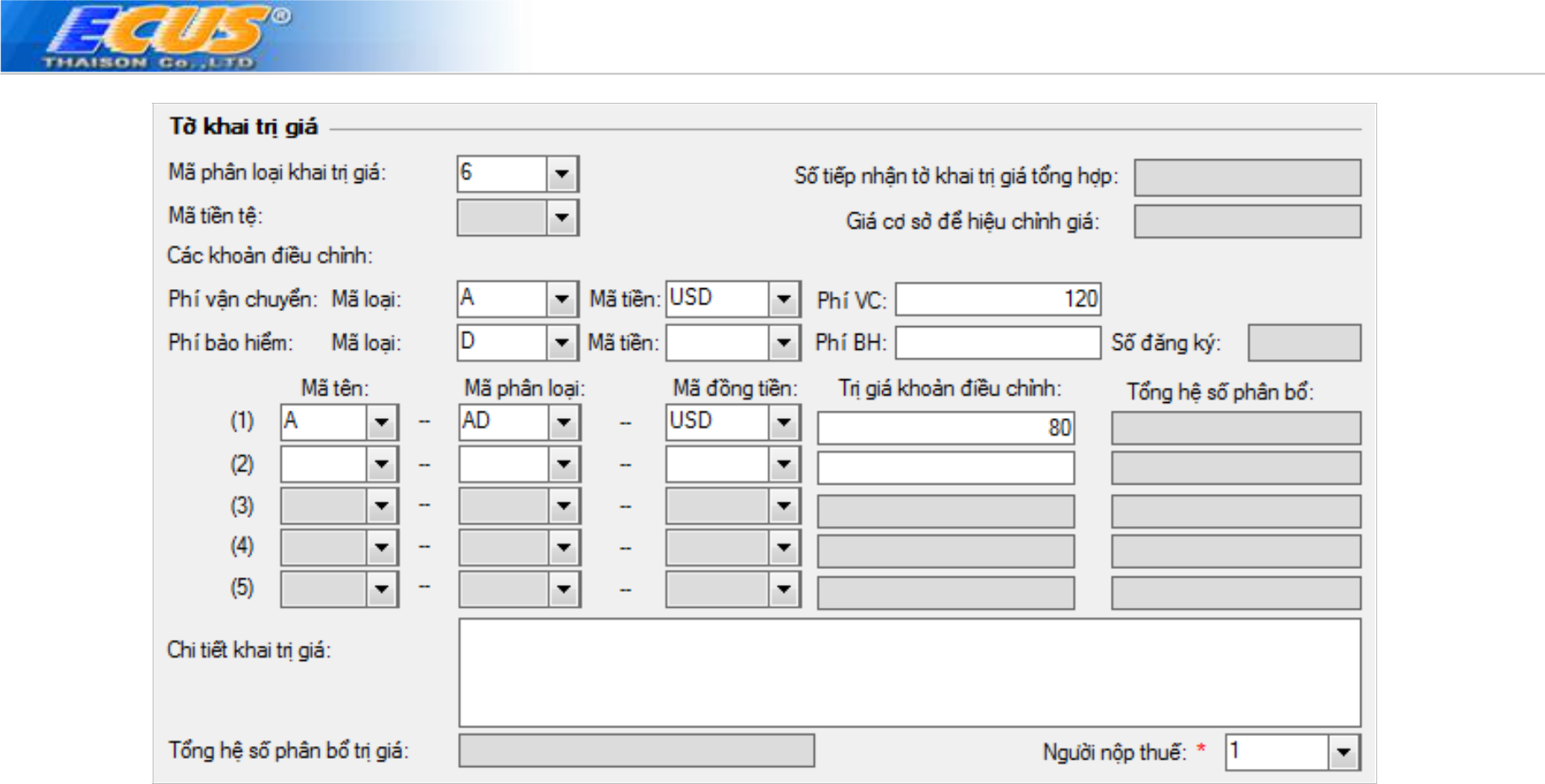
Tổng trị giá hóa đơn: Nhập vào tổng trị giá trên hóa đơn, yêu cầu việc nhập liệu ô này phải chính xác vì dữ liệu ảnh hưởng trực tiếp đến tiền thuế của tờ khai. Có thể nhập được vào 04 số sau dấu phẩy thập phân nếu mã đồng tiền thanh toán trên hóa đơn không phải là VNĐ, trường hợp là VNĐ thì bạn không thể nhập vào cho phần lẻ thập phân. Trường hợp có nhiều hóa đơn con (phụ lục hóa đơn) thì người khai phải khai đính kèm để gửi lên hải quan bằng nghiệp vụ HYS (tại menu “Nghiệp vụ khác / Đăng ký file đính kèm HYS”).

1. **Tờ khai trị giá**

Nơi thiết lập các khoản khai trị giá, tại mục này người khai cần lưu ý nhập các mục: Mã phân loại khai trị giá. Phí vận chuyển, bảo hiểm nếu có cùng các khoản điều chỉnh đi kèm (như là “chi phí đóng gói, tiền hoa hồng…”)

Mã phân loại khai trị giá: Người khai chọn mã phân loại cho tờ khai trị giá, tại thời điểm này doanh nghiệp chọn mã phân loại “6.Áp dụng phương pháp giá giao dịch” – phương pháp này tương ứng với Tờ khai trị giá phương pháp 1 ở trên phần mềm ecus4 hiện tại.

Vì theo thông tư số 22-2014-TT-BTC quy định tại khoản (đ) Điều 10 như sau:

Người khai hải quan khai tờ khai trị giá và nộp cho cơ quan Hải quan theo quy định tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2008 và Thông tư 182/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2012. Riêng trường hợp người khai hải quan xác định hàng hóa đủ điều kiện áp dụng phương pháp trị giá giao dịch (6), đồng thời đã khai thông tin trị giá trên Tờ khai hàng hóa nhập khẩu và Hệ thống tự động tính trị giá tính thuế thì người khai hải quan không phải khai và nộp tờ khai trị giá.

**Hình 2.21 Tờ khai trị giá**

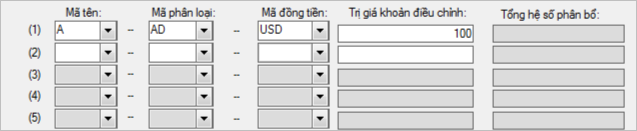
**Lưu ý**:Khi khai mã phân loại khai trị giá là các mã: 1,2,3,4,8,9 và Tthì người khai hảiquan khai tờ khai trị giá và gửi cho cơ quan hải quan bằng nghiệp vụ HYS, hoặc gửi tờ khai bản giấy.

Phí vận chuyển, bảo hiểm: Nhập vào tổng phí vận chuyển và bảo hiểm cho lô hàng nếu có, lưu ý mã đồng tiền phí vận chuyển, bảo hiểm phải được quy đổi về cùng đồng tiền thanh toán trên hóa đơn.

Các khoản mục điều chỉnh: Nhập vào các khoản điều chỉnh giá hàng hóa nếu có, mỗi dòng hàng được phép có 05 khoản mục điều chỉnh khác nhau. Ví dụ hàng hóa nhập khẩu được hưởng khoản tiền hoa hồng, tiền môi giới bán hàng là 100 USD bạn chọn như sau:

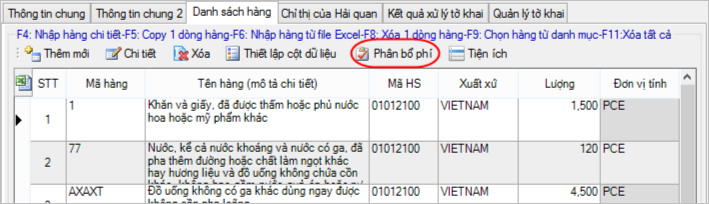
Tại ô mã tên: Chọn A – phí hoa hồng bán hàng, phí môi giới

Tại ô mã phân loại: Chọn là AD – Khoản cộng vào



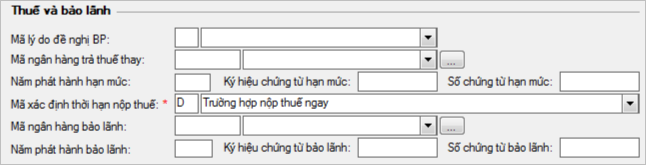
**Hinh 2.22 Các khoản mục điều chỉnh**

Nếu bạn có các khoản điều chỉnh được nhập ở mục này thì khi nhập xong danh sách hàng cho tờ khai bạn cần chỉ ra dòng hàng nào sẽ áp dụng các khoản điều chỉnh này.

Để chọn, tại danh sách hàng tờ khai bạn nhấn vào “Phân bổ phí”:

**Hình 2.23 Phân bổ phí**

Chi tiết khai trị giá: Thông thường thì người khai sử dụng phương pháp phân bổ khai trị giá theo đơn giá, trong trường hợp có phân bổ theo số lượng người khai không phải nhập thông tin vào Các khoản mục điều chỉnh mà khai báo chi tiết khoản khai điều chỉnh vào mục này đồng thời phải tự nhập thủ công vào ô “Trị giá tính thuế” trên chi tiết hàng tờ khai.

**4. Thuế và bảo lãnh**

**Hình 3.24 Thuế và bảo lãnh**

Thông tin về bảo lãnh thuế và hình thức nộp thuế của người khai hải quan, tùy theo từng trường hợp cụ thể mà người khai sẽ nhập vào thông tin cho mục này.

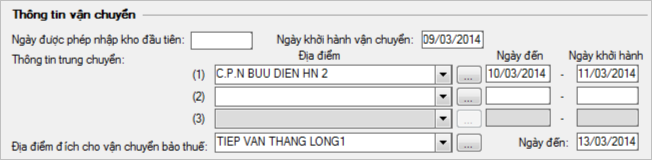
Người khai cần xác định mã loại hình thức nộp thuế, nếu có chứng từ bảo lãnh thuế thì chọn loại hình bảo lãnh (có 2 hình thức bảo lãnh là “bảo lãnh chung” và “bảo lãnh riêng cho từng tờ khai”) và nhập vào đầy đủ thông tin đăng ký bảo lãnh bao gồm: Mã ngân hàng bảo lãnh, năm đăng ký, Ký hiệu chứng từ và số chứng từ.

Đối với doanh nghiệp là sản xuất xuất khẩu được thời hạn ân hạn thuế là 275 ngày thì bạn chọn mã xác định thời hạn nộp thuế là: C – Được ân hạn thuế nhưng không có bảo lãnh.

Trường hợp doanh nghiệp không có bảo lãnh thuế, phải nộp thuế ngay thì bạn chọn mã là D – Nộp thuế ngay. Đồng thời khi khai báo sửa đổi bổ sung người khai cũng chọn mã ‘D’ để được cấp phép thông quan sau khi thực hiện quy trình tạm giải phóng hàng.

Nếu là tờ khai gia công thì người khai không phải nhập vào chỉ tiêu này ( để trống).

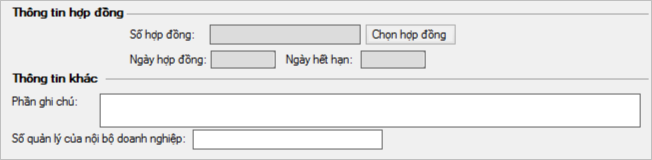
1. **Thông tin vận chuyển**

Mục này áp dụng cho các doanh nghiệp Gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất hoặc các doanh nghiệp ưu tiên, đưa hàng vào kho bảo thuế khai báo vận chuyển đính kèm tờ khai.

**Hình 3.25 Thông tin vận chuyển**

Các thông tin này nếu được nhập phải thành một bộ bao gồm: Ngày khởi hành, địa điểm trung chuyển và ngày đến địa điểm trung chuyển nếu có, địa điểm đích và ngày đến địa điểm đích. Ví dụ cụ thể được mô tả như hình ở trên.

1. **Thông tin hợp đồng và Ghi chú khác**



**Hình 3.26 Hợp đồng**

Trường hợp chọn loại hình là Gia công thì doanh nghiệp phải chọn Số hợp đồng từ Danh mục hợp gia công. Khi khai lên Hải quan số hợp đồng và ngày hợp đồng sẽ được chuyển vào mục Thông tin "Phần ghi chú" để khai lên.

Trường hợp khác là các loại hình kinh doanh và sản xuất xuất khẩu thì chỉ nhập số hợp đồng vào để quản lý tại doanh nghiệp (Nếu Hải quan yêu cầu khai Số hợp đồng bạn nhập thông tin Số hợp đồng vào mục Thông tin "Phần ghi chú" để khai tới Hải quan).

**Tại tab “Danh sách hàng”:**

Danh sách hàng của tờ khai VNACCS cho phép người khai nhiều lựa chọn hơn trong việc nhập dữ liệu. Chương trình cung cấp hai hình thức nhập liệu (2 giao diện nhập) là: nhập hàng trực tiếp vào danh sách và nhập hàng chi tiết từng dòng hàng theo các tiêu chí đầy đủ của VNACCS.

Sau đây là hướng dẫn chi tiết hai cách nhập liệu đối với danh sách hàng tờ khai

**Cách 1: Nhập thông tin hàng hóa từ danh sách.**

Khi chọn sang tab “Danh sách hàng” bạn có thể nhập thông tin hàng hóa trực tiếp trên danh sách hàng. Danh sách hàng được thiết kế theo các chỉ tiêu thông thường nhất mà người khai hay sử dụng để khai một bộ hồ sơ, các chỉ tiêu không bắt buộc hoặc phần mềm tự động tính sẽ được tô màu xám thể hiện rằng người khai không phải nhập vào các chỉ tiêu này.

Đối với dòng hàng tờ khai VNACCS có một số lưu ý quan trọng như sau:

Chỉ tiêu Trị giá tính thuế và Thuế suất nhập khẩu:

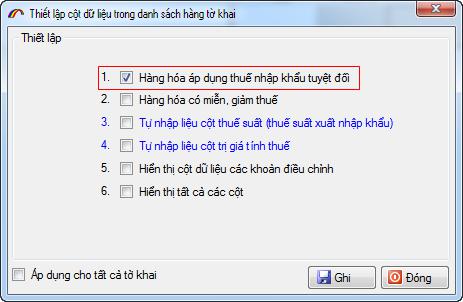
Trên danh sách hàng ô “Trị giá tính thuế” và ô “TS NK (%)” có màu xám nên bạn không phải nhập dữ liệu của hai ô này vì theo nghiệp vụ VNACCS thông thường Trị giá tính thuế và Thuế suất sẽ do hệ thống của Hải quan trả về. Trong một số trường hợp đặc biệt người khai vẫn có thể tự nhập Trị giá tính thuế và Thuế suất (chúng tôi sẽ hướng dẫn trường hợp đặc biệt này ở phần dưới).

Các chỉ tiêu về thuế suất và tiền thuế của các sắc thuế:

Các cột dữ liệu “Thuế suất TTĐB (%)”, “Tiền thuế TTĐB” , Thuế suất môi trường”, Tiền thuế môi trường”, “Thuế suất VAT (%)”, “Tiền thuế VAT” có màu xám nên bạn khôngphải nhập liệu, thông tin từ từ các cột dữ liệu này sẽ do hệ thống của Hải quan trả về, người khai chỉ cần chọn các mã biểu thuế tương ứng cho các sắc thuế này.

Một số trường hợp đặc biệt đối với chỉ tiêu nhập trên danh sách hàng:

Đối với tờ khai có áp dụng thuế tuyệt đối để khai báo bạn thiết lập bằng cách nhấn vào “Thiết lập cột dữ liệu” trên mục “Danh sách hàng” và chọn như hình sau:



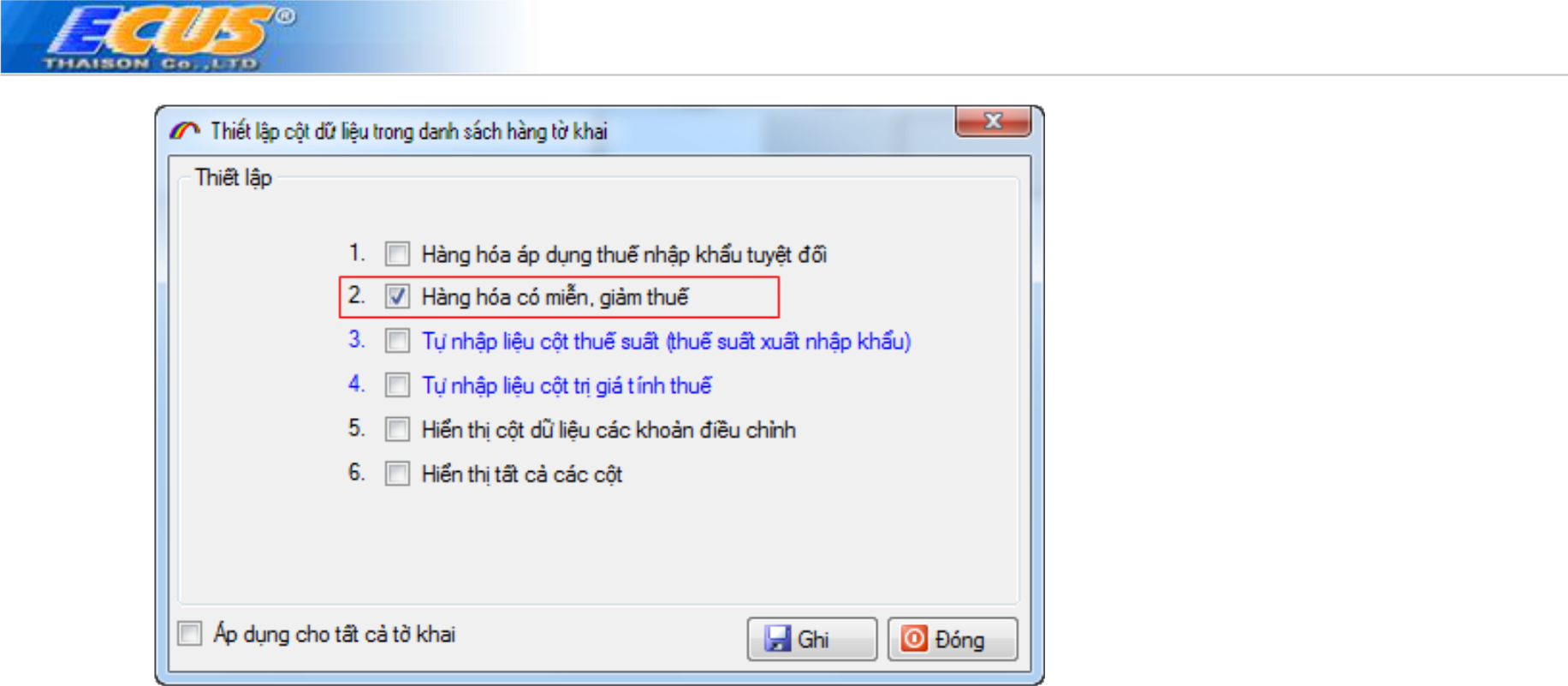
**Hình 3.28 thiết lập cột dữ liệu**

Khi đó trên danh sách hàng, các cột nhập liệu về khoản áp dụng thuế suất tuyệt đối sẽ hiện ra, bạn có thể nhập thuế suất tuyệt theo hai cách như sau:

Cách thứ nhất: Người khai nhập tỷ lệ mức thuế tuyệt đối, trường hợp này khi nhập liệu bạn phải nhập vào cả 3 tiêu chí “Mức thuế tuyệt đối”, “Đợn vị tính thuế tuyệt đối” và “Mã tiến thuế tuyệt đối”.

Cách thứ hai: Sử dụng mã áp dụng mức thuế tuyệt đối, khi đó bạn chỉ cần nhập vào chỉ tiêu “Mã áp dụng mức thuế tuyệt đối”.

**Lưu ý**:Bạn chỉ được chọn một trong hai cách nhập ở trên cho trường hợpkhai áp dụngmức thuế tuyệt đối, đồng thời mã biểu thuế XNK phải chọn là **B15-** Biểu thuế nhập khẩu tuyệt đối.

Đối với tờ khai có các khoản miễn giảm để khai báo bạn thiết lập khai báo bằng cách chọn “Thiết lập cột hiển thị” trên tab danh sách hàng và chọn như hình sau:

**Hình 3.29 thiết lập cột hiển thị**

Khi đó các khoản khai miễn/ giảm cho thuế xuất nhập khẩu và các sắc thuế khác sẽ hiện ra trên danh sách hàng:

Khi khai báo mã miễn giảm, người khai cần lưu ý như sau:

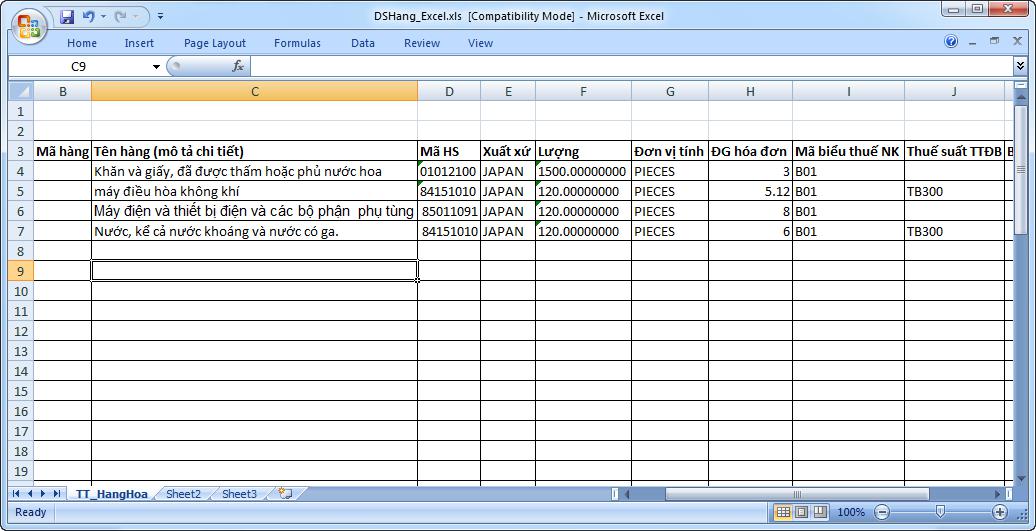
Nếu mã áp dụng miễn / giảm bạn chọn là “Mã giảm thuế” thì bắt buộc phải nhập số tiền được giảm vào ô “Số tiền giảm”, trường hợp là mã Miễn thì không cần phải nhập.

Đối với tờ khai người khai tự nhập trị giá tính thuế và thuế suất người khai thiết lập bằng cách chọn “Thiết lập cột hiển thị” trên tab danh sách hàng

Trên danh sách hàng 2 cột chỉ tiêu “Trị giá tính thuế” và “TS NK (%)” đã đổi trạng thái sáng lên và bạn có thể nhập trực tiếp vào 2 chỉ tiêu này.

1. **Nhập danh sách hàng từ file Excel:**

Để nhập dữ liệu hàng tờ khai từ file excel, bạn chuẩn bị dữ liệu từ file excel với các cột dữ liệu tương ứng với các cột dữ liệu trên dòng hàng như ví dụ mẫu sau:



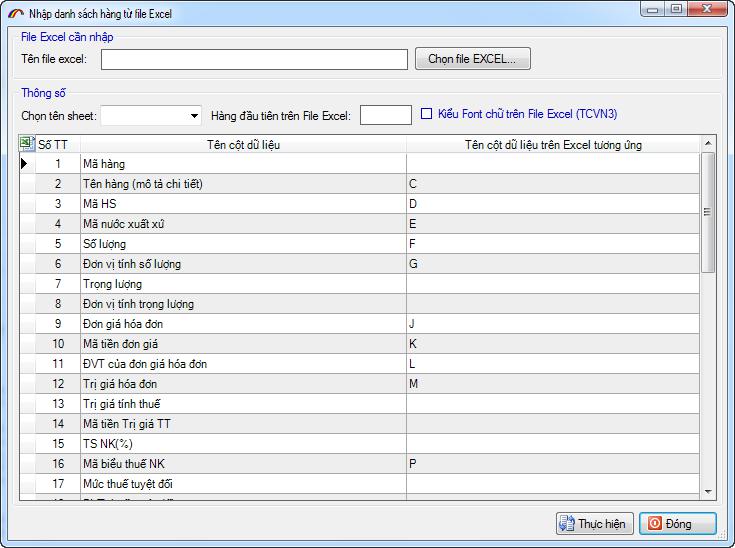
**Hình 3.30 Nhập dữ liệu từ excel**

Đối với dữ liệu dòng hàng nhập vào tờ khai VNACCS người khai cần lưu ý một số cột dữ liệu sau:

Thông thường sẽ không có cột Trị giá tính thuế , Thuế suất và tiền thuế nhập khẩu (giống như giải thích trong phần nhập dòng hàng ở phần trên)

Không có cột thuế suất và tiền thuế đối với các loại thuế: Thuế TTĐB, Thuế BVMT và Thuế GTGT (đối với các loại thuế này chỉ cần nhập cột mã biểu thuế tương ứng với sắc thuế).

Hướng dẫn tra cứu mã biểu thuế của các loại thuế: Để tra cứu mã biểu thuế cụ thể của các loại thuế bạn vào menu “Tiện ích” chọn mục “Tra cứu mã biểu thuế” màn hình tra cứu hiện ra

Sau khi đã chuẩn bị file dữ liệu dòng hàng trên file excel, bạn nhấn phím F6 để tải dữ liệu từ file excel vào danh sách hàng trên tờ khai. Màn hình tải dữ liệu từ excel hiện ra như sau:

**Hình 3.31 Nhập danh sách từ excel**

Để tải dữ liệu từ file excel bạn thực hiện các bước thiết lập sau:

Bước 1: Chọn file excel

Bạn chọn tới file excel đang có dữ liệu về hàng hóa nhập sẵn bằng cách nhấn vào “***Chọn fileEXCEL...***”.

Trường hợp fonts chữ bạn nhập trên file excel là TCVN3, để tránh bị lỗi fonts khi import vào phần mềm bạn đánh dấu chọn vào mục 

Bước 4: Thiết lập các cột dữ liệu tương ứng với cột dữ liệu trên danh sách hàng như hình sau:

Sau khi thiết lập xong bạn chọn nút “Ghi” để chương trình tải dữ liệu từ file excel vào danh sách hàng của tờ khai.

**Một số tiện ích nhập liệu dòng hàng khác:**

a. Chọn sanh sách hàng từ danh mục có sẵn: Bạn nhấn F9 để chọn danh sách hàng từ danh mục hàng nhập khẩu hoặc danh mục nguyên phụ liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng mẫu đã khai trước đó đối với loại hình Gia công, Sản xuất xuất khẩu, Chế xuất.

b. Chức năng copy dòng hàng: Bạn chọn dòng hàng muốn copy sau đó nhấn F5 để tạo ra một dòng hàng tương tự.

**Cách 2: Nhập chi tiết từng dòng hàng theo các tiêu chí đầy đủ của VNACCS.**

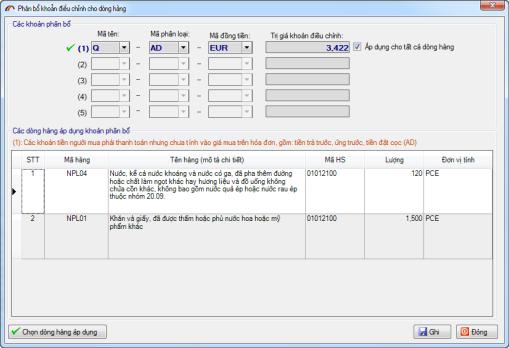
Để nhập một dòng hàng bạn nhấn vào nút “Thêm mới” trên mục “Danh sách hàng”, màn hình nhập chi tiết

Trên màn hình nhập chi tiết hàng bạn thấy có rất nhiều chỉ tiêu, đây là tất cả các chỉ tiêu được thiết kế theo chuẩn của VNACCS bạn chỉ cần quan tâm đến các chỉ tiêu thông thường giống như các cột dữ liệu trên danh sách hàng mà đã hướng dẫn trong cách nhập dòng hàng theo cách thứ nhất (nhập hàng trực tiếp trên danh sách).

Bạn nhập lần lượt các chỉ tiêu của dòng hàng theo hướng dẫn nhập liệu, lưu ý ô “Thuế suất” và ô “Trị giá tính thuế” thông thường người khai không phải nhập mà hệ thống sẽ tự động trả về giống như phần giải thích khi nhập theo danh sách dòng hàng ở trên.

Mặc định khi bạn nhập vào các chỉ tiêu số lượng, đơn giá phần mềm sẽ tự động tính trị giá hoặc nhập vào số lượng , trị giá phần mềm sẽ tự động tính đơn giá. Nếu muốn nhập theo cách tính riêng của mình (phần mềm không tự tính) thì bạn bỏ chọn đánh dấu mục:





**Hình 3.32 Phân bổ các khoản điều chỉnh trên tờ khai trị giá cho các dòng hàng.**

Sau khi nhập xong danh sách hàng nếu trên tờ khai trị giá có các khoản điều chỉnh, người khai thiết lập

Chọn nút “Phân bổ phí” trên mục “Danh sách hàng” cửa sổ phân bổ phí hiện ra như sau:

Kích chuột vào mục khoản điều chỉnh, sau đó nhấn “**Chọn dòng hàng áp dụng**” để chọn các dòng hàng được áp dụng khoản điều chỉnh này, hoặc đánh dấu chọn vào “**Áp dụng cho tất cảdòng hàng**” để áp dụng khoản điều chỉnh này cho tất cả các dòng hàng trên tờ khai.

Sau khi nhập xong và ghi lại thông tin tờ khai bạn thực hiện các bước khai báo tới Hải quan theo hướng dẫn các bước tiếp theo.

**Bước 2**:Khai trước thông tin tờ khai(IDA)

Sau khi đã nhập xong thông tin cho tờ khai, bạn ghi lại và chọn mã nghiệp vụ “**2. Khai trướcthông tin tờ khai (IDA)**” để gửi thông tin.

Trong trường hợp tờ khai của bạn có số dòng hàng lớn hơn 50 chương trình sẽ hiện ra thông báo xác nhận tách tờ khai tự động , ví dụ danh sách hàng bạn nhập vào là 120 dòng hàng

Bạn nhấn chọn “Yes” để chương trình tách tờ khai thành các tờ khai nhánh cho đúng chuẩn của VNACCS (một tờ khai chỉ được tối đa 50 dòng hàng, trường hợp nhiều hơn 50 dòng hàng thì tách thành nhiều tờ khai nhánh khác nhau), khi tách thành công thành bao nhiêu nhánh chương trình sẽ thông báo.

Khi đó bạn vào menu “Tờ khai hải quan” chọn “Danh sách tờ khai nhập khẩu” các tờ khai nhánh có liên quan

Các tờ khai nhánh này có mối liên hệ với nhau qua số tờ khai đầu tiên, số thứ tự nhánh và các thông tin chung của tờ khai như là số vận đơn, số hóa đơn, các thông tin này giúp người khai hải quan và Cơ quan hải quan xác định được các nhánh khác nhau này là thuộc cùng một lô hàng.

Việc thông quan hàng hóa của các tờ khai nhánh này hoàn toàn độc lập về Luồng tờ khai, số tiền thuế, vì vậy khi tiến hành In tờ khai để lấy hàng, người khai phải in và đóng dấu tất cả các tờ khai nhánh khác nhau này, trên bản in sẽ thể hiện số tờ khai nhánh, số tờ khai đầu tiên số thứ nhánh và tổng số nhánh của lô hàng đang tiến hành thông quan.

Người khai tiến hành khai lần lượt các tờ khai với chú ý phải khai tờ khai có nhánh đầu tiên trước(số nhánh là 1)

Chương trình sẽ yêu cầu bạn xác nhận chữ ký số khi khai báo, bạn chọn chữ ký số từ danh sách:

Và nhập vào mã PIN của Chữ ký số thành công hệ thống sẽ trả về số tờ khai và bản copy tờ khai bao gồm các thông tin về thuế được hệ thống tự động tính, các thông tin còn thuế khác như “Tên, địa chỉ doanh nghiệp khai báo”

Màn hình bản copy trả về bao gồm các thông tin đã khai báo của tờ khai, phần tổng hợp tính thuế trả về thể hiện ngay góc trái màn hình

Các thông tin chi tiết thuế suất, mã loại thế suất do hệ thống trả về ở tab “Danh sách hàng” bạn click đúp chuột hoặc nhấn F4 để xem chi tiết.

Sau khi kiểm tra các thông tin trả về, người khai có 2 phương án lựa chọn tiếp theo:

**Thứ nhất**: nếu các thông tin do hệ thống trả về doanh nghiệp thấy có thiếu sót cần bổ sungsửa đổi thì sử dụng mã nghiệp vụ IDB để gọi lại thông tin khai báo của tờ khai và sửa đổi sau đó tiếp IDA lại đến khi thông tin đã chính xác.

**Thứ hai**: nếu các thông tin do hệ thống trả về đã chính xác, doanh nghiệp chọn mã nghiệp vụ“3.Khai chính thức tờ khai IDC” để đăng ký chính thức tờ khai này với cơ quan hải quan, khi thành công tờ khai này sẽ được đưa vào thực hiện các thủ tục thông quan hàng hóa.

Sau khi đăng ký thành công bản khai trước thông tin tờ khai và kiểm tra đúng thông tin hệ thống trả về, người khai tiến hành đăng ký chính thức tờ khai với cơ quan Hải quan, chọn mã nghiệp vụ “**3. Khai chính thức tờ khai (IDC)**”

Khai báo thành công tờ khai này sẽ được đưa vào tiến hành các thủ tục thông quan hàng hóa.

Doanh nghiệp tiếp tục nhấn vào “ **4. Lấy kết quả phân luồng, thông quan**” chức năng này sử dụng để nhận các kết quả phân luồng, lệ phí hải quan, thông báo tiền thuế và chấp nhận thông quan của tờ khai được hệ thống VNACCS trả về.

Đối với tờ khai là luồng Xanh: Trường hợp tờ khai được phân luồng 1 (xanh), Hệ thống tự động kiểm tra việc hoàn thành nghĩa vụ về thuế và quyết định thông quan, Đối với hàng nhập khẩu, công chức giám sát thuộc Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hoặc Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi (trong trường hợp khai vận chuyển kết hợp)thực hiện việc in, đóng dấu xác nhận, ký, đóng dấu công chức vào góc trên cùng bên phải của trang đầu tiên Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (trừ thông tin chi tiết từng dòng hàng) đã được phê duyệt thông quan, giao cho người khai hải quan để làm tiếp các thủ tục (nếu có);

Đối với tờ khai là luồng Vàng: Trường hợp tờ khai được phân luồng 2 (vàng), người khai xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan để kiểm tra, nếu kết quả kiểm tra phù hợp, công chức hải quan cập nhật kết quả kiểm tra vào Hệ thống. Hệ thống tự động kiểm tra việc hoàn thành nghĩa vụ về thuế và quyết định thông quan, Công chức được giao nhiệm vụ thuộc Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai thực hiện việc in, đóng dấu xác nhận, ký, đóng dấu công chức vào góc trên cùng bên phải của trang đầu tiên Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (trừ thông tin chi tiết từng dòng hàng) đã được phê duyệt thông quan. giao cho người khai hải quan để làm tiếp các thủ tục (nếu có);

Đối với tờ khai là luồng Đỏ: Trường hợp tờ khai được phân luồng 3 (Đỏ), người khai xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan và hàng hóa để kiểm tra, nếu kết quả kiểm tra

phù hợp, công chức hải quan cập nhật kết quả kiểm tra vào Hệ thống. Hệ thống tự động kiểm tra việc hoàn thành nghĩa vụ về thuế và quyết định thông quan, Công chức được giao nhiệm vụ thuộc Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai thực hiện việc in, đóng dấu xác nhận, ký, đóng dấu công chức vào góc trên cùng bên phải của trang đầu tiên Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (trừ thông tin chi tiết từng dòng hàng) đã được phê duyệt thông quan. giao cho người khai hải quan để làm tiếp các thủ tục (nếu có);

**Bước 4**: In tờ khai và các chứng từ khác

Phần in này chỉ để doanh nghiệp tham khảo, các bản in chính thức sẽ do cán bộ Hải quan tiếp nhận tờ khai In, đóng dấu xác nhận, ký, đóng dấu công chức và giao cho người khai.

Sau khi nhận được các kết quả xác nhận tờ khai được chấp nhận thông quan, người khai có thể xem lại và in các bản in, các thông điệp này bằng cách vào tab “**Kết quả xử lý tờ khai**”.

Nút “**In TK**” trên tờ khai sẽ in ra thông điệp mới nhất từ Hải quan trả về, trừ các thông điệp về phí và lệ phí, thông báo thuế.

**Bước5:** Sửa tờ khai đã đăng ký

Đối với tờ khai được phân luồng Vàng, Đỏ mà chưa được cơ quan Hải quan xử lý (chưa thực hiện nghiệp vụ CEA/CEE), người khai có thể tiến hành gọi thông tin tờ khai về để khai báo sửa đổi bổ sung nếu cần thiết bằng cách sử dụng các nghiệp vụ từ mục 5.1 đến 5.4 trên danh sách mã nghiệp vụ

Tờ khai là luồng Xanh hoặc đã được xử lý của cơ quan Hải quan thì không thể dùng các nghiệp vụ này để sửa mà người khai phải sử dụng:

***Nghiệp vụ AMA***: để khai sửa đổi, bổ sung về thuế và các thông tin cho dòng hàng, để sửdụng nghiệp vụ này, bạn vào tab “Kết quả xử lý tờ khai” chọn nghiệp vụ “Đăng ký bổ sung thay đổi thuế AMA” hoặc vào menu “Tờ khai hải quan” và chọn mục “ Khai bổ sung”:

***Sử dụng công văn đề nghị***: Nếu muốn sửa đổi bổ sung thông tin chung cho tờ khai thìngười khai cần gửi công văn để cơ quan Hải quan xem xét và tiến hành sửa đổi.

#### 3.4.6.4. Đăng ký tờ khai xuất khẩu mới (EDA)

Để đăng ký mới tờ khai xuất khẩu, bạn truy cập menu “*Tờ khai hải quan/ Đăng ký mới tờ khai xuất khẩu (EDA)*”:

So với tờ khai nhập khẩu, tờ khai xuất khẩu VNACCS có một số thay đổi về bố cục trình bày ở phần nhập liệu. Tất cả các thông tin liên quan về thông tin chung tờ khai, chứng từ đính kèm, vận đơn, hóa đơn, thuế và bảo lãnh… được sắp xếp nhập liệu trên tab “Thông tin chung”.

Tab “Thông tin container” được bổ sung để nhập thông tin về danh sách container hàng hóa, địa điểm xếp hàng.

Trong quá trình nhập liệu, khi bạn click chuột vào tiêu chí nào, phía dưới góc trái màn hình tờ khai sẽ hiện ra “*Hướng dẫn nhập liệu*” chi tiết, bạn làm theo các hướng dẫn để nhập thông tin cho các chỉ tiêu cần thiết.

**Nhập thông tin cơ bản của tờ khai:**

Mã loại hình: trên hệ thống vnaccs đã được thay đổi và rút gọn còn 40 loại hình cơ bản,ví dụ nếu trước đây loại hình bạn chọn là XKD01-Xuất kinh doanh thì bây giờ mã tương ứng là B11, XSX01 – Xuất sản xuất xuất khẩu thì tương ứng là E62, XGC01 – xuất gia công thì tương ứng là E52

Khi không xác định loại hình chính xác, bạn nhập vào mã của loại hình cũ vào sau đó nhấn phím tab, chương trình sẽ tự động chuyển mã hoặc hiện ra bảng gợi ý loại hình cho bạn chọn:

Ngoài ra bạn có thể nhấn vào nút có dấu (…) hoặc nhấn phím F3 để tìm và chọn loại hình cụ thể

Cách chọn này sẽ áp dụng tượng tự đối với các danh mục khác từ hệ thống danh mục cũ như: Mã cảng địa điểm, cơ quan hải quan…

Cơ quan hải quan: Chọn đơn vị hải quan khai báo, bộ mã đơn vị hải quan cũng được đổi mới ví dụ mã đơn vị hải quan Đầu tư gia công hải phòng trên hệ thống điện tử hiện tại là P03A thì trên hệ thống vnaccs là 03PA, các đơn vị hải quan khác bạn có thể chọn từ danh mục mà chương trình đã chuyển đổi sẵn.

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ưng: Người khai chỉ nhập vào chỉ tiêu này khi tờ khai đang khai có mã loại hình được chọn là loại hình tái xuất, với các loại hình khác thì không được nhập. Bạn nhập vào số tờ khai tạm nhập ( đã được thông quan trước đó) của lô hàng bạn sẽ tái xuất trên tờ khai đang khai này. Đồng thời khi nhập chi tiết hàng tái xuất trên danh sách hàng tờ khai cần chỉ rõ số dòng hàng tương ứng trên tờ khai tạm nhập, tạm xuất đã chọn. cụ thể cách nhập như sau:

**Thứ nhất**:tại ô mã loại hình bạn chọn loại hình tái xuất, ví dụ G21 – Tái xuất hàng kinh doanh TNTX.

**Thứ hai**:tại ô số tờ khai tạm nhập tái xuất , bạn nhấn vào nút có dấu (…),

Đầu tiên bạn chọn số tờ khai tạm nhập ở bên cửa số phía trái, sau đó tại cửa sổ phía bên phải sẽ hiện ra danh sách hàng của tờ khai, bạn đánh dấu chọn các dòng hàng cần khai báo tái xuất, đánh dấu vào các tùy chọn copy, cuối cùng nhấn “Chọn”. chương trình sẽ tự động điền vào chỉ tiêu “Số tờ khai tạm nhập tái xuất” và “Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng”, trường hợp bạn không chọn từ dấu (…) thì phải nhập thủ công vào hai chỉ tiêu này khi khai báo tờ khai tái xuất.

Mã phân loại hàng hóa : Tùy theo tính chất hàng hóa đang nhập mà người khai tiến hành chọn các mã tương ứng trong danh sách, lưu ý đối với mã phân loại là ‘J – Hàng khác theo quy định của chính phủ’ thì chỉ khi có văn bản của Chính phủ, các cơ quan nhà nước người khai mới được chọn, trong trường hợp hàng hóa không thuộc loại nào có trong danh sách thì người khai bỏ trống chỉ tiêu này.

Mã hiệu phương thức vận chuyển: Chọn mã hiệu phù hợp với hình thức vận chuyển hàng hóa như đường biển, đường sắt, đường không…..

**Thông tin về đơn vị xuất nhập khẩu**

Nhập vào thông tin người nhập khẩu, đối tác xuất khẩu, đại lý làm thủ tục hải quan hoặc người ủy thác

Người xuất khẩu: là thông tin đơn vị đang khai tờ khai nhập khẩu, thông tin này sẽ được chương trình lấy tự động khi bạn đăng ký thông tin doanh nghiệp trong lần đầu chạy chương trình. Hoặc bạn chỉ cần nhập vào Mã số thuế, các thông tin về tên, địa chỉ sẽ do hệ thống tự động trả về.

Người nhập khẩu: bạn nhập vào thông tin đối tác, bạn có thể chọn đối tác thường xuyên từ danh mục có sẵn bằng cách nhấn dấu 3 chấm. khi nhập thông tin đối tác cần lưu ý nhập vào dạng chữ in HOA không dấu. Ví dụ SAMSUNG ELECTRIC CO.,LTD VIETNAM, nếu nhập là: Công ty TNHH Điện tử SamSung Việt Nam thì khai báo lên hệ thống sẽ không chấp nhận và trả về thông báo lỗi.

Mã đại lý hải quan: trường hợp người khai chỉ thực hiện nghiệp vụ EDA, các nghiệp vụ khai báo còn lại do đại lý hoặc đơn vị khác thực hiện thì bắt buộc phải nhập vào ô này, thông tin nhập vào là User code (5 ký tự đầu trong User ID tài khoản khai báo VNACCS) của đơn vị sẽ thực hiện tiếp việc thông quan cho tờ khai sau khi bạn EDA, ví dụ ‘F2352’.

**Thông tin vận đơn**

Nhập vào các thông tin về vận chuyển hàng hóa như số vận đơn, phương tiện vận chuyển, cảng địa điểm dỡ / xếp hàng.

Thông tin vận đơn: Số vận đơn được nhập theo định dạng: Mã Scac code + số vận đơn, trong đó mã scac code là mã của nhà vận chuyển (bạn có thể tham khảo tại địa chỉ website [www.customs.gov.vn](http://www.customs.gov.vn/))ví dụ số vận đơn: CMF902014.Chỉ tiêu này đối với tờ khai xuất làkhông bắt buộc nhập. Để khai chi tiết danh sách container và số Seal, người khai phải thực hiện khai đính kèm bằng nghiệp vụ HYS (tại menu “Nghiệp vụ khác / Đăng ký file đính kèm HYS”) sau đó nhập vào tờ khai tại mục “Thông tin đính kèm” trên tab “Thông tin chung” của tờ khai xuất khẩu.

Tổng trọng lượng hàng hóa: Nhập vào tổng trọng lượng hàng và đơn vị tính trọng lượng theo đơn vị Kilogame – KGM, Tấn – TNE hoặc Pound – LBR, tổng trọng lượng có thể nhập vào tối đa 06 ký tự cho phần nguyên và 03 ký tự cho phần lẻ thập phân, ví dụ: 950000.525 , nếu là hàng vận chuyển theo đường hàng không phần lẻ thập phân chỉ được nhập tối đa 01 ký tự, ví dụ 950000.5. Nếu bạn nhập vào đợn vị trọng lượng là LBR thì sau khi khai báo EDA, hệ thống sẽ tự động quy đổi và trả về đơn vị là KGM.

Mã địa điểm lưu khohàng chờ thông quan dự kiến: Nhập vào mã địa điểm lưu kho dự kiến cho hàng hóa chờ thông quan, mã địa điểm lưu kho có thể là địa điểm chịu sự giám sát của hải quan, các kho hàng, các công ty dịch vụ kho bãi hoặc kho công ty đã được đăng ký vào hệ thống, ví dụ hàng hóa được lưu kho chờ thông quan tại địa điểm ‘CTY DVHH NOI BAI (NHAP)’ chịu sự giám sát của Hải quan nội bài bạn chọn mã là ‘01B3A02’.

Phương tiện vận chuyển, nhập vào phương tiện vận chuyển tùy theo phương thức vận chuyển bạn đã chọn ở trên, ví dụ với phương thức là đường không thì phương tiện vận chuyển bạn nhập vào theo định dạng như sau:

Ô mã để trống

Ô tên gồm 12 ký tự, trong đó nhập mã hãng hàng không (02 kí tự), số chuyến bay (04 kí tự), 1 gạch chéo, ngày/tháng (ngày: 02 kí tự, tháng 03 kí tự viết tắt của các tháng bằng tiếng Anh) ví dụ: VN8720/11MAR

Địa điểm xếphàng: Nhập vào cảng địa điểm xếp hàng , có thể chọn từ danh mục bằng cách nhấn vào nút có dấu 3 chấm. Mã địa điểm xếp hàng bạn chọn phải phù hợp với loại Phương thức vận chuyển đã chọn ở mục trên ( phương thức vận chuyển là đường biển, đường không, đường sắt.. thì phải chọn mã địa điểm thuộc cảng biển, đường không, đường sắt tương ứng), ví dụ chọn mã địa điểm xếp hàng cho phương thức vận chuyển đường biển là Cảng Hải Phòng thì bạn chọn mã là ‘VNHPH - CANG HAI PHONG’. Trường hợp cảng địa điểm không xác định cụ thể thì người khai chọn mã địa điểm của mã nước kèm theo ‘ZZZ’ ví dụ VNZZZ – UNKNOW.

**Hoá đơn thương mại**

Bạn nhập vào thông tin trên hóa đơn hàng hóa về Số hóa đơn, ngày phát hành, phương thức thanh toán, trị giá hóa đơn, điều kiện giao hàng.

Phân loại hình thức hóa đơn: Chọn phân loại hình thức hóa đơn, nếu chọn D - hóa đơn điện tử được khai báo qua nghiệp vụ khai hóa đơn IVA. Bạn nhấn vào “Chọn hóa đơn” ở bên cạnh để chọn các hóa đơn điện tử đã được khai báo.

Tổng trị giá hóa đơn: Nhập vào tổng trị giá trên hóa đơn, yêu cầu việc nhập liệu ô này phải chính xác vì dữ liệu ảnh hưởng trực tiếp đến tiền thuế của tờ khai. Có thể nhập được vào 04 số sau dấu phẩy thập phân nếu mã đồng tiền thanh toán trên hóa đơn không phải là VNĐ, trường hợp là VNĐ thì bạn không thể nhập vào cho phần lẻ thập phân. Trường hợp có nhiều hóa đơn con (phụ lục hóa đơn) thì người khai phải khai đính kèm để gửi lên hải quan bằng nghiệp vụ HYS (tại menu “Nghiệp vụ khác / Đăng ký file đính kèm HYS”).

Tổng trị giá tính thuế: Khi chưa biết rõ tỷ giá tính thuế của đồng tiền thanh toán, người khai nhập vào là trị giá hóa đơn với mã đồng tiền là đồng tiền của trị giá hóa đơn.

**Thuế và bảo lãnh**

Thông tin về bảo lãnh thuế và hình thức nộp thuế của người khai hải quan, tùy theo từng trường hợp cụ thể mà người khai sẽ nhập vào thông tin cho mục này.

Người khai cần xác định mã loại hình thức nộp thuế, nếu có chứng từ bảo lãnh thuế thì chọn loại hình bảo lãnh (có 2 hình thức bảo lãnh là “bảo lãnh chung” và “bảo lãnh riêng cho từng tờ khai”) và nhập vào đầy đủ thông tin đăng ký bảo lãnh bao gồm: Mã ngân hàng bảo lãnh, năm đăng ký, Ký hiệu chứng từ và số chứng từ.

Trường hợp doanh nghiệp không có bảo lãnh thuế, phải nộp thuế ngay thì bạn chọn mã là D – Nộp thuế ngay. Đồng thời khi khai báo sửa đổi bổ sung người khai cũng chọn mã ‘D’ để được cấp phép thông quan sau khi thực hiện quy trình tạm giải phóng hàng.

**Thông tin vận chuyển**

Mục này áp dụng cho các doanh nghiệp Gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất hoặc các doanh nghiệp ưu tiên, đưa hàng vào kho bảo thuế khai báo vận chuyển đính kèm tờ khai.

Các thông tin này nếu được nhập phải thành một bộ bao gồm: Ngày khởi hành , địa điểm trung chuyển và ngày đến địa điểm trung chuyển nếu có, địa điểm đích và ngày đến địa điểm đích.

**Thông tin vận chuyển và Ghi chú khác**

Trường hợp chọn loại hình là Gia công thì doanh nghiệp phải chọn Số hợp đồng từ Danh mục hợp gia công. Khi khai lên Hải quan số hợp đồng và ngày hợp đồng sẽ được chuyển vào mục Thông tin "Phần ghi chú" để khai lên.

Trường hợp khác là các loại hình kinh doanh và sản xuất xuất khẩu thì chỉ nhập số hợp đồng vào để quản lý tại doanh nghiệp (Nếu Hải quan yêu cầu khai Số hợp đồng bạn nhập thông tin Số hợp đồng vào mục Thông tin "Phần ghi chú" để khai tới Hải quan).

**Tại tab “Thông tin container”**:

Nhập vào thông tin về địa điểm xếp hàng và danh sách container, một tờ khai xuất có thể nhập tối đa được 50 số Container khác nhau

**Tại tab “Danh sách hàng”:**

Danh sách hàng của tờ khai VNACCS cho phép người khai nhiều lựa chọn hơn trong việc nhập dữ liệu. Chương trình cung cấp hai hình thức nhập liệu (2 giao diện nhập) là: nhập hàng trực tiếp từ danh sách và nhập hàng chi tiết từng dòng hàng theo các tiêu chí đầy đủ của VNACCS.

**Cách 1: Nhập thông tin hàng hóa từ danh sách.**

Khi chọn sang tab “Danh sách hàng” bạn có thể nhập thông tin hàng hóa trực tiếp trên danh sách hàng. Danh sách hàng được thiết kế theo các chỉ tiêu thông thường nhất mà người khai hay sử dụng để khai báo một bộ hồ sơ Hải quan.

Đối với dòng hàng tờ khai VNACCS có một số lưu ý quan trọng như sau:

**Chỉ tiêu Trị giá tính thuế và Thuế suất nhập khẩu:**

Trên danh sách hàng ô “Trị giá tính thuế” và ô “TS XK (%)” có màu xám nên bạn không phải nhập dữ liệu của hai ô này vì theo nghiệp vụ VNACCS thông thường Trị giá tính thuế và Thuế suất sẽ do hệ thống của Hải quan trả về. Trong một số trường hợp đặc biệt người khai vẫn có thể tự nhập Trị giá tính thuế và Thuế suất

**Một số trường hợp đặc biệt đối với chỉ tiêu nhập trên danh sách hàng:**

Đối với tờ khai có áp dụng thuế tuyệt đối để khai báo bạn thiết lập bằng cách nhấn vào “Thiết lập cột dữ liệu” trên mục “Danh sách hàng”

Khi đó trên danh sách hàng, các cột nhập liệu về khoản áp dụng thuế suất tuyệt đối sẽ hiện ra, bạn có thể nhập thuế suất tuyệt theo hai cách như sau:

Đối với tờ khai có các khoản miễn giảm để khai báo bạn thiết lập khai báo bằng cách chọn “Thiết lập cột hiển thị” trên tab danh sách hàng

Khi đó khoản khai miễn/ giảm cho thuế xuất khẩu sẽ hiện ra trên danh sách hàng:

Khi khai báo mã miễn giảm, người khai cần lưu ý như sau:

Nếu mã áp dụng miễn / giảm tại ô “Mã miễn giảm thuế XK” bạn chọn là Mã giảmthuế thì bắt buộc phải nhập số tiền được giảm vào ô “Số tiền miễn giảm”, trường hợp là mã Miễn thì không cần phải nhập.

Đối với tờ khai người khai tự nhập trị giá tính thuế và thuế suất người khai thiết lập bằng cách nhấn vào “Thiết lập cột hiển thị” trên mục “Danh sách hàng”

Trên danh sách hàng 2 cột chỉ tiêu “Trị giá tính thuế” và “TS XK (%)” đã đổi trạng thái sáng lên và bạn có thể nhập trực tiếp vào 2 chỉ tiêu này.

**Nhập danh sách hàng từ file Excel:**

Để nhập dữ liệu hàng tờ khai từ file excel, bạn chuẩn bị dữ liệu từ file excel với các cột dữ liệu tương ứng với các cột dữ liệu trên dòng hàng

Thông thường sẽ không có cột Trị giá tính thuế , Thuế suất và tiền thuế nhập khẩu (giống như giải thích trong phần nhập dòng hàng ở phần trên)

Sau khi đã chuẩn bị file dữ liệu dòng hàng trên file excel, bạn nhấn phím F6 để tải dữ liệu từ file excel vào danh sách hàng trên tờ khai.

Để tải dữ liệu từ file excel bạn thực hiện các bước thiết lập sau:

Bước 1: Chọn file excel

Bạn chọn tới file excel đang có dữ liệu về hàng hóa nhập sẵn bằng cách nhấn vào “***Chọn fileEXCEL...***”.

Bước 2: Chọn tên sheets trong file excel mà có chứa thông tin hàng hóa đang cần nhập tại ô “***Chọn tên sheet***” mục thông số.

Bước 3: Thiết lập dòng đầu tiên trên file excel có dữ liệu dòng hàng,

Trường hợp fonts chữ bạn nhập trên file excel là TCVN3, để tránh bị lỗi fonts khi import vào phần mềm bạn đánh dấu chọn vào mục 

Bước 4: Thiết lập các cột dữ liệu tương ứng với cột dữ liệu trên danh sách hàng

Sau khi thiết lập xong bạn chọn nút “Ghi” để chương trình tải dữ liệu từ file excel vào danh sách hàng của tờ khai.

**Một số tiện ích nhập liệu dòng hàng khác:**

Chọn sanh sách hàng từ danh mục có sẵn: Bạn nhấn F9 để chọn danh sách hàng từ danh mục hàng nhập khẩu hoặc danh mục nguyên phụ liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng mẫu đã khai trước đó đối với loại hình Gia công, Sản xuất xuất khẩu, Chế xuất.

Chức năng copy dòng hàng: Bạn chọn dòng hàng muốn copy sau đó nhấn F5 để tạo ra một dòng hàng tương tự.

**Cách 2: Nhập chi tiết từng dòng hàng theo các tiêu chí đầy đủ của VNACCS.**

Để nhập một dòng hàng bạn nhấn vào nút “Thêm mới” trên mục “Danh sách hàng”

Trên màn hình nhập chi tiết hàng bạn thấy có rất nhiều chỉ tiêu, đây là tất cả các chỉ tiêu được thiết kế theo chuẩn của VNACCS bạn chỉ cần quan tâm đến các chỉ tiêu thông thường giống như các cột dữ liệu trên danh sách hàng mà đã hướng dẫn trong cách nhập dòng hàng theo cách thứ nhất (nhập hàng trực tiếp trên danh sách).

Bạn nhập lần lượt các chỉ tiêu của dòng hàng theo hướng dẫn nhập liệu, lưu ý ô “Thuế suất” và ô “Trị giá tính thuế” thông thường người khai không phải nhập mà hệ thống sẽ tự động trả về giống như phần giải thích khi nhập theo danh sách dòng hàng ở trên.

Mặc định khi bạn nhập vào các chỉ tiêu số lượng, đơn giá phần mềm sẽ tự động tính trị giá hoặc nhập vào số lượng , trị giá phần mềm sẽ tự động tính đơn giá. Nếu muốn nhập theo cách tính riêng của mình (phần mềm không tự tính) thì bạn bỏ chọn đánh dấu mục:

**Bước 2**: Khai trước thông tin tờ khai (EDA)

Sau khi đã nhập xong thông tin cho tờ khai, bạn ghi lại và chọn mã nghiệp vụ “**2.Khai trước thông tin tờ khai (EDA)**” để gửi thông tin.

Trong trường hợp tờ khai của bạn có số dòng hàng lớn hơn 50 chương trình sẽ hiện ra thông báo xác nhận tách tờ khai tự động , ví dụ danh sách hàng bạn nhập vào là 120 dòng hàng:

Bạn nhấn chọn “Yes” để chương trình tách tờ khai thành các tờ khai nhánh cho đúng chuẩn của VNACCS (một tờ khai chỉ được tối đa 50 dòng hàng, trường hợp nhiều hơn 50 dòng hàng thì tách thành nhiều tờ khai nhánh khác nhau), khi tách thành công thành bao nhiêu nhánh chương trình sẽ thông báo

Khi đó bạn vào menu “Tờ khai hải quan” chọn “Danh sách tờ khai nhập khẩu” các tờ khai nhánh có liên quan

Các tờ khai nhánh này có mối liên hệ với nhau qua số tờ khai đầu tiên, số thứ tự nhánh và các thông tin chung của tờ khai như là số vận đơn, số hóa đơn, các thông tin này giúp người khai hải quan và Cơ quan hải quan xác định được các nhánh khác nhau này là thuộc cùng một lô hàng.

Việc thông quan hàng hóa của các tờ khai nhánh này hoàn toàn độc lập về Luồng tờ khai, số tiền thuế, vì vậy khi tiến hành In tờ khai để lấy hàng, người khai phải in và đóng dấu tất cả các tờ khai nhánh khác nhau này, trên bản in sẽ thể hiện số tờ khai nhánh, số tờ khai đầu tiên số thứ nhánh và tổng số nhánh của lô hàng đang tiến hành thông quan.

Người khai tiến hành khai lần lượt các tờ khai với chú ý phải khai tờ khai có nhánh đầu tiên trước(số nhánh là 1).

Người khai tiến hành khai lần lượt các tờ khai nhánh với lưu ý khai tờ khai có nhánh đầu tiên trước (tờ khai có nhánh là 1).

Chương trình sẽ yêu cầu bạn xác nhận chữ ký số khi khai báo, bạn chọn chữ ký số từ danh sách:

Thành công hệ thống sẽ trả về số tờ khai và bản copy tờ khai bao gồm các thông tin về thuế được hệ thống tự động tính, các thông tin còn thuế khác như “Tên, địa chỉ doanh nghiệp khai báo”.

Các thông tin chi tiết về dòng hàng do hệ thống trả về ở mục “Danh sách hàng” bạn click đúp chuột hoặc nhấn F4 để xem chi tiết.

Sau khi kiểm tra các thông tin trả về, người khai có 2 phương án lựa chọn tiếp theo:

**Thứ nhất**: nếu các thông tin do hệ thống trả về doanh nghiệp thấy có thiếu sót cần bổ sungsửa đổi thì sử dụng mã nghiệp vụ EDB để gọi lại thông tin khai báo của tờ khai và sửa đổi sau đó tiếp EDA lại đến khi thông tin đã chính xác.

**Thứ hai**: nếu các thông tin do hệ thống trả về đã chính xác, doanh nghiệp chọn mã nghiệp vụ“3.Khai chính thức tờ khai EDC” để đăng ký chính thức tờ khai này với cơ quan hải quan, khi thành công tờ khai này sẽ được đưa vào thực hiện các thủ tục thông quan hàng hóa.

**Bước 3**: Đăng ký chính thức tờ khai với cơ quan Hải quan(EDC)

Sau khi đăng ký thành công bản khai trước thông tin tờ khai và kiểm tra đúng thông tin hệ thống trả về, người khai tiến hành đăng ký chính thức tờ khai với cơ quan Hải quan, chọn mã nghiệp vụ “**3. Khai chính thức tờ khai (EDC)**”

Khai báo thành công tờ khai này sẽ được đưa vào tiến hành các thủ tục thông quan hàng hóa.

Doanh nghiệp tiếp tục nhấn vào “**4. Lấy kết quả phân luồng, thông quan**” chức năng này sử dụng để nhận được các kết quả phần luồng, lệ phí hải quan, thông báo tiền thuế và chấp nhận thông quan của tờ khai do hệ thống VNACCS trả về.

Đối với tờ khai là luồng Xanh: Trường hợp tờ khai được phân luồng 1 (xanh), Hệ thống tự động kiểm tra việc hoàn thành nghĩa vụ về thuế và quyết định thông quan, Công chức giám sát thuộc Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hoặc Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi (trong trường hợp khai vận chuyển kết hợp)thực hiện việc in, đóng dấu xác nhận, ký, đóng dấu công chức vào góc trên cùng bên phải của trang đầu tiên Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (trừ thông tin chi tiết từng dòng hàng) đã được phê duyệt thông quan, giao cho người khai hải quan để làm tiếp các thủ tục (nếu có);

Đối với tờ khai là luồng Vàng: Trường hợp tờ khai được phân luồng 2 (vàng), người khai xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan để kiểm tra, nếu kết quả kiểm tra phù hợp, công chức hải quan cập nhật kết quả kiểm tra vào Hệ thống. Hệ thống tự động kiểm tra việc hoàn thành nghĩa vụ về thuế và quyết định thông quan, Công chức được giao nhiệm vụ thuộc Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai thực hiện việc in, đóng dấu xác nhận, ký, đóng dấu công chức vào góc trên cùng bên phải của trang đầu tiên Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (trừ thông tin chi tiết từng dòng hàng) đã được phê duyệt thông quan. giao cho người khai hải quan để làm tiếp các thủ tục (nếu có);

Đối với tờ khai là luồng Đỏ: Trường hợp tờ khai được phân luồng 3 (Đỏ), người khai xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan và hàng hóa để kiểm tra, nếu kết quả kiểm tra phù hợp, công chức hải quan cập nhật kết quả kiểm tra vào Hệ thống. Hệ thống tự động kiểm tra việc hoàn thành nghĩa vụ về thuế và quyết định thông quan, Công chức được giao nhiệm vụ thuộc Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai thực hiện việc in, đóng dấu xác nhận, ký, đóng dấu công chức vào góc trên cùng bên phải của trang đầu tiên Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (trừ thông tin chi tiết từng dòng hàng) đã được phê duyệt thông quan. giao cho người khai hải quan để làm tiếp các thủ tục (nếu có);

**Bước 4**: In tờ khai và các chứng từ khác

Phần in này chỉ để doanh nghiệp tham khảo, các bản in chính thức sẽ do cán bộ Hải quan tiếp nhận tờ khai In, đóng dấu xác nhận, ký, đóng dấu công chức và giao cho người khai.

Sau khi nhận được các kết quả xác nhận tờ khai được chấp nhận thông quan, người khai có thể xem lại và in các bản in, các thông điệp này bằng cách vào tab “Kết quả xử lý tờ khai”.

Nút “In TK” trên tờ khai sẽ in ra thông điệp mới nhất từ Hải quan trả về, trừ các thông điệp về phí và lệ phí, thông báo thuế.

**Bước 5:** Sửa tờ khai đã đăng ký

Đối với tờ khai được phân luồng Vàng, Đỏ mà chưa được cơ quan Hải quan xử lý (chưa thực hiện nghiệp vụ CEA/CEE), người khai có thể tiến hành gọi thông tin tờ khai về để khai báo sửa đổi bổ sung nếu cần thiết bằng cách sử dụng các nghiệp vụ từ mục 5.1 đến 5.4 trên danh sách mã nghiệp vụ.

Tờ khai là luồng Xanh hoặc đã được xử lý của cơ quan Hải quan thì không thể dùng các nghiệp vụ này để sửa mà người khai phải sử dụng:

***Nghiệp vụ AMA***: để khai sửa đổi, bổ sung về thuế và các thông tin cho dòng hàng, để sửdụng nghiệp vụ này, bạn vào tab “Kết quả xử lý tờ khai” chọn nghiệp vụ “Đăng ký bổ sung thay đổi thuế AMA”.

***Sử dụng công văn đề nghị***: Nếu muốn sửa đổi bổ sung về thông tin chung cho tờ khaitrongtrường hợp nay người khai cân gửi công văn đề nghị để cơ quan Hải quan tiến hành sửa đổi

#### 3.4.6.4 Khai báo loại hình đặc thù.

Đối với doanh nghiệp khai báo theo loại hình đặc thù là Gia công, Sản xuất xuất khẩu hoặc chế xuất, quy trình nghiệp vụ khai báo chỉ khác ở phần Tờ khai thông quan hàng hóa theo chuẩn VNACCS (đã được hướng dẫn chi tiết ở phần trên), các nghiệp vụ khai còn lại (khai Hợp đồng gia công (HĐGC), danh mục nguyên liệu, sản phẩm) vẫn thực hiện bình thường giống như quy trình hải quan điện tử V4.

Trước khi khai báo người khai cần thiết lập thông số kết nối đến hệ thống tiếp nhận tập trung từ menu “**Hệ thống / Thiết lập thông số khai báo V4**” .

Sau đây chúng tôi xin hướng dẫn doanh nghiệp các bước khai báo trên phần mềm

ECUS5VNACCS như sau:

**Khai báo loại hình Gia công.**

Phần mềm ECUS5VNACCS tích hợp đầy đủ các chứng năng khai báo tới hệ thống VNACCS mới đồng thời vẫn đảm bảo khai báo cho doanh nghiệp có loại hình đặc thù là Gia công

**Đăng ký HĐGC, danh mục, định mức và phụ kiện.**

Tiến hành đăng ký HĐGC, danh mục, định mức, phụ kiện bằng cách vào menu “Loại hình” và chọn vào phần menu chức năng dành cho loại hình Gia công

**Khai báo tờ khai.**

Để khai báo một tờ khai nhập khẩu/xuất khẩu cho loại hình gia công, bạn vào menu “Tờ khai hải quan” và tiến hành đăng ký mới tờ khai giống như đã hướng dẫn tại mục “**II. Thực hiện quy trình tờ khai thông quan hàng hóa”** Ngoài ra trong quá trình nhập liệu có một số lưu ý quan trọng như sau:

Mã loại hình: chọn mã loại hình nhập gia công , xuất gia công tương ứng cho tờ khai theo chuẩn của VNACCS, ví dụ trên phiên bản 4 bạn chọn mã loại hình là NGC01-nhập gia công thì trên tờ khai VNACCS bạn chọn là E21- nhập gia công.

#### 3.4.6.5 Khai báo loại hình Sản xuất xuất khẩu.

Phần mềm ECUS5VNACCS tích hợp đầy đủ các chứng năng khai báo tới hệ thống vnaccs đồng thời vẫn đảm bảo khai báo cho doanh nghiệp có loại hình đặc thù là Sản xuất xuất khẩu.

**Đăng ký danh mục nguyên liệu, định mức.**

Để đăng ký danh mục nguyên liệu và định mức sản, người khai thực hiện bằng cách, tại menu “Loại hình” chọn “Sản xuất xuất khẩu”

Quy trình khai báo cho các nghiệp vụ trên, người khai thực hiện giống như phiên bản 4. Riêng với danh mục sản phẩm bạn không cần phải khai báo vì hệ thống tiếp nhận tập trung sẽ tự động chấp nhận danh mục sản phẩm khi duyệt bản khai định mức.

**Khai báo tờ khai.**

Để khai báo một tờ khai nhập khẩu/xuất khẩu cho loại hình sxxk, bạn vào menu “Tờ khai hải quan” và tiến hành đăng ký mới tờ khai giống như đã hướng dẫn tại mục **II.**

**Thực hiện quy trình tờ khai thông quan hàng hóa.**

Đồng thời trong quá trình nhập liệu bạn cần lưu ý các điểm sau:

Mã loại hình: chọn mã loại hình nhập sản xuất , xuất sản xuất tương ứng cho tờ khai theo chuẩn của VNACCS, ví dụ trên phiên bản 4 bạn chọn mã loại hình là NSX01-Nhập để sản xuất hàng xuất khẩu thì trên tờ khai VNACCS bạn chọn là E31- Nhập nguyên liệu SXXK

Chọn mã miễn/giảm cho các loại thuế: đối với trường hợp được áp dụng mã miễn/giảm các loại thuế, người khai cần chọn mã miễn/giảm tương ứng cho phù hợp, ví dụ mặt hàng nhập khẩu thông thường phải áp dụng mã biểu thuế VAT là VB015 – 5% nhưng là hàng nhập khẩu để Sản xuất xuất khẩu được miễn VAT bạn chọn mã miễn VAT tương ứng là VK120 (bạn thực hiện tương tự với các loại thuế khác):

Chọn hàng cho tờ khai từ danh mục đã đăng ký:

Vẫn như trên tờ khai điện tử V4, sau khi danh mục nguyên liệu sản xuất, định mức đã được đăng ký, nhấn phím F9 trên bàn phím để chọn trong danh sách. Đối với tờ khai xuất khẩu, bạn phải chọn loại hàng là Sản phẩm hay Nguyên phụ liệu, trong trường hợp xuất tái xuất thì chọn loại hàng là nguyên phụ liệu ( tương tự như trên hệ thống V4 tờ khai tái xuất hàng sxxk (XSX05) thì trên danh sách hàng cần đánh dáu chọn vào “Xuất nguyên phụ liệu” )

**c) Thanh lý và khai báo thanh lý.**

Để thực hiện thanh lý Nguyên phụ liệu bạn vào menu “Loại hình / Thanh lý sản xuất xuất khẩu” để tạo bộ hồ sơ thanh lý mới.

**IV.Tờ khai vận chuyển .**

Tờ khai vận chuyển khai báo để cơ quan Hải quan cấp phép vận chuyển là hàng hóa xuất nhập khẩu và các loại hàng hóa khác đang chịu sự giám sát hải quan, được phép vận chuyển giữa hai địa điểm lưu giữ hàng hóa. Hay nói đơn giản tờ khai vận chuyển có chức năng tương tự như đơn xin chuyển cửa khẩu mà doanh nghiệp thường khai báo trên hệ thống điện tử trước đây.

**Một số điểm lưu ý đối với tờ khai vận chuyển:**

**Thời điểm khai báo:**

Người khai thực hiện việc khai báo chính thức xin cấp phép vận chuyển hàng hóa khi hàng hóa đã được tập kết đầy đủ tại địa điểm lưu giữ hàng hóa chịu sự giám sát hải quan.

Người khai có thể thực hiện việc khai báo trước thông tin xin cấp phép vận chuyển hàng hóa trước khi hàng hóa được tập kết đầy đủ tại địa điểm lưu giữ hàng hóa chịu sự giám sát hải quan

Người khai chỉ được phép thực hiện việc vận chuyển hàng hóa khi thông tin khai báo xin cấp phép vận chuyển hàng hóa của Người khai đã được cơ quan hải quan phê duyệt.

**Khi nào thì người khai tiến hành khai báo vận chuyển?**

Theo quy định tại Điều 33, thông tư 22-2014-TT-BTC thì những trường hợp sau đây được phép khai báo vận chuyển:

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được phép chuyển cửa khẩu theo quy định tại Điều 18 Nghị định 154/2005/NĐ-CP;

Hàng hóa vận chuyển từ cửa khẩu đến kho ngoại quan/CFS/kho bảo thuế/các khu phi thuế quan và ngược lại;

Hàng hóa vận chuyển giữa các khu phi thuế quan;

Hàng hóa vận chuyển từ địa điểm làm thủ tục hải quan này đến địa điểm làm thủ tục hải quan khác.

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ.

Riêng đối với doanh nghiệp là Gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất hoặc doanh nghiệp ưu tiên, đưa hàng vào khu phi thuế quan thì có thêm lựa chọn được phép khai vận chuyển đính kèm tờ khai (tại mục “Thông tin trung chuyển” trên tờ khai nhập khẩu/ xuất khẩu). Các trường hợp còn lại bắt buộc phải khai tờ khai vận chuyển độc lập

**Quy trình khai báo vận chuyển**

Dựa trên đặc điểm của tờ khai vận chuyển VNACCS là thực hiện khai báo theo các bước nghiệp vụ, các bước nghiệp vụ này đã được tính hợp sẵn trên các nút nghiệp vụ theo thứ tự các bước thực hiện như sau:

Nút nghiệp vụ số 1 “1.Lấy thông tin của tờ khai (OLB)”: khi tạo một tờ khai vận chuyển mới bạn sẽ thấy chỉ có nút này sáng lên nên có thể hiểu rằng sẽ thực hiện nghiệp vụ này đầu tiên nhưng thực tế thì nghiệp vụ này chỉ dùng để gọi lại thông tin tờ khai đã khai trước đó lên hệ thống của Hải quan. Cách thông thường là người khai sẽ tự nhập thông tin trên tờ khai mới (như phiên bản 4: Mở tờ khai mới và nhập liệu sau đó ghi lại và khai báo). Sau khi nhập thông tin tờ khai bạn ghi lại thì nút nghiệp vụ số 2

“2.Đăng ký thông tin tờ khai (OLA) ” sẽ sáng lên như vậy có thể hiểu là người khai sẽ thực hiện bước nghiệp vụ này tiếp theo.

Nút nghiệp vụ số 2 “2. Đăng ký thông tin tờ khai (OLA)”: Khi hoàn thành nhập liệu người khai sử dụng nghiệp vụ này để khai tờ khai vận chuyển lên cơ quan hải, sau khi khai thành công hệ thống trả về số tờ khai. Khi này doanh nghiệp có 2 lựa chọn:

Nếu các thông tin vừa khai là hoàn toàn chính xác không cần sửa đổi, người khai chọn nút nghiệp vụ số 3 “3. Khai báo thông tin tờ khai (OLC)” để đăng ký chính thức tờ khai vận chuyển lên cơ quan hải quan.

Nếu người khai thấy thông tin vừa khai báo có thiếu sót cần sửa thì sử dụng nghiệp vụ OLB để gọi thông tin về sửa đổi (bước này có thể lặp lại nhiều lần mà không bị giới hạn) sau đó tiếp tục khai lại tờ khai vận chuyển bằng nghiệp vụ OLA.

Nút nghiệp vụ số 3 “3.Khai báo thông tin tờ khai (OLC)”: Người khai sử dụng nghiệp vụ này để khai chính thức thông tin đăng ký vận chuyển với cơ quan Hải quan.

Hệ thống sẽ tự động tiếp nhận, kiểm tra thông tin khai báo, đăng ký và phân luồng tờ khai. Bạn tiếp tục chọn mã nghiệp vụ số 4 “4. Lấy kết quả phân luồng, thông quan” để nhận được kết quả phân luồng do hệ thống trả về.

(4) Nút nghiệp vụ 5.1 và 5.2 dùng để sửa thông tin đăng tờ khai vận chuyển đã đăng ký.

Nút nghiệp vụ “6.Xem thông tin tờ khai đã khai báo (ITF)” dùng để gọi các thông tin đã đăng ký của tờ khai vận chuyển về để xem.

**Hướng dẫn đăng ký tờ khai vận chuyển.**

Để thực hiện khai báo tờ khai vận chuyển, bạn vào menu “***Tờ khai hải quan/Đăng ký tờkhai vận chuyển (OLA)***”

Người khai tiến hành nhập thông tin chung cho tờ khai vận chuyển tại tab “Thông tin chung”. Lưu ý các tiêu chí có dấu (\*) màu đỏ là bắt buộc nhập, các ô màu xám là chỉ tiêu thông tin do

hệ thống tự động trả về hoặc chương trình tự tính, doanh nghiệp không cần nhập vào những chỉ tiêu này.

Trong quá trình nhập liệu, khi bạn click chuột vào tiêu chí nào, phía dưới góc trái màn hình tờ khai sẽ hiện ra “***Hướng dẫn nhập liệu***” chi tiết, bạn làm theo các hướng dẫn để nhập thông tin cho các chỉ tiêu cần thiết. Ví dụ khi kích chuột vào ô Cờ báo nhập khẩu / xuất khẩu:

**(a) Nhập thông tin cơ bản cho tờ khai vận chuyển:**

Cờ báo nhập/ xuất khẩu: Người khai chọn cờ báo cho tờ khai vận chuyển, nếu khai báo cho hàng hóa nhập khẩu thì chọn là “I”, hàng hóa xuất khẩu chọn là “E” , trường hợp khai vận chuyển khác bạn chọn là “C”.

Mã phương tiện vận chuyển: Bạn chọn phương tiện vận chuyển hàng hóa tương ứng với hình thức vận chuyển cho tờ khai.

Mã mục đích vận chuyển: Người khai chọn mục đích vận chuyển phù hợp với cờ báo xuất/ nhập khẩu đã chọn ở trên, ví dụ tại ô Cờ báo xuất nhập khẩu bạn chọn là “I- nhập khẩu” thì tại mục đích vận chuyển bạn chỉ chọn một trong các mã sau: SHI, FAC, CIS, FTZ, SRE và FED.

Loại hình vận chuyển: Người khai chọn loại hình vận tải phù hợp cho tờ khai, ví dụ “KS: Vận chuyển hàng hóa có thủ tục đơn giản”.

Ngày dự kiến bắt đầu/kết thúc: nhập vào ngày dự kiến bắt đầu và kết thúc với lưu ý, ngày bắt đầu phải lớn hơn hoặc bằng ngày hiện tại, đồng thời ngày kết thúc phải lớn hơn hoặc bằng ngày bắt đầu. Nếu ngày bắt đầu và kết thúc là một thì giờ của ngày bắt đầu phải bé hơn giờ của ngày kết thúc (giá trị khai báo giờ là 00 đến 23)

**(b) Thông tin địa điểm dỡ/ xếp hàng:**

(Khu vực chịu sự giám sát hải quan): Nhập vào mã địa điểm lưu kho hàng chịu sự giám sát của Hải quan nơi đăng ký tờ khai vận chuyển (nơi xếp hàng).

Vị trí xếp hàng: Trường hợp người khai đã nhập vào ô Mã (Khu vực chịu sự giám sát của Hải quan) thì không phải nhập vào ô này.

Mã (Khu vực chịu sự giám sát Hải quan): Nhập vào mã địa điểm lưu hàng chịu sự giám sát của Hải Quan nơi vận chuyển đến (nơi dỡ hàng).

Vị trí dỡ hàng: Trường hợp người khai đã nhập vào ô Mã (Khu vực chịu sự giám sát của Hải quan) dỡ hàng thì không phải nhập vào ô này.

Loại bảo lãnh: Nếu tại ô “Loại hình vận tải” bạn chọn là ‘KR, QU, EA, CT’ thì phải nhập vào thông tin cho loại hình bảo lãnh.

**Thông tin vận đơn:**

Số vận đơn và ngày phát hành: Nhập vào số vận đơn đối với trường hợp vận chuyển đường biển, sắt hoặc hàng không, trong trường hợp vận chuyển hàng hóa nội địa giữa các nhà máy bảo thuế, người khai nhập vào theo định dạng:

AAAAAAAAAAAAA,BBBBBBBBBBBB. Trong đó AAAAAAAAAAAAA là: mã số thuế của người khai hải quan tối đa 13 ký tự, BBBBBBBBBBBB là: số ký hiệu hóa đơn độ dài tối đa 12 ký tự.

Phương tiện vận chuyển: Nhập vào tên phương tiện vận chuyển theo Loại manifest hàng hóa đã chọn, ví dụ tại ô “Loại manifest (hàng hóa) bạn chọn là “A – vận đơn đường biển” thì tại ô Phương tiện vận chuyển bạn nhập vào tên tàu bay theo định dạng như sau: 02 ký tự đầu là mã hãng hàng không + 04 ký tự tiếp theo là số hiệu chuyến bay + “/” + 02 ký tự là ngày + 03 ký tự là tháng theo tiếng anh , ví dụ VN1238/13MAR.

**Nhập thông tin người nhập khẩu / xuất khẩu**:

Nhập vào thông tin người nhập khẩu, xuất khẩu và ủy thác nếu có, đây là các thông tin không bắt buộc người phải nhập.

Mã người nhập khẩu: bắt buộc nhập đối với tờ khai vận chuyển nhập khi người khai chọn “Loại hình vận tải” là các loại hình trừ KS và PT.

Mã người xuất khẩu: bắt buộc nhập đối với tờ khai vận chuyển xuất khi người khai chọn “Loại hình vận tải” là các loại hình trừ KS và PT.

Luật khác: Nhập vào mã ký hiệu vản bản pháp luật quy định về hàng hóa đang đăng ký tờ khai vận chuyển. Ví dụ hàng hóa liên quan đên chất nổ công nghiệp bạn chọn mã Luật khác là ‘AM’.

Mã đánh dấu hàng hóa hư hỏng: Nhập vào mã đánh dấu hàng hóa dễ hư hỏng, dễ vỡ nếu có, ví dụ hàng hóa có vết lõm thì bạn nhập vào mã là ‘DENTE – hàng hóa có vết lõm’.

(f) Nhập danh sách tờ khai đăng ký vận chuyển hàng hóa:

Tại đây người khai nhập vào danh sách các tờ khai nhập, xuất (nếu có) vận chuyển hàng hóa trên tờ khai vận chuyển này, bạn có thể nhập tối đa vào 50 số tờ khai.

Người khai nhập vào danh sách Container vận chuyển hàng hóa đi kèm nếu có, tối đa mỗi tờ khai vận chuyển được đăng ký là 100 số Container bao gồm các thông tin:

Số hiệu container: nhập vào số hiệu container nếu vận chuyển bằng container, nhập vào số toa tàu nếu hàng hóa vận chuyển bằng đường sắt, nhập vào số kiện nếu hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không. Trường hợp không có danh sách container, người khai nhập vào tên phương tiện vận chuyển của lô hàng.

Số dòng hàng trên tờ khai: Nhập vào số lượng dòng hàng trên tờ khai.

Số seal: Nhập vào số niêm phong, kẹp chì của hàng hóa vận chuyển, người khai được nhập vào tối đa 6 số seal, mỗi số tối đa 15 kí tự không dấu.

Sau khi nhập xong thông tin cho tờ khai vận chuyển, người khai tiến hành khai báo lên cơ quan hải quan theo các bước hướng dẫn sau đây;

Bước 1: Đăng ký thông tin tờ khai OLA

Người khai chọn nút nghiệp vụ “2. Đăng ký thông tin tờ khai OLA”, chương trình yêu cầu xác nhận chữ ký số khai báo, bạn chọn chữ ký số trong danh sách:

Sau khi kiểm tra các thông tin trả về, người khai có 2 phương án lựa chọn tiếp theo

Thứ nhất:nếu các thông tin do hệ thống trả về doanh nghiệp thấy có thiếu sót cần bổ sungsửa đổi thì sử dụng mã nghiệp vụ OLB để gọi lại thông tin khai báo của tờ khai và sửa đổi sau đó tiếp OLA lại đến khi thông tin đã chính xác.

Thứ hai:nếu các thông tin do hệ thống trả về đã chính xác, doanh nghiệp chọn mã nghiệp vụ“3.Khai báo thông tin tờ khai OLC” để đăng ký chính thức tờ khai này với cơ quan hải quan.

Bước 2: Khai báo thông tin tờ khai OLC.

Sau khi đăng ký thông tin tờ khai OLA, người khai kiểm tra thông tin xác nhận và khai báo thông tin tờ khai vận chuyển lên cơ Quan Hải quan bằng cach nhấn nào nút nghiệp vụ “3.Khai báo thông tin tờ khai (OLC)”.

Khai báo thành công tờ khai vận chuyển sẽ được hệ thống tự động tiếp nhận, kiểm tra và phần luồng. Tờ khai vận chuyển có 2 luồng là luồng Xanh và luồng Vàng, trường hợp là luồng Xanh hệ thống tự động trả về thông báo chấp nhận khai vận chuyển, trường hợp luồng Vàng sẽ phải chờ cán bộ xử lý và trả về yêu cầu kiểm tra nếu có.

Người khai tiếp tục nhấn vào nút nghiệp vụ “4.Lấy kết quả phân luồng, thông quan” để nhận được các thông báo từ cơ quan Hải quan.

Bước3: Các chứng từ cần thiết và tiến hành vận chuyển

Khi tờ khai vận chuyển được chấp nhận, người khai tiến hành in thông báo phê duyệt vận chuyển bằng cách vào tab “Kết quả xủa lý tờ khai” để in:

Đối với tờ khai luồng xanh, Công chức được giao nhiệm vụ xác nhận thông quan tờ khai vận chuyển tiến hành in Thông tin phê duyệt khai báo vận chuyển được tự động gửi về Hệ thống Hải quan (mã VAS5050); đóng dấu xác nhận theo mẫu, ký tên, đóng dấu công chức vào góc trên cùng bên phải của trang đầu tiên Thông tin phê duyệt khai báo vận chuyển in giao cho người khai hải quan tiến hành vận chuyển hàng hóa.

Đối với tờ khai là luồng vàng người khai xuất trình các hồ sơ chứng từ như sau khi tiến hành vận chuyển hàng hóa (nếu có yêu cầu xuất trình hồ sơ):

Hóa đơn thương mại: 01 bản chụp;

Vận tải đơn, trừ trường hợp hàng hóa vận chuyển qua biên giới đất liền, hàng hóa vận chuyển từ khu phi thuế quan: 01 bản chụp;

Giấy phép vận chuyển chịu sự giám sát hải quan (nếu có);

Các chứng từ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Sau khi hoàn thành kiểm tra, Nếu kết quả kiểm tra phù hợp, công chức phê duyệt thông quan, tiến hành in Thông tin phê duyệt khai báo vận chuyển được tự động gửi về Hệ thống Hải quan (mã VAS5050); đóng dấu xác nhận theo mẫu, ký tên, đóng dấu công chức vào góc trên cùng bên phải của trang đầu tiên Thông tin phê duyệt khai báo vận chuyển in giao cho người khai hải quan tiến hành vận chuyển hàng hóa.

**Bước4: Sửa, Hủy thông tin đăng ký vận chuyển**

Trường hợp người khai cần sửa đổi, Hủy bỏ thông tin khai báo vận chuyển, sử dụng nút nghiệp vụ “5. Gọi thông tin tờ khai để sửa (COT11)” , tiến hành sửa đổi thông tin và khai báo bằng nghiệp vụ “5.1. Khai báo sửa thông tin tờ khai (COT)”, tiếp tục lấy phản hồi để nhận được kết quả thông báo cho bản sửa

Giao diện màn hình sau khi gọi thông tin tờ khai bằng nghiệp vụ COT11 hiện ra như sau

Quá trình nhập liệu, lựa chọn thông trên bản sửa, hủy cần lưu ý một số vấn để sau:

Mã phân loại xử lý: Nếu là sửa thông tin đăng ký của tờ khai vận chuyển bạn chọn mã phân loại là 5, nếu Hủy thông tin đăng ký bạn chọn là 1.

Mã phân loại xử lý ô “Số hàng hóa (số B/L/AWB):

Nếu là số vận đơn được thêm mới, bạn nhập vào ô này giá trị là: 2

Nếu là số vận đơn sửa đổi thông tin hoặc không được sửa bạn nhập là: 5

Nếu là Hủy số vận đơn này thì bạn nhập vào là 3.

Tiến hành sửa đổi các thông tin cần thiết sau đó ghi lại và chọn nút nghiệp vụ “ Đăng ký thông tin sửa tờ khai (COT)” để khai báo

Hệ thống trả về số tờ khai sửa sau khi người khai khai báo thành công

Người khai tiếp tục lấy phản hồi để nhận thông báo chấp nhận sửa tờ khai vận chuyển.

## Tài liệu tham khảo:

- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/06/2005

- Nghị định của Chính phủ số 149/2005/NĐ-CP ngày 06/12/2005 quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

- Thông tư 113/2005/TT-BTC ngày 15/12/2005 hướng dẫn thi hành thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

- Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005

- Nghị định của Chính phủ số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 Quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

- Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/06/2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14/06/2005 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật hải quan.

- Nghị định 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 quy định chi tiết một số điều của Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan.

- Thông tư 112/2005/TT-BTC ngày 15/12/2005 hướng dẫn về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan.

- Nghị định 40/2007/NĐ-CP ngày 16/03/2007 quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Quyết định 1257/2001/QĐ-TCHQ ngày 04/12/2001 về việc ban hành tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giấy thông báo thuế.

- Quyết định 874/QĐ-TCHQ ngày 15/05/2006 ban hành quy trình thủ tục hải quan đối với hành hóa xuất nhập khẩu thương mại.

- Thông tư 05/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 hướng dẫn một số nội dung về thủ tục hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

- Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005

- Quyết định số 149/2005/QĐ-TTg ngày 20/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử

- Quyết định số 52/QĐ-BTC ngày 22/06/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định về thí điểm thủ tục Hải quan điện tử

- Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006

- Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong lĩnh vực tài chính

- Quyết định 1699/QĐ-TCHQ ngày 25/09/2007 về việc ban hành quy trình thủ tục hải quan điện tử

- Tài liệu hướng dẫn khai báo hải quan từ xa của Tổng cục hải quan, 2008